THÍCH THANH TỪ

KINH PHÁP CÚ

GIẢNG GIẢI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

MỤC LỤC:

I. PHẨM SONG YẾU 1
II. PHẨM KHÔNG BUÔNG LUNG ...40
III. PHẨM TÂM.....60
IV. PHẨM HOA.....82
V. PHẨM NGU 111
VI. PHẨM HIỀN TRÍ 140
VII. PHẨM A LA HÁN 157
VIII. PHẨM NGÀN 168
IX. PHẨM ÁC 181
X. PHẨM ĐAO TRƯỢNG.....198
XI. PHẨM GIÀ.....210
XII. PHẨM TỰ KỶ 224
XIII. PHẨM THẾ GIAN 239
XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ 255
XV. PHẨM AN LẠC 272
XVI. PHẨM HỶ ÁI 289
XVII. PHẨM PHẪN NỘ 301

XVIII. PHẨM CẤU UẾ.....313
XIX. PHẨM PHÁP TRỤ.....333
XX. PHẨM ĐẠO.....345
XXI. PHẨM TẠP.....361
XXII. PHẨM ĐỊA NGỤC.....377
XXIII. PHẨM VOI.....388
XXIV. PHẨM ÁI DỤC.....401
XXV. PHẨM TỲ KHEO.....424
XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN.....441

I. PHẨM SONG YẾU

Phẩm đầu là phẩm Song Yếu. Song là hai, Yếu là cần thiết hay những pháp yếu. Phẩm Song Yếu là những lời thiết yếu của Phật dạy có từng hai câu đối lập với nhau rõ ràng, như ác đối với thiện, xấu đối với tốt v.v... Toi giải thích từng câu một, mỗi câu chứa đựng ý nghĩa rất sâu xa, nếu nghe không kỹ thì sự thu thập không được nhiều.

1.Trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp, nói năng hoặc hành động, thì sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến, như xe lăn theo chân con vật kéo xe.

Tại sao đức Phật nói tất cả pháp tâm là chủ? Trong kinh A-hàm có đoạn nói, ngoại đạo chủ trương trong ba nghiệp

thân, miệng và ý, nghiệp thân là quan trọng.

Ngược lại đức Phật cho rằng nghiệp ý là quan trọng. Tại sao? Chúng ta xét lại, khi nói hoặc làm thì động cơ thúc đẩy là ý. Ý vừa dấy lên thì miệng phát ra lời nói, thân hoạt động. Nếu ý không dấy lên thì miệng thân làm gì có hoạt động. Nên đức Phật nói tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả.

Tu thân tu miệng cũng là tu, nhưng cần phải tu tâm trước. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp, nói năng hay hành động, thì nói những lời xấu, hành động tội lỗi. Đây là gây nhân xấu. Nếu nhân xấu, nhân đen tối, nhân nhiễm ô thì quả của nó cũng là quả xấu, quả đen tối, quả nhiễm ô. Cho nên nói rằng sự khổ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe.

Con bò hay con ngựa kéo xe, khi chân bước tới đâu thì bánh xe lăn theo bén gót ở sau chứ không rời. Cũng vậy nếu người tạo nghiệp khổ, nghiệp xấu xa thì đến đâu, nghiệp cũng theo bén gót đến đó, người và nghiệp không rời nhau. Như người chuyên dạy học thì gọi là giáo chức hay giáo viên, bạn đồng nghề gọi là bạn đồng nghiệp. Thành ra chữ nghiệp nghĩa là nghề. Người sát sanh giết heo bò, đó cũng là một nghề. Như vậy cả hai đều là nghề, nhưng xét về nghĩa thiện ác thì khác nhau. Nghề giáo dạy người ta biết chữ nghĩa, lễ phép, điều hay lẽ phải gọi là thiện. Nghề giết hại làm đau khổ chúng sanh nên gọi là nghề ác.

Người làm thầy giáo và người làm nghề sát sanh vì hoàn cảnh, bất thình lình phải rời gia đình xứ sở, ra đi với hai bàn tay trắng, đến xứ khác để lập nghiệp.

Tuy sự nghiệp của cải không mang theo, nhưng nghề của hai người đó không ai có thể lấy được. Họ tới đâu thì nghề của họ theo tới đó. Thầy giáo đem khả năng của mình để lập nghiệp bằng cách dạy học, người chuyên nghề sát sanh đem nghề sát sanh để lập nghiệp. Như vậy để thấy rằng tuy họ đi tay không nhưng sự thật không phải là tay không.

Tôi đưa thí dụ này để phối hợp lại khi chúng ta tắt thở. Ai cũng tin rằng mình chết là phủi sạch hết ra đi tay không, nhưng không ngờ mình ra đi bằng nghiệp đã tạo, hoặc lành, hoặc dữ. Nghiệp theo sát bên mình, như đức Phật nói bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Nếu tạo nghiệp thiện thì ra đi an vui, nếu tạo nghiệp ác thì ra đi khổ sở bức bách. Cho nên người thế gian không hiểu đạo lý, tưởng rằng khi chết là hết, nhưng không

ngờ chính lúc đó ra đi với nghiệp đã tạo trong lúc sống.

Nghiệp là gì? Là những hành động thiện ác hằng ngày của chúng ta. Nếu hành động thiện thì khi ra đi nghiệp thiện theo mình, nếu hành động ác thì ra đi nghiệp ác cũng theo mình như bánh xe lăn theo con vật kéo xe. Như vậy chỉ một câu kinh ngắn cũng đủ thức tỉnh chúng ta trong cuộc sống hiện tại, để chọn lấy một cái nghiệp mà sống. Bấy nhiêu đây chúng ta hiểu, tu thì cũng có thể tạo thành bao nhiêu điều tốt đẹp.

Ở đây câu thứ nhất đức Phật nói về chiều xấu, tức là đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp khổ đau, kết quả cũng khổ đau, vì nhân không rời quả, chẳng khác nào như con vật kéo xe; chân con vật bước đến đâu thì bánh xe lăn theo đến đó.

2. Trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp, nói năng hoặc hành động, sự an vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình.

Ở trên Phật nói khởi tâm ô nhiễm tạo nghiệp xấu thì phải chịu quả xấu, cũng như con bò kéo xe, chân tới đâu thì bánh xe lăn tới đó. Đến đây, ngược lại nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp thiện thì kết quả an vui sẽ theo nghiệp như bóng theo hình. Trong kinh nói kẻ ngu dốt sợ bóng cứ chạy mãi ngoài nắng. Nếu sợ bóng mà chạy mãi ngoài nắng thì bóng có mất không? Không bao giờ mất, càng chạy đến đâu thì bóng càng đuổi theo đến đó.

Cũng vậy người không muốn thấy nghiệp khổ đến với mình mà cứ tạo những điều xấu rồi cố tránh nghiệp khổ thì có tránh được không? Có nhiều Phật tử chỉ

biết quy y thọ giới, mỗi tháng đi chùa vài lần để cầu cúng. Nhưng về nhà nghiệp dữ vẫn cứ làm, lời xấu cứ nói mà muốn chạy trốn quả khổ, có được không? Chắc hẳn là không. Vì nghiệp là những hành động, lời nói đã thành thói quen. Nghiệp tùy theo việc tốt xấu đã tạo mà đến. Muốn hết nghiệp xấu phải chuyển thành nghiệp tốt mới được.

Tóm lại, Phật dạy nghiệp lành nghiệp dữ khởi điểm từ tâm. Tâm nghĩ lành tâm nghĩ dữ mới tạo nghiệp lành nghiệp dữ. Người biết tu thì không phải tu nơi thân nơi miệng mà phải tu thẳng nơi tâm. Tâm vừa dấy lên ý niệm xấu thì buông ngay, dấy lên ý niệm tốt thì làm cho nó phát khởi tăng trưởng, đó là người biết tu.

Thí dụ thấy một người đang đau khổ, mình khởi niệm muốn giúp đỡ cho họ bớt khổ, đó là niệm lành. Tìm cách giúp đỡ là

tăng trưởng nghiệp lành. Nếu thấy người có tiền của, khởi niệm muốn cướp giật, đó là niệm dữ. Biết đó là tội lỗi thì cấm không cho nghĩ nữa, chặn ngay nơi ý nghĩ là người biết tu. Như vậy mới gọi là tu ngay gốc. Nếu mình không trộm cướp, tâm nghĩ xấu cứ cho nghĩ, ngày nào ý nghĩ mạnh quá gặp việc xấu thì bị nó lôi đi.

Cho nên người biết tu thì nhắm ngay tâm niệm, vì tâm niệm là chủ. Phải ngay nơi tâm niệm mà tu, đó là biết tu tận gốc. Nếu không như vậy thì chúng ta chỉ tu ngoài ngọn ngành, không lợi ích nhiều.

3. Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi và cướp đoạt của tôi, ai còn ôm ấp tâm niệm ấy thì sự oán giận không bao giờ dứt hết.

Phật dạy hận thù còn nung nấu trong lòng là tại mình nghĩ rằng, hôm qua người đó mắng chửi, đánh đập, cướp bóc của cải

và hại tôi, vừa nhớ tới đó thì trong tâm nổi nóng lên. Nếu người nào bị ai xúc phạm tới mà cứ nhớ hoài thì không bao giờ hết giận hờn. Nếu không bỏ được oán giận thì sự hận thù mãi mãi chồng chất lên hận thù. Đó là gốc của đau khổ.

4. Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi và cướp đoạt của tôi, ai bỏ được tâm niệm ấy thì oán giận tự nhiên san bằng.

Đức Phật dạy khi bị ai xúc phạm tới mà bỏ qua, không thèm nhớ, thì lòng sẽ an nhiên, mát mẻ.

Danh từ chuyên môn trong nhà Phật gọi là thanh lương. Nếu người nào xả không được, thì sanh lòng oán giận. Nhất là những người biết tu chút ít, nếu khi ngồi thiền nhớ hồi chiều có người nói mỉa mai mình, vừa khởi như thế thì những phương tiện như đếm hơi thở cũng yếu

hơn lời nói mà người kia đã nói với mình. Cho nên người tu muốn dứt tham sân si thì phải áp dụng những lời Phật dạy.

Đây là câu Phật dạy để dứt sự nóng giận. Nóng giận chia ra nhiều loại, nghe người khác nói trái ý mà mình nổi nóng bừng bừng lên gọi là sân. Nghe người ta nói trái ý, không nổi nóng bừng bừng đỏ mặt mày nhưng trong lòng cảm thấy bất mãn không vui, không như ý gọi là hận. Như vậy, nổi nóng gọi là lửa ngọn, hận trong lòng gọi là lửa than. Lửa than cháy ngầm ngầm, tuy không nguy hiểm nhưng khó trừ. Nổi nóng tuy nguy hiểm, vì khi nổi nóng thì miệng nói bậy, tay đánh v.v... có thể gây tạo nghiệp khổ liền nhưng một lát nó hạ xuống, còn cái hờn ngầm ngầm mới là lâu dài. Cho nên câu kinh này dạy chúng ta dứt cái ngầm ngầm đó. Vậy muốn hết oán hờn thì chúng ta nhớ câu

kinh này: Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi và cướp đoạt của tôi. Ai bỏ được tâm niệm ấy thì oán giận tự nhiên san bằng. Nếu bỏ được tâm niệm ấy thì ai làm gì mặc kệ, bao nhiêu oán hờn đều nguội lạnh, như được rưới nước cam lồ làm cho tâm mình thanh lương mát mẻ. Chỗ này rất thực tế và cần thiết trong sự sống, sự tu của mọi người.

5. Ở thế gian này, chẳng phải hận thù trừ được hận thù. Chỉ có từ bi mới trừ được hận thù, đó là định luật ngàn thu.

Theo thế thường người ta nói lấy oán trả oán, nhưng như thế thì oán không bao giờ hết, vì càng trả càng chất chồng. Thí dụ người cha bị hại, người con trả thù cho cha hại lại kẻ kia, con người kia cũng sẽ trả thù cho cha. Cứ như vậy không bao giờ hết, cho nên chỉ có lấy từ bi trả oán thì oán

mới sạch. Điều này thật khó làm, nhưng làm được mới dứt sự oán thù. Người tu hành dù xuất gia hay tại gia đều phải nỗ lực.

Người ta chửi mình, mình không chửi lại thì cũng hờn ở trong lòng, nhưng nếu còn hờn thì chưa phải từ bi. Trong kinh đức Phật dạy, gặp trường hợp này muốn từ bi phải dùng phương pháp. Như người biết tích đức ăn hiền ở lành, không muốn gây sự làm cho ai buồn phiền, nhưng không biết vì sao bị người mắng chửi. Khi đó khó dằn cơn nóng giận và khó mà thương họ. Dằn thì khả dĩ tập được, nhưng bảo khởi lòng thương thì người biết tu mới khởi được. Người khác chửi, không chửi lại đó là biết tu. Thí dụ gặp người say hay người điên, vô cớ đánh mình, nếu là người có trí tuệ và lòng từ bi đầy đủ thì không nổi nóng mà còn thương họ. Giận là giận

người tỉnh táo khôn ngoan, còn người không có trí sáng suốt, không biết phải quấy nên vô cớ gây sự với mình, người đó đáng thương hơn đáng giận. Nghĩ như vậy thì phát khởi lòng từ bi thương họ, tất cả những hờn giận theo đó mà hết.

Hơn nữa nếu xét về lý nhân quả thì biết rằng kẻ làm ác thế nào cũng bị quả báo xấu. Bây giờ người đó hung dữ quá, gặp ai cũng mắng chửi, họ gieo nhân ác thì phải chuốc quả xấu, bị đọa địa ngục chịu khổ, nên người đó cũng đáng thương hơn đáng giận.

6. Người kia vì không hiểu rằng chúng ta sắp bị hủy diệt nên mới phí sức tranh luận hơn thua. Nếu họ hiểu rõ điều đó thì chẳng còn tranh luận nữa.

Đức Phật dạy người chưa hiểu lý vô thường, cứ tưởng sống lâu ngàn tuổi nên

tranh hơn thua từng li từng tí. Nếu nhận định tường tận cuộc sống chỉ trong hơi thở, thở ra không hít vào là chết, thì có gì hơn thua với nhau. Trong kinh A-hàm ghi, một hôm đức Phật và chư Tỳ-kheo đi vào thôn, đến gần chợ, ngài thấy trong bầy bò có hai con báng nhau. Đức Phật hỏi ngài A-nan, ông biết bầy bò này của ai không? Ngài A-nan thưa, bầy bò này của một lò sát sanh nuôi để làm thịt. Đức Phật dạy, ông thấy hai con bò sở dĩ báng nhau là vì không biết ngày mai sẽ bị người ta đập đầu làm thịt, nếu biết ngày mai bị đập đầu thì hôm nay không báng nhau nữa.

Cũng vậy, con người sanh ra, hễ có sanh là có tử, cái án tử hình treo trước mặt mình, biết như vậy thì lo giải quyết án tử hình, tranh hơn thua làm gì. Nếu tất cả chúng ta biết mình sắp bị hủy diệt, thì mặc ai nói hơn thua, bỏ qua không đem

vào lòng. Sở dĩ người lầm tưởng đời sống lâu dài, cho nên mới tranh hơn thua với nhau. Ở đây đức Phật nói: người kia vì không hiểu rằng chúng ta sắp bị hủy diệt nên mới phí sức hơn thua. Nếu họ hiểu rõ điều đó thì chẳng còn tranh luận nữa. Như vậy người tu theo đạo Phật phải hiểu lý vô thường, nhớ thân này không lâu dài bền chắc, chẳng khác nào hạt sương mai lấp lánh trên đầu ngọn cỏ, nắng lên là tan liền. Bây giờ chúng ta còn an ổn khỏe mạnh, cứ nói chuyện phải quấy hơn thua, vô thường đến thì ngã ra chết, lúc đó ai đánh chửi cũng không chống cự. Tại sao chúng ta không nhớ như vậy để dứt hết tâm tranh hơn thua? Người tu phải nhớ lý vô thường, luôn luôn dùng trí quán thân mình, thân người và hoàn cảnh chung quanh là vô thường thì không còn tâm tranh hơn thua và được an vui.

7. Những người chỉ muốn sống trong tịnh lạc, không chịu nhiếp hộ các căn, uống ăn vô độ, biếng nhác chẳng tinh cần, họ thật là người dễ bị ma nhiếp phục như cành mềm trước cơn gió lốc.

Người chỉ muốn sống trong tịnh lạc, nghĩa là muốn sống đầy đủ tiện nghi, muốn có xe hơi nhà lầu, cần gì có nấy. Không chịu nhiếp hộ các căn là chỉ thích sống theo vật chất mà không chịu nuôi dưỡng tinh thần. Người không chịu gìn giữ các căn và uống ăn vô độ, biếng nhác không chịu nỗ lực tu tập, thì dễ bị ma nhiếp phục.

Chữ ma là chỉ cho ngũ dục. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thùy. Tài là tiền của, sắc là sắc đẹp, danh là danh vọng, thực là những món ăn ngon, thùy là ngủ cho nhiều cho kỹ. Chữ ma ở đây đừng

tưởng là con ma nanh vuốt dữ dằn, mà chỉ cho những thứ lôi cuốn mình sa đọa, trái với sự tu hành tinh tấn. Cho nên người tu không chịu cố gắng gìn giữ sáu căn, ăn uống vô độ, biếng nhác không siêng năng tu hành thì dễ bị ma nhiếp phục. Như cành cây mềm yếu khi gió thổi mạnh thì nó gãy. Tóm lại những người tu hành mà thích sống đầy đủ tiện nghi, thích ăn uống cho nhiều, biếng nhác không chịu lo tu, những người đó ma ngũ dục lôi lúc nào cũng được. Đây là cây thước để đo những người tu.

8. Những người nguyện ở trong cảnh chẳng khoái lạc, khôn khéo nhiếp hộ các căn, uống ăn tiết độ, vững tin và siêng năng ma không dễ gì thắng họ, như gió thổi núi đá.

Gió thổi núi đá không hề lung lay, gió mặc gió, núi mặc núi. Cũng vậy, người tu

nguyện đem thân này ở trong cảnh kham khổ, thiếu tiện nghi mà vẫn chịu được, khôn khéo nhiếp hộ sáu căn của mình, uống ăn tiết độ, giữ vững đức tin và siêng năng thì người đó ma không dễ gì lay động được. Nhiếp hộ các căn là sao? Nếu khéo nhiếp hộ con mắt thì như khi vào nhà người, chủ nhà đi vắng, thấy món đồ đẹp. Nếu biết nhiếp hộ các căn thì phải hiểu rằng, món đồ tuy đẹp mà vô thường, bây giờ đẹp chứ mai mốt cũ rích. Cái đẹp không thật nên không lầm, nhìn thấy nó rồi thôi lòng tham không khởi. Nếu thấy nó đẹp quá, cầm lên ngó qua ngó lại một hồi, khởi ý muốn lấy. Như vậy là không nhiếp hộ con mắt, không gìn giữ ý căn, cho nên bị ma nhiếp phục. Nếu biết nhiếp hộ con mắt thì lòng tham không khởi lên, nên dửng dưng trước những vật đáng quý. Cho nên nói ma không làm gì nổi, chẳng khác nào như gió thổi núi đá.

Khi tai nghe những tiếng ồn hay tiếng ca nhạc. Như thỉnh thoảng những buổi chiều trời thuận gió, ở dưới chợ Vũng Tàu những tiếng ca vang lên, ở trên cốc tôi nghe rõ lắm. Nghe tiếng ca nhạc làm sao nhiếp hộ lỗ tai? Hồi xưa tôi hơi kỵ tiếng ca đó, nhưng bây giờ nghe những tiếng ca vang lên, tôi thấy bình thường. Nếu chú ý nghe bài hát này là bài gì, đó là buông lung nhĩ căn. Như vậy là bị ma âm thanh lôi cuốn và tâm liền bị dao động. Nếu nghe mà nhớ rằng âm thanh đó không thật, chỉ như làn gió bên ngoài thổi qua, không có gì phải chú ý. Họ hát thì cứ hát, không ăn thua gì tới mình. Nếu cứ nhớ giọng hát này của ai, hay dở v.v... phân biệt như vậy tâm sẽ loạn. Nếu nghe tiếng mà không theo tiếng, thì những tiếng đó không lôi cuốn được mình. Nếu người nào để những âm thanh lôi cuốn thì bị lệ thuộc vào tiếng. Nếu lệ thuộc vào tiếng thì hôm nay thích

nghe người này ca hay quá, mai mốt nghe tiếng ca đó vừa cất lên thì chú ý nghe nữa, như vậy tâm cứ xao lãng bị động mãi.

Cho nên đức Phật dạy, nếu khôn khéo nhiếp hộ các căn thì phải có trí tuệ để quán xét, âm thanh không thật, người biết quán xét thì gìn giữ được các căn. Nếu thêm vững niềm tin Tam bảo, siêng năng tu hành thì ma không nhiếp phục được họ.

Tóm lại khi buông lung sáu căn thì biết mình như cành mềm trước gió, thế nào cũng bị gãy. Nhớ như vậy để giật mình, cố gắng gìn giữ sáu căn, thêm vững niềm tin Tam bảo, siêng năng tu hành thì ma ngũ dục không động tới mình nổi, chẳng khác nào như gió thổi núi đá, không bao giờ lay động. Luôn nhớ hình ảnh đó thì sự tu hành mới tiến được.

9. Mặc áo ca-sa mà không rời bỏ những điều uế trược, không thực hành khắc kỷ thà chẳng mặc còn hơn.

Áo ca-sa là áo nhuộm màu hoại sắc. Chúng ta thường nói áo ca-sa do cắt nhiều mảnh vải ráp lại, nhưng không đúng. Ca-sa là tiếng Phạn, Hán dịch là nhiễm y, nhiễm tức là nhuộm, áo nhuộm màu vàng hoặc nâu, màu này không giống như màu sắc của thế gian.

Người mặc áo ca-sa mà không rời bỏ những điều uế trược, như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Thí dụ như người thích ăn ngon mặc đẹp, nhiều tiền của, xe hơi nhà lầu v.v... đó là tham. Tham là gốc, rồi nó biến ra trăm ngàn muôn ức hình thức khác nhau. Người mặc áo tu mà không rời bỏ những nghiệp xấu xa, ô trược, không thành thật khắc kỷ là không hạn chế những nhu cầu trong cuộc sống hằng

ngày của mình thì tu không tiến. Vì vậy đức Phật dạy người quyết chí siêng năng tu hành thì tam thường bất túc, tức là ăn, mặc, ngủ đều phải không đủ. Tại sao không chịu ăn đủ no, mặc cho đẹp và ngủ cho thật nhiều, mà Phật lại bảo bớt đi vì đó là những điều người thế gian ưa thích? Thí dụ người ta ngủ đúng tám tiếng đồng hồ thì mới khỏe, nếu thiếu một hai tiếng là bực tức, cho nên ráng ngủ nhiều cho khỏe. Còn người tu phải bớt ngủ, không bớt được nhiều thì cũng bớt được một tiếng, ngủ bảy tiếng, khá hơn nữa thì sáu tiếng. Phật dạy ngủ nhiều là tăng trưởng si mê, khi ngủ thì không sáng suốt làm chủ được mình. Chúng ta bớt giờ ngủ để ngồi thiền hoặc niệm Phật, tụng kinh, như vậy là để cho trí tuệ càng ngày càng sáng thêm.

Tại sao phải bớt ăn sáng, ăn trưa, chiều chỉ uống nước? Vì hai lẽ, thứ nhất

nếu lo sáng ăn, trưa ăn, chiều ăn, cả ngày lo ăn hoài thì giờ đâu mà tu. Cho nên sáng ăn sơ sơ, trưa ăn cho đầy đủ, chiều nghỉ để có thì giờ rộng rãi tu hành. Thời đức Phật đi khất thực, sáng ôm bình bát đi, tới chín mười giờ mới được một bát về ăn, muốn ăn nữa thì phải đi cho tới chiều tối. Như vậy ngày hai bữa đi khất thực không còn thì giờ tu. Đó là trường hợp thứ nhất.

Trường hợp thứ hai nếu ăn nhiều quá thì hao tốn của đàn-na thí chủ. Một bữa ăn chừng năm chục bạc, hai bữa thì tốn một trăm, ba bữa tốn một trăm rưỡi là thêm phần hao phí của thí chủ. Nên bớt một phần để sống đơn sơ. Vì ăn là để sống tạm qua ngày mà tu hành, gọi là khắc kỷ. Khắc kỷ là hạn chế những nhu cầu không cần thiết của con người.

Tóm lại người thực sự tu hành phải dứt hết những tâm xấu xa ô trược, không

buông lung theo dục lạc thế gian. Nếu không được như vậy thì thà chẳng tu còn hơn. Cho nên Phật nói thà chẳng mặc áo ca-sa, chứ mặc rồi mà làm không đúng thì không xứng đáng.

10. Rời bỏ những điều uế trược, giữ gìn giới luật tinh nghiêm khắc kỷ và chân thành, người như thế thì đáng mặc áo ca-sa.

Rời bỏ những điều uế trược, là dẹp bỏ hết những ý niệm xấu xa trong tâm, giữ giới luật tinh nghiêm trong sạch và lúc nào cũng thành thật khắc kỷ. Người như thế mới xứng đáng mặc áo ca-sa, mới xứng đáng là một người tu.

11. Phi chân tưởng là chân thật, chân thật thấy là phi chân, cứ tư duy một cách tà vạy, người như thế không thể nào đạt đến chân thật.

Thế nào là phi chân? Chân thật mà lầm tưởng là không chân thật đó là phi chân. Chúng ta cứ suy nghĩ sai lầm thì không bao giờ đạt được lẽ thật hay chân lý. Người phàm phu ngu mê, thấy thân đẹp đẽ quý báu, rồi sanh ra kiêu mạn, đó là phi chân tưởng là chân thật, đức Phật cho đó là tưởng điên đảo. Tại sao? Đức Phật dạy thân này không đẹp đẽ quý báu, chỉ là một đãy da hôi thúi, chứa đựng toàn đồ bẩn thỉu. Thử kiểm điểm từ đầu đến chân, như con mắt có ghèn là sạch hay dơ? Cũng vậy ở lỗ tai thì cứt ráy, ở mũi thì nước mũi, ở miệng thì đàm dãi... Tất cả những thứ đó đều là dơ, cho tới các bộ phận khác cũng vậy. Thân dơ dáy bẩn thỉu mà lầm tưởng sạch quý là điên đảo không đúng sự thật, cho nên gọi là phi chân. Hơn nữa, khi tưởng thân sạch sẽ thì sanh ra ngã mạn tự cao.

Đức Phật dạy phải thấy cho được lẽ thật, thân ô uế biết là ô uế, thân vô thường sanh diệt từng phút giây thì biết sanh diệt từng phút giây. Người đời không thấy, cứ lầm tưởng là thường còn, cho nên bao nhiêu ý niệm sai lầm cứ tiếp diễn, không bao giờ thấy được lẽ thật. Nếu biết đúng lẽ thật thì chúng ta sẽ đạt được chân lý.

12. Chân thật nghĩ là chân thật, phi chân biết là phi chân. Cứ tư duy một cách đúng đắn, người như thế mau đạt đến chân thật.

Cái gì thật biết là thật, cái gì không thật biết là không thật, người hiểu đúng như vậy thì mau đạt đến chân lý. Nếu người nào suy nghĩ sai lầm thì suốt đời không bao giờ thấy được lẽ thật. Hiện tại có rất nhiều người hiểu theo quan niệm sai lầm nên mới gây ra không biết bao nhiêu tội lỗi. Nếu người biết thức tỉnh,

biết nghĩ đúng sự thật, đó là người trí dễ đạt được lý chân thật.

13. Nhà lợp không kín ắt bị mưa dột thế nào; kẻ tâm không tu tất bị tham dục lọt vào cũng thế.

Khi làm nhà, dù nhà ngói hay nhà lá, nếu lợp không kín thì nhất định trời mưa phải bị dột. Cũng vậy, người tâm không biết tu thì tham dục lọt vào, cũng như nhà lợp không kín bị nước mưa chảy vào. Cho nên người không biết tu tập thì nhất định sẽ bị tham dục lôi cuốn, không thể nào tránh khỏi.

14. Nhà khéo lợp kín ắt không bị mưa dột; kẻ tâm khéo tu tất không bị tham dục lọt vào.

Nhà khéo lợp kín thì không bị mưa dột, kẻ tâm khéo tu thì không bị tham dục lọt vào, chắc chắn như vậy. Trong kinh A-

hàm, Phật nói thí dụ như cái bình rỗng, người ta đổ nước, đổ đất vào, vì nó là bình không, nên đổ cái gì vào cũng được. Nếu bình đã đầy thì đem những thứ khác đổ vào không được. Cũng vậy, tâm mình nếu khéo tu thì tham dục không chen vào được, ngoại ma không xâm nhập được. Nếu tâm mình không khéo tu thì nó xâm nhập một cách dễ dàng. Khéo tu là thế nào? Thí dụ như người niệm Phật, chỉ nhớ một câu Nam-mô A-di-đà Phật, không nhớ gì khác, cho nên tham sân si không chen vào được.

Phương pháp niệm Phật là giữ tâm không hở trống, cũng như mái nhà lợp kín thì nước mưa không chảy vào. Cũng vậy tâm không hở trống thì tham dục không lọt vào. Thí dụ có người làm cho mình buồn, nhưng lo niệm Phật thì quên buồn, nếu không niệm Phật, nhớ hoài câu nói đó cho là có ý khinh mình nên sanh phiền

não. Vì vậy nhớ câu niệm Phật để tâm không nhớ cái khác, đó là phương tiện.

Phương pháp tu nào của nhà Phật cũng là phương tiện. Thí dụ tu pháp môn Mật tông là trì chú, hành giả đi, đứng, nằm, ngồi mọi oai nghi đều phải trì chú, nghĩa là tâm luôn luôn không rời câu chú, đó cũng là một phương tiện, làm cho tâm không bị tham dục lọt vào.

Người tu thiền có phương tiện gì không? Người tham thiền phải luôn luôn gìn giữ tâm mình bằng cách dùng trí quán hay đi, đứng, nằm, ngồi nhớ câu kinh Phật dạy, đó gọi là chánh tư duy. Hoặc giả có người không nhớ câu kinh, mà đi đứng nằm ngồi chỉ nhớ thân này như mộng huyễn không thật, thân này do tứ đại giả hợp, thân này là vô thường, nay còn mai mất, xét tới xét lui điều đó thì tâm không nghĩ chuyện khác. Thành ra Phật nói vô

lượng pháp môn đều nhắm chung một chỗ là giữ tâm, không cho tham, sân, si chen vào. Cho nên ở đây đức Phật nói nếu mái nhà lợp kín thì mưa khỏi dột, cũng vậy nếu tâm khéo tu thì tham sân si không xen vào được. Đó là chỗ chính yếu.

15. Ở chỗ này ăn năn tiếp ở chỗ khác cũng ăn năn, kẻ làm điều ác nghiệp cả hai nơi đều ăn năn. Vì thấy ác nghiệp mình gây ra, kẻ kia sanh ra ăn năn và chết mòn.

16. Ở chỗ này vui tiếp ở chỗ khác vui, kẻ làm điều thiện nghiệp cả hai nơi đều an vui. Vì thấy thiện nghiệp mình gây ra, người kia sanh ra an lạc và cực lạc.

Nếu ở chỗ này ăn năn là hối hận trách cứ mình... Tới chỗ khác cũng vậy, vì mình đã làm các nghiệp ác thì đi tới đâu cũng

nhớ trong lòng, thành ra không lúc nào yên ổn, cả hai nơi đều bất an. Sự bất an ấy là do thấy ác nghiệp mình đã gây, cho nên bị lương tâm cắn rứt. Thí dụ như có những người bồng bột, tạo những điều ác, tới chừng tỉnh thức thì thấy ray rứt trong lòng, thấy ai cũng xấu hổ, không bao giờ an ổn.

Nói nơi này nơi kia là chỉ cho hiện tại và vị lai. Hiện tại bị cắn rứt bởi những hành động ác, khi nhắm mắt thì nghiệp đó vẫn theo để buồn khổ nơi một thế giới khác, chứ không phải hết. Cho nên người muốn hết khổ thì phải dừng nghiệp ác. Vì vậy câu sau Phật nói rằng, người ở chỗ này an vui tiếp ở chỗ khác cũng an vui. Kẻ làm thiện nghiệp thì ở hai nơi đều an vui, vì thấy nghiệp thiện mình đã làm. Như vậy làm việc thiện thì nơi nào cũng an vui.

Như hôm nào đi đường thấy đứa bé rớt xuống ao, liền nhảy xuống cứu rồi đưa về cho cha mẹ nó. Mỗi lần nhớ lại việc cứu được đứa bé thì vui, vì đã làm được một việc thiện. Ngược lại, nếu người làm ác thì đi nơi nào việc ác cũng còn, không bao giờ mất. Nghiệp ác hay nghiệp thiện sẽ theo mình chẳng những trong đời này mà cả đời sau. Vì vậy người Phật tử phải dè dặt, không bao giờ dám làm điều ác.

17. Ở chỗ này than buồn tiếp ở chỗ khác cũng than buồn, kẻ gây điều ác nghiệp cả hai nơi đều than buồn. Nghĩ rằng tôi đã tạo ác vì vậy nên nó than buồn. Hơn nữa còn than buồn vì phải đọa vào cõi khổ.

Lúc bình sanh tạo nghiệp ác làm khổ rất nhiều người. Khi đau nặng biết mình sắp chết thì tâm không an ổn và rất sợ hãi. Họ khổ vì đau đớn và nhớ lại những việc

làm trong quá khứ, con đường sắp đến rất mờ mịt.

Ngược lại nếu hiện giờ làm những điều tốt cho mọi người, thì khi sắp chết rất an ổn. Thí dụ có người khi hay tin mai xuống tàu ra Côn Đảo vì họ là tội phạm. Khi sắp đi buồn rầu, vì ra đó khổ sở, lại xa gia đình. Cũng có người khác hay tin mai đi Côn Đảo, nhưng đi với tính cách du lịch, chừng vài hôm thì về. Khi sửa soạn đi trong lòng họ rất vui vì sẽ biết thêm cảnh lạ, núi non biển cả. Thành ra cùng là đi mà người đau khổ, người lại an vui. Cũng vậy, người biết tu khi sắp chết tâm bình an, còn người không biết tu, khi sắp chết bao nhiêu cái khổ vây quanh. Khổ vì sắp đặt việc gia đình chưa xong, vì nghiệp chướng tạo trong đời sống, vì luyến tiếc tài sản, hoặc thương mến thân bằng quyến thuộc v.v... Nếu sắp ra đi mà khổ thì biết

rằng tương lai của họ rất đen tối. Nếu sắp ra đi mà trong lòng an vui thì biết tương lai sáng sủa.

18. Ở chỗ này hoan hỷ, tiếp ở chỗ khác cũng hoan hỷ, kẻ tu hành phước nghiệp cả hai nơi đều hoan hỷ, nghĩ rằng tôi đã tạo phước vì vậy nên nó hoan hỷ, hơn nữa còn hoan hỷ vì được sinh vào cõi lành.

Ở chỗ này hoan hỷ ở chỗ khác cũng hoan hỷ, cả hai nơi đều hoan hỷ, vì tự thấy rằng mình đã tạo phước nghiệp. Thí dụ một hôm gặp hai người đang gây sự, mình khuyên can cho họ dừng, đó là đã làm được một việc phước nên cảm thấy vui. Khi sắp chết, kiểm điểm lại trong đời sống, từng làm những điều lành thì càng vui vẻ, hơn nữa còn hoan hỷ vì được sanh vào cõi lành. Cho nên nếu chúng ta làm nghiệp

lành thì nơi nào cũng hoan hỷ. Ngược lại làm nghiệp ác thì nơi nào cũng đau khổ.

Nói gọn lại người làm ác hiện tại và vị lai đều đau khổ, người làm lành thì hiện tại và vị lai đều an vui. Cho nên chúng ta muốn tìm sự an vui không gì hơn phải nỗ lực làm những điều lành, đó là nguồn cội của sự an vui.

19. Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không thực hành theo thì chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa-môn, khác nào kẻ chăn bò chỉ lo đếm bò cho người khác để lấy công, chứ sữa thịt của bò thì không hưởng được.

Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không thực hành theo, nghĩa là tay gõ mõ miệng tụng liên miên, nhưng khi buông dùi mõ xuống, bước ra khỏi bàn thờ Phật thì miệng nói lời dữ, thân tạo điều dữ,

không biết hạn chế ba nghiệp của mình cho trong sạch. Người tụng kinh như vậy không có phước đức nhiều, vì tụng mà còn buông lung tâm ý. Hơn nữa nếu tụng kinh mà cứ chạy theo ngũ dục thế gian thì việc tụng kinh không có nhiều lợi ích. Cho nên nói rằng chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa-môn. Đức Phật ví họ như kẻ chăn bò, nghĩa là chỉ chăn bò cho chủ, mà không có quyền hưởng thịt, sữa của con bò.

Ở đây đức Phật muốn chỉ, người tu phải nương lời đức Phật dạy để hiểu rồi áp dụng trong cuộc sống hằng ngày của mình. Thí dụ đức Phật dạy không sát sanh, không nói lời hung dữ thì bớt sát sanh và nói những lời hòa nhã chân thật. Tụng kinh mà những lời Phật dạy không làm thì gọi là buông lung, sự tu hành không được kết quả theo sở nguyện của mình,

chẳng khác nào như kẻ chăn bò, chỉ biết đếm bò cho chủ, mà không hưởng lợi.

20. Tuy tụng ít kinh mà thường y giáo hành trì, hiểu biết chân chánh, trừ diệt tham sân si, tâm hiền lành thanh tịnh giải thoát, xa bỏ thế dục thì dù ở cõi này hay cõi khác, người kia vẫn hưởng phần ích lợi của Sa-môn.

Đức Phật dạy tuy tụng ít kinh mà thường y theo lời Phật dạy để tu hành, hiểu biết đúng theo ý nghĩa của kinh, trừ diệt tham sân si, ăn ở hiền lành, tâm thanh tịnh không ô nhiễm và không bị ngũ dục thế gian ràng buộc, thì dù sống trong hiện tại, hay sau khi chết sanh nơi nào người đó cũng hưởng phần lợi ích của Sa-môn.

Chúng ta y theo lời Phật dạy, áp dụng trong cuộc sống hằng ngày để buông bỏ tham sân si, tập tâm từ bi thanh tịnh giải thoát... như vậy là người biết tu.

Nếu người tụng kinh suốt ngày, mà không buông bỏ tham sân si, không biết tập tâm hiền lành và xa bỏ thế dục... người đó tuy thấy như tu nhiều mà sự thật lợi ích không nhiều.

Thí dụ như cô giáo dạy học trò khi ra đường gặp các bậc trưởng thượng phải giở nón cúi đầu chào. Một học trò nhớ lời cô giáo, khi ra đường gặp ai cũng nói, trò phải có lễ phép, gặp người trưởng thượng phải giở nón chào, nhưng nó chỉ nói mà không làm. Học trò khác không lặp lại lời cô giáo mà mỗi khi thấy người lớn nó giở nón cúi đầu chào. Vậy hai đứa bé đó đứa nào biết áp dụng lời cô giáo? Đứa thứ hai tuy không lặp lại lời cô giáo mà biết giở

nón cúi đầu chào là nó đã áp dụng thực hành.

Cũng vậy, chúng ta là người tu theo Phật, nếu Phật dạy câu nào nghe câu đó, rồi đem áp dụng và tu đúng. Tuy không tụng kinh gõ mõ hằng ngày nhưng mình vẫn là người tu. Ngược lại gõ mõ tụng kinh liên miên, mà buông ra rồi thì Phật dạy một đàng làm một ngả, tuy nói tu mà chưa tu đúng. Đây là điều đức Phật đã nhắc tới nhắc lui cho chúng ta biết, nhưng lâu rồi chúng ta cũng hơi quên, nên hiểu lầm cho rằng gõ mõ tụng kinh nhiều là tu, mà quên thực hành đúng đắn theo lời Phật dạy.

II. PHẨM KHÔNG BUÔNG LUNG

21. Không buông lung đưa tới cõi bất tử, buông lung đưa tới đường tử sanh. Người không buông lung thì không chết, kẻ buông lung thì sống như thây ma.

Trước hết giải nghĩa chữ buông lung. Buông lung là thả trôi sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chạy theo sáu trần, hay nói cách khác là tìm kiếm mong mỏi hưởng thụ ngũ dục cho nhiều, đó gọi là buông lung. Người không buông lung thì tới cõi bất tử; người buông lung thì đi tới đường tử sanh. Người không buông lung thì không chết; kẻ buông lung thì sống như thây ma. Tại sao nói người buông lung thì sống như thây ma? Bởi vì nhiều người nghĩ thế này, nếu sống mà không

dục lạc ở thế gian thì coi như sống vô vị. Nhưng ngược lại đức Phật dạy rằng, người buông lung chạy theo dục lạc thế gian, tuy thân còn sống nhưng chẳng khác nào như kẻ chết. Chủ yếu của đạo Phật dạy chúng ta sống là phải làm chủ tâm mình, đừng bị lệ thuộc vào ngoại cảnh, nếu bị ngoại cảnh chi phối nhiều thì đời sống của mình vô giá trị, vì tuy thân hoạt động tới lui ăn nói... nhưng không có chủ đích, chẳng khác nào như thân chết. Người có quyền làm chủ không cho sáu căn buông lung chạy theo sáu trần, thì đời sống có giá trị, nên nói là người bất tử. Trong kinh A-hàm đức Phật thí dụ có một con khỉ ham ăn bị mắc bẫy, cả sáu bộ phận đều dính nhựa, hết cựa quậy, khi đó bị người thợ săn bắt đem về nhà. Cũng vậy, người buông lung sáu căn, chạy theo sáu trần thì sẽ bị ma ngũ dục lôi cuốn. Khi sáu căn

không lệ thuộc vào sáu trần chúng ta mới hoạt động tự do.

Thí dụ một người học trò vốn say mê âm nhạc đang ngồi ôn bài thi, nghe nhà bên cạnh mở nhạc hay quá liền buông tập lắng nghe, bị âm thanh chi phối, không còn học bài được nữa. Nó đang học bài mà bị âm thanh chi phối nên mất quyền làm chủ, giống như thây ma. Do đó đức Phật nói rằng người buông lung sáu căn thì sống như thây ma. Người thế gian muốn hưởng nhiều dục lạc; trái lại người tu muốn chiến thắng được lòng mình, không bị dục vọng chi phối. Đây là điều khác nhau giữa người biết tu và người không biết tu.

22. Kẻ trí biết chắc điều ấy nên gắng làm chứ không buông lung, không buông lung thì đặng an vui trong cõi Thánh.

Người có trí tuệ biết chắc buông lung sẽ đưa tới chỗ chết, buông lung sẽ sống như thây ma. Biết chắc điều đó rồi nên cố gắng làm chủ, hạn chế những tật xấu của mình. Vì không buông lung nên người trí tiến lên bậc Thánh, còn kẻ ngu càng buông lung thì càng sa đọa trầm luân. Cho nên muốn biết người tiến lên bậc Thánh hiền hay trầm luân trong các đường xấu, thì chúng ta nhìn lại những hành động hằng ngày, buông lung theo dục lạc thì phải chìm đắm, chiến thắng được lòng mình thì thoát khỏi sự lôi cuốn của ác ma, và tiến dần lên cõi Thánh. Đó là một điều rất rõ ràng.

23. Nhờ kiên nhẫn dũng mãnh tu thiền định và giải thoát mà kẻ trí được an ổn chứng nhập vô thượng Niết-bàn.

Kinh nói muốn chứng được Niết-bàn thì phải trừ bốn ách, đó là dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách. Dục ách là sự tham dục; hữu ách là mê chấp ba cõi, kiến ách là tà kiến ác kiến; vô minh ách là sự mê mờ. Đức Phật dạy nhờ kiên nhẫn dũng mãnh, tu thiền định và giải thoát mà được chứng nhập vô thượng Niết-bàn. Như vậy thiền định và giải thoát thật là quan trọng. Nhờ tu thiền định mà được giải thoát.

Ở đây tôi không nói rộng tất cả các môn tu thiền định, mà chỉ nói tu thiền định trong phạm vi kinh A-hàm, tức là phương pháp tu chỉ quán. Chỉ là áp dụng phương pháp trụ tâm nơi chóp mũi hay rốn, nhờ tu chỉ mà tâm được an định. Quán tức là áp dụng phương pháp quán tứ niệm xứ, quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường v.v... ứng dụng

những pháp quán như trên để tâm không chạy theo vọng tưởng, tâm an định rồi trí tuệ sáng suốt. Giải thoát là thoát khỏi bốn ách như đã nói ở trên. Người tu được an ổn là nhờ tu thiền định giải thoát và chứng Niết-bàn. Niết-bàn là tiếng Phạn, Hán dịch là vô sanh hay bất sanh, đạt được Niết-bàn rồi thì không còn sanh tử nữa. Thí dụ hằng ngày tâm niệm của mình lăng xăng, ngồi lại không bao giờ yên, hết nghĩ cái này đến nghĩ cái khác, đó là chưa làm chủ được tâm. Tâm luôn luôn xao xuyến làm cho trí tuệ không sáng suốt, khi nào tâm hết xao xuyến thì trí tuệ mới sáng.

Thí dụ có người bận nhiều việc quá nên đầu óc bị chi phối, những vật mới để đây chút nữa quên lửng. Tối lại sửa soạn đi ngủ, nằm yên, chợt nhớ bữa nay bỏ quên vật này ở đâu, hay có những việc

chưa làm v.v... nhờ vừa yên, quên những việc bận rộn nên tâm mới sáng suốt mà nhớ lại. Cũng như đứa học trò đang làm toán, nếu có bạn bè chạy tới đùa giỡn lăng xăng và rủ đi chơi, thì nó làm bài toán không được. Nếu muốn làm thì chờ không ai rủ đi đâu, ngồi yên một mình trong phòng, nghiệm lại làm mới ra.

Cho nên có nhiều người cứ than phiền rằng tại sao ban ngày lo làm công kia việc nọ, thấy tâm ít nhớ chuyện này chuyện kia, tối lại ngồi niệm Phật vài ba câu, hoặc ngồi tham thiền một chút thì nhớ đủ thứ? Tại vì ban ngày làm nhiều chuyện lăng xăng đâu còn thì giờ mà nhớ, tới tối mọi việc gác qua một bên, ngồi yên thì mới tỉnh táo để nhớ. Như vậy chứng minh rằng tâm lặng được một chút mới sáng. Cho nên chủ trương của đạo Phật là dạy mình phải lắng lặng tâm tư, bằng cách

làm chủ toàn vẹn, nghĩa là khi tâm dấy niệm, mình liền biết và làm chủ được, đó gọi là người toàn thắng là người thật sống. Còn người bị tâm khiển cách nào theo cách nấy là chưa làm chủ, chưa phải là người thắng được mình. Vì vậy nếu muốn đạt Niết-bàn vô sanh thì phải làm chủ được mình.

24. Không buông lung cố gắng hăng hái chánh niệm khắc kỷ theo tịnh hạnh, sinh hoạt đúng như pháp thì tiếng lành càng ngày càng tăng trưởng.

Người không buông lung là người biết kềm chế sáu căn của mình và cố gắng hăng hái chánh niệm. Niệm là nhớ, chánh là đúng đắn ngay thẳng. Chúng ta nhớ chuyện danh lợi, buồn phiền giận dữ v.v... như thế gọi là tà niệm. Nhớ thân này do nhân duyên hòa hợp không thật, tất cả sự

vật ở thế gian vô thường... gọi là chánh niệm. Tóm lại nghĩ nhớ đúng lời Phật dạy gọi là chánh niệm; nghĩ nhớ những điều tội lỗi, sai lầm là tà niệm. Người biết tu lúc nào cũng phải chánh niệm, người dùng câu niệm Phật, người dùng phương pháp quán chiếu thân, người dùng trí quán sự vật bên ngoài là vô thường... quán chiếu đúng như pháp, gọi là chánh niệm. Suy nghĩ theo dục lạc của thế gian gọi là tà niệm. Khắc kỷ theo tịnh hạnh là hạn chế không để cho tâm buông lung theo dục lạc, không bị ô nhiễm bởi tham sân si. Sinh hoạt đúng như pháp là sống đúng với lẽ chân thật, làm gương tốt cho người khác và tiếng lành càng ngày càng đồn xa.

25. Bằng sự cố gắng hăng hái không buông lung tự khắc chế lấy mình mà kẻ trí tự tạo cho mình một

hòn đảo chẳng có ngọn thủy triều nào nhận chìm được.

Người trí tạo cho mình một hòn đảo an toàn là chỉ cho người có sức tự chủ vững vàng, không bị ngoại cảnh chi phối, không ai lôi cuốn được mình, như hòn đảo không bị thủy triều nhận chìm. Không buông lung cố gắng vươn lên là tạo hòn đảo vững chắc, thủy triều ngũ dục sẽ không còn lôi cuốn được.

Thí dụ có nhiều người than phiền, còn sống ngoài đời mà phát tâm ăn chay trường thật khó quá, vì còn giao thiệp qua lại, bạn bè rủ rê tiệc tùng đủ thứ. Nhưng có nhiều người cũng làm việc và giao tế, mà vẫn ăn chay trường. Khi đã có lập trường thật vững thì chuyện xử sự tình cảm hay ân nghĩa qua lại vẫn làm, nhưng chuyện ăn uống là quyền cá nhân, không ai bắt buộc, dù có người rủ rê mời mọc,

nhưng khẳng khái từ chối thì sau này họ không còn lôi kéo. Như ông Mai Thọ Truyền ăn chay trường mà cũng làm quan không có gì trở ngại. Quan trọng là cố gắng làm chủ được mình, như đã có hòn đảo an toàn thì ngọn thủy triều hết nhận chìm. Người lập trường chưa vững thì hay đổ thừa cho người khác; chiều theo bạn bè cho đó là xã giao lịch sự, không ngờ sau này bị lôi kéo. Cho nên mình phải có lập trường thật vững thì không bị người khác chi phối, như hòn đảo an toàn không bị thủy triều nhận chìm.

26. Người ám độn ngu si đắm chìm trong vòng buông lung, nhưng kẻ trí lại chăm giữ tâm mình không cho buông lung như anh nhà giàu chăm lo giữ của.

Người giàu thường ham của báu, nếu mất họ tiếc lắm cho nên ít khi nào dám bỏ

nhà đi đâu, ai tới nhà họ canh chừng không dám lơi lỏng. Cũng vậy người trí chăm giữ tâm mình, không cho buông lung, mỗi một niệm dấy lên liền biết tốt hay xấu. Nếu tốt thì cho phát khởi, nếu xấu thì phải buông ngay. Người ngu si ám độn là kẻ buông lung, mặc tình tâm nghĩ gì thì chạy theo không kềm chế. Cho nên chúng ta học đạo, quan trọng là học phát huy trí tuệ, để biết làm chủ tâm mình.

27. Chớ nên đắm chìm theo buông lung, chớ nên say mê với dục lạc. Hãy nên tỉnh giác và tu thiền mới mong được đại an lạc.

Phật dạy không chạy theo buông lung, cũng không say mê dục lạc. Hãy luôn luôn tỉnh giác và cố gắng tu thiền, làm chủ tâm mình, mới mong được đại an lạc. Thành ra sự an vui lớn nhất của con người là hoàn toàn làm chủ được mình.

Như chúng ta đang bình thản, lúc đó thật an ổn. Nếu ra đường có người chọc tức, không làm chủ được nổi nóng la lên, lúc đó hết an ổn vui vẻ. Cho nên bình thường thì vui, nhưng gặp cảnh trái ý không làm chủ được thì khổ. Chỉ người nào hoàn toàn làm chủ, gặp cảnh nào cũng vẫn an nhiên không bực tức, người đó lúc nào cũng vui. Cho nên làm chủ được thì mới có niềm vui vĩnh cửu, còn chưa làm chủ được, nếu có vui cũng chỉ là vui tạm thời. Do đó người biết tỉnh giác tu thiền mới gọi là được đại an lạc.

28. Nhờ trừ hết buông lung, kẻ trí không còn lo sợ gì. Bậc Thánh hiền khi bước lên lầu trí tuệ nhìn lại thấy rõ kẻ ngu si ôm nhiều lo sợ, chẳng khác nào khi lên được núi cao cúi nhìn lại muôn vật trên mặt đất.

Phật dạy, người nào hết buông lung thì không còn lo sợ. Người ngu si tâm buông lung muốn chạy đâu thì chạy, muốn đuổi theo cái gì thì đuổi, như thích gì ăn nấy, nhậu nhẹt say sưa, hại gan hại bao tử... Khi bị đau ốm thì tâm lo sợ, uống thuốc gì, có hết bệnh không, không biết mai mốt sẽ ra sao, lo hoài không dừng được. Người trí làm chủ tâm mình dứt được sự lo sợ, chẳng khác nào như người lên núi cao, nhìn xuống thấy người ta chạy ngược chạy xuôi thật đáng thương.

Tóm lại câu kinh này đức Phật chỉ rõ người trí là người biết tu, không còn buồn phiền lo sợ, sống an ổn, thấy kẻ ngu nhiều buồn phiền lo sợ bất an sanh lòng thương xót.

29. Tinh tấn giữa đám người buông lung, tỉnh táo giữa đám người

mê ngủ, kẻ trí như con tuấn mã thẳng tiến, bỏ lại sau con ngựa gầy hèn.

Tinh tấn giữa đám người buông lung, tỉnh táo giữa đám người mê ngủ - mạnh mẽ vô cùng. Hiện giờ chúng ta là kẻ mê ngủ hay người tỉnh táo? Đa số tưởng mình là người tỉnh táo nhưng đâu biết mình đang ngủ mê. Đức Phật nói cuộc đời là giấc mộng, nhiều người không tin. Nếu người nào sống được sáu bảy mươi tuổi thì dễ tin điều đó. Nhìn lại đời mình, những sự việc đã qua chỉ là ảo ảnh mà thôi, nhất là khi hấp hối càng thấy rõ cuộc đời là giấc mộng. Ở độ tuổi hai ba mươi, không hề thấy cuộc đời là giấc mộng, nên xông xáo giành giật hơn thua, làm đủ thứ chuyện.

Khi nằm mộng chúng ta thấy người vật sinh hoạt như thật, thức dậy mới biết nó là giả. Tại sao đức Phật nói cuộc đời này là mộng? Vì ngài đã vượt qua sanh tử

và nhận được Niết-bàn vô sanh, mới thấy cuộc sống này ngắn ngủi. Nếu chúng ta đem cuộc sống ngắn ngủi sáu bảy chục năm so với Niết-bàn vô sanh mới thấy cuộc đời là mộng.

Tỉnh táo giữa đám người mê ngủ. Đám người mê ngủ có hai ý. Ý thứ nhất là chỉ những người say mê theo dục lạc, như say mê ma túy, không làm chủ cuộc sống mà dục lạc làm chủ họ, tuy thức cũng như ngủ mê. Ý thứ hai, cuộc đời không lâu dài mà tưởng lâu dài, đó là kẻ si mê. Tỉnh táo cũng có hai trường hợp, thứ nhất khi người say mê theo dục lạc mà mình vẫn tỉnh táo không theo; thứ hai, người ta cho cõi đời này là thật, nên tranh danh đoạt lợi, còn mình lại thấy rất tạm bợ huyễn hóa, không lâu dài. Biết như vậy gọi là người tỉnh táo, chiến thắng được ma ngũ dục, không còn bị chúng lôi kéo.

Kế đến người trí như con ngựa mạnh thẳng tiến bỏ lại sau con ngựa gầy hèn. Con ngựa gầy hèn là chỉ cho những người ngu, người ngu cứ đắm chìm trong dục lạc, vì buông lung nên bị bỏ lại đằng sau. Người trí đã chiến thắng đươc mình, tỉnh táo, vươn lên cho nên chẳng khác nào như con ngựa mạnh, vượt qua tất cả con ngựa yếu.

Chúng ta là người biết đạo lý lúc nào cũng phải nhớ mình là con tuấn mã, đừng nghĩ là con ngựa gầy, phải tỉnh táo giữa đám người đang mê ngủ. Nhớ lấy lời Phật dạy mà áp dụng trong cuộc sống, thì sẽ thấy mình có sức mạnh hơn những kẻ tầm thường.

30. Nhờ không buông lung, Ma-già lên làm chủ cõi chư thiên. Không buông lung luôn luôn được khen ngợi; buông lung luôn luôn bị khinh chê.

Nhờ không buông lung, Ma-già lên làm chủ cõi chư thiên. Ma-già là chỉ cho trời Đế-thích, làm vua trời nhờ không buông lung. Không buông lung nên được người trời khen ngợi, còn buông lung luôn luôn bị khinh chê.

31. Tỳ-kheo nào thường ưa không buông lung hoặc sợ thấy sự buông lung. Ta ví họ như ngọn lửa hồng đốt thiêu tất cả kiết sử từ lớn chí nhỏ.

Tỳ-kheo nào thường ưa không buông lung, cố gắng tinh tấn, hoặc sợ thấy sự buông lung, Phật ví họ như ngọn lửa hồng đốt thiêu tất cả kiết sử từ lớn chí nhỏ. Kiết là cột, sử là thúc đẩy. Kiết sử là phiền não trói buộc thúc đẩy chúng ta đi theo nghiệp xấu. Kiết sử nếu nói đủ thì có năm hoặc mười. Tham, sân, si, mạn, nghi là ngũ độn sử - năm thứ sai sử thầm kín ở trong. Thêm thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới

cấm thủ, tà kiến nữa là mười. Năm thứ sau sai sử lanh lẹ gọi là ngũ lợi sử. Thập sử này toàn là những thói xấu ở trong tâm chúng ta.

Một vị Tỳ-kheo sợ sự buông lung và không bao giờ ưa buông lung thì người đó chẳng khác nào đống lửa đốt hết tất cả kiết sử. Thí dụ chúng ta nhóm củi rồi châm lửa đốt, ngọn lửa cháy phừng phừng, lúc đó nếu có những mảnh vụn giẻ rách... quăng vô thì cháy tiêu hết. Cũng vậy, người một bề tinh tấn không bao giờ buông lung thì những thói xấu dở không chi phối được họ, chỉ có những kẻ lười nhác như lục bình trôi sông thì sẽ bị kiết sử cột trói lôi cuốn. Người có sức mạnh của sự tinh tấn, không buông lung thì người đó sẽ chiến thắng tất cả tật xấu của mình.

32. Tỳ-kheo nào thường ưa không buông lung hoặc sợ thấy sự buông

lung, ta biết họ là người gần tới Niết-bàn, nhất định không bị sa đọa dễ dàng như trước.

Trong câu 31 đức Phật dùng thí dụ ngọn lửa hồng phá tiêu tất cả kiết sử. Qua câu này đức Phật nói thẳng người không buông lung hay sợ sự buông lung, người đó gần tới Niết-bàn nhất định không bị sa đọa dễ dàng. Người tu chẳng khác nào người chèo thuyền ngược nước ngược sóng, nếu gác chèo ngủ thì bị sóng nước lôi ra biển. Muốn đừng bị lôi thì phải nỗ lực mới có thể tiến lên. Cũng vậy người tu hành lúc nào cũng cố gắng vươn lên không buông lung, tất nhiên người đó sớm muộn gì cũng tới chỗ an ổn không còn sanh tử. Ngược lại người nào cứ rề rà lôi thôi thì dễ bị sa đọa.

III. PHẨM TÂM

33. Tâm kẻ phàm phu thường dao động biến hóa rất khó chế phục gìn giữ. Nhưng kẻ trí lại chế phục tâm mình làm cho chánh trực một cách dễ dàng, như thợ khéo uốn nắn mũi tên.

Tâm phàm phu thường dao động mãi, nên nhiều người thối chí nói rằng mình không bao giờ làm chủ được nó. Thật ra trong khi tu tập ai cũng thấy tâm dao động vì còn nhiều duyên bên ngoài, như con cái, tiền của, sự nghiệp v.v... Lúc ngồi thiền, những hình ảnh âm thanh đã thấy nghe, những chuyện sinh hoạt hằng ngày liền sống lại. Nhìn thấy tâm lăng xăng vọng động khó kềm được. Vì vậy phải nỗ lực mượn những phương tiện như niệm Phật, đếm hơi thở hoặc dùng trí quán hay trì chú v.v... để điều phục tâm, chừng nào

tâm yên rồi mới buông phương tiện. Nếu người nào bền chí nhẫn nại thì chế phục được. Đừng than rằng sao tu khó quá! Nếu cố gắng rồi thì sẽ tu được.

Còn người trí điều phục tâm dễ dàng như anh thợ khéo uốn nắn mũi tên, uốn đâu ngay đó. Tâm vừa chạy liền kéo lại được.

34. Như con cá bị quăng lên bờ, sợ sệt và vùng vẫy thế nào thì cũng như thế, các ngươi hãy đem tâm lo sợ phấn đấu để mau thoát khỏi cảnh giới ác ma.

Những người câu cá ở sông hay lưới cá ở biển, lúc cá bị mắc lưới, nó giãy đành đạch, vùng vẫy muốn nhào trở lại xuống nước. Tại sao? Vì nó biết rằng lên khỏi nước thế nào cũng chết. Cũng thế, đức Phật nói chúng ta là người tu phải đem tâm lo sợ ác ma lôi cuốn, phải phấn đấu

để thoát khỏi cảnh giới ác ma. Ở đây không phải lo sợ bệnh hoạn, hết tiền mà lo sợ ác ma tham, sân, si lôi mình, phá hoại tất cả công đức của mình. Cho nên tham, sân, si khởi lên thì phải điều phục ngay, buông ngay, chẳng khác nào như con cá phấn đấu để được trở lại nếp sống bình thường ở dưới nước.

35. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, dao động không dễ nắm bắt. Chỉ những người nào điều phục được tâm mới được an vui.

36. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục biến hóa u ẩn khó thấy nhưng người trí lại phòng hộ tâm mình và được yên vui nhờ tâm phòng hộ ấy.

Người phàm phu hằng ngày chạy theo ngũ dục, nên tâm dao động và biến hóa u

ẩn khó thấy, khó điều phục. Thí dụ nếu tâm còn nặng về ngũ dục như người tham tiền của thì đi, đứng, nằm, ngồi chỉ nhớ chuyện tiền của; người mua bán ngoài chợ, lúc nào cũng nghĩ chuyện mua bán, khách tới mua nhiều thì vui, gặp người trả giá không đúng hoặc trả rồi không mua, lại mua của người bên cạnh thì buồn và tức giận. Như vậy tâm biến từ trạng thái này qua trạng thái khác không lường được. Mới vui rồi chợt buồn, mới tham liền sân. Tham là muốn được người ta mua giúp mình, sân vì người ta không mua nên nổi giận. Tâm biến hóa u ẩn rất khó khắc phục. Nếu biết khắc phục thì tâm sẽ thuần, muốn nghĩ gì thì nghĩ, không nghĩ thì thôi, như vậy là làm chủ được nó. Vì vậy người biết phòng hộ tâm mình, sẽ được yên vui nhờ cái tâm phòng hộ ấy.

Như khi có người làm mình bực tức thì biết và phòng hộ liền, đừng cho tâm sân dấy lên hay tìm nguyên nhân tại sao mình giận. Nhưng ở thế gian này hay than rằng tại sao tôi khổ, tôi buồn, đó là vì ít ai chịu phòng hộ tâm. Người biết tu, biết phòng hộ tâm thì càng tu càng vui vẻ, nếu người không biết tu thì càng tu càng buồn giận phiền não. Tóm lại, người trí thì luôn luôn phòng hộ tâm mình cho nên được yên vui.

37. Tâm phàm phu cứ lén lút đi một mình, đi rất xa, vô hình vô dạng như ẩn náu hang sâu. Ai điều phục được tâm thì giải thoát khỏi vòng ma trói buộc.

Người biết tu chút ít sẽ thấy tâm mình lén đi hồi nào không hay. Thí dụ đang niệm Phật hay ngồi thiền, đáng lẽ là chỉ để tâm vào câu niệm Phật, đếm hơi thở. Nhưng đang ngồi thì nhớ chuyện năm

trên năm dưới, giật mình lại thì tâm đã đi hết năm mười phút. Cho nên đức Phật nói tâm lén lút đi một mình rất xa, như ẩn náu hang sâu, có khi chỉ mười lăm phút mà không biết nó đi tới đâu. Ngồi thiền nửa tiếng mà đi mất mười lăm phút thì thôi còn gì!

Tâm thật là khó điều phục, vì nó vô hình vô dạng. Tìm thì không thấy, nếu lơ là nó chạy ra, cho nên tu tâm rất khó. Người luyện tập cơ thể, có thể nhào lộn dẻo dai, mới thấy thì cho là khó, nhưng sự thật còn dễ hơn luyện tập tâm. Tại sao? Vì có hình thức, tập mỗi ngày một chút lâu ngày thành quen. Còn tâm này không thấy ở đâu làm sao mà điều phục. Vì vậy đức Phật dạy chúng ta phải dùng một phương pháp để trị, như niệm Phật, thiền quán... là luôn kềm tâm trong một phạm vi, một khuôn khổ, như chiếc xe lửa chạy

trên đường rầy, nếu trật đường rầy thì tai nạn.

Cho nên từ khi bắt đầu ngồi niệm Phật tới khi xả ra, chỉ biết câu niệm Phật thì mới là người điều phục được tâm. Nếu ngồi một lúc nhớ chuyện này chuyện kia, chạy như ngựa sải không kềm nổi, là chưa điều phục được tâm, tâm chưa thuần. Nếu người nào tâm đã thuần thục thì làm việc gì chỉ biết việc đó thôi, không nghĩ chen lẫn việc khác, nếu chen việc khác thì biết là chưa thuần. Phải bền chí lâu dài, vì tâm rất tế nhị, biến hóa không chừng. Đừng cho rằng điều phục tâm là khó rồi chán không tu. Tuy khó nhưng điều phục được thì sẽ thoát khỏi vòng ma trói buộc.

38. Người tâm không an định, không hiểu biết chánh pháp, không tín tâm kiên cố thì không thể thành tựu được trí tuệ cao siêu.

Nhiều Phật tử lầm tưởng rằng, quy y theo đạo Phật rồi, nửa tháng đi chùa lạy sám hối một lần là xong. Nhưng tu như vậy chỉ mới hiểu đạo Phật có một phần chưa nhằm vào đâu. Người Phật tử phải hiểu đạo Phật là đạo giác ngộ, người tu theo đạo Phật là người đi trên con đường giác ngộ. Muốn giác ngộ phải có trí tuệ cao siêu, cho nên Phật đưa ra ba điều kiện. Một là tâm an định, có định mới sanh trí tuệ. Hai là hiểu biết chánh pháp. Muốn hiểu chánh pháp thì phải học hiểu Phật pháp tức là có trí tuệ, có trí tuệ mới giác ngộ. Ba là tín tâm kiên cố, là tin Tam bảo một cách vững chắc.

Phật tử chỉ tin Tam bảo mà không áp dụng ba điều kiện trên thì không được, vì đó là ba điều kiện tối quan trọng. Sau khi quy y, quý thầy dạy chúng ta mỗi đêm niệm Phật mấy chục chuỗi hoặc tụng một

thời kinh hoặc ngồi thiền nửa giờ, một giờ là tập cho tâm an định. Chúng ta biết thực tập như vậy gọi là biết áp dụng tu theo đạo Phật. Đồng thời chúng ta phải học hiểu kinh điển, nếu không trực tiếp học nhiều, ít ra chúng ta phải học gián tiếp qua lời giảng giải của chư tăng, ni để ứng dụng tu. Nếu chỉ biết quy y Tam bảo, đi chùa lạy Phật trong hai ngày sám hối, cho đó là Phật tử thì chưa đủ. Nên nhớ phải đủ ba điều kiện: tâm an định, học hiểu chánh pháp và niềm tin kiên cố, như vậy mới xứng đáng là người Phật tử.

39. Người tâm đã thanh tịnh không còn các điều hoặc loạn, vượt trên những nghiệp thiện ác thông thường là người giác ngộ chẳng sợ hãi.

Nhiều người nói tôi làm việc lành là tâm thanh tịnh, nếu làm việc xấu ác là tâm ô uế. Hiểu như vậy chưa đúng nghĩa

thanh tịnh. Vì còn thiện còn ác nghĩa là còn tạo nghiệp hoặc loạn chưa hết thì chưa hoàn toàn thanh tịnh. Người tâm thanh tịnh là vượt lên trên thiện ác thông thường, mới gọi là người giác ngộ không sợ hãi. Tại sao phải vượt trên nghiệp thiện, nghiệp ác? Vượt trên nghiệp ác thì phải, nghiệp thiện tại sao cũng phải vượt? Đây là chỗ giác ngộ của bậc A-la-hán chứ không phải thường.

Chứng A-la-hán thì thiện nghiệp vô lậu đã viên mãn. Ác nghiệp và thiện nghiệp hữu lậu đã hết rồi, không còn tạo thêm nghiệp mới nữa. Tuy đạo quả viên mãn mà thường làm những việc lợi tha. Phật dạy nếu chúng ta tu bình thường, là tu để đời sau tái sanh trong những hoàn cảnh tốt, như ở thế gian thì được làm quan, làm người khá giả hoặc tiến hơn nữa là sanh ở cõi trời, gọi là tu nghiệp thiện hữu

lậu. Nếu người tu chỉ mong sạch hết tất cả những vọng tưởng điên đảo trong tâm, không mong đời sau hưởng giàu sang trong nhân gian hay hưởng sung sướng cõi trời, mà chỉ mong thoát ly sanh tử, đó là nghiệp thiện vô lậu tức là thiện viên mãn.

Vô lậu, vô là không, lậu là lọt hay rớt. Người tu nhân vô lậu không còn rơi rớt ở trong vòng sanh tử của cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, cho nên gọi là vô lậu. Hữu lậu là còn rơi rớt lại, nghĩa là tu nghiệp thiện mong được quả báo sanh ở cõi trời cõi người, là còn rơi rớt trong vòng sanh tử, cho nên gọi là hữu lậu.

Tâm thanh tịnh là chỉ cho tâm vô lậu, dứt mọi hoặc loạn và vượt hết các nghiệp thiện nghiệp ác thông thường ở thế gian. Người như vậy là người giác ngộ và không còn sợ hãi. Phật thường nói khi sanh trong cõi đời, dù sang hay hèn chúng ta đều còn

sợ hãi. Như người nghèo thì sợ thiếu ăn thiếu mặc, người giàu thì sợ trộm cướp tiền bạc, cho tới sợ đau sợ chết. Chỉ có bậc giác ngộ giải thoát hoàn toàn thì mới hết sợ hãi.

40. Hãy biết rằng thân này mong manh như đồ gốm và giam giữ tâm ngươi như thành quách, ngươi hãy đánh dẹp ma quân với thanh tuệ kiếm sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi, chứ đừng sanh tâm đắm trước.

Hãy biết rằng thân này mong manh như đồ gốm. Đồ gốm là chén, dĩa làm bằng sành, lỡ sẩy tay rớt xuống thì bể làm hai làm ba. Chúng ta đang khỏe mạnh, rủi có viên đạn vô tình bay xuyên vào tim thì ngã ra chết, một luồng gió độc thổi qua cũng chết, hoặc đi đường sẩy chân té bể đầu cũng chết. Còn thân này là còn sợ hãi,

vì bất cứ lúc nào thân này cũng tan được, cũng chết được. Như món đồ gốm cầm trên tay còn nguyên vẹn, chỉ cần sơ ý làm rơi xuống thì tan nát thành những mảnh vụn. Nếu nghĩ đến cái chết thì phải nỗ lực tu hành, để cho thân vô dụng trở thành hữu ích.

Thân này giam giữ cái tâm chẳng khác nào như thành quách. Khi mang thân này thì chúng ta hài lòng, chấp thân này là của tôi, tất cả những cái hiểu biết là tâm tôi. Tâm đó hạn cuộc ở trong thân này. Như vậy tâm mình chỉ hạn cuộc trong phạm vi tứ đại bốn năm sáu bảy chục ký này thôi.

Phật dạy tâm không phải chừng đó, mà rộng lớn mênh mông. Phá được ràng buộc của thân, bằng cách tu giải thoát thì tâm đồng với trời đất, chứ không còn hạn

cuộc nhỏ nhen. Lúc đó mới thấy tuổi thọ của mình vô lượng vô biên.

"Ở Nhật Bản có một thiền sư hỏi vị tăng:

- Thầy tu pháp môn nào?

- Tôi tu pháp môn Tịnh độ.

Thiền sư liền hỏi:

- Phật Di-đà bao nhiêu tuổi?

Tăng trả lời:

- Bằng tuổi của tôi.

Thiền sư hỏi:

- Năm nay Thầy bao nhiêu tuổi?

- Bằng tuổi Phật A-di-đà."

Theo định nghĩa thì A-di-đà là vô lượng thọ, như vậy tuổi thọ của Phật A-di-đà vô lượng vô biên. Tại sao vị tăng này dám cả gan nói bằng tuổi Phật A-di-đà? Chính chỗ này chúng ta đọc trong kinh

Pháp Hoa thì mới hiểu. Kinh nói Phật Thích-ca tám mươi tuổi; các Bồ-tát từ đất vọt lên đông quá sức, người nào người nấy râu tóc bạc phơ. Các đệ tử thưa chúng con chưa từng thấy biết mấy vị này. Phật nói, đó là đệ tử của ta, ta hóa đạo độ được. Nếu không hiểu, tưởng đức Phật Thích-ca tuổi thọ chỉ tám mươi tuổi, còn hiểu như vị sư này thì đức Phật Thích-ca bằng tuổi Phật A-di-đà. Người giải thoát thì tuổi thọ không còn hạn lượng mấy mươi năm theo thời gian. Nếu tu mà thoát khỏi dòng sanh tử thì tuổi thọ của chúng ta vô lượng vô biên bằng tuổi của Phật A-di-đà. Và thân nầy cũng vô biên vô lượng, chứ không phải hạn cuộc mấy chục ký lô.

Thí dụ một cái bình tròn hoặc vuông, nhìn thấy trong bình có khoảng hư không. Khi đó hư không bị hạn chế trong phạm vi vuông tròn. Nếu bình vỡ thì hư không

không còn bị hạn chế. Thấy hư không vuông tròn là cái nhìn bị hạn cuộc ở trong hình thức. Cũng như tâm chúng ta, nếu bị hạn chế trong thân này thì nói tâm bằng thân. Nếu hạn chế trong thân trời thì bằng thân trời. Thân dù nhỏ hay lớn đều là thành quách giam hãm tâm mình, chứ không phải tâm có chừng hạn.

Kế đến Phật dạy, ngươi hãy đánh dẹp ma quân với thanh kiếm trí tuệ sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi. Thí dụ có một người đi trên đường vắng, nhìn thấy cái bóp, lượm lên mở ra coi, thấy trong bóp có tiền, vàng. Những món đồ quý bỗng dưng nằm trong tay mình, lúc ấy lòng tham khởi lên. Nếu không dùng tuệ kiếm mà trừ, thì người đó sẽ bỏ bóp vô túi. Mai mốt nếu công an truy ra, biết mình giữ món đồ đó, bắt bỏ tù. Đó là tại ma tham xúi dục. Nếu khi vừa thấy của

người liền dùng trí tuệ mà xét, tiền bạc của báu, thân này đều vô thường, tại sao lại tham. Nghĩ như thế chắc không bỏ vào túi, trả lại cho người hoặc để lại đây hay tử tế đem giao cảnh sát cho chủ tới nhận, như vậy là thắng được ma tham.

Ai cũng có kiếm trí tuệ mà vì quên, không đem ra dùng thì bị ma ám ảnh. Nếu biết dùng, khi ma dấy lên liền dùng kiếm tuệ dẹp trừ thì nó không làm gì được. Cho nên nói hãy đánh dẹp ma quân với thanh kiếm tuệ sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi. Đó là lời Phật dạy rất cần yếu, chúng ta phải luôn luôn áp dụng.

41. Thân này thật là ngắn ngủi, nó sẽ ngủ một giấc dài dưới ba thước đất, vô ý thức bị vất bỏ, như khúc cây khô vô dụng.

Vị nào sáu mươi tuổi trở lên nhìn lại lúc mình còn trẻ khoẻ, bây giờ đầu bạc

răng long, thấy cuộc đời thật là ngắn ngủi vô thường. Thân này sẽ ngủ một giấc ngủ dài dưới ba thước đất. Hôm nào chui vô quan tài nằm thẳng, rồi người ta liệm luôn không bao giờ ngóc đầu trỗi dậy, không còn biết gì hết, bị vất bỏ như khúc cây khô vô dụng.

Nếu nhìn thi thể những người lính tử trận chưa được thân nhân lãnh về, mới thấy thân này như khúc cây. Khi còn hơi thở hơi ấm, còn nói năng thì thấy mình còn giá trị. Hết hơi thở hơi ấm và hết nói năng thì như khúc cây, không có gì quan trọng. Luôn luôn ý thức như vậy thì tất cả những tranh chấp hơn thua, oán thù, hờn giận, vui buồn, thương ghét v.v... không còn xâm chiếm được mình. Những vị sư ở các nước Phật giáo Nguyên thủy, lúc Phật tử tới giờ hấp hối, thỉnh các ngài đến, các ngài thường tụng câu Pháp cú này bằng

tiếng Pali - *Thân này thật là ngắn ngủi, nó sẽ ngủ một giấc dài dưới ba thước đất, vô ý thức bị vất bỏ, như khúc cây khô vô dụng*, để nhắc Phật tử, nhưng cũng ít người thức tỉnh. Cứ thấy mình quan trọng rồi hơn thua phải quấy đủ thứ. Nếu ai cũng nhớ thân này thật ngắn ngủi thì sẽ tỉnh giác và lo tu hành.

42. Cái hại của kẻ thù gây ra cho kẻ thù hay của oan gia đối với oan gia, cũng không bằng cái hại của tâm niệm hướng về hành vi tà ác gây ra cho mình.

Người đời khi thù nhau, họ có thể giết nhau. Gây thù hận với ai, người đó sẽ đem thù hận trả lại, đó là cái hại lớn lao. Nhưng Phật nói tâm niệm hướng về hành vi tà ác, nghĩ những điều sai quấy còn nguy hiểm hơn. Tại sao? Thí dụ mình sống tám mươi tuổi mà lúc năm mươi tuổi bị

giết, họ chỉ đoạn cái mạng sống của mình trước ba mươi năm. Còn hành vi tà ác của tâm niệm dẫn mình đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thời gian rất dài. So ra thì cái nào dài cái nào ngắn? Kinh thường nói, những người bị đọa địa ngục Vô gián chịu khổ liên miên không biết bao giờ hết. Vì vậy hành vi tà ác làm cho mình đau khổ dai dẳng hơn kẻ thù hại mình trong kiếp sống hiện tại.

Phật dạy người tu hành biết đạo lý sợ tâm niệm hướng về hành vi tà ác hơn là sợ người ta thù ghét mình. Sở dĩ người ta thù ghét, tại vì mình có những hành vi tà ác. Đó là một lẽ thật. Cứ sợ người này người kia giận hại mình, mà không sợ mình nghĩ xấu nghĩ ác, đó là sợ quả mà không sợ nhân. Người biết tu sợ nhân chứ không sợ quả, nhân xấu không gây thì quả xấu làm gì có. Người không biết tu chỉ muốn

chuyển quả, đó là quan niệm sai lầm. Vì vậy lúc nào chúng ta cũng giữ gìn tâm niệm, đừng cho nó hướng về hành vi tà ác thì tránh được tất cả những quả báo đau khổ của hiện tại và vị lai.

43. Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào khác làm, nhưng chính tâm niệm hướng về hành vi chánh thiện, làm cho mình cao thượng hơn.

Người tu hành muốn trở thành người tốt mà không chịu tự sửa tâm, chỉ muốn trông cậy vào người khác, đó là sai lầm. Nếu tu đúng thì phải tự sửa tâm niệm của mình. Chính tâm niệm làm cho chúng ta được an lạc hay khổ đau. Không phải cha mẹ, bà con, anh em làm cho chúng ta trở thành người trụy lạc, hư hỏng, mà chính những tâm niệm hướng về hành vi xấu ác làm cho chúng ta hư hỏng. Trở thành hay hoặc dở cũng do mình. Biết vậy rồi không

nên hướng tâm về hành vi tà ác, mà hướng về hành vi chân chánh cao thượng.

IV. PHẨM HOA

44. Ai chinh phục được Địa giới, Diêm-ma giới, Thiên giới và ai khéo giảng nói Pháp cú như tay thợ khéo nhặt tràng hoa?

Địa giới là chỉ cho tự thân của mình. Diêm-ma giới là chỉ cho những cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Thiên giới là chỉ cho các cõi trời. Như vậy người nào chinh phục được Địa giới, Diêm-ma giới, Thiên giới, và ngươi hay khéo giảng được Pháp cú như tay thợ khéo nhặt hoa làm tràng. Đây chỉ là câu hỏi đến câu thứ 45 mới là câu đáp.

45. Bậc hữu học chinh phục Địa giới, Diêm-ma giới, Thiên giới và khéo giảng nói Pháp cú như tay thợ khéo nhặt hoa làm tràng.

Trong nhà Phật có chia ra bậc hữu học và vô học. Căn cứ vào bốn quả Thanh văn là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, ba quả đầu gọi là hàng hữu học, đến quả thứ tư gọi là vô học. Cho nên những người mới chứng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm thì gọi là hàng hữu học. Như vậy chỉ có những bậc hữu học mới chinh phục được Địa giới, Diêm-ma giới, Thiên giới và khéo giảng nói Pháp cú như anh thợ khéo tay nhặt hoa làm tràng.

46. Hãy biết thân này như bọt nổi rõ ràng là pháp huyễn hóa, để bẻ gãy mũi tên cám dỗ của bọn ma quân mà thoát ngoài vòng dòm ngó của tử thần.

Chúng ta ra sông, ra biển thấy có những chùm bọt nổi phập phều trôi trên mặt nước, chúng có bền chắc không? Rõ ràng là huyễn hóa không bền chắc. Một

trận gió thổi đến hay một cơn sóng tạt qua liền tan rã. Cũng thế, nếu người nào biết được thân này huyễn hóa như bọt nổi, thì người đó đã bẻ gãy mũi tên cám dỗ của bọn ma quân, không bị năm dục cám dỗ và thoát khỏi sự dòm ngó của tử thần.

Trong kinh A-hàm đức Phật dùng thí dụ, có một bầy khỉ ở trên cây bần ngoài mé sông. Một hôm sóng gió nhiều, một đống bọt thật to gần bằng cái nhà lầu trôi ngang qua. Trên cây nhìn xuống, bầy khỉ lầm tưởng là nhà lầu đẹp. Con thứ nhất buông tay rơi xuống bị chìm. Con thứ hai cho rằng con khỉ kia an ổn nên buông tay theo. Một hồi thì cả bầy khỉ bị chết chìm. Hòn bọt mà tưởng nhà lầu, cho nên cả bầy khỉ đều phải chết đuối. Cũng vậy, thân này chẳng khác nào như bọt nổi, mà chúng ta tưởng là thật, cứ sống quay cuồng trong thế gian rồi chết, liên miên

trong vòng sanh tử, tử sanh không bao giờ hết. Nếu thức tỉnh biết thân này là giả, tu hạnh giải thoát thì không còn tạo nghiệp và thoát ngoài vòng dòm ngó của tử thần.

Tóm lại, Phật dạy người nào hiểu được thân này là huyễn hóa như bọt, như bóng thì người đó giải thoát. Người nào thấy thân này thật thì dễ bị tử thần lôi kéo hết đời này tới đời khác.

47. Như nước lũ cuốn phăng những xóm làng say ngủ giữa đêm trường. Tử thần sẽ lôi phăng đi những người mê muội sanh tâm ái trước những bông hoa mình vừa góp nhặt được.

Như nước lũ cuốn phăng những xóm làng say ngủ trong đêm trường, không còn sót lại cái gì. Cũng vậy tử thần sẽ lôi đi những người mê muội sanh tâm ái trước

những bông hoa mình vừa góp nhặt được. Câu này đánh thức mạnh mẽ những người đang đắm nhiễm trong những sở hữu của mình, luôn nghĩ về của cải vật chất do mồ hôi nước mắt của mình tạo ra, họ sẽ bị tử thần lôi đi. Những bông hoa là chỉ cảnh dục lạc ở thế gian. Thí dụ chiếc xe hơi mình vừa sắm được là một bông hoa. Nhà lầu xây được là một bông hoa v.v... những vật sắm được thì cố giữ và luôn lo sợ mất mát. Một ngày nào đó sự nghiệp để lại hết thế gian, còn mình thì bị tử thần lôi đi như những làng xóm bị một cơn nước lũ cuốn. Hình ảnh này ở miền Trung thì dễ thấy lắm. Những xóm làng nơi vùng trũng thấp, khi có cơn mưa lớn, nước trên núi đổ dồn xuống thành lũ to, cuốn phăng làng xóm đi mà người ta không kịp hay. Sức mạnh của tử thần lôi chúng ta đi, tất cả những sở hữu sẽ không mang theo được cũng như

thế. Cho nên đừng sanh tâm ái trước mà phải tu để giải thoát.

48. Cứ sanh tâm ái trước và tham luyến mãi không chán những bông hoa mà mình vừa góp nhặt được. Đó chính là cơ hội tốt cho tử thần lôi đi.

Nếu thái tử Tất-đạt-đa yêu mến ngai vàng, những cung điện sang quý, yêu mến vợ đẹp con xinh v.v... thì ngài đã bị tử thần lôi đi từ kiếp này đến kiếp khác. Sở dĩ ngài thành Phật, giải thoát cho mình đồng thời cứu khổ cho chúng sanh, là bởi ngài không đắm mến những của cải vật chất mà mình có được, mới xả hết tất cả những nghiệp xấu đang ràng buộc, lôi cuốn mình trong lục đạo sanh tử luân hồi. Người nào bớt tâm ái trước thì biết cuộc sống tạm bợ, thân này nay còn mai mất, sự nghiệp không có gì bền chắc lâu dài, cố gắng dứt lòng tham luyến ái trước những sở hữu

của mình, thì người ấy tu hành tiến bộ một cách dễ dàng.

49. Hàng Sa-môn đi trong xóm làng để khất thực ví như con ong đi kiếm hoa, chỉ lấy mật rồi đi chứ không làm tổn thương về hương sắc.

Sa-môn là chỉ cho những người xuất gia, hằng ngày đi vào xóm làng khất thực, thí như ong hút nhụy hoa một tí rồi bay đi, chứ không làm cho bông hoa khô héo. Người tu hành thọ nhận sự cúng dường của Phật tử một cách nhẹ nhàng, đừng đòi hỏi quá đáng làm mất niềm tin của họ, chỉ vay mượn một ít tạm sống qua ngày để tu, đừng làm cho họ bị tổn thương. Như vậy mới xứng đáng là người tu, đúng với tinh thần của người khất thực. Thấy Phật tử hoan hỷ cúng dường rồi tới xin hoài, xin riết rồi làm cho họ chán sợ, đó không phải tinh thần của người xuất gia. Phải biết đủ,

người giúp mình một chút ít đã thấy quý trọng, đừng đòi hỏi quá đáng làm mất tín tâm của Phật tử.

50. Chớ nên dòm ngó lỗi người, chớ nên dòm coi họ đã làm gì hay không làm gì? Chỉ nên ngó lại hành động của mình, thử đã làm được gì và chưa làm được gì?

Phật dạy chỉ thấy lỗi và xem lại hành động của mình, không nên dòm ngó lỗi lầm và những hành động của người khác. Lâu nay chúng ta có cái bệnh là thấy lỗi người mà không thấy lỗi mình. Người nào làm sai mình thấy dễ lắm, còn mình làm sai thì không thấy. Cho nên phiền người này, trách người kia, giận người nọ, sanh ra ngã mạn hoặc hiểu lầm. Thấy người xấu dở, quên rằng chúng ta còn dở xấu hơn họ gấp nhiều lần mà không biết, rồi

lại khinh khi hoặc kiếm chuyện gây gổ với người ta và sanh tâm phiền não.

Muốn dứt trừ phiền não thì chúng ta đừng dòm ngó lỗi người, đừng xem họ làm gì hay không làm gì, mà phải nhìn lại mình xem đã làm được gì hay chưa làm được gì. Tự biết tất cả những tâm niệm hành động của mình, đó là tinh thần tự giác tự tỉnh. Nếu chúng ta không biết đã làm gì, nghĩ gì thì không bao giờ biết tu. Làm quấy không biết, làm phải không hay thì không bao giờ sửa đổi và tiến bộ. Phải nhìn lại tâm niệm, hành động của mình tốt hay xấu, biết kiểm soát tâm niệm hành động của mình, là người tự giác đúng với tinh thần của đạo Phật.

Điều này mới nghe qua tưởng như đức Phật dạy mình ích kỷ. Cả ngày chỉ biết nhìn lại mình, còn ai làm gì thì mặc họ. Nếu trong xã hội, người nào cũng chỉ nhìn

lại mình thì không ai dạy bảo, xây dựng cho ai. Nhưng thử hỏi, nếu mỗi người trong gia đình đều biết xét tâm niệm, hành động của mình tốt hay xấu, biết xấu thì bỏ, tốt thì làm, vậy có cần ai nhắc nhở ai hay không? Nếu biết phản tỉnh thì không cần người khác nhắc nhở mình. Mỗi người đều biết tự giác tự tỉnh thì đó là một cảnh thiên đường. Từ cha mẹ đến con cái, sống đúng với tinh thần đạo Phật, chắc chắn gia đình đó trong ngoài đều êm ấm vui vẻ.

Đến phạm vi xã hội. Xã hội tốt đẹp là do nhiều cá nhân hợp lại thành. Nếu mỗi cá nhân đều biết tự tỉnh, tự giác thì xã hội đó rất tốt đẹp. Như vậy có cần giáo dục người trong xã hội đó hay không? Chắc là không. Người ta tưởng rằng nói dạy, la rầy, nhắc nhở thì gọi đó là giáo dục. Nếu làm thinh không nói, không dạy thì cho là

không giáo dục. Nhưng không phải vậy, Phật dạy giáo dục có hai phương diện, một là khẩu giáo là dùng miệng nhắc nhở răn dạy, hai là thân giáo là giáo dục bằng hành động, bằng cách sống chứ không phải bằng ngôn ngữ. Tuy không dạy người, mà chỉ đem cái gương tốt để người thấy bắt chước, đó gọi là giáo dục.

Giáo dục ngày nay sử dụng phần ngôn ngữ quá nhiều. Như thầy giáo dạy học trò đừng hút thuốc mà ông thầy lại hút thuốc gấp hai. Dạy một đàng mà làm một ngả, bị học trò khinh khi, rồi trách học trò vô phép, nhưng tại dạy người mà mình làm không đúng, nên bị xem thường. Cho nên giáo dục bằng lời nói mà không làm thì không có tác dụng. Ngược lại, những người có tinh thần siêu thoát, thì giáo dục bằng nếp sống, hành động hằng ngày, biết làm điều tốt lành, luôn tránh những điều

xấu ác thì người xung quanh sẽ theo gương đó. Thành ra thấy như không dạy câu nào hết, mà dạy rất nhiều.

Cho nên chủ trương của đạo Phật là phải có khẩu giáo và thân giáo. Đối với những người còn thấp thỏi cần nên dùng lời nói để dạy thì cũng nên dạy. Có những trường hợp không cần dùng lời, mà mình sống đúng đạo lý để người khác nương theo trở thành người tốt, tuy thấy như ích kỷ mà không phải ích kỷ.

Phật dạy tự lợi lợi tha, tuy chia hai nhưng sự thật trong tự lợi đã có lợi tha. Trong lợi tha đã có tự lợi. Như cả ngày chỉ nhìn lại tâm niệm và hành động của mình coi như là tự lợi. Nhưng khi sống đúng đạo lý, những người xung quanh thấy gương tốt họ bắt chước, đó là lợi tha. Hơn nữa tránh những tâm niệm xấu và những hành động gây đau khổ cho người cũng là

lợi tha. Chúng ta mang bệnh trầm kha lâu đời khó trị, là bệnh thấy lỗi người mà quên lỗi mình. Cho nên, đức Phật phải dùng phương thuốc mạnh, ngài bảo phải nhìn lại mình đừng nhìn người ta làm chi. Đó là một phương pháp tu hành đúng với tinh thần tự giác, tự ngộ của đạo Phật.

51. Như thứ hoa tươi đẹp chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có hương thơm. Những người chỉ biết nói điều lành mà không làm điều lành, chẳng đem lại ích lợi.

Người nào miệng chỉ nói điều lành, điều tốt mà không làm, người đó chẳng khác nào như hoa có sắc mà không hương. Người chỉ nói điều lành mà không làm thì tốt hay xấu? Nếu nói xấu thì quá khắt khe. Tuy họ không làm lành mà miệng nói dữ thì mới thật là xấu, miệng biết nói lành thì cũng tốt. Chẳng khác nào bông hoa tuy

không hương nhưng có sắc, như hoa giấy nhìn cũng đẹp mắt, chứ đâu đến nỗi nào. Tóm lại, người chưa làm điều lành mà biết nói điều lành, tuy chưa phải là toàn vẹn nhưng cũng đáng khen. Vì vậy cho nên đến câu thứ 52 Phật dạy thêm.

52. Như thứ hoa tươi đẹp vừa có màu sắc lại có hương thơm, những người nói điều lành và làm được điều lành sẽ đem lại kết quả tốt.

Qua câu này đức Phật mới chỉ cho chúng ta chỗ toàn vẹn. Nghĩa là vừa nói và thực hành những điều lành. Chẳng khác nào như thứ hoa đẹp vừa có sắc lại vừa có hương, thì ai cũng quý. Người biết nói điều lành, làm điều lành thì sẽ được mọi người quý trọng.

53. Như từ đống hoa có thể làm nên nhiều tràng hoa. Từ nơi thân người có thể tạo nên nhiều việc thiện.

Chúng ta ra chợ mua một rổ hoa lài về đổ đống, rồi xâu lại thành năm mười tràng để cúng Phật. Như vậy một đống hoa có đủ khả năng để làm nhiều tràng hoa. Cũng thế, thân này có đủ khả năng làm nhiều việc thiện. Nhưng có người không hiểu, khi bi quan đem hủy hoại thân mình, chẳng khác nào người được của báu mà bỏ đi rất đáng tiếc.

Phật nói chính thân này làm được nhiều việc thiện. Nhiều người thắc mắc, người giàu có nhiều tiền bạc và thế lực thì mới làm được. Người nghèo thân trơ trọi, không tiền bạc, sáng lo buổi sáng, chiều lo buổi chiều, thì giờ, tiền bạc đâu mà làm việc thiện?

Chúng ta đừng quan niệm việc thiện là phải xuất bạc triệu, làm những việc to tát. Thí dụ như có người sắp chết mình cứu họ sống lại mới gọi là việc thiện, còn thấy con kiến rớt xuống nước thì mặc kệ, vì nó nhỏ xíu không đáng kể. Những việc nhỏ không bao giờ nghĩ tới, không bao giờ làm, rồi than phiền tôi đâu có khả năng làm việc thiện!

Nhưng làm việc thiện thì bất cứ việc lớn nhỏ đều làm được. Như thấy người ta khổ mình không có tiền cho, không có gì giúp đỡ, mà khởi lòng thương là một tâm niệm lành. Hoặc là vớt một con kiến rơi xuống nước, gửi một tâm niệm lành cho người đang đau khổ, an ủi người hoạn nạn neo đơn, đem sức mạnh giúp người yếu đuối, dẫn đứa bé lạc đường đưa về nhà v.v... Đó là những việc thiện, không tốn hao tiền của, chỉ có chút công thôi, người

nào cũng làm được, việc đó có tốn hao gì đâu. Chỉ ngại chúng ta sợ nhọc muốn từ chối. Cho tới một việc rất gần, như đi nghe kinh mà người khác chưa hiểu biết đạo lý, chúng ta khuyên họ đi nghe kinh, đó cũng là một việc thiện. Như vậy tất cả những việc làm xuất phát từ lòng thương chân thật đem an vui đến cho mọi người đều là việc thiện.

54. Mùi hương của các thứ hoa, dù là hoa chiên-đàn, hoa đa-già-la, hay hoa mạt-lợi, đều không thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh của người chân chính, tuy ngược gió vẫn bay khắp cả muôn phương.

Các loài hoa quý cũng chỉ tỏa hương theo chiều gió, chứ không có khả năng bay ngược gió. Chỉ mùi hương đạo đức chân thật mới bay ngược gió và tỏa khắp cả muôn phương. Cho nên trong nhà Phật

luôn luôn chú trọng tới đức hạnh. Đến giờ tụng kinh, chư tăng ni hoặc chủ lễ cầu nguyện thì thắp ba cây hương nguyện rằng: *Giới hương, định hương dữ tuệ hương, giải thoát, giải thoát tri kiến hương v.v...* đó là những thứ hương mà nhà Phật chú trọng. Còn hương thơm từ cây nhang tỏa ra là tầm thường không quan trọng. Cho nên Phật tử chú trọng trau giồi đức hạnh, huân tu giới định tuệ và hướng đến giải thoát, đó mới thật là người tu chân chánh. Ở đây, đức Phật chỉ cho chúng ta thấy các loài hoa quý, như hoa chiên-đàn, hoa đa-già-la, hoa mạt-lợi là những thứ hoa thơm nhất ở Ấn Độ, mà mùi thơm của chúng không thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh mới bay khắp muôn phương. Cho nên chúng ta cố gắng tu hành, để thành tựu đức hạnh và giới định tuệ mới gọi là cao quý.

Ngày xưa, có một vị Sa-di mặc y phấn tảo mà đức hạnh thật thanh tịnh. Mỗi khi ngài giặt y, chư thiên và các vị sơn thần đến múc nước uống. Nước giặt y đó sạch hay dơ? Nước mồ hôi! Nhưng sở dĩ người ta quý là tại đức hạnh của ngài quá cao. Y chúng ta bây giờ có ướp dầu thơm phức để giặt, chắc gì thiên thần đến múc nước uống. Vì đối với mình thì thơm, nhưng thiên thần thấy hôi. Các ngài quý mùi hương đức hạnh, chứ không phải quý mùi dầu thơm của trần tục. Cho nên người tu có đức hạnh thì dù ở nơi nào người ta cũng đều biết đến và chư thiên chư thần đều quý kính.

55. Hương chiên-đàn, hương đa-già-la, hương bạt-tất-kỳ, hương thanh liên. Trong tất cả thứ hương chỉ thứ hương đức hạnh là hơn cả.

56. Hương chiên-đàn, hương đa-già-la đều là thứ hương vi diệu, nhưng không sánh bằng hương người đức hạnh xông ngát tận chư thiên.

Như trên đã nói, vì chư thiên quý kính người đức hạnh, còn tất cả những mùi thơm trong thế gian này đối với chư thiên, thiên thần đều không quý.

57. Người nào thành tựu các giới hạnh, hằng ngày chẳng buông lung, an trụ trong chánh trí và giải thoát, thì ác ma không thể dòm ngó được.

Người nào có đủ bốn điều kiện, một là giới hạnh, hai là không buông lung, ba là chánh trí, bốn là giải thoát thì ác ma không thể dòm ngó được.

1. Giới hạnh, như người cư sĩ tại gia thọ năm giới, thì giữ đúng năm giới, gọi là giới hạnh trong sạch.

2. Không buông lung, hằng ngày biết kiểm điểm tâm niệm, hành động, ngôn ngữ của mình, không cho chạy theo ngoại cảnh, hạn chế tâm ở trong phạm vi thiện lành đạo đức.

3. An trụ trong chánh trí, chánh trí là trí chân chánh. Ở thế gian người nào lanh lợi khôn ngoan thì đó là người trí, nhưng đối với đạo, người trí là người biết cái nào tà ác thì chừa, chánh thiện thì làm theo, đó gọi là trí chân chánh. Người khôn ngoan lừa bịp kẻ khác, cái đó đối với đạo Phật không gọi là trí mà gọi là gian ngụy tà ác.

4. Giải thoát là không bị trói buộc trong vòng danh lợi tài sắc, hay nói cách khác đối với ngũ dục, sáu trần không bị nó chi phối, thì gọi là giải thoát.

Người có đủ bốn điều kiện như vậy ác ma không thể nào dòm ngó được.

"Vào thế kỷ thứ mười đời Tống, thiền sư Tự Bảo ở núi Vân Cư, từ khi xuất gia tu hành, giữ giới luật thật là thanh tịnh và tu theo hạnh đầu-đà. Một hôm có duyên sự ngài chống gậy xuống núi, dọc đường gặp mấy chú lính đi dẹp đường để dân chúng tránh qua hai bên cho xe quan huyện đi. Thấy ngài, họ nạt lớn, bắt tránh qua một bên, ngài cũng tránh qua. Ngựa kéo xe quan huyện vừa đi ngang ngài, nó liền mọp xuống đất không dám đi nữa. Lúc đó ngài nói:

- Súc sanh mà cũng biết lễ phép.

Nghe ngài nói vậy, quan huyện biết ngài là một hòa thượng đức hạnh, nên ông bước xuống xe đảnh lễ ngài, sau đó ngựa mới chịu đi. Súc sanh mà thấy người đức hạnh còn biết kính trọng.

Một hôm ngài đang ở sân chùa, có một số sơn thần tới làm kiệu, kiệu ngài đi

quanh chùa một vòng. Ngài nói: - Thôi các ngươi trở về chỗ cũ.

Các sơn thần để ngài xuống rồi biến mất. Đức hạnh của ngài khiến cho chư thiên, sơn thần kính trọng như thế, mà các vị này kính trọng thì ác ma làm gì dám dòm ngó. Chúng ta sở dĩ bị ma dòm ngó rồi xâm chiếm, xúi chuyện này, giục chuyện kia, làm cho mình điêu đứng, là tại thiếu bốn điều kiện này: Không giới hạnh, buông lung, không ở trong chánh trí, và không tập tu giải thoát. Nếu đủ những điều kiện trên thì nó không bao giờ làm hại được mình. Đó là những điều hết sức rõ ràng".

Tôi dẫn thêm chuyện. "Một vị thiền sư đời Đường, hiệu là Đả Lung Trụy (hay là Phá Táo Đọa). Đả là đánh, Lung là cái khám thờ, Trụy tức là ngã, bể. Một hôm ngài đi qua một miếu trong làng, miếu thờ

một vị thần rất linh, cho nên người ta làm heo, gà cúng tế liên miên. Ngài đi thẳng vô trong miếu, cầm gậy gõ lên khám thờ nói:

- Bài vị này là do đất nước gió lửa hợp thành, nó không thật mà bám vào đây để nhiễu hại dân chúng.

Nói xong ngài đập một cái bể nát khám thờ. Thử tưởng tượng vị thần đó sẽ xử sự với ngài ra sao? Chắc sẽ làm ngài hộc máu mà chết?

Nhưng ngược lại mấy hôm sau, ngài dạo núi thình lình thấy một người mặc đồ xanh, đội mũ đàng hoàng đến quỳ trước mặt. Thấy lạ ngài hỏi:

- Ông là người gì mà quỳ ở đây?

- Bạch Hòa thượng con là người thọ ơn của Hòa thượng, đến đây xin bái tạ Hòa thượng để đền ơn.

- Ta làm ơn gì cho ngươi?

- Con là vị thần ở miếu, hôm đó nhờ Hòa thượng khai thị, nên con tỉnh ngộ liền bỏ được thân, sanh lên cõi trời, cho nên về đây đảnh lễ đền ơn Hòa thượng".

Chúng ta tưởng ngài sẽ bị thần quở, bị bắt bớ, trái lại vị thần mang ơn ngài. Tại sao? Vì đức hạnh của ngài. Ngài nói một câu vị thần tỉnh ngộ, do đó không còn bám vào khám thờ, mà được sanh lên cõi trời. Đức hạnh vượt lên trên cả quỷ thần cho nên quỷ thần không bao giờ dám làm hại người có đức hạnh. Vì vậy người biết tu hành chỉ trọng giới hạnh và sự tu hành chân chánh, tức là không buông lung, biết cố gắng vun bồi chánh trí, quyết tâm tu cho được giải thoát.

58–59. Như từ trong đống bùn nhơ vất bỏ, mới sanh ra hoa sen thanh khiết ngào ngạt làm đẹp ý mọi người,

cũng thế chỉ từ nơi chốn phàm phu manh muội mới sản xuất những vị đệ tử bậc Chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian.

Không có hoa sen nào mọc ở trên đá cẩm thạch, nếu có đó là hoa sen giả. Còn hoa sen thật thì lúc nào cũng mọc ở trong bùn. Cho nên Phật nói từ trong đống bùn nhơ vất bỏ, mới sanh ra hoa sen thanh khiết ngào ngạt làm đẹp ý mọi người. Cũng thế ở trong chỗ phàm phu manh muội hay chính trong con người xấu xa mà biết tu, biết chuyển thì trở thành người trí tuệ, đem trí tuệ soi sáng thế gian. Như vậy người biết tỉnh giác thoát ra ngay trong thế gian đầy ô nhiễm.

Theo lịch sử, khi thành đạo Phật ngồi dưới cội Bồ-đề trên tòa cỏ. Tại sao bây giờ chùa không thờ ngài ngồi trên tòa cỏ mà lại ngồi trên tòa sen?

Kinh Di-đà nói, cõi này là ngũ trược ác thế, là kiếp trược, kiến trược, chúng sanh trược, mạng trược, phiền não trược... chính vì năm trược này cho nên đức Phật Thích-ca mới xuất hiện ở đời. Nếu ở đây mà thanh tịnh như cõi Cực Lạc thì Phật không ra đời làm chi. Chúng sanh đang chìm đắm ở trong chỗ tối tăm ô trược, nên Phật mới ra đời để độ chúng sanh. Ngài sanh ra trong cõi đời ô trược mà không bị nhiễm nhơ, cũng như hoa sen mọc trong bùn mà tinh khiết. Chùa thờ đức Phật ngồi trên tòa sen chứ không ngồi tòa cỏ như trong lịch sử là theo ý này.

Tòa sen có hai ý nghĩa: Một là để diễn tả tinh thần cao quý của đức Phật, ở trong cõi ô trược nhưng không nhiễm, ở trong chỗ tối tăm mà ngài sáng suốt, như hoa sen trong bùn lầy mà không nhơ nhớp và luôn luôn tinh khiết. Hai là để khuyến

khích chúng ta đừng mặc cảm, "Ôi! Thân này ô uế xấu xa quá, phiền não nhiều quá làm sao tu hành thành Phật!". Đừng mặc cảm như vậy, chính vì xấu xa cho nên mới tu. Nghĩa là người nào ý thức được mình đang xấu dở, thì phải nỗ lực vươn lên, đó là chuyển hướng từ vũng bùn phiền não mà nở ra hoa sen chánh giác, nếu hết phiền não rồi thì cần gì phải tu. Cho nên đức Phật nói, chỉ trong những chúng sanh mê muội mới có được những vị đệ tử bậc Chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian. Như vậy chính chúng ta là những hoa sen. Nhưng hoa sen này mới có cái ngó thôi chưa vươn lên khỏi bùn, huống nữa là khỏi mặt nước. Có cái ngó tí tẹo ở dưới nước, thủng thẳng biết nuôi dưỡng, đừng ai ngắt nhổ, thì từ từ nó sẽ lần ra khỏi bùn, ra khỏi mặt nước, chừng đó sẽ nở tròn trịa tinh khiết.

Đức Phật đã giác ngộ trước cho nên ngài thành Phật, chúng ta sẽ tiến sau, rồi cũng sẽ thành Phật. Chúng ta đều là những hoa sen thanh khiết ở trong đống bùn nhơ, đừng tưởng mình là bùn nhơ, đừng tự ti mặc cảm rồi không cố gắng tu. Như vậy câu kinh này chỉ cho chúng ta thấy ý nghĩa, người tu không phải người thuần tốt mới tu, mà chính thấy mình xấu mới tu. Nếu nói rằng người tốt mới tu còn những người xấu tu không được, là sai lầm.

V. PHẨM NGU

60. Đêm rất dài đối với kẻ mất ngủ; đường rất xa đối với kẻ lữ hành mỏi mệt. Cũng như thế vòng luân hồi sẽ tiếp nối vô tận đối với kẻ ngu si không minh đạt chánh pháp.

Khi nào bị bệnh đau đầu ngủ không được, thì sẽ thấy đêm rất dài, mắt cứ mở trao tráo để chờ đồng hồ reo và trông cho trời sáng. Như vậy cái khổ của người mất ngủ là họ thấy đêm dài vô tận. Kế nữa là người bộ hành mỏi mệt. Thí dụ như đi bộ từ Núi Lớn - Vũng Tàu qua Bà Rịa, tới Rạch Dừa chân đã mỏi rã rời, nếu phải đi đến Bà Rịa thì thấy đường thật dài. Vì bước thêm một bước đã khổ sở, huống chi còn mười mấy cây số. Đó là hai trạng thái đau khổ của người mất ngủ và kẻ bộ hành mỏi mệt. Cũng vậy, người ngu si không

minh đạt chánh pháp, sẽ nối tiếp sự luân hồi đến vô tận.

Thế gian cho người dốt nát khờ dại không biết chuyện này chuyện kia là người ngu si, Phật nói dù cho kẻ khôn ngoan lanh lợi, mà không hiểu chánh pháp tức là không biết đâu là nhân luân hồi, đâu là nhân giải thoát, việc nào chân chánh, việc nào tà vạy thì gọi là người ngu si. Cho nên người Phật tử chân chánh, sau khi quy y Tam bảo thì phải học hỏi chánh pháp ứng dụng tu hành, để tiến trên con đường giác ngộ. Muốn giác ngộ thì phải minh đạt chánh pháp. Nếu không thì cam chịu một đời ngu si để nối tiếp vòng luân hồi không cùng tận.

61. Không kết bạn được với kẻ hơn mình, không kết bạn được với kẻ ngang mình, thà quyết chí ở một

mình tốt hơn kết bạn với người ngu muội.

Đức Phật dạy, kết bạn với kẻ hơn và bằng mình, còn kẻ thấp hơn thì không nên kết bạn, như vậy có thiếu tâm bình đẳng không? Tại sao kết bạn với người hơn, với kẻ bằng? Người mới tập tu, nếu gần người bạn biết đạo khá hơn thì sẽ tiến bộ. Vì người hơn mình, mỗi khi nói chuyện họ giải thích thêm về giáo lý hoặc cách tu hành, làm cho kiến giải của chúng ta rõ hơn và khi mình chán nản, họ nhắc cho mình tiến hơn về phần thực hành. Cả hai hành và giải đều tiến nhờ người bạn hơn mình. Nhưng nếu người đó không chịu chơi với mình, thì chúng ta kiếm những người bằng mình để sách tấn nhau, họ dở mình nhắc, mình dở họ nhắc, như vậy thì cùng tiến tu.

Tại sao không kết bạn với người kém? Người Phật pháp chưa thông, đạo lực chưa vững, mới chập chững trên đường tu hành mà gặp những người mê muội thì làm sao tiến! Như vừa sửa soạn tụng kinh, họ nói tụng làm chi, đi đánh bài hoặc nghe nhạc vui hơn. Vốn là người làm biếng mà nghe họ xúi như vậy thì mở ti vi. Chà! Chương trình hay quá, rồi bỏ tụng kinh, thôi để bữa khác. Cứ như vậy ngày qua ngày, rốt cuộc họ rị kéo mình trở xuống, kéo mình chìm luôn, sự tu không đi tới đâu hết.

Vì vậy phải biết mình, khéo chọn bạn để gần gũi, người nào gần họ mà có thể tiến bộ trong sự tu hành thì được, nếu người làm mình thối lui thì nên tránh. Coi như ích kỷ, lựa người nào hơn mới chơi, còn người nào thua thì không chơi. Nhưng sự thật vì biết mình còn yếu, mà gần người

yếu hơn thì cả hai chìm luôn ở trong luân hồi sanh tử chứ không ra nổi. Như chim mới biết bay chút chút, mà có chim mẹ hoặc chim anh chim chị bay kha khá kèm theo giúp đỡ, thì nó bay được khá hơn. Nếu kết bạn với người dở hơn mình, như chim mới biết bay, cột thêm một miếng cây nhỏ, nó sẽ bay không nổi, nhất định bị rớt. Vì thế lúc yếu thì cần phải gần những người mạnh, họ thúc đẩy sách tấn mình tiến, khi mạnh mẽ rồi thì khác.

Nhưng học qua kinh Đại thừa chúng ta sẽ thấy Phật dạy khi tâm mình sáng, sức tu hành vững vàng thì khỏi cần chọn lựa. Nếu biết còn yếu thì phải tự lo giải quyết chuyện của mình cho xong, rồi mới giúp người khác sau. Thí dụ có một học trò nghèo, cha mẹ làm ăn vất vả mới có đủ cơm áo tiền bạc lo cho ăn học. Nếu là con khôn ngoan chí hiếu, biết thương cha mẹ

thì phải nỗ lực học cho thành tài, cho có nghề nghiệp để đền đáp công ơn cha mẹ. Nếu mới mười ba mười bốn tuổi làm công chuyện chưa nổi, mà nói thương cha mẹ rồi bỏ học hành, lo đi làm thuê làm mướn, rốt cuộc không nghề nghiệp làm sao nuôi nổi cha mẹ, không có lợi gì hết.

Tóm lại, khi còn yếu cần phải có những người bạn tốt để gần gũi, như vậy sự tu mới càng ngày càng tiến. Nếu dở quá mà gần những người dở hơn thì sẽ đi xuống. Phật dạy rất thực tế, chứ không phải dạy chúng ta ích kỷ.

62. Đây là con ta, đây là tài sản ta. Kẻ phàm phu thường lo nghĩ như thế, nhưng chẳng biết chính ta còn không thật có, huống là con ta hay tài sản ta.

Tất cả phàm phu chúng ta ai cũng nhận đây là con ta, tài sản của ta. Nhưng

ta là gì? Nếu chia chẻ ra thì thấy thân ta có hai phần, vật chất và tinh thần.

Phần vật chất gồm có đất, nước, gió, lửa. Tóc, gân, xương, da, thịt v.v... đó là đất; mồ hôi, máu mủ, nước mắt, đàm, nước miếng, nước tiểu v.v... là nước; hơi thở ra vô làm cho tim đập phổi nở, các mạch máu chạy là gió; nhiệt độ trong người là lửa. Nếu thiếu một món thì sống không được. Cho nên đức Phật dạy, dùng mắt trí tuệ quan sát thấy thân do tứ đại giả hợp, không thật, nếu thấy thật là sai lầm.

Phần tinh thần gồm có thọ, tưởng, hành, thức. Những cảm giác nhận chịu ở nơi thân gọi là xúc thọ, nơi mắt là nhãn thọ, nơi tai là nhĩ thọ v.v... là năm giác quan xúc chạm với ngoại cảnh có cảm giác nóng lạnh, vui buồn. Những cảm xúc đối với ngoại cảnh thì sanh ra sự nhận chịu để thích hay không thích, đó là thọ. Nhớ

lại những chuyện quá khứ, suy nghĩ những chuyện vị lai, gọi là tưởng. Tâm niệm sanh diệt từng phút giây, vừa nghĩ cái này chợt nghĩ cái khác, liên miên trong tâm gọi là hành. Thức là phân biệt, như mắt thấy hình sắc biết đó là xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... nghe tiếng biết tiếng ca hát, tiếng khen chê v.v...

Thân này chỉ là một mớ vật chất và tinh thần hợp lại giả có và giả có những cái suy tưởng xét nghĩ, mà cho đó là mình. Vì vậy ở đây đức Phật nói, chính ta còn không thật có huống là con ta hay tài sản của ta. Hiểu được như vậy là người có trí tuệ, nếu không hiểu gọi là ngu si. Phật dạy như thế là để tâm bớt dính mắc và lo tu hành, chứ không phải bỏ hết con cái tài sản không nhìn tới.

Tôi dẫn thêm câu chuyện. "Có một cô công chúa, vào một sáng trời mưa ra đứng

trước thềm, thấy những hạt mưa rơi lóng lánh, cô thấy chúng đẹp hơn những hạt kim cương, thích quá nhưng không biết nói với ai, liền vào trùm chăn không nói năng gì hết. Hoàng hậu cưng con, thấy con nằm buồn xo, mới hỏi lý do. Công chúa bèn nói:

- Con thích những hạt chuỗi ngọc rơi ở trước thềm. Nếu không được những viên ngọc đó thì con sẽ chết.

Nghe xong, hoàng hậu bèn tâu vua cha, vua ra lệnh nếu người nào xâu được những hạt mưa cho công chúa đeo thì trọng thưởng.

Một ông già đứng ra lãnh trách nhiệm xâu chuỗi cho công chúa. Cụ đưa ra điều kiện:

- Vì già cả lớn tuổi mắt kém không lựa được những hạt vừa ý cô, vậy khi trời mưa

xuống, công chúa chịu khó lựa hạt nào đẹp nhất, vừa ý nhất đưa tôi xâu cho.

Công chúa ngây thơ không biết gì, cứ mỗi hạt mưa rơi xuống, thì lượm lên, lượm mãi mỏi tay mà không được hạt nào. Ông cụ nói:

- Cô lượm không được hạt nào thì làm sao tôi xâu?

Mệt và chán quá công chúa nói:

- Thôi tôi không thích chuỗi ngọc nước nữa.

Vua nghe nói vậy mừng quá:

- Con không muốn chuỗi nước, ta sẽ cho con xâu chuỗi ngọc thật, bằng kim cương con đeo không bao giờ bể".

Công chúa ngây thơ đó chính là chúng ta bây giờ. Cụ già chỉ cho giáo pháp của Phật, là phương tiện giúp chúng ta không lầm cái giả là thật, để không tham nữa.

Vua cha chỉ cho đức Phật, dạy chúng ta tu hành đạt được cái bất sanh bất diệt, đó là pháp giải thoát.

Tóm lại tất cả cái gì mình sở hữu, tưởng là đẹp là quý, chỉ là những cái ảo ảnh, Phật nói đó là cái bóng, là mộng mị mà tưởng là thật. Đến ngày đầu bạc răng long cũng chưa chán, khi sắp chết mới giật mình. À! Tại sao từ trước tới giờ không lo tu, bây giờ không có công đức gì mới lo sợ.

Phật dạy phải thấy nó không thật, không có nghĩa là bảo chúng ta bỏ của cải, con cái, thân bằng quyến thuộc. Cũng biết đây là con, là của cải, nhưng mà con, của cải và mình, cả ba đều là duyên hợp như huyễn, tạm có rồi mất. Hiểu được như vậy thì không có lỗi gì hết, nếu cho cái gì cũng thật, đó là gốc của si mê thì trầm luân muôn kiếp.

63. Ngu mà tự biết ngu tức là có trí, ngu mà tự xưng rằng trí chính đó mới thật là ngu.

Người biết hành động nào tà, hành động nào chánh; tâm niệm nào thiện, tâm niệm nào ác. Thiện ác tà chánh biết rành rõ là người trí; còn người không biết phải quấy, không biết những sai lầm mà xưng là người trí thì đó là người ngu. Cho nên phải lo tu để phát huy trí tuệ, nhận định đúng sai, chứ Phật không ban cho chúng ta trí tuệ. Như người có lỗi, biết hối hận xin chừa, đó là người trí. Còn làm cái gì hay dở sai quấy đều không biết, vì không biết những sai quấy của mình thì không bao giờ sửa đổi, cho nên ngu hoài.

64. Người ngu suốt đời gần gũi người trí, vẫn chẳng hiểu gì chánh pháp, ví như cái muỗng múc thuốc

thang luôn, mà chẳng bao giờ biết được mùi vị của thuốc.

Muỗng dùng để múc thức ăn hằng ngày, nhưng không bao giờ nó hưởng được mùi vị của thức ăn. Cũng như người ngu suốt đời gần gũi người trí mà không hiểu chánh pháp của Phật. Những người không có trí, tuy ở bên cạnh chùa chiền, hoặc đến những nơi giảng kinh nói pháp, nhưng không hiểu được lời Phật dạy để ứng dụng tu hành nên không có lợi ích. Chẳng khác gì cái muỗng múc thức ăn không hưởng được mùi vị.

65. Người trí dù chỉ gần gũi người trí trong khoảnh khắc cũng hiểu ngay được chánh pháp, chẳng khác gì cái lưỡi mới tiếp xúc với thuốc thang đã biết ngay được mùi vị của thuốc.

Qua câu kinh này quý vị thấy rõ tầm quan trọng của trí tuệ và ngu si. Kẻ ngu, tuy gần người trí, dù được chỉ dạy hết lời mà nghe bao nhiêu cũng không thấm, không hiểu, nên không có lợi ích thiết thực. Người trí gặp người trí chỉ trong năm mười phút, hay qua một vài câu chuyện thì cảm thông nhau hết sức dễ dàng. Chỉ cần nghe qua một vài lời giảng, là hiểu được chánh pháp, nhận được lợi ích. Ở đây đức Phật thí dụ như cái lưỡi, vừa để thức ăn an vào miệng liền biết được mùi vị. Người trí và kẻ ngu thật là cách biệt xa vời. Một bên thì rất nhanh chóng, vừa nghe một lời nói phải, hay một câu đạo lý liền được thấm nhuần, còn một bên thì nghe bao nhiêu cũng không thấm, như gió thổi ngoài tai không ăn thua gì hết. Qua những thí dụ này chúng ta cũng có thể biết mình là trí hay ngu.

66. Kẻ phàm phu không giác ngộ nên đi chung với cừu địch một đường. Cũng thế, những người tạo ác nghiệp nhất định phải cùng ác nghiệp đi đến khổ báo.

Chúng ta nếu chưa giác ngộ, thì dễ tạo ác nghiệp rồi phải chịu khổ báo. Ác nghiệp chính là kẻ thù nhưng chúng ta luôn đi chung đường với chúng, vì mình chưa giác ngộ.

Thí dụ hôm nào nhà có đông khách, kẻ trộm lẫn trong đó. Nếu chúng ta không biết mặt nó thì có thể bị mất đồ. Nếu biết thì mỗi hành động, cử chỉ của nó, mình đều theo dõi. Nó không thể lấy đồ của chúng ta được. Mất đồ hay không là do biết hay không biết kẻ trộm. Như vậy cái biết là tối quan trọng. Muốn gìn giữ của cải trong nhà an ổn thì phải khéo biết rõ

người lương thiện và kẻ gian tà. Cái biết đó Phật giáo gọi là giác ngộ.

Khi tai họa đến chúng ta lo sợ và muốn tránh, nhưng sợ tai họa là sợ quả mà không biết tránh nhân. Nếu sợ tai họa và không muốn bị quả khổ thì lo tạo nhân lành, không đi chung với nghiệp ác, đó là giác ngộ của người phàm phu.

Kinh Phật thường nói thân này là gốc của muôn điều khổ. Cho nên người giác ngộ biết cội gốc của sanh tử là tham sân si. Muốn giải thoát khỏi đau khổ thì phải đoạn nhân tham sân si. Đó là giác ngộ của bậc Thánh.

Nhiều người gặp những hoàn cảnh đau khổ, họ muốn chết đi cho hết khổ. Như vậy có thật hết khổ không? Chắc hẳn là không. Bởi vì hủy hoại thân là chỉ biết đoạn quả, mà không biết đoạn nhân. Đức Phật dạy, nếu muốn tránh khổ thì không

tạo nhân, không nhân thì không có quả. Như trồng cây mà thấy cây xấu, ra trái không ngon, mình bèn chặt bỏ. Nhưng cây không chết vì còn gốc thì còn nảy mầm, đâm tược. Muốn cây không còn hiện hữu, thì đào tận gốc, nhổ quăng đi là xong. Cho nên người Phật tử muốn tránh cái khổ của nghiệp ác thì phải biết về nhân quả.

Người đã ý thức được cuộc sống là đau khổ thì phải biết nhân của sanh tử là tham sân si. Dứt tham sân si là dứt mầm sanh tử. Hủy hoại thân để hết khổ là rất sai lầm. Như con trâu biết khi mang ách lên cổ thì phải kéo cày cực khổ, nên nó ghét cái ách đó lắm. Một hôm ông chủ máng cái ách lên, nó dùng sừng quật gãy ách, tưởng rằng ách gãy là khỏi kéo cày. Nhưng bữa nay nó làm gãy ách bằng cây tràm, ngày mai ông chủ làm ách bằng cây gỗ thật chắc, nếu nó làm gãy nữa thì ông

phải làm cái ách bằng sắt. Nghĩa là còn làm trâu thì phải kéo cày, đó là một lẽ thật không chối cãi được. Tưởng phá ách thì khỏi kéo cày, là chỉ sợ quả mà không sợ nhân.

Phật dạy chúng ta phải trừ nhân, nhân đã không có thì quả cũng không. Còn chỉ sợ quả mà không tránh nhân, đó là kẻ phàm phu vô minh. Do đó đức Phật dạy, người tạo ác nghiệp nhất định phải cùng với ác nghiệp đi đến khổ báo. Muốn tránh khổ báo mà cứ gây nhân xấu ác thì không bao giờ tránh khổ được, cho nên người biết tu thì phải tránh nhân xấu ác không làm.

67. Những người gây điều bất thiện, làm xong ăn năn khóc lóc, nhỏ lệ dầm dề, vì biết rằng mình sẽ phải thọ lấy quả báo tương lai.

68. Những người tạo các thiện nghiệp, làm xong chẳng chút ăn năn, còn vui mừng hớn hở, vì biết mình sẽ thọ lấy quả báo tương lai.

Thứ nhất là người làm những điều ác, rồi ăn năn khóc lóc, vì biết rằng thế nào cũng phải chịu quả khổ ở tương lai. Thứ hai người làm việc lành xong, họ không ăn năn mà còn vui mừng hớn hở vì biết rằng, sẽ thọ quả báo tốt ở tương lai. Cả hai đều biết sẽ thọ quả báo, mà một người vui mừng, một người đau khổ. Như vậy người vui mừng vì biết rằng mình đã tạo nghiệp thiện, người đau khổ vì biết rằng mình đã tạo nghiệp ác. Ai sợ khổ muốn vui thì cứ như vậy mà tu, vì khổ vui là do mình tạo nghiệp lành hay nghiệp chẳng lành.

69. Khi ác nghiệp chưa thành thục, người ngu tưởng như đường mật,

nhưng khi ác nghiệp đã thành thục, họ nhất định phải chịu khổ đắng cay.

Làm việc ác mà chưa có kết quả thì người ngu tưởng như đường mật. Nhưng khi nghiệp ác đã chín mùi thì nhất định phải chịu quả đắng cay, chừng đó mới than thở kêu ca. Chúng ta thấy kẻ ngu lầm tưởng làm ác là được an vui, sung sướng, nhưng khi quả báo đến mới lo sợ khổ sở.

Hiện tại đa số người học Phật còn nghi về nghiệp báo. Như thấy trên thế gian cũng có những người làm ác, rồi ít năm thì thấy tai họa dồn dập tới, kẻ bàng quan nói đó là nhân quả. Nhưng cũng lắm người từ nhỏ tới lớn làm ác, mà sao họ giàu có sang trọng, đi xe hơi, ở nhà lầu, hưởng sung sướng cả đời, tới khi chết sao cũng chưa bị quả báo. Lại có người ăn hiền ở lành thì bị tai nạn dồn dập, ít tháng con đau, ít tháng

mất của, họ tự hỏi, lẽ ra mình làm lành thì phải được phước, gia đình vui sống an ổn, tại sao lại có tai nạn và mất của, rồi nghi có lẽ lý nhân quả chưa đúng, hay không có nhân quả.

Trong kinh Phật giải thích lý nhân quả thế này, khi người làm ác mà quả khổ chưa đến, vì người đó kiếp trước làm một ngàn điều phước, qua đời này làm năm trăm điều tội, kiếp này họ hưởng chưa hết một ngàn điều phước ở thuở xưa, thì ngã ra chết. Chúng ta chỉ thấy họ tạo năm trăm điều tội trong kiếp này, cho là không có quả báo. Nhưng sự thật họ đang hưởng quả báo lành của kiếp trước, năm trăm điều tội đời này mới tạo, quả báo chưa chín, chưa đến thời kỳ trả, đời sau họ sẽ trả. Rất tiếc chúng ta chưa chứng thiên nhãn, cho nên sau khi họ chết sanh ở đâu mình không biết và không thấy kiếp sống

kế của họ chịu đau khổ như thế nào, rồi cho rằng họ không trả quả.

Sự thật nhân quả không phải chỉ hạn cuộc trong một đời, mà trải qua ba đời. Hiện tại chưa trả thì vị lai phải đền, chứ không phải hiện tại không trả là hết. Cho nên lý nghiệp báo của đạo Phật xét tới ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, tương quan với nhau, nếu căn cứ ở hiện tại, chỉ nhìn một chặng mà đoán, không bao giờ đúng.

Tóm lại nghiệp ác hay nghiệp lành đều không mất, chỉ có quả đến sớm hay muộn mà thôi. Đến sớm thì ngay đời này, mà muộn thì qua đời sau. Vì thế người biết lý nghiệp báo không dám sống buông lung.

70. Từ tháng này qua tháng khác, với món ăn bằng đầu ngọn cỏ cô-sa, người ngu có thể lấy để nuôi sống, nhưng việc làm ấy không có giá trị

bằng một phần mười sáu của người tư duy chánh pháp.

Phật cho người tu khổ hạnh như thế tuy khó làm, nhưng không có giá trị bằng một phần mười sáu của người biết tư duy chánh pháp. Vậy người chỉ dùng món ăn nhỏ xíu để sống qua ngày là việc khó làm, nhưng đối với người biết Phật pháp, thấy không quan trọng bằng người biết tư duy chánh pháp.

71. Người cất sữa bò không chỉ sáng chiều đã thành vị đề hồ được. Cũng thế, kẻ phàm phu tạo nghiệp ác tuy chẳng cảm thọ ác quả liền, nhưng nghiệp lực vẫn âm thầm theo họ như lửa ngún giữa tro than.

Muốn chưng cất sữa để thành vị đề hồ, không phải một giờ hoặc nửa giờ thành được, mà phải nhiều công phu luyện lọc

năm phen mười lượt mới thành. Cũng thế, kẻ phàm phu tạo ác nghiệp tuy chẳng cảm thọ quả báo liền, nhưng nghiệp lực vẫn âm thầm theo họ, cũng như lửa ngún giữa tro than.

Khi chúng ta nấu bằng than đước, là thứ than rất chắc, tuy lửa ngọn không còn nhưng than vẫn âm ỉ cháy. Mới nhìn qua chúng ta tưởng đã nguội, nhưng để tay vào thì bị phỏng, đó là vì lửa còn cháy ngầm ngầm chưa hết. Cũng vậy khi tạo nghiệp ác, hiện chưa thấy quả báo, chúng ta tưởng không có, nhưng khi đủ duyên thì thọ nhận quả báo. Thí dụ như có người ăn trộm của người ta ở Sài Gòn, trốn ra Vũng Tàu tưởng không ai biết, nhưng sau đó bị công an truy nã rồi bị bắt ở tù. Cho nên Phật dạy dù làm việc thiện hay ác, quả báo không bao giờ mất, khi đủ duyên thì sẽ thọ quả báo.

72. Kẻ phàm phu lòng muốn được tri thức, mà hành động lại dẫn tới diệt vong, nên hạnh phúc bị tổn hại mà trí tuệ cũng tiêu tan.

Kẻ phàm phu muốn thành một người trí thức, khôn ngoan nhưng mà lại hành động đi tới chỗ diệt vong. Đó là mâu thuẫn, lòng muốn một đàng hành động một ngả, vì vậy cho nên hạnh phúc bị tổn hại, trí tuệ cũng tiêu tan. Thí dụ người sáng suốt trí tuệ mà cứ rượu chè be bét, uống rượu vào tâm trí tối tăm rồi dẫn tới hành động sai lầm, thì trí tuệ mất mà hạnh phúc cũng tiêu tan. Cho nên nếu người trí thì phải hành động khác hơn.

73. Kẻ ngu thường muốn hư danh: chỗ ngồi cao trong tăng chúng, viện chủ trong tăng viện, mọi người xin đến cúng dường.

Người ngu xuẩn thì thích danh tiếng, nghe người ta khen ngợi thì phấn chí, tự cao ngã mạn nhưng khả năng không xứng. Thí dụ vì thích được khen được hoan nghênh, không khả năng mà muốn làm nghị sĩ. Cho nên phải lo vận động hao tiền tốn của, rốt cuộc không đắc cử, phải nợ nần khổ sở. Cũng vậy ở trong tăng chúng, những người chỉ có khả năng trụ trì một ngôi chùa nhỏ, mà cứ tưởng mình làm được những chuyện lớn lao, rồi lãnh những trách nhiệm to tát, mà không làm tròn, bị người ta chê cười thì khổ sở.

Thế gian người ta nói biết mình biết người là người trí, còn kẻ không biết mình, không biết người là người đại ngu. Ở đây Phật nói hễ người ngu thì ham danh tiếng mà không biết khả năng của mình, mong mỏi những hư danh quá đáng, cho nên

phải chuốc đau khổ. Đó là cái si mê của người ngu.

74. Hãy để cho người tăng kẻ tục nghĩ rằng: sự này do ta làm, mọi việc lớn hay nhỏ đều theo lệnh của ta. Kẻ ngu cứ tưởng lầm như thế nên lòng tham lam ngạo mạn tăng hoài.

Người ngu mong mọi người nghĩ rằng sự này do ta làm, mọi việc lớn hay nhỏ đều theo lệnh ta. Phật cho người tưởng lầm như thế là kẻ ngu, tăng thêm tham lam ngạo mạn, trái với thuyết vô ngã của đạo Phật.

Do chấp ngã cho nên đại đa số đều nghĩ rằng thân này là của mình và làm chủ được thân, đó là sai lầm. Nếu mình làm chủ thì thân phải tuân theo ý muốn của mình, như ông chủ nhà sai kẻ tớ làm cái này cái kia, nó phải làm theo ý ông, nếu làm trái thì bị rầy. Ngược lại chúng ta

muốn thân không đau nhưng nó vẫn đau như nóng lạnh, nhức đầu, đau tim. Muốn khoẻ mạnh sống lâu đến tám chín mươi tuổi, nhưng đau lên đau xuống rồi chết yểu. Như vậy là chúng ta không làm chủ cơ thể.

Về tinh thần thì lúc bình thường biết nổi giận là xấu dở. Nhưng nếu có người nói câu gì trái ý thì giận đùng đùng miệng nói bậy, mặt đỏ lên v.v... đều là những trạng thái không bình thường, đó là người mất quyền tự chủ. Do đó người biết tu mới thấy làm chủ thân tâm rất là khó, không dám vỗ ngực xưng ta đây thế này thế nọ. Còn người không biết tu cứ tưởng ta làm việc này, làm việc kia vì thế sanh lòng tham lam ngạo mạn.

Có người muốn giàu có, mà vì hoàn cảnh hay thiếu phước nên vẫn nghèo, mọi việc sắp xếp lo toan không có gì như ý, làm

sao nói mọi việc lớn nhỏ đều do ta làm chủ. Vậy chúng ta nên hiểu đúng để được lợi ích an vui.

75. Một đàng đưa tới thế gian, một đàng đưa tới Niết-bàn, hàng Tỳ-kheo đệ tử Phật hãy biết rõ như thế, chớ nên tham đắm thế lợi, để chuyên chú vào đạo giải thoát.

Đức Phật chỉ rõ hai lối đi, một là lăn lộn trong thế gian, hai là giải thoát đạt đến Niết-bàn. Người xuất gia phải biết rõ như thế, không nên tham đắm những cái lợi của thế gian, để tâm chuyên chú vào đạo giải thoát. Điều này đức Phật chỉ rất rõ ràng, mọi người tu phải thấy. Nếu chúng ta tu hành mà theo danh lợi tài sắc, là đi theo con đường thế gian. Nếu buông bỏ tài sắc danh lợi thì đi trên con đường giải thoát Niết-bàn.

VI. PHẨM HIỀN TRÍ

76. Nếu gặp được người hiền trí chỉ bày lầm lỗi và khiển trách mình những chỗ bất toàn, hãy nên kết thân cùng họ, xem như bậc trí thức chỉ cho kho tàng bảo vật. Kết thân với người trí lành mà không dữ.

Đức Phật dạy, khi gặp người hiền trí chỉ bày lỗi lầm và khiển trách những sai trái, hãy nên kết thân và xem họ là bậc trí thức chỉ cho chúng ta kho báu, kết thân với người trí rất lợi ích. Người thấy mình có điều gì dở, họ rầy rà nhắc nhở đó là bạn lành. Người toàn rủ rê mình làm điều xấu, đó là người bạn ngu.

Thí dụ có người bạn thấy mình uống rượu say thì chê, anh dở quá, hư quá, không biết giữ mình, say sưa mất tư cách. Đó là người bạn trí nhắc nhở cho mình

những sai lầm. Nếu nghe chạm tự ái không thèm chơi với người đó nữa, thì mình là người ngu. Anh nào rủ mình uống rượu say sưa, té bờ té bụi, mai mốt lại rủ uống nữa, đó là người bạn không tốt, xúi mình làm chuyện hư hèn thì phải tránh xa. Người trí khi nghe chỉ dạy thì mừng, như người chỉ cho mình kho tàng quý báu, gần họ càng ngày càng trở nên người tốt, cần phải kết thân với họ. Đó là thế gian.

Người tu hành, nếu ở chung với người thấy mình có điều dở cũng mặc, hoặc xúi mình làm dở thêm, thì biết người đó là người không tốt. Ngược lại nếu mình làm điều dở, được khuyên răn phải sám hối, thì biết đó là người bạn tốt, nên kết thân với người đó, mình sẽ trở thành người tốt. Như vậy người biết chọn những người bạn tốt, nhắc nhở mình những điều sai quấy, gọi là người trí. Còn người sợ bị nhắc nhở

những lỗi lầm thì đó là người không trí. Người tại gia hay xuất gia đều phải chọn bạn mà gần, như vậy tu mới tiến. Cho nên đức Phật nhắc chúng ta nên kết thân với người trí thì lành và được chỉ kho tàng bảo vật để xài.

77. Những người hay khuyên răn dạy dỗ can ngăn tội lỗi kẻ khác, được người lành kính yêu bao nhiêu thì bị người dữ ghét bỏ bấy nhiêu.

Thế gian thường nói "giáo đa thành oán" vì ít ai thích nghe can ngăn. Nhưng thật ra, được người ta nhắc nhở những sai trái cho để sửa đổi mà sanh lòng oán ghét, đó là kẻ dữ, kẻ ngu. Nếu được người khuyên can răn dạy chỉ cho lỗi lầm thì mừng và kính trọng mến thương, đó là người lành, hiền trí. Cho nên người hiền thì thích nghe những điều răn dạy, nhắc nhở; còn người dữ thì không ưa, đó là một

lẽ thật. Ở đây Phật dạy nếu là người biết tu thì phải biết trân quý người khuyên răn, dạy dỗ mình.

78. Chớ nên làm bạn với người ác, chớ nên làm bạn với người kém hèn. Hãy nên làm bạn với người lành với người ý chí cao thượng.

Phật dạy chúng ta không nên gần bạn ác, không nên gần với người bạn kém hèn, người có ý chí tầm thường, mà phải gần với những người ý chí cao thượng để càng ngày càng vươn lên, bằng không thì chúng ta phải bị lùi xuống.

79. Được uống nước chánh pháp thì tâm thanh tịnh, an lạc nên người trí thường vui mừng ưa nghe Thánh nhân thuyết pháp.

Chúng ta đi nghe kinh, tâm hồn nhẹ nhàng, nếu đi tới chỗ ồn ào náo nhiệt, rầy

rà cãi lẫy qua lại thì tâm hồn khó chịu, như vậy là người có trí. Người trí rất cần nghe chánh pháp vì tâm hồn sẽ được thanh tịnh an lạc và tránh xa những chỗ làm cho tâm hồn xao động bất an như sòng bạc là nơi người ta toan tính hơn thua, sát phạt lẫn nhau.

Nhiều người tưởng dự vào những cuộc chơi như đánh bài để mua vui, nhưng sự thật chính đó là để sát phạt, làm khổ nhau chứ không phải vui. Niềm vui của đạo Phật là khi tâm hồn thanh tịnh an ổn. Còn vui mà có ý sát phạt nhau là trá hình của đau khổ. Cho nên muốn an lạc thanh tịnh thật sự, chúng ta phải thường nghe Thánh nhân thuyết pháp.

80. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm cung tên lo uốn cung tên, thợ mộc lo nảy mực đo cây. Còn người trí thì lo việc tự luyện lấy mình.

Những người làm vườn lo tưới nước săn sóc cây, cho nó được tươi nhuần. Còn thợ làm cung tên lo uốn tên cho ngay thẳng, thợ mộc thì cả ngày lo nảy mực, đo cây làm những món đồ tinh xảo. Cũng vậy, người biết lo điều phục tâm mình, niệm xấu khởi lên thì sửa bỏ, niệm tốt khởi lên thì phát huy ra lời nói và hành động, đó là người trí.

Anh làm vườn, người làm cung tên, người thợ mộc, mỗi người đều chăm chỉ thì mới thành công. Cũng vậy, người trí luôn luôn tự điều phục phiền não nơi tâm, không để cho tâm ý chạy theo ngoại trần thì ngày càng thuần thiện.

81. Như ngọn núi kiên cố, chẳng bao giờ bị gió lay. Những lời phỉ báng hoặc tán dương chẳng bao giờ làm lay động người đại trí.

Chúng ta nhìn lên ngọn Núi Lớn ở Vũng Tàu, thấy nó không bao giờ lay động khi gió thổi. Dù cho giông bão thì núi vẫn là núi. Cũng thế, đối với người trí tuệ, biết điều phục tâm mình dù cho ai khen chê, tâm họ không bao giờ lay động.

Nếu được kêu tên vỗ tay hoan nghênh giữa đám đông, trong lòng chúng ta điềm đạm bình thường, hay có những trạng thái khác thường? Nếu khác thường thì tự biết mình chưa phải là người đại trí, vì người đại trí đối với sự khen ngợi tâm không dao động. Ngược lại giả sử có kẻ chửi bới mình cũng giữa chỗ đông người, lúc đó tâm mình bình thường hay xao xuyến bất an? Nếu bình thường là người trí, nếu chưa được bình thường là người ngu. Nhưng tại sao người trí khi bị khen chê thì không động, còn người ngu thì bị động? Vì người trí biết tự điều phục,

không cho tâm chạy theo ngoại cảnh, nên lời khen tiếng chê không làm cho tâm họ xao động. Trái lại người ngu không biết điều phục tâm, bị những tiếng đó làm xao xuyến bất an, chứng tỏ rằng sự tu hành còn yếu.

Như vậy người trí là người không màng những chuyện khen chê, trước ngũ dục họ vẫn an nhiên tự tại, không bị lay động, luôn vững vàng như núi.

82. Như hồ nước sâu và yên lặng trong sạch, những người có trí tuệ sau khi nghe pháp, tâm họ cũng thanh tịnh và lặng yên.

Người trí sau khi nghe những lời Phật dạy thì tâm họ trong lặng thanh tịnh. Người không có trí nghe Phật dạy không hiểu, tâm không yên ổn và không có lợi ích. Hai người, trí và không có trí khác xa. Vì vậy đức Phật mượn hình ảnh hồ nước sâu

yên lặng trong sạch, để chỉ cho người trí sau khi nghe Phật dạy tâm hồn họ cũng giống như vậy.

83. Người lành thường xa lìa mà không bàn đến những điều tham dục, kẻ trí đã xa lìa niệm lự mừng lo, nên chẳng còn bị lay động vì khổ lạc.

Người liêm sỉ biết chút ít đạo đức, không bao giờ nói những lời thô tục có tính chất làm cho người phóng tâm loạn ý. Người biết tu thì ít nghĩ tới chuyện tham dục. Cũng vậy, người trí xa lìa niệm lự mừng lo, không bị khổ và lạc làm lay động.

Trong cuộc sống hằng ngày, khi gặp những tai họa thì gọi là khổ, gặp những điều tốt lành gọi là lạc. Như người có thân nhân bị tai nạn, đêm đến không ngủ được vì đau buồn. Người trúng số độc đắc mừng quá, đêm cũng không ngủ được, vì bị cái vui lay động. Cả hai trường hợp tâm đều

không yên. Người như vậy chứng tỏ không phải là người trí, nếu là người trí thì khổ vui không bao giờ làm cho động tâm, vẫn an tịnh trước những cảnh bất thường mà người thế gian không kham chịu nổi, đó mới thật là người đại trí.

84. Không vị tình thiên hạ cũng không vị tình một người khác, người trí không làm bất cứ điều gì sai quấy, không nên cầu con trai, sự giàu có, không nên cầu mong thành công của mình bằng những phương tiện bất chánh, được vậy mới thật là người đạo đức trí tuệ và ngay thẳng.

Không vị tình nhiều người, cũng không vị tình một người nào. Người trí không bao giờ làm điều sai quấy, dù người thân xúi giục hay để được người khen ngợi, nhất định không làm. Nghĩa là người trí không bao giờ chịu làm điều sai quấy do

vị nể mọi người. Ngược lại nếu vị nể người này người kia, thì hay làm những chuyện không phải đạo.

Không nên cầu con trai, sự giàu có sung túc bằng việc làm sai quấy. Thí dụ Phật tử đã quy y thọ năm giới, không có con trai, bây giờ một ông thầy bùa hứa rằng, nếu cô nghe lời tôi giết năm con bò bảy con heo v.v... cúng tế sẽ được con trai. Người Phật tử giữ giới không bao giờ làm. Thà không có con còn hơn hại sanh vật, đó là người trí. Người không biết tu khi muốn điều gì, dù cho tội lỗi mấy cũng làm để đạt được sở nguyện của mình. Không nên cầu mong thành công của mình bằng những phương tiện bất chánh, được vậy mới thật là người đạo đức trí tuệ và ngay thẳng. Cho nên người Phật tử chân chánh, hễ phương tiện làm ăn nào trái với đạo lý đều không nên làm.

Nhiều người thờ Quan Công, ông có tài đức gì mà thờ? Đời Tam Quốc, Quan Công tài không bằng Lữ Bố, trí không bằng Khổng Minh, nhưng hai ông kia không ai thờ mà thờ Quan Công. Chính vì ông không muốn thành công bằng những phương tiện bất chánh. Khi đánh giặc, ông không giết người ngã ngựa, hết lòng với anh em kết nghĩa, luôn biết trả ơn. Ông không làm điều gì có vẻ thiếu quang minh chính đại, đó là tấm gương mà sau này người ta kính thờ. Trường hợp như Quan Công gọi là người tiết nghĩa ngay thẳng. Ở đây chúng ta thấy đức Phật dạy cũng tương tự. Chúng tôi không nói đến phạm vi đánh giặc mà chỉ nói phạm vi tiết nghĩa của ông thôi.

85. Trong đám nhân quần này, chỉ có một ít người đã đạt đến bờ kia, còn

bao nhiêu người khác còn đang bồi hồi vơ vẩn tại bờ này.

Đức Phật nói, trong đám đông quần chúng, chỉ có một ít người đạt đến bờ kia, nghĩa là đạt đến cảnh giới an lạc Niết-bàn. Bờ kia chữ Hán gọi là bỉ ngạn, là chỉ cho Niết-bàn. Người đạt được Niết-bàn rất ít ỏi. Còn bao nhiêu người khác thì vẫn bồi hồi vơ vẩn ở bên bờ sanh tử chứ không qua nổi.

Cho nên người tu Phật cố gắng đến bờ kia, chứ đừng lẩn quẩn ở bờ này.

86. Những người nào hay thuyết pháp, theo chánh pháp tu hành, thì được đạt tới bờ kia, thoát khỏi cảnh giới tà ma khó thoát.

Người nào muốn đạt tới bờ kia, là bờ Niết-bàn, thì phải tu hành theo chánh pháp, là người vừa hay thuyết pháp vừa

ứng dụng Phật pháp tu hành. Thuyết pháp không phải chỉ là vị pháp sư lên tòa ngồi thuyết pháp, mà chúng ta đem lời Phật dạy, nói cho huynh đệ nào chưa hiểu Phật pháp nghe, cũng gọi là thuyết pháp. Dù nói cho một người nghe, hoặc cho hai người đến trăm ngàn người nghe v.v... cũng gọi là thuyết pháp. Như vậy người biết thuyết pháp, biết theo chánh pháp tu hành, là người dễ đạt đến bờ kia, người đó mới thoát khỏi cảnh giới của sanh tử luân hồi.

87. Người trí nên rời bỏ hắc pháp tức là pháp ác mà tu tập bạch pháp tức là pháp thiện, xa gia đình nhỏ hẹp, xuất gia sống độc thân theo phép tắc Sa-môn.

Đức Phật khuyến khích người trí hãy nên rời bỏ việc ác, luôn luôn tập làm những việc lành và nên xa gia đình nhỏ

hẹp, để làm vị Sa-môn tu hành giải thoát. Đó là lời của Phật khuyên người trí nên tu tập để tiến lên, chứ đừng dừng lại ở một phạm vi nhỏ hẹp.

88. Người trí cần gột sạch những điều cấu uế trong tâm, cầu cái vui chánh pháp, xa lìa ngũ dục, chẳng còn vướng mắc chi.

Người trí phải gột sạch những điều cấu uế trong tâm, như là tham, sân, si, mạn, nghi v.v... hãy cố gắng gột rửa cho sạch và cầu cái vui chánh pháp. Nghe Phật pháp rồi tư duy ứng dụng tu hành, để tâm hồn an tịnh, đó gọi là cầu cái vui chánh pháp. Đối với ngũ dục thế gian, như tiền của, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ, thì phải xa lìa, tiến đến chứng quả Niết-bàn, đó mới gọi là người trí.

89. Người nào thường chánh tâm tu tập các pháp giác chi, xa lìa tánh cố chấp rời bỏ tâm nhiễm ái, diệt hết mọi phiền não để trở nên sáng suốt, thì sẽ chứng Niết-bàn ngay trong đời hiện tại.

Người nào chánh tâm tu tập pháp Thất giác chi, bỏ hết những tánh cố chấp tập nhiễm ái dục thế gian, sạch hết phiền não thì trở nên sáng suốt và chứng được Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Pháp Thất giác chi chỗ khác gọi là Thất bồ-đề phần, gồm có niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi và xả giác chi.

Ở phẩm Ngu, chúng ta đã biết rõ thế nào là người ngu. Ở đây đức Phật chỉ cho chúng ta thấy, người biết điều phục tâm mình, dùng pháp thất giác chi để dứt trừ

ái nhiễm, dứt sạch phiền não, từ phàm tiến đến Thánh, chứng được Niết-bàn, đó mới thật là người đại trí. Cho nên chúng ta phải biết phân biệt rành rẽ trí ngu, sau đó mới có thể giác ngộ hoàn toàn.

VII. PHẨM A LA HÁN

90. Người đã giải thoát hết thảy, đã dứt hết thảy buộc ràng, là người đi đường đã đến đích, chẳng còn chi lo sợ khổ đau.

Người đã giải thoát hết thảy ràng buộc, đó là người đã đến đích, đạt đến chỗ mình nhắm, chẳng còn chi lo sợ. Theo kinh A-hàm, người chứng được A-la-hán là giải thoát sanh tử luân hồi trong hiện đời. Khi chưa biết đạo, chúng ta sống như bao nhiêu người khác, cũng tham lam giận dữ và đủ thứ tật xấu. Nhưng bây giờ phát tâm quy y Tam bảo và thọ trì năm giới, là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Chín chắn giữ một giới là trừ được một điều xấu ác. Không sát sanh thì trừ được thói quen ưa giết hại sanh mạng

chúng sanh. Không trộm cắp thì bỏ được tật tham lam v.v... Như vậy nhờ biết tu mà giảm từ từ những cái xấu còn chứa trong tâm, cho tới khi nào sạch hết những tật xấu là giải thoát. Thành thử giải thoát không có nghĩa là biết bay lên hư không, hay sẽ trở thành những con người lạ lùng, mà giải thoát chính là trong tâm không bị những xấu xa phiền não ràng buộc lôi kéo nữa. Cho nên người tu hành trong đời hiện tại nếu thoát tất cả những ràng buộc thì chứng A-la-hán, chứ không phải đợi đến đời nào khác. Chúng ta phải hiểu cho kỹ điều đó. Chỉ cần bỏ hết những buộc ràng thì chẳng còn chi lo sợ nữa.

91. Kẻ dũng mãnh chánh niệm tâm không ưa thích tại gia, ví như con ngỗng khi ra khỏi ao, chúng bỏ lại cái ao hồ không chút nhớ tiếc.

Con ngỗng khi ra khỏi ao, chúng bỏ lại cái ao không chút luyến tiếc vì nó thấy đất trời rộng rãi thoải mái hơn. Cũng vậy người có trí tuệ mãnh liệt, biết chánh niệm tỉnh giác thì thích xuất gia giải thoát, chứ không chịu ràng buộc ở trong gia đình nhỏ hẹp, chẳng khác nào con ngỗng lên bờ, không còn thích trở lại ao hồ.

92. Những vị A-la-hán không chất chứa tài sản, biết rõ mục đích sự ăn uống, tự tại trong cảnh giới "không, vô tướng, giải thoát", như chim bay giữa hư không khó tìm thấy dấu vết.

Đức Phật diễn tả tâm trạng và việc làm của các bậc A-la-hán để chúng ta nghe biết mà gắng sức tiến lên. Những vị A-la-hán không chất chứa tài sản, biết rõ mục đích sự ăn uống, tự tại đi trong cảnh giới không, vô tướng, giải thoát. Đi trong cảnh giới này như chim bay giữa hư không,

không tìm thấy dấu vết. Người tu hành muốn đạt được giải thoát rốt ráo tiến lên vị Thánh, phải gỡ bỏ những ràng buộc thế gian như tài sản, ăn uống v.v... để tâm mình rỗng rang, chứng được cảnh giới không, vô tướng và giải thoát.

Chúng tôi giải thích sơ, chứng được Niết-bàn gọi là *không*, vì không có tham sân si phiền não. Vô tướng hay *không tướng* là không còn phiền não tham sân si, không còn bị ràng buộc bởi những tham dục cho nên gọi là giải thoát, là tự tại khỏi tất cả dục lạc và những hình tướng của thế gian. Tóm lại, *không* nghĩa là không còn cái nhân sanh tử; vô tướng là không còn bị ràng buộc trong hình thức và giải thoát là không còn đắm trước tham dục, không còn bị phiền não ràng buộc, gọi đó là bậc A-la-hán.

93. Những vị A-la-hán đã dứt sạch các lậu hoặc, không tham đắm uống ăn, tự tại đi trong cảnh giới "không, vô tướng, giải thoát", như chim bay giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết.

Câu 92 và 93 ý nghĩa giống nhau, chỉ khác là câu 92 nói các bậc A-la-hán không chất chứa tài sản, còn câu 93 thì nói các ngài đã dứt sạch lậu hoặc. Cho nên dễ hiểu không cần giảng.

94. Những vị A-la-hán đã tịch tịnh được các căn như tên kỵ mã đã điều phục được ngựa lành, nên không còn phiền não ngã mạn và được các hàng nhân thiên kính mộ.

Những vị A-la-hán đã tịch tịnh được các căn, như tên kỵ mã đã điều phục được ngựa lành, nên không còn phiền não ngã mạn và được các hàng nhân thiên kính mộ.

Các bậc A-la-hán được trời người cung kính vì các ngài biết điều phục tâm, chẳng khác nào như người luyện tập ngựa, từ những con ngựa chứng khó dạy, mà họ luyện tập lần lần trở thành con ngựa thuần, con ngựa hay. Cũng vậy, chỉ khéo điều phục tâm mình mà thành A-la-hán chứ không phải là chuyện ngẫu nhiên. Như vậy tập bỏ tâm phàm, đó là bậc Thánh chứ không tìm đâu xa.

95. Những vị A-la-hán đã bỏ hết lòng sân hận, tâm như cõi đất bằng, chí thành kiên cố như Nhân-đà-yết-la, như ao sâu không bùn nên chẳng còn bị luân hồi xoay chuyển.

Những vị A-la-hán bỏ hết lòng sân hận, là không còn tất cả phiền não, tâm như cõi đất bằng. Tâm chúng ta còn phiền não tham sân si giống như đất núi đất rừng nhiều lồi lõm. Các ngài chí thành

kiên cố, chẳng khác nào như Nhân-đà-yết-la. Nhân-đà-yết-la là tảng đá lớn, chặn giữa cửa vào đền của Thiên Đế-thích. Tâm các vị A-la-hán vững vàng kiên cố, không bị lay chuyển, như ao sâu không bùn, nên chẳng còn bị luân hồi xoay chuyển. Nếu cái ao có bùn thì khi quậy lên nó ngầu đục. Ao không bùn là ở dưới đáy ao không có bợn nhơ, muốn quậy cho nước nổi bùn cũng không được. Cũng vậy các vị A-la-hán do đã dứt sạch phiền não, cho nên không bao giờ luân hồi sanh tử, cũng như ao sâu không bùn. Chúng ta vì còn phiền não nên phải luân hồi sanh tử, đó là một lẽ thật.

96. Những vị A-la-hán ý nghiệp thường vắng lặng, ngữ nghiệp, hành nghiệp thường vắng lặng, lại có chánh trí giải thoát nên được an ổn luôn.

Những vị A-la-hán đối với ba nghiệp; ý nghiệp, ngữ nghiệp và hành nghiệp luôn vắng lặng. Vắng lặng không phải là ngồi im, miệng không nói, tay chân không cử động, không có sinh hoạt gì cả mà ba nghiệp lúc nào cũng trong sạch, không bị khổ vui làm động tâm. Cho nên người tu hành nếu ba nghiệp thanh tịnh thì luôn được an ổn. Ngược lại ba nghiệp không thanh tịnh thì luôn bị phiền não.

97. Những vị A-la-hán chẳng còn phải tin ai, đã thấu hiểu đạo vô vi, dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân cùng quả báo ràng buộc, lòng tham dục cũng đã xa lìa, chính đó là bậc Vô thượng sĩ.

Những vị A-la-hán đã thấy đạo nên tin nơi mình, không còn tin ai. Thấu hiểu đạo vô vi là đạt được Niết-bàn, đạt được lý không sanh không diệt, dứt trừ vĩnh viễn

nguyên nhân cùng quả báo ràng buộc, dứt được nhân quả ràng buộc trong vòng luân hồi. Các ngài đã dứt sạch lòng tham dục, cho nên các ngài là bậc Vô thượng sĩ, mà Vô thượng sĩ là một hiệu của đức Phật.

98. Dù ở xóm làng, dù ở núi rừng, dù ở đất bằng, dù ở gò trũng v.v... bất cứ ở chốn nào mà có vị A-la-hán thì ở đó đầy cảnh tượng yên vui.

Phật nói mỗi người chúng ta sanh ra đều thọ nhận chánh báo và y báo. Chánh báo là con người chúng ta, y báo là hoàn cảnh sống chung quanh. Nếu chánh báo đẹp thì y báo theo đó mà đẹp, chánh báo xấu y báo theo đó mà xấu. Vì vậy những vị A-la-hán là người có chánh báo đã thuần tịnh, thuần an vui, thì y báo cũng thuần tịnh, thuần an vui. Thí dụ một người giàu ở trong xóm nghèo, nếu đường xá trong xóm lầy lội, thì họ bỏ tiền sửa

sang cho bằng phẳng, sạch sẽ tốt đẹp, nên cảnh thay đổi từ xấu trở thành tốt. Cũng vậy ở đâu có một vị tâm hồn thật thanh tịnh sáng suốt thì ở đó cũng đều được an ổn theo. Kinh nói tâm tịnh thì độ tịnh, đó là lẽ thật.

99. Lâm dã là cảnh rất vui đối với vị A-la-hán nhưng người đời chẳng ưa thích, trái lại dục lạc là cảnh ưa thích của người đời, vị A-la-hán lại lánh xa.

Vị A-la-hán thích ở lâm dã cho nên lâm dã là cảnh rất vui của các ngài, còn người đời thích dục lạc cho nên dục lạc là cảnh vui của người đời. Như vậy điều người đời cho là vui thì các vị A-la-hán lánh xa không thích. Người tu ngược với thế gian là ở chỗ đó.

Phẩm này diễn tả cảnh giới của A-la-hán, chúng ta tu chưa tới, cho nên thấy khó hiểu, nhưng chúng ta cần phải biết

qua tâm lượng và cách sống của các ngài, khi tu hành lấy đó làm mục tiêu nhắm tới. Nếu không biết thành A-la-hán là phải như thế nào, hay tâm lượng A-la-hán ra sao, thì không biết được mục đích để nhắm tới.

VIII. PHẨM NGÀN

100. Tụng đến ngàn câu vô nghĩa chẳng bằng một câu có nghĩa lý, nghe xong tâm liền thanh tịnh.

Người nào tụng ngàn câu vô nghĩa, chẳng bằng một câu có nghĩa lý, một câu có nghĩa lý khi nghe xong tâm được thanh tịnh. Thế nào là câu vô nghĩa và câu có nghĩa lý? Như đọc tiểu thuyết, trong đó nói chuyện trên trời dưới đất, tâm chỉ vui buồn theo câu chuyện, chứ không thanh tịnh, nên Phật nói đó là những câu vô nghĩa. Nếu đọc lời Phật dạy, hiểu rõ nghĩa lý để ứng dụng tu hành thì tâm hồn thanh tịnh an ổn, nên nói là câu có nghĩa lý.

Tu là cốt giữ tâm, không cho phóng chạy nơi này nơi nọ, nên có nhiều phương tiện, như niệm Phật, ngồi thiền hay tụng kinh, đặt thời khóa tối tụng một thời,

khuya tụng một thời, chỉ nhớ câu kinh thì tâm không xao động, đó là phương tiện điều tâm. Ở đây nói tụng ngàn câu vô nghĩa, là đọc những quyển sách nhảm nhí ngoài đời, không có nghĩa lý cao siêu, không bằng đọc một câu Phật dạy có nghĩa lý, để tâm mình được thanh tịnh thì quý hơn. Như vậy tụng kinh để chế phục tâm, chứ không phải chỉ là hiểu nghĩa.

101. Tụng đến ngàn câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một câu kệ có nghĩa lý, nghe xong tâm liền thanh tịnh.

102. Tụng đến trăm câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một pháp cú, nghe xong tâm liền thanh tịnh.

Một pháp cú tức là một câu pháp mà đức Phật dạy. Phật dạy dù chỉ một câu

cũng có thể khiến tâm thanh tịnh, quý hơn trăm câu, ngàn câu kệ vô nghĩa.

103. Thắng ngàn quân địch chưa thể gọi là thắng, tự thắng được mình mới là chiến công oanh liệt.

Ở đời, một người đánh thắng hay chinh phục được nhiều người thì rất tài giỏi, nếu chinh phục cả triệu người là vô địch. Nhưng đức Phật thì thấy ngược lại, nếu chinh phục người ngoài mà không chinh phục được mình thì chưa phải là người toàn thắng. Cho nên nhiều vị anh hùng hét ra lửa, nhưng cũng bị thần chết lôi đi chứ không thoát khỏi. Còn người tự điều phục và thắng được mình, mới có thể giải thoát sanh tử.

Anh hùng tài giỏi lắm là chinh phục phân nửa thế giới, hoặc là hai phần ba thế giới, chứ không thể nào chinh phục cả thế giới. Giả sử chinh phục cả thế giới thì chỉ

trong khoảng năm ba chục năm là cùng, nếu có danh dự cũng chỉ mấy mươi năm. Hơn nữa chưa có anh hùng nào thoát khỏi tham dục. Còn người chinh phục được tâm, thắng những thói hư tật xấu của chính mình thì thoát ra ngoài vòng sanh tử, không bị hạn cuộc bởi thời gian và không gian. Cho nên ở đây đức Phật dạy, người thắng ngàn quân địch chưa thể gọi là thắng, tự thắng được mình mới là chiến công oanh liệt nhất.

104. Tự thắng mình còn vẻ vang hơn thắng kẻ khác, muốn thắng mình phải luôn luôn chế ngự lòng tham dục.

Người đời thắng được kẻ khác thì hãnh diện, còn người tu thắng được lòng mình mới vẻ vang. Nhiều người nói tu với người ngoài thì dễ mà tu với người thân trong nhà thì khó, nhất là đối với con cháu. Bởi vì trong nhà đi ra đi vô thấy mặt hoài,

nên khó nhẫn nhịn, đứa ở hay con cháu, nó làm trái ý thì mình la lối một hồi cho đã giận rồi mới thôi; còn người ngoài nói một lát họ đi mất, thành ra dễ nhẫn. Vì vậy tu với người trong nhà khó, mà tu với người ngoài thì dễ. Bây giờ gặp việc trái ý, vừa tức giận, chúng ta ráng dằn xuống thì đã tự thắng mình. Trước hết phải chiến thắng cái tức của mình, khi hết giận kêu con cháu lại dạy bảo. Như vậy mới thật sự dạy bảo trong tình cảm của ông bà cha mẹ dành cho con cháu. Còn khi tức giận bực bội, là rầy rà trong cái sân giận, nói ra chát tai làm người nghe khó chịu. Đó không phải là cách dạy bảo của người biết tu. Vì vậy mọi người đừng cho rằng nhịn rồi thiếu bổn phận giáo dục, mà nhịn là để thắng cái giận nơi mình, rồi mai dạy bảo đâu có gì muộn, vì lúc hết nóng lời dạy mới thật sự có hiệu quả.

105. Dù là thiên thần, càn-thát-bà, dù là ma vương hay phạm thiên, không một ai chẳng thất bại trước người đã tự thắng.

Có người cho rằng ngồi thiền một mình hay tu nhiều sợ ma phá. Nhưng sự thật không phải vậy. Nói tu nhiều bị ma phá là tại không hiểu ý nghĩa sự tu, nếu cho rằng tu nhiều là tụng kinh niệm Phật nhiều và có những sự huyền bí thiêng liêng thì bị ma quấy phá. Sự thật người tu nhiều là đã tự điều phục và làm chủ tâm mình, thì ma càng sợ không phá được, như người mạnh không bị người khác ăn hiếp.

Có ai tu nhiều như đức Phật mà khi ngồi dưới cội bồ-đề, vẫn bị ma vương tới phá; sau khi thành Phật đi hóa đạo thì bị Đề-bà-đạt-đa theo phá v.v... Với con mắt phàm tục thì cho là Phật bị phá. Ở đây đức Phật nói dù thiên thần, càn-thát-bà, dù là

ma vương hay phạm thiên vương, không một ai chẳng thất bại trước người đã tự thắng. Người tự thắng thì không sợ ma phá. Vì vậy nếu tự điều phục, tự chiến thắng tất cả thì không ai phá hoại được. Chỉ khi nào tham sân nổi lên, thì ma mới lôi mình được. Như vậy tất cả đều tại mình. Hơn nữa, người tu thì sẵn sàng chịu thử thách, tại sao lại sợ ma phá!

106. Mỗi tháng bỏ ra hàng ngàn vàng để sắm vật hy sinh tế tự cả đến trăm năm, chẳng bằng trong giây lát cúng dường bậc chân tu, cúng dường bậc chân tu trong giây lát thắng hơn tế tự quỷ thần cả trăm năm.

Người dù bỏ ra tiền muôn bạc vạn để mua những con vật tế thần, cúng vái tế tự lung tung, tốn hao rất nhiều tiền, không bằng cúng dường những vị chân tu. Vì cúng tế như trên là cầu phước, nhưng sát

sanh hại vật thì chuốc tội, thành ra bên tội bên phước. Hơn nữa, cúng như thế cầu ma quỷ ủng hộ cho mình làm giàu, mà giàu có thì của cải chắc gì còn mãi. Nhưng cúng dường bậc chân tu chỉ dạy đạo lý để mình ăn hiền ở lành thì có lợi ích và có phúc lành lâu dài.

107. Cả trăm năm ở tại rừng sâu thờ lửa chẳng bằng trong giây lát cúng dường bậc chân tu; cúng dường bậc chân tu trong giây lát thắng hơn thờ lửa cả trăm năm.

Thuở xưa người Ấn Độ thường thờ thần lửa, đức Phật cho rằng đó là việc làm vô nghĩa. Vì lửa là cái thuộc về vô tình, không có lợi ích bằng cúng dường bậc chân tu và nghe pháp, đó mới thật là lợi ích lớn.

108. Suốt một năm cúng dường để cầu phước, công đức chẳng bằng một

phần tư sự kính lễ bậc chánh trực, chánh giác.

Giả sử bố thí cúng dường để cầu phước không bằng tự mình lễ kính bậc chánh trực, chánh giác. Cúng dường bố thí chỉ có cái phước ở bên ngoài, còn tự phát tâm kính lễ bậc tu hành chân chánh là do tâm thành phát ra từ cái nhân tốt ở trong, nên có nhiều phước báo hơn.

109. Thường hoan hỷ tôn trọng kính lễ các bậc trưởng lão thì được tăng trưởng bốn điều: sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ, khỏe mạnh.

Nếu thường vui vẻ tôn trọng kính lễ các bậc trưởng lão là những người lớn tuổi hạ, đạo đức cao siêu. Tôn trọng kính lễ như vậy được bốn điều tốt là sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ và khỏe mạnh.

110. Sống trăm tuổi mà phá giới và buông lung, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà trì giới tu thiền định.

Có nhiều người đi tu thọ giới hai mươi năm, thấy người mới thọ giới ba năm thì coi thường. Nếu theo lời Phật dạy ở đây thì người tu khi thọ giới phải giữ giới thanh tịnh, mới có giá trị, còn thọ giới lâu năm mà buông lung không giữ giới, lại kể mình lớn tuổi đạo người ta phải kính nể, đó là sai lầm.

111. Sống trăm tuổi mà thiếu trí tuệ không tu thiền, chẳng bằng chỉ sống một ngày mà đủ trí tu thiền định.

Sống lâu mà không có trí tuệ, không biết tu thiền, không bằng sống một ngày mà đủ trí tuệ tu thiền. Vì sống một trăm tuổi mà chạy theo danh lợi thế gian, rốt cuộc chỉ chuốc lấy luân hồi sanh tử. Nếu

sống một ngày là thời gian ngắn, mà có trí tuệ biết tu thiền định, một ngày tâm mình tỉnh táo sáng suốt, thì chặn được một đoạn đường sanh tử, còn hơn kéo dài đau khổ trong sanh tử luân hồi.

112. Sống trăm tuổi mà giải đãi không tinh tấn, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà hăng hái tinh cần.

Người sống thật lâu mà biếng nhác, không bằng người sống trong một ngày mà siêng năng tu hành. Người tu Phật cốt yếu là biết nỗ lực trong thời gian đang tu, chứ không phải tính nhiều năm tháng. Có người tự hào năm nay tôi xuất gia được bốn mươi năm, nói vậy là lầm. Nếu người tu bốn mươi năm mà giải đãi thì không bằng người xuất gia một năm mà tinh tấn. Như vậy giá trị của người tu ở chỗ tinh tấn, chứ không phải ở chỗ nhiều năm. Có người cứ nói tôi tu nhiều năm là có công đức

nhiều, sự thật người nào xuất gia biết nỗ lực tu hành, dù chỉ tu hai ba ngày rồi chết vẫn có giá trị như thường. Tu nhiều năm mà có nỗ lực tinh tấn thì rất quý, nếu giải đãi thì không ra gì.

113. Sống một trăm tuổi mà không thấy pháp vô thường sanh diệt, chẳng bằng chỉ sống một ngày mà được thấy pháp sanh diệt vô thường.

114. Sống trăm tuổi mà không thấy đạo tịch tịnh vô vi, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà thấy được đạo tịch tịnh vô vi.

115. Sống trăm năm mà không thấy pháp tối thượng, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà được thấy pháp tối thượng.

Sống một ngày thấy được pháp sanh diệt vô thường quý hơn sống một trăm

tuổi. Bởi vì nếu một ngày mà thấy được pháp sanh diệt vô thường là đã có phần giác ngộ, còn hơn một trăm năm mà không có giác ngộ. Vì vậy mà câu 114 đức Phật nói rõ hơn.

Người nào sống một trăm năm mà không đạt được Niết-bàn, không bằng sống một ngày mà đạt được Niết-bàn, vì sống một ngày mà đạt được Niết-bàn thì thoát vòng sanh tử luân hồi.

Câu này cũng giống Nho giáo đã nói *Triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ*, sáng nghe đạo, chiều chết cũng vui. Như vậy là một giờ hay một buổi mà biết đạo, còn hơn là cả đời sống mà không biết đạo. Ở đây đức Phật nói nếu sống một trăm tuổi mà không thấy được pháp tối thượng, không bằng chỉ sống một ngày mà thấy được pháp tối thượng.

IX. PHẨM ÁC

116. Hãy gấp rút làm lành, chế chỉ tâm tội ác. Hễ biếng nhác làm lành giờ phút nào, thì tâm ưa chuyện ác giờ phút ấy.

Tâm người không bao giờ chịu lặng yên, nếu không nghĩ thiện thì sẽ nghĩ ác. Vì vậy cho nên người biết tu muốn ngăn ngừa tội ác, phải luôn luôn cần mẫn phải ngăn ngừa từng phút giây, nếu lơi lỏng thì gây tạo tội lỗi. Ai biết như vậy chắc chắn tu hành sẽ tiến và đường tu không bị gián đoạn. Nếu khi siêng năng gấp rút, lúc lại bê trễ bỏ qua, không nghĩ tới công phu tu hành, thì không bao giờ tiến được. Khi tu đừng để gián đoạn tâm thiện của mình, nếu gián đoạn là sẽ bị cái ác chen vô. Nên người làm lành lúc nào cũng phải cố gắng

kềm chế tâm mình, biếng nhác thì sẽ thối lui và hư hỏng.

117. Nếu đã lỡ làm ác, chớ tiếp tục làm thêm, chớ vui làm việc ác. Hễ chứa ác nhất định thọ khổ.

Chúng ta vô tình hay cố ý lỡ tạo điều ác thì nên hối cải, gọi là phát lồ sám hối. Nếu cố ý làm hoài, nghiệp ác ngày càng tăng trưởng thì chắc chắn phải chịu quả báo đau khổ.

118. Nếu đã làm việc lành, hãy nên thường làm mãi, nên vui làm việc lành. Hễ chứa lành nhất định thọ lạc.

Người đã làm việc lành thì tiếp tục làm, đừng nghĩ rằng ngày nay làm lành đã đủ, ngày mai không cần làm nữa. Như vậy là mình không tiếp tục làm việc lành cho đến viên mãn. Đức Phật dạy khi chúng ta đã làm được việc lành, nên

thường làm mãi, nên vui làm việc lành, vì làm lành thì nhất định nhận được quả báo an vui.

119. Khi nghiệp ác chưa thành thục người ác cho là vui. Đến khi nghiệp ác thành thục kẻ ác mới hay là ác.

Khi làm điều ác mà chưa có kết quả, người ác cho là vui, đến khi nghiệp ác đến thì người ác mới hay là khổ. Như vậy là muộn rồi. Cho nên người biết tu, khi có một niệm ác khởi lên phải biết và không nên làm, vì làm sẽ chịu quả khổ.

120. Khi nghiệp lành chưa thành thục người lành cho là khổ, đến khi nghiệp lành thành thục người lành mới biết là lành.

Khi làm việc lành mà chưa có kết quả, người đời cho là khổ. Thí dụ người làm

việc từ thiện mong có kết quả tốt, nhưng tâm niệm của người ấy nghĩ về mình nhiều hơn là người đang chịu khổ. Cho nên đi đường gặp trời nắng thì cảm thấy mệt nhọc. Khi đi tới giúp đỡ người ta, gặp người vô lễ xúc phạm, thì cảm thấy khó chịu, rồi kết luận làm lành mà gặp toàn chuyện bực bội bất an. Nhưng không ngờ đó là lúc mới gây nhân, tuy có khổ nhưng khi kết quả tốt đẹp đến, mới biết nhờ làm lành.

Khi mới tới ở tu viện Chơn Không, tôi xin từng cây chuối con và đào lỗ để trồng vì nghĩ rằng trong vườn cần có những cây trái. Khi trồng chuối săn sóc tưới nước, làm cỏ cho nó lớn, tôi không nghĩ cực khổ, chỉ cần nó xanh tươi là vui rồi. Giả sử trồng giáp năm mà chuối không có buồng, cũng không sao. Cũng vậy làm lành không mong cầu kết quả, chỉ cần giúp người

đang khổ, cho cơm khi người đói, cho áo khi người lạnh, thấy họ bưng chén cơm ăn hết đói, mặc áo hết lạnh, đó là sung sướng lắm rồi, không mong họ phải biết ơn mình.

Khi mới ra đây, có một Phật tử gửi tặng tôi quả đu đủ Đà Lạt, ăn thấy ngon nên tôi lấy hột ươm. Ban đầu chỉ trồng một cây, rồi sau đó trồng thêm mấy cây. Trong năm năm liền, năm nào tôi cũng thu hoạch vài ba chục quả, từ một quả mà ươm trồng liên tục thì quả sẽ có liên miên. Nếu ăn quả đu đủ rồi bỏ hột không ươm, thì sẽ mất giống.

Cũng vậy, chúng ta đủ cơm ăn áo mặc, sống mạnh khỏe không tật nguyền, đó là nhờ trước kia đã làm lành, cho nên đời này mới được hưởng quả lành. Vì thế sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ cần, với khả năng sức lực sẵn có của mình. Nếu có phước mà đời này dừng lại không tiếp tục

làm, thì nhân lành bị mất. Cho nên người biết tu, lúc nào cũng cố gắng gieo trồng giống lành, đừng cho đoạn dứt.

121. Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng chẳng đưa lại quả báo cho ta. Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình, kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác bởi chứa dồn từng khi ít mà nên.

Đức Phật dạy đừng khinh thường việc ác nhỏ. Dù việc ác nhỏ như giết một con kiến, hay đập một con muỗi cũng không làm. Nếu giết một con kiến, đập một con muỗi mà khinh thường thì lần tới giết những con vật lớn, mình sẽ không sợ tội. Đối với con người, dù làm người khác phiền muộn một chút cũng không nên, vì biết rằng một lần phiền muộn tuy nhỏ, đau khổ ít, nhưng lâu ngày tích chứa rồi thành đau khổ nhiều. Cho nên chúng ta

không làm ác dù là những việc nhỏ. Tuy làm điều ác nhỏ chưa có quả báo, nhưng cũng phải dè dặt, bởi vì dồn chứa thì nhiều điều ác nhỏ trở thành lớn. Nếu điều ác nhỏ không chừa thì điều ác lớn không thể nào tránh khỏi. Ở đây đức Phật nói không ai tự nhiên có tội lỗi, kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác, vì tích chứa từ nhiều lỗi nhỏ thành tội lớn. Vậy chúng ta phải dè dặt không làm dù là việc ác nhỏ.

122. Chớ khinh điều lành nhỏ, cho rằng chẳng đưa lại quả báo cho ta. Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Người trí sở dĩ toàn thiện bởi chứa dồn từng chút từng chút mà nên.

Phước lành của chúng ta, không phải tự nhiên đầy đủ, mà do chúng ta dồn từng chút mà thành. Đức Phật không bỏ sót cái phước nhỏ xỏ kim, huống nữa chúng ta là

phàm phu mà bỏ qua phước nhỏ không làm. Vì vậy điều ác nhỏ chúng ta không nên làm, mà điều thiện nhỏ cũng đừng bỏ qua. Người như thế sẽ đầy đủ phước đức và tránh tất cả tội lỗi.

Thí dụ như người muốn lập nghiệp, muốn làm giàu thì phải tiết kiệm từng cái nhỏ. Như khi trời sáng phải tắt đèn liền, nếu không thì hao một chút dầu cũng tốn kém, đó là nghệ thuật làm giàu. Như vậy người muốn giàu thì phải tiết kiệm từng chút. Nếu có bạc triệu mới giữ, còn những cái nhỏ không biết giữ làm sao giàu được. Đó là người thế gian làm giàu, huống là người tu, đối với việc làm lành làm phúc chúng ta không đợi việc lớn mới làm mà việc nhỏ không làm.

Ở tu viện Chơn Không, vừa rồi khách đang ngồi chơi với tôi bị đám muỗi cắn, họ nổi nóng đập một cái thật mạnh cho nát

thây, vì nó cắn đau quá, dễ giận quá. Nhưng xét kỹ con muỗi thật đáng thương! Vì phòng tắm của tôi ban ngày đóng cửa tối om, mấy con muỗi đậu trên tường trốn. Khi mở cửa, bầy muỗi bay ùa ra, bay ra con nào, chuồn chuồn đớp sạch con đó. Thật là tội nghiệp! Ở trong phòng tắm thì bị thằn lằn, nhền nhện đớp, ra ngoài thì bị chuồn chuồn. Chờ tới tối đi kiếm ăn, gặp được mồi chích vô một cái thì bị đập chết.

Nghĩ vậy mà thương nên không nỡ giết nó, giả sử nó cắn phủi nó đi rồi thôi, chứ giết nó thấy cũng tàn nhẫn quá. Nhưng người thường đâu có ai mà thương muỗi, bị chích là đập liền, không nghĩ đến thân phận khổ sở của nó. Người biết tu phải quán sát những chuyện nhỏ, để khởi lòng từ bi thương những con vật nhỏ, rồi mới phát tâm biết thương những con vật

lớn. Cũng như làm những điều lành nhỏ chứa dồn từng chút mà thành toàn thiện.

123. Như người đi buôn mang nhiều của báu mà thiếu bạn đồng hành, tránh xa con đường nguy hiểm làm sao, như kẻ tham sống tránh xa thuốc độc như thế nào, thì các ngươi cũng phải tránh xa điều ác thế ấy.

Người đi buôn mang nhiều của báu mà không có bạn cùng đi, phải tránh đường vắng chỗ nguy hiểm. Nghe chỗ nào có cướp giật thì tránh xa, không bao giờ dám đến gần. Người ham sống nghe nói thuốc độc thì không dám nếm. Tâm mình vừa khởi nghĩ ác thì nhớ rằng, người ham sống tránh xa thuốc độc thế nào, thì mình cũng phải tránh xa những niệm ác như thế ấy. Nhớ như vậy thì chắc rằng không dám nghĩ ác và làm ác.

124. Với bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc, với người không làm ác thì không bao giờ bị ác.

Bàn tay không bị trầy xước, thì có cầm nắm thuốc độc cũng không sao. Cũng vậy, nếu người không làm ác thì không bao giờ bị quả báo ác. Nhưng câu nói này gây nghi ngờ. Có người từ bé không làm ác, nhưng vẫn bị quả báo xấu đau ốm tật nguyền thì sao? Đó là quả báo của đời quá khứ phải trả. Người cả đời làm lành, mà chịu quả báo xấu có thể là do quả báo của đời trước hoặc họ chỉ làm về hình thức bên ngoài, mà bên trong còn tính toán. Người không biết rồi thắc mắc: không có nhân quả sao? Thật ra nhân quả báo ứng liên hệ tới ba đời, quá khứ hiện tại và vị lai. Cho nên đời này tuy làm lành mà cũng không chắc gì hoàn toàn hưởng quả lành.

Nếu đời trước còn thừa quả báo xấu, thì đời này phải gan dạ chấp nhận, khi quả xấu hết rồi thì sẽ nhận quả báo tốt đầy đủ.

125. Đem ác ý xâm phạm đến người không tà vạy, người thanh tịnh vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại làm hại kẻ ác như ngược gió tung bụi.

Mấy đứa trẻ chơi ngoài đường, đứa này ghét đứa kia, muốn ném bụi cho đứa kia dơ, nhưng vì nó đứng ở dưới gió, nên bị bụi hất ngược trở lại, càng ném thì bụi càng phủ lên đầu. Cũng vậy người thanh tịnh không nhiễm ô mà mình cố tình hại, càng hại người là trở lại hại mình. Cho nên ở đây đức Phật dùng hình ảnh *ngược gió tung bụi*, bụi không tới người, mà trở lại phủ trên đầu mình để nhắc nhở chúng ta đừng nên hại người.

126. Con người sanh ra từ bào thai, nhưng kẻ ác đọa vào địa ngục, người chánh trực thì sanh lên chư thiên. Còn cõi Niết-bàn thì dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử.

Con người tuy đồng sanh từ bào thai, nhưng mỗi người có quả báo khác nhau. Người ác thì sẽ rơi vào địa ngục, người lành sẽ sanh lên các cõi trời, còn người đã diệt sạch nghiệp sanh tử thì đạt được Niết-bàn. Bao nhiêu con đường tốt xấu trưng bày, ai cũng có khả năng chọn lựa một con đường mà đi.

127. Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi nghiệp ác đã gây.

Có nhiều người làm ác rồi chạy trốn, tưởng rằng tránh được nghiệp ác, nhưng làm sao khỏi. Có thể họ tránh được quả ác hiện tại, nhưng quả ác vị lai làm sao tránh.

Trong nhà Phật cụ thể hóa nghiệp thiện, nghiệp ác bằng hình ảnh một chiếc gương, thường gọi nghiệp cảnh, tức là cái gương nghiệp. Khi người có tội chết xuống địa ngục, bị Diêm vương tra vấn, nếu ở nhân gian gây tạo tội lỗi mà che giấu không chịu khai thật, thì các ngài không đánh đập tra tấn, mà dẫn người tội tới trước gương nghiệp, khi đó sẽ thấy tất cả hình ảnh làm ác của mình, như giết người thì hiện giết người, ăn cắp thì hiện ăn cắp v.v... nói như vậy nghe có vẻ thần thoại một chút.

Nói nghiệp thiện, nghiệp ác không bao giờ mất, có người tưởng hai bên vai có những vị thần luôn theo dõi, khi làm việc

ác hay việc thiện, các ngài đều ghi vô sổ. Chết xuống nạp sổ cho phán quan, để xét tội phước, có công thì thưởng, có tội thì trừng phạt, đó là theo quan niệm của người thường. Nhưng với con mắt của người tu theo đạo Phật thì không phải như vậy. Theo Duy thức học của đạo Phật, con người có thức thứ tám là tàng thức, chứa đựng tất cả hành động tốt xấu của chúng ta đã làm. Như đem hạt giống để vào trong kho tàng thức, khi đủ duyên thì nó hiện hành.

Thí dụ ông A xúc phạm người đang có thế lực, người này hành phạt ông A nặng nề rồi không nhớ nữa. Ông A kém thế lực không có khả năng phục thù, mọi việc như trôi qua. Thời gian sau người kia bị mất quyền thế, còn ông A trở thành người có uy quyền. Gặp nhau, mối hận cũ trỗi dậy, ông A tìm cách hại lại người kia. Đã gây

nhân thì quả báo không mất, mình huân cái gì thì có hạt giống rơi vào tàng thức. Nếu huân mạnh thì hạt giống mạnh, yếu thì hạt giống yếu, chứ không mất. Cho nên khi còn khỏe mạnh gây tạo bao nhiêu nghiệp ác, tưởng như quên rồi. Tới lúc sắp chết, tinh thần yếu đuối, chừng đó tất cả việc làm từ khi sanh cho đến khi chết hiện ra. Khi đủ duyên những hạt giống mạnh hiện hành, thì dù chạy trốn vào núi thẳm hay trong đáy biển, cũng không trốn được, vì nó đã theo mình ở trong tâm thức. Trừ khi mình chuyển được nghiệp rồi đến hết nghiệp và sạch nghiệp, chứ còn mong trốn nghiệp thì không bao giờ trốn được.

128. Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này chẳng có nơi nào trốn khỏi tử thần.

Thuở xưa có mấy vị tu chứng ngũ thông, họ biết bay lên trời, biết lặn xuống nước v.v... Khi biết rõ mạng sống của mình sắp hết, mỗi người chạy mỗi nơi để trốn cho khỏi chết. Nhưng tới giờ chết đến, dù ở nơi nào cũng đều ngã ra mà chết. Cho nên đức Phật mới nói không ở đâu trốn được cái chết, khi duyên hết, mạng sống cùng, thì ở đâu rồi cũng chết.

X. PHẨM ĐAO TRƯỢNG

129. Ai cũng sợ dao gậy, ai cũng sợ chết; hãy lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết.

130. Ai cũng sợ dao gậy, ai cũng thích sống; hãy lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết.

Hai câu này đức Phật dạy tương tự như nhau, ai cũng sợ gươm đao, nếu sợ gươm đao thì không nên dùng gươm đao hại người khác. Ai cũng sợ chết, nếu mình muốn sống thì không nên giết hại người khác, vì họ cũng ham sống như mình. Đó là biết xét lòng mình để suy ra lòng người.

131. Người nào cầu an vui cho mình, mà lại lấy dao gậy não hại kẻ khác, thì sẽ không được yên vui.

132. Người nào cầu hạnh phúc cho mình, mà không lấy dao gậy não hại kẻ khác, thì sẽ được hạnh phúc.

Chúng ta muốn có hạnh phúc, thì không nên phá hoại hạnh phúc kẻ khác, mà mong cho người được hạnh phúc như mình, vậy mới công bằng vì mình và người là đồng loại với nhau.

133. Chớ nên nói lời thô ác, khi ngươi dùng lời thô ác nói với người khác, người khác cũng dùng lời thô ác nói với ngươi. Thương thay những lời nói nóng giận thô ác, chỉ làm cho các ngươi đau đớn như dao gậy mà thôi.

Chúng ta không nên dùng lời thô ác nói với người khác, làm cho họ đau khổ. Nếu dùng lời thô ác nói với người khác, thì họ sẽ dùng lời thô ác trả lại mình. Như vậy

vay trả, trả vay cuối cùng mọi người đều khổ, không được an vui. Như hai người cãi nhau, vì muốn hơn nên tìm câu gì hay để nói, người kia không chịu nhịn, phải tìm lời cao hơn nữa để đáp lại. Hai bên hơn thua thì cả hai đều bất an, chi bằng ai hơn mặc kệ, không tính hơn thua, như vậy mới yên ổn.

134. Nếu ngươi mặc nhiên như cái đồng la bể, trước những người đem lời thô ác cãi vã đến cho mình, tức là ngươi đã tự tại đi trên con đường Niết-bàn, người kia chẳng sao tìm sự tranh cãi với ngươi được nữa.

Một thuật sống an lạc trong hiện tại và vị lai là mặc nhiên trước người đem lời cãi vã, thô ác đến cho mình. Khi nào có người cãi vã mà làm thinh bỏ qua, mỉm cười không giận thì an ổn vô cùng. Cãi vã là tranh đấu, nếu người muốn tranh đấu

mà mình không muốn, thì sự tranh đấu sẽ hết. Đó là một phương pháp chấm dứt tranh đấu nhanh chóng và rất an ổn.

Tuy nhiên, nếu luận bàn đạo lý hay giải quyết công việc, cần phải suy luận bàn bạc, biện minh rành rẽ tốt xấu thiện ác, phải quấy thì nên bàn, nhưng không nên cãi. Đừng hiểu lầm chữ mặc nhiên là bỏ qua mọi việc không lưu tâm tới. Nếu hiểu lời Phật dạy, thì học đạo thông suốt và thực hiện công việc có kết quả tốt.

135. Như với chiếc gậy, người chăn trâu xua trâu ra đồng; sự già sự chết cũng thế, thường xua chúng sanh tới chỗ tử vong.

Thỉnh thoảng nhìn thấy tóc bạc, răng lung lay, da mặt nhăn nheo thì biết mình đã già, tướng già đẩy con người tới tử vong, không dừng lại và không tha cho ai. Cũng như cây gậy lùa bầy trâu ra ruộng đồng.

136. Kẻ ngu phu tạo ác nghiệp, vẫn không tự biết có quả báo gì chăng. Người ngu tự tạo ra nghiệp để chịu khổ chẳng khác nào tự lấy lửa đốt mình.

Có người nói Phật tử đã quy y thọ giới mà phạm thì mới có tội; còn không quy y thọ giới mà phạm thì không có tội. Lý luận như vậy không đúng. Thí dụ người không biết pháp luật phạm tội, họ cãi với quan tòa, tôi không biết luật, nên phạm tội tôi không ở tù. Nhưng biết luật hay không biết luật, mà phạm tội cũng vẫn ở tù. Cũng vậy dù có thọ giới hay không, mà tạo nghiệp ác vẫn phải chịu quả báo xấu. Nhưng nhờ thọ giới, cho nên vừa có ý muốn phạm là biết liền nên không dám làm. Cũng như nhờ học luật, vừa làm trái thì biết liền để tránh và sửa đổi rất mau. Người không biết đó là tội, cứ tạo nghiệp

rồi chịu khổ, chẳng khác nào lấy lửa tự đốt mình, làm cho phước đức cháy thiêu hết.

137-140. Nếu lấy dao gậy hại người toàn thiện toàn nhân, lập tức kẻ kia phải thọ lấy đau khổ trong mười điều này: thống khổ về tiền tài bị tiêu mất, thân thể bị bại hoại, bị trọng bệnh bức bách hoặc bị tán tâm loạn ý, bị vua quan bách hại, hoặc bị vu trọng tội, bị quyến thuộc ly tán hoặc bị tài sản tan nát, hoặc phòng ốc nhà cửa bị giặc thiêu đốt và sau khi chết đọa vào địa ngục.

Những kẻ ác hại người thiện thì sẽ chịu mười điều quả báo như trên. Chúng ta phải nhớ để tránh không làm.

141. Chẳng phải đi chân không, chẳng phải để tóc xù, chẳng phải xoa tro đất vào mình, chẳng phải tuyệt

thực, chẳng phải nằm trên đất, chẳng phải để thân hình nhớp nhúa, chẳng phải ngồi xổm mà người ta có thể trở nên thanh tịnh, nếu không dứt trừ mê hoặc.

Ở Ấn Độ, có nhiều phái ngoại đạo tu rất kỳ quặc, như người theo phái Ni-kiền Tử, lấy tro xoa vào mình lem lấm dơ bẩn cho đó là tu. Có người để tóc bờm xờm, có phái thì nhịn ăn, nằm trên đất, hoặc ngồi xổm ngoài nắng suốt ngày cho đó là tu. Những cách tu như trên không thể làm cho người ta trở nên thanh tịnh. Nếu muốn hết nghiệp được trong sạch thanh tịnh thì phải dứt hết mê hoặc trong tâm. Còn những việc hành hạ về thể xác không bao giờ làm cho mình thanh tịnh.

142. Người nào nghiêm giữ thân tâm tịch tịnh, chế ngự khắc phục ráo riết trên đường tu phạm hạnh, không

dùng dao gậy gia hại sinh linh, thì chính người ấy là Bà-la-môn, là Sa-môn, là Tỳ-kheo vậy.

Người nào biết nghiêm giữ thân tâm, biết chế ngự, khắc phục và thường tu hạnh trong sạch, không dùng những dao gậy gia hại sanh linh, chính người đó là Bà-la-môn, là Sa-môn và Tỳ-kheo. Như vậy người biết tu giữ tâm được thanh tịnh, người đó mới xứng đáng. Nếu thân tâm không thanh tịnh thì mang danh xưng gì cũng không xứng đáng.

143. Biết lấy điều hổ thẹn để cấm ngăn mình, thế gian ít người làm được. Những người đã làm được họ khéo tránh điều khổ nhục, như ngựa hay khéo tránh roi da.

Tâm chúng ta buông lung như ngựa, không chịu kiềm chế, thường biết quấy

mà cứ làm. Cho nên khi chưa làm chủ tâm thì đừng tự hào rằng tôi thuần thiện, mà có lúc nghĩ thiện, lúc nghĩ ác, nhưng nếu vừa nghĩ xấu ác liền biết hổ thẹn, tự hỏi tại sao mình là người tu mà có những niệm xấu. Người biết dùng hổ thẹn để cấm ngăn mình, không cho làm điều bất thiện, đức Phật cho rằng ở thế gian ít có. Còn người không biết hổ thẹn, cứ nuôi dưỡng niệm xấu lớn lên, rồi một ngày kia niệm xấu thúc đẩy, dẫn đến hành động xấu.

Người biết hổ thẹn tránh những điều xấu dở, như con ngựa hay, vừa thấy bóng roi liền chạy, không đợi đánh rồi mới đi. Còn người làm điều xấu ác không biết hổ thẹn, đợi cho tới khi ra trước pháp luật, mới chịu thú nhận, như ngựa dở đợi đánh rồi mới chịu đi.

144. Các ngươi hãy nỗ lực sám hối như ngựa đã hay còn thêm roi. Hãy

ghi nhớ lấy Chánh tín, Tịnh giới, Tinh tiến, Tam-ma-địa, Trí phân biệt và Minh hạnh túc để tiêu diệt thống khổ.

Người đã biết làm điều lành, nhưng phải thường sám hối, chẳng khác nào con ngựa đã hay còn thêm roi để hờ, nó hơi lười thì giở roi lên cho thấy mà ráng tiến. Cũng vậy chúng ta đã biết hổ thẹn, tránh điều ác, làm những điều lành, còn biết sám hối thì càng thêm thanh tịnh. Hơn nữa hãy ghi nhớ lấy Chánh tín, Tịnh giới, Tinh tiến, Tam-ma-địa, Trí phân biệt và Minh hạnh túc để tiêu diệt thống khổ.

Chánh tín là tin Tam bảo. Phật là bậc Giác ngộ, cho nên tu theo ngài để được giác ngộ giải thoát, tin như vậy là đúng. Nếu tin Phật mà xin ngài ban cho mình ân sủng, thì trở thành mê tín chứ không phải chánh tín. Tin pháp là tin những lời Phật dạy là chân chánh, nương đó tu hành,

để được giải thoát như ngài. Tin tăng vì chư tăng là người giữ đúng giới luật, sống đúng tinh thần người xuất gia. Tin như vậy là người Phật tử có chánh tín. Kế nữa là tin nhân quả, người tin nhân quả là người tỉnh, nếu không tin nhân quả mà tin những chuyện không thực tế, đó không phải là chánh tín.

Tịnh giới là như người tại gia thọ năm giới, hoặc bốn giới tùy theo sở nguyện, thọ giới nào thì giữ giới đó cho được trong sạch. *Tinh tiến* là phải siêng năng làm lành, giữ ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, đừng cho niệm xấu khởi lên, thì ngôn ngữ xấu, hành động xấu không phát ra. *Tam-ma-địa* tức là thiền định, là áp dụng phương pháp tu thiền, hoặc đếm hơi thở hoặc quán bất tịnh, quán từ bi. *Trí phân biệt* là dùng trí tuệ để nhận định chánh tà và đầy đủ ba môn: văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ.

Nghĩa là nghe chánh pháp, tư duy và ứng dụng tu hành. *Minh hạnh túc* là phải có đủ trí và hạnh. Tóm lại, người tu phải nỗ lực thực hành những điều Phật dạy trong câu Pháp cú này, như vậy mới tiêu diệt tất cả nỗi khổ từ vô lượng kiếp.

145. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm tên lo uốn tên, thợ mộc lo nẩy mực cưa cây, người làm lành thì tự lo chế ngự.

Câu này ý nghĩa giống như câu 80 ở phẩm Hiền trí, chỉ khác chữ làm lành nên khỏi cần giảng.

XI. PHẨM GIÀ

146. Làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt. Ở trong cõi tối tăm bưng bít sao không tìm tới ánh quang minh.

Những lời Phật dạy rất là tha thiết, làm sao vui cười, có gì thích thú khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt? Ở trong cõi tối tăm bưng bít, sao không tìm tới ánh quang minh?

Người đang ở trong nhà bị cháy, không thể nào vui cười được mà phải gấp chạy ra. Cũng vậy, chúng ta đang bị lửa vô thường thiêu đốt thì phải gấp rút tu hành. Phật dạy cần tu tợ lửa cháy đầu, vừa thấy phụt tới phải phủi lia lịa chứ không thể chậm trễ. Vậy người tu phải cần mẫn, gấp rút, chứ không thể lôi thôi. Người đang ở trong chỗ tối tăm thì lúc nào

cũng mong được ánh sáng, đó là lẽ tất nhiên.

Chúng ta đang ở trong hai trạng thái đau khổ là vô thường thiêu đốt và vô minh tối tăm, phải gấp rút lo tu hành để thoát khỏi, đó là người biết tiến trên con đường giải thoát.

147. Hãy ngắm cái thân tốt đẹp này chỉ là đống xương lở lói chồng chất tật bệnh đã được người ta tưởng là êm ái, trong đó tuyệt đối không có gì trường tồn.

Chúng ta nhìn lại sự thật của con người, để rồi không lầm lẫn đắm trước. Phật bảo thân này chỉ là một đống xương lở lói, trong đó chồng chất bao nhiêu tật bệnh mà người ta tưởng là êm ái đẹp đẽ nên vui thích. Mình chỉ là một đống xương, không có gì trường tồn, nhưng nếu có ai nói mình chết yểu thì không bằng lòng.

Biết chúng ta sai lầm nên đức Phật dạy quán từ chân lên tới đầu, từng lóng xương ráp lại thành đống xương, ráp theo thứ tự, nhờ gân cột lại như những sợi dây cột món đồ. Khi lệch gân thì tay chân cựa quậy không được. Trong đây chất chứa một khối bệnh tật, vậy mà người ta nghĩ rằng mình khỏe mạnh rồi đắm trước. Đã là ráp xếp thì tất nhiên sẽ tan hoại một sớm một chiều, không thể nào tránh khỏi.

148. Cái hình hài suy già này là một cái rừng tập trung bệnh tật, dễ hư nát. Đã có tụ tất có tán, có sanh tất có tử.

Thân này khi già gân cốt sai lệch, nên đi nghiêng là bị trẹo, răng rụng hết thì nhai nuốt khó khăn, mắt mờ tai điếc, tập trung đủ thứ tật bệnh. Người nào sáu mươi tuổi trở lên thì thấy rất rõ ràng, nay đau mai yếu, ít khi khỏe mạnh. Cho nên

phải nhớ thân hình suy già này tập trung nhiều bệnh tật, cố gắng nỗ lực tu hành, để không khổ vì tuổi già, mà chấp nhận nó đến một cách vui vẻ.

149. Trái hồ lô về mùa thu thì khô tàn, thân này cũng vậy, khi đã hư hoại chỉ còn một đống xương màu lông hạc, rõ thật chẳng có gì vui.

Trái hồ lô tức là trái bầu. Người ta hay trồng bầu vào tháng mười, tháng mười một trở lên. Lúc mới ra, trái bầu coi mơn mởn, tới tháng chạp, tháng giêng nó già, đến tháng hai, tháng ba bắt đầu khô, người ta rút hết ruột ra chỉ còn vỏ bầu trống không. Đức Phật nói thân này cũng như trái bầu, về mùa thu thì khô tàn, tức là một ngày nào đó thân rã ra, chỉ còn đống xương màu hơi xám xám, hay đục ngà ngà chứ có gì vui. Bây giờ còn đi đứng, ăn uống, thì thấy da thịt mơn mởn, tới

chừng tắt thở thì bốn đại rã tan, trả về cho đất nước gió lửa. Rốt cuộc còn lại mấy lóng xương màu ngà ngà đục đục, chứ không có gì quý. Chúng ta phải nhìn sự thật, để bớt đắm trước thân này.

150. Thân này là cái thành xây bằng xương cốt, tô quét bằng máu thịt, để cất chứa sự già và sự chết, ngã mạn và dối gian.

Người ta xây thành bằng đá bằng gạch, bên ngoài tô quét bằng vôi, xi măng hay bằng sơn. Phật nói thân này là cái thành xây bằng xương cốt, bên ngoài tô quét bằng máu thịt, để chất chứa sự già, chết, ngã mạn và dối gian. Nó chứa toàn đồ xấu, nhưng vì còn chấp ngã nên thấy mình là trung tâm của quả địa cầu, chứ không thấy mình là hạt cát giữa bãi sa mạc, đó là gốc của ngã mạn, vì ngã mạn nên làm điều gì xấu thì che bớt, còn làm

một hai điều tốt thì khoe khoang. Vì tốt khoe, xấu không dám nhận nên trở thành dối gian. Chúng ta chịu khó sớm chiều xét lại thân mình, để giảm bớt hai điều, về thể xác không còn lầm nó, về tinh thần dứt được tâm ngã mạn và lừa dối. Như vậy sự tu của mình mới tiến bộ hơn.

151. Cái xe vua đi dù được trang hoàng lộng lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau tria cũng có lúc già yếu. Chỉ trừ pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già mà cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác.

Như chiếc xe của vua, hay bây giờ là chiếc xe của tổng thống, dù đẹp mấy đi nữa rồi có ngày cũng phải hư. Thân này cũng vậy là cái hư hoại không bền lâu, dù cho giai nhân nhan sắc lộng lẫy rồi cũng

già chết. Chỉ có pháp của các bậc thiện nhân là không bị suy già.

Pháp của các bậc thiện nhân là chỉ cho pháp của chư Phật hay của hàng Bích-chi, A-la-hán, thiện pháp đó không bao giờ mất. Đọc qua lịch sử chúng ta thấy thân đức Phật là thân của đấng Giác ngộ, mà còn phải hoại, rồi thân của thập đại đệ tử của ngài cũng hoại, nhưng pháp của các ngài đến bây giờ vẫn còn. Như vậy sắc thân có hình tướng thì sẽ tan hoại, chỉ có những pháp của bậc thiện nhân là không bị mất, mà di chuyển từ người lành này đến người lành khác, nghĩa là một người ứng dụng tu thấy lợi ích rồi truyền bá cho người khác biết để tu.

152. Người ngu ít nghe, kém học, suốt đời như trâu nái, gân thịt dẫu lớn mạnh mà trí tuệ không tăng trưởng thêm.

Con trâu nái gân thịt lớn mạnh mà không có trí tuệ. Cũng vậy con người chỉ to lớn ngoài hình thức mà trí tuệ không sáng suốt, thì chỉ là khối thịt chứ không có gì quan trọng. Những người không có trí tuệ, không có khả năng giúp ích cho đời, người đó là hàng giá áo túi cơm. Người tu nên cố gắng học hiểu giáo lý và ứng dụng tu hành, nuôi lớn trí tuệ thì đời sống mới có giá trị.

153-154. Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi. Hỡi kẻ làm nhà! Nay ta gặp được ngươi rồi. Ngươi không thể làm nhà nữa. Cột và đòn tay của ngươi đều gãy cả, nóc và xà nhà của ngươi đã tan vụn rồi. Ta đã chứng đắc Niết-bàn, bao nhiêu dục ái đều dứt sạch.

Sau khi đức Phật thành đạo, thấy rõ nguồn gốc sanh tử, cho nên mới thốt ra những lời: Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Nghĩa là bao nhiêu kiếp lăn lộn trong vòng luân hồi sanh tử, muốn tìm nguồn gốc nhưng tìm mãi không ra.

Đức Phật khi còn là vị thái tử đi dạo bốn cửa thành, thấy cảnh sanh già bệnh chết, ngài khắc khoải trong lòng, tại sao con người sanh ra rồi già bệnh chết? Nhưng muôn người như một, an phận cho rằng đó là một định luật chung, không ai có quyền thay đổi. Đức Phật thấy vô lý, chẳng lẽ con người cứ phải chịu như vậy, mà không thoát ra vòng lẩn quẩn ấy sao! Chính ngài cũng phải than, đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi, muốn thoát ra sự tiếp nối vô lý này, nên ngài vượt thành xuất gia, chịu cực khổ, tham thiền nhập

định, để tìm cho ra manh mối của sự sanh tử luân hồi.

Khi giác ngộ dưới cội Bồ-đề, ngài nói: Hỡi kẻ làm nhà, nay ta đã gặp được ngươi rồi, ngươi không thể làm nhà nữa. Bao nhiêu rui mè cột kèo của ngươi đều gãy cả rồi. Đó là sự thành công vĩ đại của ngài. Nói cách khác là ngài đã giác ngộ thấy tường tận cội gốc của sanh tử luân hồi là vô minh và ái dục.

Đức Phật khám phá gốc sanh tử luân hồi do mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên như mười hai cái móc nối chuyền nhau thành sợi dây xích, hay thành một cái vòng. Muốn phá cái vòng thì phải tìm cái mối đầu của nó tháo ra, thì sợi dây xích liền đứt và không còn cột trói được nữa. Đức Phật giác ngộ được nguồn gốc của sanh tử luân hồi là vô minh, hết vô minh là thoát khỏi vòng sanh tử,

gọi là giải thoát. Cho nên câu cuối cùng đức Phật nói, trí ta đã đạt đến vô thượng Niết-bàn, bao nhiêu dục vọng đều dứt sạch cả. Như vậy ngài thành Phật và hoàn toàn giải thoát.

Chúng ta đã biết rõ chỗ Phật đi thì cũng phải biết rõ con đường mình dự kiến tiến đến. Nếu có phước được làm người, thì phải có trí tuệ, biết rõ vô minh ái dục là nhân, ngay trong đời này phải dẹp bớt, cho đến một ngày nào đó hoàn toàn không còn dính mắc trong vòng sanh tử. Thành ra mục tiêu của chúng ta nhắm là hoàn toàn giác ngộ như đức Phật, không ham phước báo trong cõi nhân thiên, rồi cam chịu sanh tử luân hồi.

155. Lúc thanh niên cường tráng đã không kiếm ra tài của, cũng chẳng lo tu hành, thì khi già chẳng khác gì

con cò già bên bờ ao, không kiếm ra mồi phải ủ rũ chết mòn.

Nhiều người lúc còn trẻ khỏe không lo làm ăn, cũng không lo tu hành, khi về già phải khổ, chẳng khác nào như con cò già đứng bên bờ ao, không kiếm ra mồi đói quá rồi chết dần. Cho nên khi còn trẻ phải làm ra tiền để chi tiêu, và lo tu hành cho có công đức, khi về già thành một người có đức hạnh, hai điều kiện này đầy đủ thì lúc nào cũng sung sướng. Đức Phật nhắc nhở mọi người ý thức, trong khi còn khả năng chúng ta phải làm một trong hai điều này, để về già làm một người hữu ích.

156. Lúc thiếu niên cường tráng đã không kiếm ra tiền của cũng chẳng lo tu hành, nên khi già nằm xuống dáng người như cây cung gãy cứ buồn than về dĩ vãng.

Người lúc còn trẻ khỏe không lo làm ăn tu hành, tới khi già đau nặng nằm xuống, như cây cung gãy không ai ngó ngàng tới. Khi đó cứ buồn than về dĩ vãng, thành ra sống trong đau khổ. Cho nên những người biết đạo đức, biết lo cho đời sống tinh thần thì tuổi già rất hữu ích, còn không lo làm ăn cũng không biết đạo đức, khi tuổi già đến là một chuỗi ngày đen tối khổ đau. Vì biết làm ăn thì gầy dựng sự nghiệp cho con cháu, khi nào rảnh rỗi thì lo niệm Phật tụng kinh hay tham thiền. Lúc về già thì để hết thời gian vào sự tu, giờ phút nào cũng là giờ phút quý báu của đời mình, do đó không thấy thừa.

Ngược lại những người còn trẻ không biết làm gì, đến khi già rồi ngồi đó trông cậy vào con cháu, trông người này, đợi người kia, nhớ người nọ, rồi buồn giận thương ghét, cứ thế mà cả ngày sống với

phiền não rồi trách móc đủ điều. Như vậy là sống trong đen tối, không có ý nghĩa gì. Nếu người biết đạo, thì khi già yếu tâm vẫn an nhiên, giờ phút nào còn sống thì phải tu, để ngày mai có đau bệnh nằm trên giường thì tâm an ổn. Cho nên tuổi năm sáu mươi còn khỏe, phải nỗ lực lo tu hành, để cuối cuộc đời mình được an vui. Ngày nào còn sống ở đây là ngày hữu ích, đừng để trôi qua một cách đáng tiếc.

XII. PHẨM TỰ KỶ

157. Nếu biết tự thương mình phải gắng tự bảo hộ, trong ba thời phải có một. Người có trí nên tỉnh ngộ chớ mê man.

Người biết tự thương mình thì trong ba thời phải gắng tự bảo hộ một thời. Ba thời là thời thanh niên, trung niên và lão niên. Nghĩa là trong ba giai đoạn của cuộc đời phải có một giai đoạn, để làm cái gì cho mình. Giả sử thời thanh niên đã qua không tu được, thời trung niên cũng đã qua không tu được, tới thời lão niên phải gắng tu, như vậy là không uổng phí. Nếu không có thời nào tu thì rất đáng tiếc. Cứ suốt đời lo làm giàu, không lo tu hành, khi ngã ra chết thì của cải không đem theo được, chết trong mê man không tỉnh táo. Tóm lại Phật nói, trong ba thời phải có

một, người trí nên tỉnh ngộ chớ mê muội. Trong thời thanh niên, thời trung niên không tu được, tới thời lão niên mà biết tu cũng là một điều quý chứ không phải vô ích.

158. Trước hãy tự đặt mình vào chánh đạo rồi sau giáo hóa kẻ khác, được như vậy mới tránh khỏi điều lỗi lầm xảy ra.

Nhiều người làm lợi tha quá tích cực, gặp ai cũng khuyên làm điều lành điều tốt, nhưng khuyên người khác còn mình tánh nào tật nấy vẫn nguyên vẹn, khi bị người ta chỉ trích, mới giật mình và thấy ra lỗi lầm. Muốn giáo hóa người trước phải giáo hóa mình, tự đặt mình đúng với chánh pháp, tu trước rồi sau mới dạy người. Thí dụ dạy con phải có hiếu với cha mẹ, phải ăn ở nghiêm chỉnh liêm khiết, phải tiết kiệm, đừng có say xỉn v.v... nhưng mình

bất hiếu, có những hành động tà vạy, rượu chè, phung phí, mà bảo con mình đừng làm thì có được không? Nếu không sửa mình mà dạy người thì không thể nào tránh khỏi lỗi lầm.

Cho nên nếu muốn dạy người có đạo đức liêm khiết, thì trước hết phải đặt mình ở trong chánh đạo, là phải sửa mình trước rồi sau dạy người. Được như vậy mới thật là người có tâm giáo hóa kẻ khác.

159. Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước phải sửa mình rồi sau sửa người. Vì tự sửa mình vốn là điều khó nhất.

Nếu muốn khuyên người làm đúng như mình, trước hết phải sửa mình là điều khó nhất. Khuyên người ta thì dễ, gặp ai nói đạo đức dễ quá đâu có khó khăn gì, chỉ tốn một chút hơi thì nói được. Như khuyên chị em, huynh đệ tập nhẫn nhục, ai chửi

mắng thì nên ẩn nhẫn, được như vậy mới an ổn hạnh phúc. Nhưng lỡ hôm nào, người ta chửi ngay mình, mà mình nổi giận lên thì mâu thuẫn với điều mình dạy. Khi đó nếu có mặt người đã được mình dạy, thì họ cười nhạo. Cho nên điều thiết yếu là trước phải tự sửa mình, rồi sau khuyên người, đó mới thật biết tu và biết dạy người.

160. Chính tự mình làm chỗ nương tựa cho mình chứ người khác làm sao nương tựa được. Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương tựa nhiệm mầu.

Tự mình làm chỗ nương cho mình, mới là chỗ nương chính đáng. Phật tử khi quy y rồi, mà cứ hoàn toàn trông cậy vào Phật Pháp Tăng, như mỗi tháng đi chùa, lạy Phật, cúng dường Tam bảo, nghĩ rằng đến khi chết Phật rước và Thầy độ mình, như

vậy là không đúng. Chúng ta phải hiểu Phật chỉ là vị thầy dẫn đường, mình phải tự đi thì mới đến đích.

Trong kinh A-hàm có đoạn ghi, một người ngoại đạo hỏi Phật, Ngài nói có Niết-bàn và chỉ dạy mọi người đến chỗ an lạc Niết-bàn, vậy tất cả đồ chúng của Ngài, đều đạt đến Niết-bàn hết chăng? Đức Phật trả lời, có người đạt được, có người không đạt được. Tại sao? Đức Phật đưa ra thí dụ, ông ở thành Vương Xá nên biết đường đi đến thành Vương Xá. Có người hỏi đường về thành Vương Xá, ông chỉ đi thẳng tới ngã ba quẹo phải, tới hoa viên là đi vào thành. Nhưng người ấy tới ngã ba thay vì quẹo phải, họ quẹo trái. Như vậy người đó có tới thành Vương Xá hay không? Không tới! Người khác cũng hỏi đường đi tới thành Vương Xá, ông cũng chỉ như vậy, họ đi đúng lời ông chỉ và tới được thành.

Như vậy ông là người Vương Xá, biết rành đường về thành Vương Xá, ông chỉ đường nhưng có người đi đến, có người không đến, là lỗi tại người đi.

Cũng vậy, Phật dạy nếu chạy theo tham sân si thì chịu luân hồi, kiếp kiếp đời đời đau khổ. Nếu bớt tham sân si, tu tập các pháp lành thì sẽ hết khổ được an vui. Phật chỉ dạy rành rẽ, đệ tử Phật có người ứng dụng tu thì được thanh tịnh an vui, nhưng có người tu mà vẫn than khổ vì còn phiền não. Như vậy lỗi tại mình làm không đúng lời Phật dạy.

Tóm lại muốn hết khổ được an vui, thì phải nỗ lực tu tập chớ trông cậy vào bên ngoài.

161. Ác nghiệp chính do mình tạo, tự mình sanh ra. Ác nghiệp làm hại kẻ ngu, dễ dàng như kim cương phá hoại bảo thạch.

Khổ là do mình tạo ra ác nghiệp, rồi bị nó hại. Như đang bình thường tỉnh táo, nhưng nếu có ai chọc tức thì không dằn được tâm, nóng giận nên nói năng hành động bạo ác, tạo nên ác nghiệp và chịu khổ.

Ở đây nói ác nghiệp làm hại kẻ ngu si dễ dàng như kim cương phá hoại bảo thạch, kim cương phá các kim loại khác rất dễ dàng. Cũng vậy ác nghiệp đã tạo sẽ hại mình không có gì cứu được. Người bình thường không chịu dè dặt, cứ nói lời dữ, làm những hành động hung ác, nhưng khi gặp tai nạn thì niệm Phật hoặc danh hiệu Bồ-tát Quan Âm để tai qua nạn khỏi. Nếu Phật và Bồ-tát cứu thì trái với nhân quả.

Phải nhớ rằng, tất cả tai họa đến với mình là do nghiệp ác đã gây tạo. Nếu gây nghiệp ác mà muốn an toàn thì không bao giờ có. Dù niệm Phật và Bồ-tát bao nhiêu

các ngài cũng không cứu nổi. Cho nên khi chúng ta niệm danh hiệu Phật và Bồ-tát, phải niệm với một niềm tin thiết tha, tin tưởng Phật và Bồ-tát cũng như cha mẹ, con nhớ thì cha mẹ sẽ thương con. Như vậy các ngài gia hộ để giúp đỡ mình tu hành, đừng chờ tới tai nạn rồi kêu cứu, nếu không như ý mình mong muốn thì trách các ngài, thật tội nghiệp!

162. Sự phá giới làm hại mình như dây man-la bao quanh cây ta-la, làm cho cây này khô héo, người phá giới chỉ là người làm điều mà kẻ thù muốn làm cho mình.

Người thọ giới mà không giữ là phạm giới. Như người cư sĩ thọ giới không trộm cắp, mà vẫn tham lam trộm cắp thì phải bị tù. Như vậy trộm cắp là cái nhân làm cho mình đau khổ, nếu giữ được giới thì hết đau khổ, mấy giới khác cũng vậy. Sự

phá giới làm cho mình đau khổ, chẳng khác nào như những sợi dây bìm nương cây để leo lên cao, khi phủ được cây rồi thì nó hút nhựa cây và cây sẽ hết sức sống rồi tự chết mòn.

Người phá giới cũng vậy, nếu không giữ giới luật đã thọ, làm điều sai quấy thì ngày càng sa đọa. Như giết người thì bị tù tội, đó là tự hại mình chẳng khác nào như kẻ thù hại mình vậy. Biết thế người tu hành muốn được an lạc giải thoát thì phải giữ giới cho chín chắn.

163. Việc ác dễ làm nhưng chẳng có lợi gì cho ta, trái lại việc từ thiện có lợi cho ta thì lại rất khó làm.

Điều ác dễ làm mà không có lợi gì cho mình, còn điều từ thiện khó làm nhưng làm thì có lợi cho mình. Thí dụ có người chửi mình, tức quá chửi lại thì rất dễ, nhưng không có lợi, mà chỉ chuốc họa vào

thân. Nếu bình tĩnh hạ cơn nóng giận và bỏ bớt những điều thô bạo, đó thật là khó làm, nhưng làm được thì bớt oán thù.

Kế đến việc từ thiện có lợi mà rất khó làm. Thí dụ mình gặp người xin tiền, làm lơ thì dễ ợt, ai cũng làm được. Còn chịu khó lấy tiền cho, hơi mất công một chút, nhưng biết thương người khó khổ là biết làm việc phúc lành. Làm phúc lành thì hiện tại chưa thấy có lợi, nhưng có lợi về tương lai. Làm lơ để theo nghiệp keo kiệt bỏn sẻn thì rất dễ dàng, nhưng sau này không có lợi. Nên chúng ta phải biết lựa chọn điều lành để làm thì có lợi cho mình và người trong hiện tại cũng như mai sau.

164. Những người ác tuệ ngu si vì tâm tà kiến mà vu miệt giáo pháp A-la-hán, vu miệt người hành chánh đạo và giáo pháp đức Như Lai, để tự

mang lấy bại hoại; giống như cỏ cách-tha, hễ sanh quả xong liền tự diệt.

Người ngu si không biết phải quấy, nên hay chê chánh pháp, khinh khi những người tu hành và tự tạo tội lỗi. Ác tuệ là người ác kiến, là có những cái thấy lệch lạc, nhìn sự việc với con mắt sai lầm, phỉ báng người tu hành chân chánh và giáo pháp của đức Phật, họ sẽ chịu quả báo khổ đau, chẳng khác nào như cây cỏ cách-tha, sanh quả rồi tự diệt, chứ không lâu bền.

165. Làm dữ bởi ta mà nhiễm ô cũng bởi ta, làm lành bởi ta mà thanh tịnh cũng bởi ta, tịnh hay bất tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được.

Thanh tịnh hay tốt đẹp đều do mình chứ không ai khác làm cho. Phải nhớ rằng tốt xấu cũng tại mình, đừng đổ trách

nhiệm cho ai hết. Một bên xấu xa đen tối, một bên sáng suốt trong sạch, cả hai đều tự mình làm. Nếu biết như vậy là người thật biết tu sửa, còn không biết mà đổ thừa cho người khác, đó là thiếu trách nhiệm với chính mình.

Ở đây đức Phật dạy mọi người nhận thức được trách nhiệm để hoàn thiện con người của mình. Nhưng có khi Phật lại nói khác, có người ngoại đạo tới hỏi khổ vui tự mình làm hay do người khác làm thì đức Phật trả lời, khổ vui đều do nhân duyên, không nói tự mình cũng không nói tại người. Như vậy nó có nghĩa rộng hơn đây một chút.

Đức Phật nói tự mình là nói nhân chánh, mà không đề ra nhân phụ. Có nhiều khi mình là nhân chánh nhưng cũng phải nhờ nhân phụ. Thí dụ như chúng ta lúc chưa biết đạo lý, làm điều

xấu ác, không làm những điều tốt đẹp. Nhờ nghe giảng kinh rồi biết, không làm việc xấu ác nữa, như vậy ngày nay so với ngày trước khác nhau. Sự khác nhau đó không phải hoàn toàn do mình, mà nhờ duyên phụ là nghe Phật pháp, hiểu đạo lý cho nên ngày nay mới đươc thuần thiện.

Chính mình là chánh nhân, rồi duyên nghe kinh học đạo là trợ nhân, chánh và trợ giúp nhau thì con người được thuần thiện. Đức Phật nói do nhân duyên mà bị khổ và được vui. Nhân duyên thì trùm cả tự và tha. Ở đây đức Phật chỉ nhắm vào mỗi người, phải tự chịu trách nhiệm để vươn lên, là chỉ nhắm vào chánh nhân mà không nói trợ nhân.

166. Chớ vì lợi ích cho kẻ khác mà quên lợi ích cho chính mình. Người biết lo lợi ích mình, mới thường

chuyên tâm vào những điều lợi ích tất cả.

Đừng vì lợi ích cho kẻ khác mà quên hẳn lợi ích cho chính mình. Như vậy, xem như Phật bảo ích kỷ, là phải làm lợi ích cho mình trước. Nhưng vì nhiều người có tâm tốt, mà thiếu căn bản, cho nên trở thành hết tốt. Thí dụ có người lúc nào cũng lo cho người khác mà quên sửa những cái xấu như tham sân si của mình. Nên khi lo thuận tiện thì vui thích, nếu gặp trở ngại thì nổi giận. Như vậy lo cho người là một việc làm tốt, nhưng nếu không biết tự sửa mình thì trở thành xấu. Có nhiều người lúc còn trẻ nhiệt tình, có tinh thần phục vụ xã hội sốt sắng, bất kể lao nhọc. Nhưng khi gặp một vài chướng ngại làm hỏng việc, thì chán nản rồi đâm ra oán ghét xã hội, trở thành những con

người tiêu cực, chứ không còn tâm tốt nữa. Đó là vì khi ra làm lợi tha mà quên tự lợi.

Ở đây đức Phật không cấm người Phật tử lợi tha, nhưng khi làm phải nhớ đến tự lợi, là khi lo cho người phải nhớ sửa mình, có sửa mình thì lo cho người mới được lâu dài bền bỉ, nếu không một ngày nào đó gặp việc không như ý, việc lợi tha sẽ bị gián đoạn. Vì vậy, đức Phật nói rằng người biết lo cho mình mới thường chuyên tâm vào những điều lợi ích của kẻ khác. Người thế gian nhiều khi cực đoan, làm cái gì chỉ nhắm một chiều một hướng, cho nên làm giữa chừng rồi bị đổ vỡ, không được viên mãn. Người Phật tử phải chín chắn, làm cái gì phải thấy rõ cả hai mặt lợi người và lợi mình. Hai điều đó nó song song với nhau mới tốt đẹp lâu dài.

XIII. PHẨM THẾ GIAN

167. Chớ nên theo điều ty liệt, chớ nên đem thân buông lung, chớ nên theo tà thuyết, chớ làm tăng trưởng tục trần.

Sau khi đức Phật thành đạo, ngài trở về hoàng cung để độ hoàng tộc và phụ vương. Đúng giờ ngài ôm bát đi khất thực, phụ hoàng trông thấy không bằng lòng, không chấp nhận một hoàng tử mà đi xin ăn từng nhà như vậy. Ngài đón Phật và nói rằng, con làm thế này nhục nhã cho hoàng tộc biết bao. Đức Phật trả lời Như Lai chỉ làm theo quy tắc của ba đời chư Phật, đây là việc làm cao thượng. Như vậy việc đi khất thực của Phật không phải ty liệt hèn kém mà để hạ thấp bản ngã của chính mình và để chúng sanh gieo duyên vào ruộng phước.

Ở đây, Phật dạy chớ nên làm theo điều ty liệt, là không nên làm những điều hèn kém như vì mưu sinh mà gian dối với mọi người. Đừng buông lung theo những tà thuyết không chân chánh để không tăng trưởng những điều ô nhiễm của trần tục.

168. Hăng hái đừng buông lung, làm theo chánh pháp. Người thực hành chánh pháp đời này vui, đời sau vui.

169. Khéo thực hành chánh pháp, chớ làm điều ác hạnh. Người thực hành chánh pháp đời này vui, đời sau vui.

Khi tâm không buông lung, thực hành đúng chánh pháp thì đời này vui đời sau cũng vui. Từ khi quy y Tam bảo gìn giữ năm giới cấm, thực hành hoàn toàn đúng theo lời Phật dạy thì tâm hồn an ổn và có

hạnh phúc ngay trong đời hiện tại, sau khi nhắm mắt cũng sẽ tiếp tục an vui. Cho nên nói người biết sống đúng chánh pháp đời này vui, đời sau vui.

170. Như bọt nước trôi sông, như lầu sò chợ bể. Nếu xem đời bằng cặp mắt ấy chẳng còn sợ thần chết kéo lôi.

Lầu sò chợ bể giải thích từ câu "thận lâu hải thị" mà ở trong kinh Phật thường gọi là thành Càn-thát-bà. Buổi sáng người đi biển nhìn ngoài khơi thấy có những thành phố ở trên mặt nước, người vật lao xao, nhưng khi tới gần không thấy gì hết, chỉ thấy mây khói, những cái đó ngày xưa người ta tưởng tượng là những lầu đài của chư thần, gọi là thành Càn-thát-bà. Phật đưa ra hình ảnh này là để thí dụ cho sự huyễn hóa không thật, ở xa thì trông thấy như có, nhưng đến gần thì không còn, cho nên có mà như huyễn hóa

không thật, cũng như bọt nước trôi sông, nhìn thì thấy như một khối bọt lớn, nhưng khi vớt lên liền tan ngay.

Tại sao đức Phật nói xem người vật ở thế gian như bọt nước trôi sông, như lầu sò chợ bể, thì thần chết không làm hại được? Lâu nay chúng ta thấy thân thật, cảnh thật, cho nên khi sắp chết thì rất lo sợ. Cái thật mà mất đi thì hoảng hốt kinh hoàng. Như vậy, thần chết rất có giá trị với người thấy thân và cảnh thật. Nếu người nào thấy thân và cảnh như bọt nước, không bền chắc lâu dài thì chết là chuyện dĩ nhiên. Cũng như bọt nước tan là chuyện bình thường, vì vậy sẵn sàng đón nhận thần chết không sợ hãi.

Nhưng với người chưa biết tu, cho cái chết là quan trọng thì phải làm sao? Khi có thân quyến hấp hối, chúng ta tới chùa thỉnh chư tăng ni hay những đạo hữu đến

hộ niệm cho người sắp chết. Nhưng tụng kinh niệm Phật để Phật tới rước vong hồn người chết đi theo hay làm cái gì cho người chết? Trong kinh thường nói khi người sắp chết, nghiệp nào nặng thì hiện trước dẫn đi. Vì vậy giây phút hấp hối là quan trọng. Nếu người nào sức huân tu vững, tâm tỉnh táo, biết niệm Phật hay tưởng nhớ Phật, tâm an nhiên thanh tịnh, không lo sợ thì không bị nghiệp xấu lôi. Nếu lúc đó lo sợ quá thì việc quá khứ trồi lên. Thí dụ mình có thù oán với ai, liền thấy người ấy tới đòi và dẫn mình đi tới chỗ đền nợ trước.

Cho nên giờ phút hấp hối hết sức quan trọng, phải thật bình tĩnh, sự bình tĩnh làm cho mình vượt qua những nghiệp xấu, những chủng tử chứa trong tâm thức lâu đời. Khi mất quyền làm chủ và không có sức mạnh tinh thần, thì bao nhiêu chủng tử xấu hiện hành. Nếu không huân chủng

tử trong sạch cao thượng thì những chủng tử hạ liệt trỗi dậy lôi mình đi tới chỗ thấp kém. Cho nên lúc đó phải cố gắng làm chủ, yếu thì nhờ những người khác hộ niệm để tăng thêm sức mạnh mới có thể ra đi an ổn. Vì vậy sự trợ niệm là giúp thêm sức mạnh cho người sắp chết.

Ở đây đức Phật nói rằng nếu xem tất cả sự nghiệp thế gian như bọt nổi thì khi sắp chết không lo sợ, tâm bình tĩnh an nhiên, bao nhiêu nghiệp xấu không làm chủ được mình, nên không sợ thần chết. Tóm lại, nếu tinh thần yếu đuối thì nhờ sức mạnh của người khác trợ giúp, nếu tu khá thì tỉnh táo vui vẻ ra đi, nghiệp xấu không lôi kéo mình được.

171. Giả sử thế gian này có được trang hoàng lộng lẫy như chiếc xe vua, thì trong số người xem thấy, chỉ

kẻ ngu mới tham đắm, chứ người trí chẳng hề bận tâm.

Giả sử tất cả thế gian này cái gì cũng đẹp đẽ đáng yêu. Như xe vua hay xe tổng thống, người ngu mới tham chứ người trí thì không bận tâm. Tại sao? Vì người ngu thì tham những cái tạm bợ giả dối, còn người trí biết là tạm bợ giả dối nên không tham. Người sống đến sáu bảy mươi tuổi mới thấy sự sống là tạm bợ, cuộc đời như giấc mộng, ngày mai tắt thở đất nước gió lửa tan đi, mang thân này như mượn thuyền qua sông, đến bờ bỏ thuyền đâu có gì luyến tiếc khổ sở. Hiểu như vậy mới thật là người trí. Cho nên Phật khuyên đã được thân người thì nên lo tu, chớ đắm mê những cái vui cái đẹp của thế gian.

172. Người nào trước buông lung sau lại tinh tấn, người đó là ánh sáng

chiếu cõi thế gian, như vầng trăng ra khỏi mây mù.

Đa số chúng ta khi chưa biết đạo thì ai cũng lo chạy theo danh lợi thế gian, không lo tu hành. Nhưng đức Phật nói giả sử trước buông lung không sao, miễn bây giờ chợt tỉnh lo tu thì tốt. Ngày xưa không biết tu, có nhiều tật xấu, có nhiều lỗi lầm, bây giờ biết đạo tinh tấn tu hành sẽ thành người tốt. Đừng mặc cảm ngày xưa tôi xấu quá, bây giờ làm sao tu. Chuyện ngày xưa là chuyện đã qua không nên hồi tưởng lại rồi thối chí. Như vậy mới thấy lòng từ bi của đức Phật. Ngài nói trước buông lung bây giờ tinh tấn, như vầng trăng ra khỏi mây mù chiếu sáng cả thế gian, để khuyến khích cho chúng ta tiến tu.

173. Người nào trước làm ác sau lại làm lành, người đó là ánh sáng

chiếu cõi thế gian như vầng trăng ra khỏi mây ám.

Ngày xưa không biết đạo cho nên làm điều ác. Bây giờ biết đạo, từ đây về sau nguyện làm lành. Như vậy là người đáng khen. Chỉ những người nào nhỏ nhặt ích kỷ mới chê những người trước xấu bây giờ tốt. Nếu người lòng từ bi rộng rãi, thì thấy người nào ngày xưa hung dữ bây giờ biết tu, đều khen ngợi tán thán. Vì đó là một vầng trăng đã ra khỏi mây mù, cho nên đáng quý đáng khen ngợi.

174. Như chim thoát khỏi lưới, chẳng mấy con bay thẳng lên trời cao, trong thế gian này chẳng mấy người sáng suốt trông thấy cao xa.

Khi chim thoát khỏi lưới nó chỉ bay loanh quanh lẩn quẩn rồi đáp ở dưới thấp chứ không bay lên cao. Cũng vậy trong thế

gian này chẳng có mấy người sáng suốt trông thấy cao xa. Hiện tại có người thấy tới cung trăng, hay thấy được nhiều thế giới khác, nhưng cái thấy đó cũng chỉ là cái thấy trong vòng tam giới.

Ở đây đức Phật nói thấy biết cao xa, là chỉ những người có cái thấy biết siêu xuất thế gian, không bị trầm luân trong tam giới. Ý đức Phật dạy, ở thế gian này không có mấy người quyết chí tu hành cho được giải thoát, cũng như các loài chim khi thoát khỏi lưới, không mấy con bay thẳng lên trời cao, mà chỉ bay là đà trong khu rừng rậm, hoặc những lùm cây ở chỗ thấp mà thôi.

175. Con thiên nga chỉ bay được giữa không trung, người có thần thông chỉ bay được khỏi mặt đất, duy bậc đại trí trừ dẹp ma quân mới bay được khỏi thế gian này.

Thiên nga là ngỗng trời bay thật cao, nhưng cũng không khỏi mặt đất này. Người có thần thông thì bay khỏi mặt đất ai cũng kính phục, vì siêu xuất hơn người thường. Nhưng dưới mắt của Phật dù có thần thông thì cũng bay từ xứ này đến xứ kia, chỉ lẩn quẩn trong thế gian.

Lâu nay chúng ta lầm, nghe nói ai có thần thông thì cho đó là Thánh rồi hâm mộ. Nhưng các ông tiên cũng có thần thông, mà nghe ai nói khích một câu hay gặp chuyện không vừa ý thì nổi giận, rốt cuộc cũng là phàm phu. Chỉ có người tu hành sáng suốt giác ngộ, mới trừ hết được ma quân. Chúng ta học Phật phải xét lại điểm này, phải trọng trí tuệ đừng trọng thần thông, thần thông chẳng qua do công phu luyện tập một thời gian mà được, chỉ biến hóa thế này thế kia, không khéo có thể mất.

Cho nên người đại trí học đạo, nghe pháp rồi tư duy chân chánh, huân tu đạo giải thoát, dẹp sạch quân ma, mới ra khỏi thế gian này. Nếu chú trọng thần thông phép lạ mà không dùng tự lực, sẽ lạc vào đường tà không có ngày ra khỏi.

176. Những ai vi phạm đạo nhất thừa, những ai ưa nói lời vọng ngữ, những ai không tin có đời sau, thì chẳng có điều ác nào mà không làm được.

Kinh Pháp Cú nằm trong hệ thống A-hàm, cho nên nói nhất thừa ở đây là chỉ lẽ thật, chứ không phải như chân lý hay chân đế nói trong kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Lẽ thật mà vi phạm là không tôn trọng. Lại, ưa nói vọng ngữ việc có nói không, việc không nói có và không tin tưởng có đời sau tức là không tin nhân quả. Người như thế cứ làm điều sái quấy không

sợ tội lỗi. Nên nói không điều ác nào họ không làm.

Vì vậy người hiểu đạo lý trước hết phải tôn trọng lẽ thật, kế nữa không nói dối, sau đó phải biết tin tưởng nhân quả nghiệp báo. Đó là những điều cần thiết đối với người Phật tử, phải ráng ghi nhớ mà thực hành.

177. Người xan tham không thể sanh lên cõi trời, người ngu si không ưa tán dương việc cúng dường, nhưng người trí thấy bố thí lại tùy hỷ công đức và tương lai họ sẽ dự hưởng phần an lạc.

Người xan tham không biết làm phước, nên không sanh lên cõi trời. Người ngu si không ưa tán dương việc bố thí cúng dường, thấy người khác làm thì chống đối hoặc chế giễu. Còn người trí thấy ai bố thí

cúng dường thì phát tâm tùy hỷ công đức và tương lai họ sẽ dự hưởng phần an lạc. Như có bốn Phật tử đi chùa, trong số đó có ba người khá giả và một người nghèo. Sau khi lễ Phật, ba người đến cúng dường năm ba trăm. Còn người không có tiền cúng thì khởi tâm tùy hỷ, vừa phát tâm tùy hỷ là hưởng được một phần phước.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương có nói về công đức tùy hỷ bố thí. Đức Phật nói rằng người biết phát tâm tùy hỷ với người bố thí thì được phước ngang nhau. Có vị Tỳ-kheo hỏi Phật, phước đức của người bố thí có bị giảm bớt hay không? Đức Phật đưa ra thí dụ để trả lời, như người cầm cây đuốc đang cháy, có một người đem đuốc đến mồi và đem đi chỗ khác. Vậy cây đuốc trước có giảm ánh sáng hay không? Tuy cây đuốc sau sáng, nhưng ánh sáng cây đuốc trước không bị

tổn giảm. Cũng vậy, người bố thí công đức một trăm phần vẫn đủ một trăm phần, người phát tâm tùy hỷ công đức cũng được như vậy, nhưng không phải của người trước chia ra.

Tại sao công đức tùy hỷ lại nhiều như vậy? Vì thường chúng ta thấy người khác có điều tốt hơn thì mình không được vui, đó là trong tâm có chứa con ma đố kỵ. Người bố thí bỏ được lòng tham, người phát tâm tùy hỷ bỏ được lòng đố kỵ. Hai người đều có phước ngang nhau, phước nầy không ai ban cho, mà chính khi phát tâm tùy hỷ là có phước.

178. Người thống suất cõi đất, người làm chủ chư thiên, hết thảy vị thế chúa ấy chẳng sánh kịp một vị đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Quả Tu-đà-hoàn là quả thứ nhất trong bốn quả Thanh văn. Ở đây đức Phật

nói giả sử người thống trị cả cõi đất, làm vua khắp thiên hạ và làm vua các cõi trời, so sánh với người tu chứng quả Tu-đà-hoàn thì hai vị đó còn thua xa. Nói như vậy có chủ quan không? Người làm vua một cõi thì còn cái gì hơn, mà đức Phật nói còn thua một vị tu chứng quả Tu-đà-hoàn? Dù làm vua ở cõi người thì hưởng dục lạc thời gian chỉ có tám chín mươi năm cũng phải chết. Nếu làm vua cõi trời như cõi trời Đao-lợi, thì thọ mạng rất lâu, nhưng khi hết tuổi thọ rồi cũng bị đọa.

Làm vua là quyền quý cao sang, nhưng cũng không lâu bền, còn chứng quả Tu-đà-hoàn thì dự vào dòng Thánh, chỉ còn bảy phen sanh tử là được giải thoát, chứ không còn trở lại thế gian. Cho nên nói người đó là hơn các vị thế chủ kia.

XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ

179. Chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình. Người đã thắng phục dục tình không còn bị thất bại trở lại, huống Phật trí mênh mông không dấu tích, các ngươi lấy gì mà hòng cám dỗ được?

180. Người dứt hết trói buộc, ái dục còn khó cám dỗ được họ, huống Phật trí mênh mông không dấu tích, các ngươi lấy gì mà hòng cám dỗ được?

Sau khi Phật thành đạo, ma nữ đến quấy nhiễu, ngài dùng hai câu này để răn dạy. Ngài nói, chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình, không còn bị thất bại trở lại. Người thường khi đã thắng được lòng dục họ không còn bị thất bại, huống chi đức Phật đã đạt được trí tuệ rộng lớn,

thì chúng ma không tới cám dỗ và quấy nhiễu được.

Người dứt được những trói buộc của thế gian, ái dục còn không cám dỗ được họ. Huống Phật trí mênh mông không dấu tích, các ngươi lấy gì mà cám dỗ được ư. Cho nên người tu hành khi được trí tuệ rộng lớn, thì mới tự thắng được mình và thắng được những chướng ngại bên ngoài, nếu tu mà không phát huy trí tuệ, chỉ mong cho có thần thông thì dễ bị đọa. Vì thế, người tu hành cần khổ năm này tháng nọ mà không phát huy trí tuệ cho sáng suốt, thì sự khổ hạnh ấy chưa chắc đến nơi đến chốn. Vì nếu công phu khổ hạnh mà không có trí tuệ thì tài sắc quyến rũ họ dễ sa ngã, hoặc vì tu lâu, khổ hạnh nhiều mà chưa thấy kết quả, lâu ngày mỏi mệt gặp chướng ngại là thối chí. Chỉ có người trí tuệ sáng suốt, nhận chân được lẽ

thật của thế gian và thấy được đạo lý một cách chắc chắn, thì không có gì quyến rũ được họ.

181. Người trí thường ưa tu thiền định, ưa xuất gia và ở chỗ thanh vắng, người có chánh niệm và chánh giác bao giờ cũng có được sự ái kính của thiên nhân.

Những người xuất gia thật sự tu hành, phải thường tu thiền định và ưa ở chỗ vắng vẻ. Vì tu thiền định cần chỗ vắng để cho tâm dễ lắng dịu. Người có chánh niệm và chánh giác, là có suy nghĩ chân chánh và giác ngộ chân chánh, bao giờ cũng được sự ái kính của trời người.

Chánh niệm là nghĩ chân chánh, như tư duy lời Phật dạy, hoặc nhớ câu kinh, nhớ danh hiệu Phật, cũng thuộc về chánh niệm. Chánh giác là giác ngộ chân chánh, thí dụ khi thấy các sự vật có hình tướng ở

thế gian, biết rõ là do nhân duyên hợp, vô thường không thật, đó là giác ngộ chân chánh. Người có chánh niệm và chánh giác thì bao giờ cũng được sự ái kính của người trời.

182. Được sanh làm người là khó, được sống còn là khó, được nghe chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời là khó.

Đây là bốn cái khó của người thế gian. Chúng ta đã vượt qua cái khó thứ nhất là được sanh làm người, cái khó thứ hai là được sống còn, cái khó thứ ba được nghe chánh pháp, chỉ có cái khó thứ tư là gặp Phật ra đời thì chúng ta không ai được cả, vì mình sanh vào thời kỳ không có Phật.

Bốn cái khó mà đã vượt qua ba cái cũng hạnh phúc lắm rồi, phải ráng nương đó để tiến tu. Nhưng tại sao *được sanh làm người là khó*? Đang được làm người

thì chúng ta thấy làm người không khó, nhưng so với các loài vật như trâu, bò, heo, chó v.v... ngu si bị đánh đập khổ sở, thì mới thấy làm người rất quý. Do đó được làm thân người là khó.

Hơn nữa trong kinh Phật nói, chúng sanh trong lục đạo luân hồi, cõi người tuy có khổ vui nhưng tu hành dễ tiến. Cho nên được làm người là một điều rất là vinh hạnh, nhưng nếu vinh hạnh rồi cứ lo ăn chơi thì vô ích.

Kế đến làm người *được sống còn là khó*. Nếu làm người mà từ một tuổi đến đôi ba mươi tuổi chết, thì rất yểu mạng, người sống đến năm sáu mươi hay bảy tám mươi là ít có.

Khi sống còn *được nghe chánh pháp là khó*. Như khi giảng kinh, người có duyên được nghe rất khó, hoặc ở những nơi xa xôi muốn được nghe chánh pháp cũng không

có dịp để nghe. Như vậy tuy chánh pháp không có ngăn rào đón ngõ, nhưng người được nghe thật ít có, nên nói là khó.

Đến cái khó sau cùng là điều khó chung, chúng ta kém duyên nên không *gặp Phật ra đời*. Vì vậy cho nên ở trong bốn điều khó nếu nghiệm xét thì chúng ta rất hạnh phúc vì đã được làm người, được sống còn, được nghe hiểu Phật pháp. Đã qua được ba cái khó phải cố gắng tu hành đừng để cuộc đời trôi suông vô ích. Đó là người biết lợi dụng thân này để tu.

183. Chớ làm các điều ác, gắng làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch. Ấy lời chư Phật dạy.

Ba điều này thật là hệ trọng đối với người tu theo đạo Phật. Nguyên văn bài kinh chữ Hán:

Chư ác mạc tác,

Chúng thiện phụng hành,

Tự tịnh kỳ ý,

Thị chư Phật giáo.

Chẳng những đức Phật Thích-ca mà tất cả chư Phật đều dạy như vậy, cho nên ba điều này là then chốt của đạo Phật. *Chớ làm các điều ác, gắng làm tất cả các việc lành*, nếu người nào biết chừa tất cả điều ác và làm tất cả điều lành thì người đó mới thật là biết tu.

Nhưng hai điều đó chỉ là hành động bên ngoài, đến điều thứ ba là *luôn giữ tâm ý mình cho trong sạch*. Thí dụ đang ngồi đây mà nhớ lại sớm mai có người nói một câu dễ tức quá, nghĩ như vậy là niệm sân, mà sân là tâm không trong sạch. Tất cả niệm xấu là ô uế, cho nên tâm vừa nghĩ xấu buông ngay là giữ tâm ý thanh tịnh, suốt ngày tâm chỉ nghĩ những điều lành và luôn luôn biết thương yêu mọi người,

nhưng không bị dao động như vậy là người biết tu.

Có người nói tôi không bao giờ làm điều hung dữ, đó là tôi tu rồi, cần đi chùa làm chi mất công. Như vậy, họ đã làm được gì trong ba điều chư Phật dạy? Chỉ ngừa được điều ác, đâu có làm được tất cả điều lành và giữ tâm ý trong sạch, mới tu một phần ba chứ chưa trọn vẹn. Chúng ta phải cố gắng tu hết ba điều, không làm tất cả điều ác, gắng làm tất cả điều lành, giữ tâm ý trong sạch, như vậy mới thật là tu đầy đủ cả thân và tâm.

184. Chư Phật thường dạy Niết-bàn là quả vị tối thượng, nhẫn nhục là khổ hạnh tối cao, xuất gia mà não hại người khác không gọi là Sa-môn.

Niết-bàn là quả vị tối thượng, vì chứng được Niết-bàn thì không còn cái gì hơn nữa. Nhẫn nhục là khổ hạnh tối cao.

Ngày xưa ở Ấn Độ nhiều người tu khổ hạnh hoặc là đứng một chân ở ngoài trời, hoặc cởi trần phơi nắng suốt ngày, hoặc vùi mình trong tro đất, hay nằm trên gai góc v.v... những khổ hạnh đó thật là khó làm. Nhưng ở đây đức Phật nói nhẫn nhục là khổ hạnh tối cao, vì người biết nhẫn nhục là người tu khổ hạnh.

Còn tất cả những khổ hạnh của ngoại đạo vừa kể ở trên, chưa phải khổ hạnh tối cao. Vì những người tu khổ hạnh thường thiếu tinh thần khiêm hạ, nghĩa là còn ẩn cái tự ngã ở trong. Thí dụ như họ nằm trên gai chịu đau đớn, nhưng thấy người khác không nằm được trên gai thì cho rằng người đó thua mình. Như vậy, tu khổ hạnh nhưng ngầm có ngã mạn cho mình là hơn, trong tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh vì chưa bỏ được ngã chấp. Còn người biết nhẫn nhục thì tất cả chướng ngại

khen chê, khổ vui, bệnh hoạn, nắng gió v.v... đều vui vẻ chấp nhận, tâm luôn luôn an lạc vì không còn thấy hơn thua, không tự cao ngã mạn nên gọi là tối cao. Vì vậy, Phật dạy người xuất gia mà não hại người khác, làm cho người phiền muộn khổ sở thì không phải là người xuất gia.

185. Chớ nên phỉ báng, đừng làm não hại, giữ giới luật tinh nghiêm, uống ăn có chừng mực, riêng ở chỗ tịch tịnh, siêng tu tập thiền định, ấy lời chư Phật dạy.

Người xuất gia không nên chê bai hay làm khổ người khác, giữ giới luật cho trong sạch, ăn uống tiết độ chừng mực, riêng ở một mình nơi vắng vẻ, siêng tu tập thiền định. Người làm đúng như vậy gọi là người xuất gia chân chánh, ngược lại thì không xứng đáng là người xuất gia.

186-187. Giả sử mưa xuống bạc vàng cũng chẳng làm thỏa mãn lòng tham dục. Người trí đã biết rõ ái dục vui ít mà khổ nhiều. Thế nên, dù sự dục lạc ở cõi trời, người ấy cũng chẳng sanh tâm mong cầu. Đệ tử đấng Chánh giác chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi.

Giả sử mưa xuống vàng bạc dù hốt về chứa đầy kho, cũng chưa thỏa mãn lòng tham dục của con người. Hôm nay được đám mưa nhiều vàng bạc, thì mong ngày mai có đám mưa như vậy nữa. Lòng mong mỏi cứ còn hoài, cho nên gọi là không thỏa mãn. Như có người mua vé số trúng hai ba triệu, mai mốt vẫn tiếp tục mua vé số, vì muốn trúng nữa.

Đức Phật thấy rõ tâm niệm tham lam của chúng sanh, nên nói giả sử mưa xuống vàng bạc cũng chưa thỏa mãn lòng tham

của con người. Người có trí, dù dục lạc ở cõi người, cõi trời cũng chẳng sanh tâm mong cầu.

Nhiều người tu nghe nói hành Thập thiện được sanh lên cõi trời, hưởng đầy đủ năm món dục lạc nên ham, ráng tu để đời sau sanh lên cõi trời. Biết rõ như vậy nên đức Phật dạy đừng ham lên cõi trời, chúng ta là đệ tử đấng Giác ngộ chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi. Nếu mong lên cõi trời cũng còn lòng tham dục thì hưởng hết phước cũng bị đọa.

188-192. Vì sợ hãi bất an mà đến quy y thần núi, quy y rừng cây, quy y miếu thờ thọ thần, nhưng đó chẳng phải là chỗ nương tựa yên ổn, là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y như thế khổ não vẫn còn nguyên. Trái lại quy y Phật Pháp Tăng, phát trí tuệ chân chánh, hiểu thấu bốn lẽ mầu: biết khổ,

biết khổ nhân, biết khổ diệt và biết tám chi Thánh đạo, diệt trừ hết khổ não. Đó là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y được như vậy, giải thoát hết khổ đau.

Ở nhà quê có nhiều bậc cha mẹ khi thấy con bệnh hoạn trị thuốc lâu lành, nghĩ rằng có lẽ con mình bị tà ma phá. Lúc đó nghe trong rừng có miếu thờ thọ thần hay thấy cây đa có thờ thổ địa, thờ ông táo thì tới quy y. Nhưng đức Phật nói nương tựa những chỗ đó không an ổn, khổ não vẫn còn nguyên. Trái lại người biết quy y Phật Pháp Tăng, phát huy trí tuệ biết rõ pháp Tứ đế, Bát thánh đạo thì sẽ hết khổ não. Đó là chỗ quy y an ổn, là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y như vậy mới giải thoát khổ đau.

Nhiều Phật tử khi quy y Tam bảo, lãnh phái về nhà, có an ổn chưa? Ở đây

đức Phật nói quy y Tam bảo rồi phải phát huy trí tuệ chân chánh, để hiểu thấu Tứ đế, mới diệt trừ khổ não, nếu cho rằng quy y rồi thì hết khổ não, đó là sai lầm. Người mê tín quy y với các vị thần núi, thần cây v.v... là vì sợ hãi, không bao giờ tìm được chỗ nương tựa an ổn. Nếu muốn an ổn thì phải quy y Tam bảo, có trí tuệ chân chánh, biết đạo lý đúng như thật, mới thoát khỏi sự đau khổ.

193. Rất khó gặp được bậc Thánh nhân vì chẳng phải thường có. Phàm ở đâu có vị Thánh nhân ra đời thì gia tộc đó được an lành.

Người có duyên phúc lớn thì mới gặp Thánh nhân, vì lâu lắm các ngài mới ra đời. Phàm chỗ nào có vị Thánh nhân ra đời thì gia tộc đó được an lành. Như đức Phật ra đời ở thành Ca-tỳ-la-vệ, sau khi thành đạo về độ vua cha và hoàng tộc. Các

hoàng tử như A-nan, Nan-đà... đều nương Phật mà xuất gia tu hành, vua Tịnh Phạn ở tại gia giữ năm giới chân chánh, tất cả đều được an vui. Cho nên nói rằng Thánh nhân ra đời thì trong gia tộc được an lành.

194. Hạnh phúc thay đức Phật ra đời! Hạnh phúc thay diễn nói chánh pháp! Hạnh phúc thay Tăng-già hòa hợp! Hạnh phúc thay dũng tiến đồng tu!

Đức Phật ra đời là hạnh phúc lớn nhất của thế gian, dù gặp trực tiếp hay gián tiếp. Như chúng ta bây giờ, tuy không được đức Phật khuyên dạy trực tiếp, thì cũng được Phật dạy qua giáo pháp ngài để lại, như vậy cũng hạnh phúc lắm rồi. Kế đến đem chánh pháp diễn nói cho mọi người biết để tu hành, đó là một hạnh phúc lớn.

Hạnh phúc thay Tăng-già hòa hợp, hòa hợp mới gọi là Tăng-già. Nếu không hòa hợp thì hạnh phúc này không toàn vẹn. Hạnh phúc thay dũng tiến đồng tu. Đúng ra thì mỗi Phật tử đều dũng mãnh tinh tấn, nhưng có người siêng tu, có người thờ Phật mà tu hành lơ là. Vì vậy cho nên sự dũng tiến đồng tu không đồng bộ. Nếu mọi người đều dũng tiến đồng tu, thì tất cả đều được an lạc, không còn người khổ đau.

Như trong một gia đình cha mẹ con cái đều tu như nhau đồng tụng kinh, ăn chay, niệm Phật v.v... thì gia đình đó rất hạnh phúc. Nếu trong một gia đình, đến ngày rằm người ăn chay người ăn mặn thì có điều không vui. Cho nên không dũng tiến đồng tu thì hạnh phúc không toàn vẹn. Người nào được bốn điều hạnh phúc này thì thật là may mắn.

195-196. Cúng dường những vị đáng cúng dường, chư Phật hay đệ tử, vị thoát ly hư vọng, vượt khỏi mọi lo âu. Công đức của người cúng dường bậc tịch tịnh vô úy như vậy, không thể kể lường.

Những vị đáng cho chúng ta cúng dường là đức Phật hoặc đệ tử chân chánh của ngài, hoặc những người không phải đệ tử Phật, nhưng đã thoát ly hư vọng, vượt khỏi hối hận lo âu, đó là bậc Thánh, những vị này có công đức lớn, nếu biết cúng dường thì có công đức vô lượng.

XV. PHẨM AN LẠC

197. Sung sướng thay chúng ta sống không thù oán giữa những người thù oán. Giữa những người thù oán ta sống không thù oán.

Khi mọi người thù hiềm giận ghét nhau mà mình vẫn an nhiên không thù hận ai, thì rất là hạnh phúc. Cho nên nói rằng sung sướng thay chúng ta sống không thù oán giữa những người thù oán, giữa những người thù oán ta sống không thù oán. Điều này có dễ làm hay không? Thí dụ trong gia đình có một đứa con hung dữ, ra đường gặp ai cũng gây gổ, người ta đến nhà mắng vốn cha mẹ. Khi biết con mình hung dữ, có an nhiên nhận lỗi hay nổi nóng lên? Nhưng người trong xóm làng hay bị mất lòng vì mấy đứa con nít

đánh nhau, cha mẹ ra bênh vực rồi có chuyện rầy rà, trở thành thù oán.

Tuy mình là người tốt nhưng những người thân của mình không tốt, do liên can ruột thịt nên không vô tư đứng ngoài cuộc. Nếu chúng ta thẳng thắn và cứng cỏi, dù người thân làm xấu gây oán hờn với ai, mình cũng phải là người vô tư. Nếu cho rằng đó là người thân, khi họ làm xấu mình bênh vực, thì bị cuốn trong sự oán thù hờn giận. Giữa những người thù oán ta sống không thù oán, nhớ ứng dụng tu hành mới được hạnh phúc an vui.

198. Sung sướng thay chúng ta sống không tật bệnh giữa những người tật bệnh. Giữa những người tật bệnh ta sống không tật bệnh.

Tật bệnh Phật nói ở đây không phải thân bệnh mà chỉ cho phiền não tham sân si. Người bị tham sân si nhiễu hại, mà

mình vẫn không bị nhiễu hại, thì mình là người sung sướng, nên nói giữa những người tật bệnh ta sống không tật bệnh, đó là hạnh phúc, sung sướng nhất.

199. Sung sướng thay chúng ta sống không tham dục giữa những người tham dục! Giữa những người tham dục, ta sống không tham dục.

Tất cả những cái khổ ở thế gian đều do tham nhiều, nếu sống giữa những người tham muốn mà mình không tham muốn là người sung sướng nhất. Tuy nói vậy nhưng cũng khó thoát ra được. Thí dụ có một gia đình, tất cả đều biết đạo lý, cho nên ít tham muốn, chỉ có một hai người ít biết đạo, nên thích làm giàu, thích danh lợi. Nhưng khi không được như ý thì khổ và những người trong gia đình khổ lây. Cho nên gần người tham danh lợi, mà mình không tham thật là khó. Người biết

tu phải giữ lập trường, sống giữa những người tham mà vẫn không tham, như vậy mới thật là sung sướng.

200. Sung sướng thay chúng ta sống không bị điều gì chướng ngại, ta thường sống với những điều hỷ lạc như những vị trời Quang Âm.

Một hôm đức Phật đang ở trong thôn Bà-la-môn tên là Ngũ-ta-la. Ngài đi khất thực không được, ôm bát trống đi về. Lúc đó ma vương thấy vậy muốn trêu chọc ngài, bèn hiện thân đứng ở cổng làng nói:

- Ngài khất thực không được chắc là bụng đói lắm? Ngài liền nói câu này:

- Sung sướng thay chúng ta sống không bị điều gì chướng ngại, ta thường sống với những điều hỷ lạc như những vị trời Quang Âm.

Tuy khất thực không được gì nhưng ngài vẫn an nhiên, thí chủ cho cũng tốt, không cho cũng không sao. Đức Phật thì tự tại như vậy, còn chúng ta nếu tới giờ ăn mà không có một bát cơm để giải quyết sự đói, chắc khó nằm ngồi cho yên. Đức Phật vượt qua hết những chướng ngại nhất là đói và lạnh. Đó là do sức mạnh của tinh thần.

Trong A-hàm có ghi, mùa đông ở miền Bắc Ấn Độ tuyết rơi, lá cây rụng hết, mà Phật chỉ có ba y, không có chăn ấm, ngài cũng ngủ qua đêm. Sáng hôm sau có một vị trưởng giả đến hỏi thăm:

- Trời lạnh quá mà Ngài không đủ đồ mặc ấm, vậy đêm hôm rồi Ngài ngủ yên không?

Ngài trả lời:

- Vì ta đã bỏ tất cả tham dục nên ta ngủ rất yên.

Trái lại chúng ta lạnh cũng rên, đói cũng rên, không có gì chịu nổi. Cho nên người tu phải thắng lòng tham dục, thì tất cả những khó khổ, đói lạnh đều thắng được, không có gì làm chướng ngại.

201. Thắng lợi thì bị thù oán, thất bại thì bị đau khổ; chẳng màng tới thắng bại, sẽ sống hòa hiếu an vui.

Khi làm việc chung với ai, nếu mình hơn thì họ không bằng lòng và ôm mối oán thù. Ngược lại nếu thất bại thì bị đau khổ về nhà không yên, như vậy thắng và bại đều không yên. Cho nên người không màng thắng bại sẽ sống đời hòa hiếu an vui, còn người nào nói nhiều về thắng bại hơn thua, đó là người đau khổ.

Một hôm Phật vào trong thôn khất thực, có người Bà-la-môn đến trước mặt kêu tên ngài chửi. Khi đó Phật ôm bát đi

tới đầu đường, ngồi xuống cội cây, ông tới trước hỏi Phật:

- Cù-đàm thua tôi chưa?

Phật trả lời bằng bốn câu kệ:

Người hơn thì thêm oán,

Kẻ thua ngủ không yên,

Hơn thua hai đều xả,

Ấy được an ổn ngủ.

Bốn câu kệ đó trùng ý câu kinh này. Chúng ta thì lúc nào cũng muốn hơn, bởi muốn hơn nên bị người ganh ghét thù oán, nếu biết người ta thù oán thì đâm ra sợ người hại mình. Cho nên nếu hơn người thì bị thù oán và đâm ra sợ hãi, thua thì về ngủ không yên bực tức hoài. Bỏ được hơn thua thì lúc nào cũng vui vẻ an ổn.

202. Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng ác sân hận,

không khổ nào bằng khổ ngũ uẩn và không vui nào bằng vui Niết-bàn.

Con người bị lửa tham dục thiêu đốt, sân si hành hạ và ngũ ấm xí thạnh thì không bao giờ an ổn. Người xưa thường nói, trên bờ thì sợ cọp, dưới sông thì sợ cá sấu, cá mập. Sự thật, cọp và cá sấu, cá mập không hại người, mà chính sân si mới hại người. Sống trong thời chiến tranh thì sợ bom đạn, bom đạn không đáng sợ bằng sân si, nếu con người không sân si thì không chế tạo ra bom đạn, không có bom đạn thì lấy gì hại nhau. Sở dĩ hại nhau gốc từ sân si, nhưng người ta sợ bom đạn mà không sợ sân si, đó là sai lầm, chỉ sợ quả mà không sợ nhân. Tất cả việc làm ác gốc từ sân si, nếu con người không sân si thì không cầm súng bắn người khác, như vậy sân si đáng sợ hơn là súng đạn.

Ở đây Phật nói không khổ nào bằng khổ ngũ ấm, nhưng trong Pháp cú 182, đức Phật nói được thân người là khó, được sống còn là khó... Như vậy có mâu thuẫn hay không? Khi khuyến khích chúng ta tu hành, đức Phật nói thân này khó được, Phật pháp khó nghe.

Còn khi nói thân này là vô thường đau khổ, là để nhắc nhở chúng ta bớt đắm trước thân, mà nỗ lực tu hành thoát khỏi luân hồi sanh tử. Do đó Phật dạy không vui nào bằng vui Niết-bàn, khi biết cái khổ của thân thì phải cầu cái vui Niết-bàn, chứ không phải biết rồi chán và hủy bỏ nó.

Như người ra biển sắp chết đuối mà không biết bơi, gặp được gốc cây mục. Bản chất gốc cây mục là không quý, nhưng nó là vật cứu mạng nên rất quý đối với người đang chới với ngoài biển. Cũng vậy, thân ngũ ấm bản chất là khổ đau, nhưng chúng

ta tạm mượn để tu hành giải thoát, do đó mà trước Phật nói khó được, rồi sau nói thân ngũ ấm là khổ nhưng không mâu thuẫn.

203. Đói là chứng bệnh lớn, vô thường là nỗi khổ lớn, biết được đúng đắn như thế đạt tới Niết-bàn vui tối thượng.

Người ta tưởng ăn cho ngon là hạnh phúc, nhưng chúng ta dùng trí tuệ nhìn kỹ bao tử cũng giống như bình xăng, khi xe chạy hết xăng phải đổ xăng vô cho đầy để xe tiếp tục chạy. Bao tử cũng vậy, khi đói thì không đủ năng lượng cung cấp cho các bộ phận nên nó đòi hỏi. Nếu không cung cấp thì nó cồn cào làm mình khó chịu, khi ấy ăn vài ba chén cơm là an ổn hạnh phúc. Sự thật cũng chỉ giải quyết cái đãy da đang trống rỗng, chỉ cần vài ba chén cơm với những món sơ sài là đủ. Nhưng

thế gian không chịu như vậy nên bị lệ thuộc vào cái lưỡi, do đó mà cực. Chúng ta biết rõ đói cũng là bệnh thôi.

Vì trống quá khiến cho thân nhọc nhằn chịu không nổi nên nói đói là chứng bệnh lớn.

Vô thường là nỗi khổ lớn, thân này sanh ra rồi già đau chết, cho nên đó là nỗi khổ lớn. Người nào biết đúng như thế là đạt đến Niết-bàn vui tối thượng. Như vậy nếu biết được đói là bệnh lớn, vô thường là cái khổ lớn, thì đạt tới Niết-bàn. Tại sao? Vì biết thân là vô thường, nên không tham luyến, tiến tu không chần chừ và đạt tới Niết-bàn. Nếu không thấy thân này vô thường, tưởng mình sống lâu dài, cho nên cưng dưỡng, bồi đắp, tô điểm, rốt cuộc rồi chết không tiến tu được, nên không đạt tới Niết-bàn.

204. Không bệnh là điều rất lợi, biết đủ là kẻ rất giàu, thành tín nơi chí thân. Niết-bàn là vui tối thượng.

Người không bệnh không có phiền não, đó mới là rất lợi. Biết đủ là kẻ rất giàu. Người ta nói nhiều tiền của mới giàu, sao ở đây nói biết đủ là giàu? Người không có tiền nhiều mà lúc nào cũng thấy đủ, thì người đó coi như giàu. Còn người có tiền thật nhiều nhưng thấy thiếu, tức là còn nghèo. Như tính để dành mỗi năm mười triệu, mà chỉ kiếm được tám, chín triệu nên thấy chưa đủ, vì vậy còn nghèo. Nếu người chỉ có một trăm ngàn mà thấy đủ ăn đủ sống thì người đó là kẻ giàu. Còn người không biết đủ là người nghèo.

Thành tín là nơi chí thân. Thành tín là ăn ở, xử sự bằng lòng chân thành, đó mới thật là chí thân. Niết-bàn là vui tối thượng. Như vậy người nào không bệnh,

biết đủ, thành tín và đạt được Niết-bàn là người đại hạnh phúc.

205. Ai đã từng nếm mùi độc cư, ai đã từng nếm mùi tịch tịnh, người ấy còn ưa nếm pháp vị, để xa lìa mọi tội ác, sợ hãi.

Khi chúng ta ở một mình nơi vắng vẻ, tâm an ổn thanh tịnh thì cảm thấy vui thích, đó là đã nếm mùi độc cư và tịch tịnh. Người nào thích ở chỗ vắng vẻ lại còn ưa chiêm nghiệm những lời Phật dạy một cách thấu đáo, người ấy nếm được pháp vị, xa lìa mọi tội ác và sợ hãi. Nếu ở nơi ồn náo, tranh đua danh lợi, không suy nghĩ tường tận lời Phật dạy, thì tha hồ tạo tội ác, không chút sợ hãi. Cho nên, người biết tu nhờ cảnh yên tĩnh, vắng vẻ ở một mình, nghiền ngẫm những lời Phật dạy cho thấm nhuần, hiểu được nghĩa lý sâu xa thì biết sợ hãi và dừng tất cả tội ác không làm.

206. Gặp được bậc Thánh nhân là rất quý, vì sẽ chung hưởng sự vui lành. Bởi không gặp kẻ ngu si, nên người kia thường hoan hỷ.

Gặp được bậc Thánh nhân là hết sức quý báu, ở chung với những vị đó thì hưởng được sự an vui lành mạnh. Vì những bậc Thánh lúc nào cũng dạy mình điều lành, lẽ phải, nếu gần các ngài thì tâm được an ổn vui vẻ. Chẳng những là Thánh nhân, nếu chúng ta gặp được những người bạn tốt, những bậc thầy hiền, tiếp xúc trong một giờ, hoặc nửa giờ, chúng ta cũng cảm thấy lòng nhẹ nhàng, tâm an ổn. Bởi vì gần người hiền, gần bậc Thánh nhân, là đã xa lìa kẻ ngu si, nếu xa lìa kẻ ngu si thì lòng mình rất an ổn vui vẻ.

207. Đi chung với người ngu, chẳng lúc nào không bị lo buồn, ở

chung với kẻ ngu, khác nào ở chung với quân địch. Ở chung với người trí, chẳng khác nào hội ngộ với người thân.

Làm sao phân biệt kẻ ngu người trí? Người ngu là người hung dữ, không biết ăn chay làm lành, thường tranh hơn thua, đi chung với họ mình sẽ bị lo buồn như đi với quân địch. Thí dụ khi đói bụng, mình ăn chay họ rủ vô tiệm mặn, đó là một cái chướng. Mình muốn hòa nhã với mọi người, nhưng gặp ai họ cũng thích cãi cọ hơn thua. Mình thích làm lành, làm phước gặp ai cũng giúp đỡ, họ cứ cằn nhằn nói mình ngu dại. Như vậy đi chung với những người ấy càng làm cho mình bực bội.

Người trí là người khôn ngoan, biết làm lành lánh dữ, biết những tội ác để chừa, điều phải để theo. Đi chung với họ

tâm hồn mình thấy nhẹ nhàng khoan khoái, cho nên nói cũng như gần gũi người thân.

Ở đây nói ngu và trí theo đạo đức, những người hung dữ, hơn thua, phá trai phạm giới là người ngu, còn những người hiền lành biết tôn trọng đạo đức là người trí.

208. Đúng thật như vậy: Người hiền trí, người đa văn, người trì giới chân thành và bậc Thánh giả là chỗ nương tựa tốt nhất cho mọi người. Được đi theo những bậc thiện nhân hiền tuệ ấy, khác nào mặt trăng đi theo tinh đạo.

Người hiền khôn ngoan học rộng, trì giới một cách chân thành và những bậc Thánh giả là chỗ nương tựa tốt nhất cho mọi người. Ở đây nói người trí chỉ cho

những người vừa hiền vừa học rộng vừa biết giữ giới đúng đắn, đó là những bậc thiện nhân, chúng ta gần họ thì thật là an ổn. Cho nên nói rằng, được đi theo những bậc thiện nhân hiền tuệ ấy, khác nào mặt trăng đi theo quỹ đạo, không bao giờ bị lệch. Như xe lửa chạy trên đường rầy, cứ chạy theo đường rầy thì không bị chênh. Như vậy gần người hiền, gần bậc trí tuệ, biết giữ giới đúng đắn, và bậc Thánh thì thật là an ổn hạnh phúc. Ngược lại gần những người hung dữ, không biết tu hành, tranh hơn tranh thua v.v... chỉ lây khổ cho mình chứ không được lợi ích an vui.

XVI. PHẨM HỶ ÁI

209. Chuyên làm những việc không đáng làm, nhác tu những điều cần tu, bỏ việc lành mà chạy theo dục lạc, người như thế dù có hâm mộ kẻ khác đã cố gắng thành công, cũng chỉ là hâm mộ suông.

Những việc làm ăn mua bán, hơn thua phải quấy, giao tế qua lại không nên làm mà người tu đeo đuổi làm hoài. Ngược lại tụng kinh niệm Phật, tham thiền hành trì cho miên mật, là việc của người xuất gia phải làm, thì lười nhác không chịu làm, đó là bỏ việc tu hành chạy theo dục lạc thế gian. Người như thế dù thấy người khác tu hành có kết quả, rồi cung kính khen ngợi, cũng chỉ là sự hâm mộ suông, chứ không có ích gì. Muốn có lợi ích thiết thực, thì phải siêng tu và bớt những chuyện

không đáng làm. Như thấy người khác tu hành thành công, thì tự nhủ mình cũng sẽ tu hành như họ để có lợi ích.

Đối với cư sĩ tại gia, việc chính là lo làm cho có tiền để nuôi sống bản thân, gia đình và đóng góp những điều phúc thiện cho xã hội. Đó là những việc cần làm để sống, để có công đức mà lại không làm. Còn những việc ăn chơi, rượu chè, cờ bạc v.v... không đáng mà cứ làm. Người như vậy dù muốn lập nghiệp cũng không có sự nghiệp, hay khen ngợi người khác có sự nghiệp cũng là khen suông, mà chính mình không bao giờ được lợi ích.

210. Chớ kết giao với người đáng ưa, chớ kết giao với người không đáng ưa. Không gặp được người thương yêu là khổ, mà gặp phải người cừu oán cũng khổ.

Tại sao đức Phật dạy không nên kết giao với người đáng ưa và người không đáng ưa, vậy phải kết giao với người nào? Đức Phật dạy nếu thương nhiều mà xa nhau là khổ, còn ghét nhau mà gặp cũng khổ. Hai người kết thân nhưng chắc gì suốt đời ở chung, hôm nay thân ngày mai phải xa, thế là tự mình chuốc khổ. Tu là thoát khổ, tại sao lại buộc cái khổ vào? Cho nên phải sống chan hòa tình thương với tất cả mọi người. Còn thân người này, không thân người kia, khi có thân thì có thù, là có khổ. Gặp ai vừa ý thì thương, không vừa ý thì ghét, do đó mà thương ghét chất chồng nên khổ. Đây là hai cái khổ trong tám khổ, ghét mà gặp nhau là khổ, thương mà phải xa lìa cũng khổ. Nếu tâm bình đẳng thì không còn thân sơ thương ghét, sẽ bớt được hai nỗi khổ trên.

Người xưa thường nói, người quân tử đối xử với nhau như nước lã, nhưng đó là cái chân thật lâu dài. Còn kẻ tiểu nhân gặp nhau ngọt như mật, nhưng ít hôm trở mặt, thành cay đắng khổ đau. Các vị Thánh nhân dạy không khác nhau bao nhiêu. Cho nên ở đây Phật dạy bớt đắm yêu và oán thù, thì sẽ bớt đau khổ.

211. Thế nên chớ đắm yêu, vì đắm yêu bị biệt ly là khổ. Nếu không còn những niệm yêu ghét thì không điều gì ràng buộc được.

Như đã nói người yêu thương nhiều mà xa lìa là khổ, nhưng chưa xa lìa mà làm gì trái ý vẫn khổ như thường. Thí dụ như mẹ thương con, lúc nào cũng muốn con siêng năng học giỏi, nhưng nó lười biếng và học dở thì bực bội buồn rầu. Đó cũng phát xuất từ lòng thương, rồi lo lắng mà trở thành khổ. Nên Phật dạy chớ chìm

đắm trong yêu thương vì yêu thương mà bị xa lìa thì nhất định phải khổ. Người không còn niệm yêu ghét, thì không bị khổ sở ràng buộc.

Người đời không yêu thì ghét, chứ ít có sự trung bình. Phật dạy chúng ta tập sống bằng lý trung đạo, nếu ngả bên này bên kia thì khổ. Người thế gian không hiểu thì yêu ghét nhiều, chúng ta là Phật tử giảm bớt lòng thương ghét, thì tâm hồn được nhẹ nhàng an ổn.

212. Từ hỷ ái sinh lo, từ hỷ ái sanh sợ; xa lìa hết hỷ ái, chẳng còn lo sợ gì.

Do ưa thích nên sanh lo sợ, nếu xa lìa ưa thích thì không còn lo sợ. Thí dụ có món đồ quý mình thích quá, lúc nào cũng lo giữ gìn sợ ai đụng tới thì hư bể. Cho nên ưa thích là gốc của lo sợ, khi dứt được ưa thích thì hết lo sợ. Cũng như người ưa thích thân này nên luôn sợ đau, sợ đói

lạnh, sợ chết. Nếu coi thân này như gốc cây mục thì hết lo sợ. Vì vậy cái khổ không ai mang đến mà xuất phát từ tâm ưa thích của mình.

213. Từ thân ái sanh lo, từ thân ái sanh sợ; xa lìa hết tham ái, chẳng còn lo sợ gì.

214. Từ tham dục sanh lo, từ tham dục sanh sợ; xa lìa hết tham dục, chẳng còn lo sợ gì.

Khi nào con người hết ái nhiễm tham dục, thì không còn lo sợ. Tham dục là đam mê ưa thích ngũ dục.

215. Từ dục lạc sanh lo, từ dục lạc sanh sợ; xa lìa hết dục lạc, chẳng còn lo sợ gì.

216. Từ ái dục sanh lo, từ ái dục sanh sợ; xa lìa hết ái dục, chẳng còn lo sợ gì.

Ưa thích ngũ dục thì còn lo sợ, hết ưa thích thì hết lo sợ. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thùy. Thí dụ có người đang giữ một chức vụ cao, có uy quyền và rất thích danh, nên sợ người ta hạ mình xuống thì mất hết quyền uy danh vọng. Vì vậy họ lo bảo vệ địa vị của mình, mà có lo thì có sợ, đó là khổ. Khi chúng ta dứt hết lòng ái dục, thì không còn gì lo sợ.

217. Đầy đủ giới hạnh và chánh kiến, an trú chánh pháp, rõ lý chân thường và viên mãn các công hạnh, là người đáng kính mến.

Người đáng cho mọi người kính mến, phải có năm điều. Một là đủ giới hạnh, hai là có chánh kiến, ba là an trú trong chánh pháp, bốn là rõ được lý chân thường, năm là viên mãn các công hạnh.

Người xuất gia phải giữ mười giới hoặc hai trăm năm mươi giới, người tại gia giữ

năm giới, tám giới hoặc thập thiện. Thọ giới nào giữ giới ấy, là đầy đủ giới hạnh. Có chánh kiến là nhận định đúng lý nhân quả và giáo pháp của Phật. An trụ trong chánh pháp, là sống và làm việc phù hợp với chánh pháp. Rõ được lý chân thường là thấu suốt lý Tứ đế. Giới định tuệ đầy đủ thì công hạnh tu hành viên mãn. Người như thế thì xứng đáng cho người khác kính trọng.

218. Khát cầu pháp ly ngôn, sung mãn tâm cứu xét, không đắm mê dục lạc, ấy là bậc thượng lưu.

Những lời đức Phật dạy thì gọi là pháp, như Tứ đế, Bát thánh đạo, những pháp đó đều là ngôn thuyết chứ chưa phải là ly ngôn. Khi nghe đức Phật nói Tứ thánh đế rồi áp dụng tu, chứng được Tứ thánh đế, sự chứng pháp đó chỉ tự mình biết và nhận ra, không thể diễn tả bằng ngôn ngữ,

như người uống nước lạnh nóng tự biết, gọi là *pháp ly ngôn*. Người tu lúc nào cũng khao khát mong mỏi chứng được pháp này.

Sung mãn tâm cứu xét là chánh tư duy, quán chiếu tâm mình và sự vật bên ngoài. Thí dụ khi nghe Phật dạy lý nhân duyên, vô thường vô ngã. Tâm luôn suy xét nên không còn đắm nhiễm tất cả dục lạc, gọi là bậc thượng lưu. Thượng lưu là người chứng được quả Bất hoàn, là quả thứ ba trong bốn quả Thanh văn, còn gọi là A-na-hàm.

219-220. Người khách ly hương lâu ngày, khi từ phương xa trở về yên ổn, được bà con thân hữu đón mừng thế nào, thì người tạo phước nghiệp cũng vậy, khi từ cõi đời này sang cõi đời khác, phước nghiệp của họ là kẻ thân hữu đón mừng họ.

Mỗi khi đi xa về được bà con đón mừng chào hỏi vui vẻ, đó là tình thương của người thân dành cho mình. Cũng vậy hằng ngày chúng ta làm việc phước thiện, tuy hiện đời chưa thấy kết quả, nhưng khi bỏ thân này để mang thân kế, lúc đó phước nghiệp đón tiếp chúng ta như bà con đón tiếp người thân của mình đi xa về.

Ngược lại người tạo nghiệp bất thiện, ác nghiệp sẽ chực đón họ như kẻ thù cầm gậy đứng sẵn để hành phạt. Vì vậy Phật nhắc người Phật tử sống phải biết tư lương là lo tích chứa phước nghiệp, để khi bỏ thân này mang thân khác, sẽ có những điều tốt đẹp sẵn sàng chào đón mình.

Thí dụ người có của, gửi ở bên Pháp một số tiền khá nhiều, anh em ở bên đó cũng khá đông. Bây giờ đủ duyên lên máy bay sang Pháp, lúc đó không lo sợ, vì đã có sẵn tiền bạc và thân hữu, gọi là có sẵn tư

lương. Cũng có người qua Pháp, chỉ có tiền mua vé máy bay, mà bên đó không có bà con, cũng không có tiền tiết kiệm. Cho nên khi lên máy bay tâm hồi hộp lo âu, không biết qua bên đó ở đâu, làm gì, lấy tiền đâu để sống. Bao nhiêu nỗi lo dồn dập, vì ra đi không có chút tư lương, là cả một vấn đề đau khổ.

Phật dạy người nào sắp chết mà thấy gương mặt hoan hỷ thì người đó có phước nghiệp, sẽ sanh ở các cõi lành. Người sắp chết mà thấy gương mặt héo sầu, nhăn nheo sợ sệt thì biết rằng họ sanh ở cõi khổ. Bởi vì người tạo ác nghiệp, khi vừa bỏ thân này, do ác nghiệp chiêu cảm, liền thấy những cảnh hung dữ hiện ra khiến tâm họ hoảng sợ, tướng xấu hiện trên gương mặt. Ngược lại người làm lành khi gần tắt thở, thấy bà con thân quyến hoặc thấy Phật đến đón thì trong lòng hoan hỷ,

nên nét mặt vui tươi, đó là do phước lành mà có tướng trạng như thế.

Đức Phật dạy những điều này là lẽ thật, tại mắt phàm không thấy, nên phải mượn những hình ảnh cụ thể ở thế gian để thấy mà cố gắng. Vì vậy người Phật tử phải lo tư lương, để ngày nào ra đi được an ổn không lo sợ.

XVII. PHẨM PHẪN NỘ

221. Xa bỏ lòng giận dữ, trừ diệt tính kiêu căng, giải thoát mọi ràng buộc, không chấp trước danh sắc, người không có một vật chi, sự khổ chẳng còn theo dõi được.

Xa bỏ lòng giận dữ và tính kiêu căng ngã mạn thì giải thoát mọi phiền não khổ đau. Không chấp trước thân tâm cho là thật, người không có một vật chi, là không chấp chặt những vật đó là của mình, nên sự khổ chẳng còn đeo đuổi.

Bậc A-la-hán mới chứng được lục thông, còn ngũ thông thì người tu theo ngoại đạo cũng chứng được. Chứng ngũ thông thì có thể bay lên hư không, có thể biết được tâm ý người khác, nhưng chưa phải chứng quả A-la-hán. Vì vậy chứng A-la-hán là dứt hết mọi triền phược,

không còn chấp thân ngũ uẩn là thật thì giải thoát khỏi mọi khổ đau.

222. Nếu hay ngăn được cơn giận dữ nổi lên như dừng được chiếc xe đang chạy nhanh, mới là kẻ chế ngự giỏi, ngoài ra chỉ là kẻ cầm cương hờ mà thôi.

Có người nói một câu chọc tức, mình nổi giận đùng đùng, chợt nhớ thân này mai mốt chết bỏ đi, thì dằn xuống được liền, miệng không nói ra những lời dữ, thân không làm những hành động dữ, Phật ví như dừng được chiếc xe đang chạy nhanh, đó là người chế ngự giỏi.

Chúng ta phải tu như vậy mới thật là hay, nếu giận nói bậy một hồi rồi ăn năn xin lỗi thì tầm thường quá, vì không làm chủ được mình. Khi nóng giận người ta chỉ nhớ cái giận mà không nhớ gì hết. Để nhắc nhở mình trong những trường hợp như

thế, người xưa thường viết những câu Phật ngôn trên vách hay để trên bàn, mỗi khi nổi sân nhìn thấy mà giật mình và hạ cơn nóng giận.

223. Lấy từ bi thắng nóng giận, lấy hiền lành thắng hung dữ, lấy bố thí thắng xan tham, lấy chân thật thắng ngoa ngụy.

Người đời thấy người ta nóng giận hung dữ với mình thì dùng hung dữ để trị lại, nếu không thì họ nói mình là kẻ hèn nhát. Như vậy lấy hung dữ để trị hung dữ, hai cái hung dữ đụng nhau thế nào cũng gây gổ. Ở đây Phật dạy lấy từ bi để thắng nóng giận, nếu người nóng giận thì mình dùng lòng từ bi thương họ, cư xử tử tế không nói lời hung dữ đáp trả, một lúc hết nóng giận thì cả hai đều an ổn.

Nhưng người ta hung dữ mà mình hiền lành thì có bị chê ngu không? Nếu cả

hai người đều nóng giận thì cả hai đều dại vì giận là bất an. Cho nên một người nóng thì có một người hiền, người hiền mới thắng được người nóng. Đó là lấy từ bi thắng nóng giận.

Lấy bố thí thắng xan tham, người có tâm keo kiệt tập bố thí thì hết keo kiệt. Lấy chân thật thắng ngoa ngụy, người đối xử chân thật với nhau thì bền chắc lâu dài, còn những người dối trá với nhau chỉ được một lúc rồi thôi. Ở đây đức Phật dạy chiến thắng là làm ngược lại, người nóng mình phải nguội, người dữ mình phải hiền. Người bỏn sẻn mình phải tu bố thí, người dối trá mình đối xử chân thật. Chúng ta nên thực hành theo sẽ được an ổn.

224. Nói chân thật, không giận hờn, đích thân bố thí cho người đến xin, đó là ba việc lành đưa người đến cõi chư thiên.

Luôn nói lời chân thật, không giận hờn thù oán ai, gặp người nghèo khó đến xin tự tay mình bố thí cho họ. Đó là ba việc lành đưa chúng ta đến cõi chư thiên. Chúng ta nên thường làm ba điều này để được lợi ích an vui.

225. Không làm hại người thanh tịnh, thường chế phục thân tâm, thì đạt đến nơi chẳng chết, chẳng còn ưu bi.

Đối với người tu trong sạch thanh tịnh, luôn chế phục thân tâm mình, không bao giờ có tâm ý hại người, thì đạt đến nơi chẳng chết và chẳng còn ưu bi. Vì người làm chủ được thân tâm, nên tự tại giải thoát, đạt đến Niết-bàn, không còn kẹt trong vòng luân hồi sanh tử.

226. Những người thường tỉnh giác, thường tu tập chuyên cần,

thường để chí hướng tới Niết-bàn thì mọi phiền não đều dứt sạch.

Đối với người tu, hàng ngày tiếp duyên đối cảnh, sự tỉnh giác rất cần thiết. Thí dụ khi ra làm việc, nếu gặp danh lợi, hay những chuyện bực mình, thì phải tỉnh giác rằng danh lợi là vô thường không bền chắc, nhắc trong lòng như vậy, đó là thường tự giác tự tỉnh. Nếu không tỉnh giác thì khi gặp danh lợi liền chạy theo, gặp chuyện không như ý thì tức giận, quên hết sự tu hành.

Kế nữa phải chuyên cần tu tập theo pháp môn mình đã chọn, luôn lập chí tu hành để giải thoát sanh tử đạt đến Niết-bàn, đó là chí hướng cứu cánh của mình, được như vậy thì mọi phiền não đều dứt sạch.

227. A-tu-la nên biết, đây không phải chỉ là chuyện đời nay, mà đời

xưa người ta cũng từng nói: Làm thinh bị người chê, nói nhiều bị người chê, ít nói cũng bị người chê, làm người không bị chê thật là chuyện khó có ở thế gian này.

Đây là lời đức Phật nói với ông A-tu-la, ở trên đời này không ai làm vừa lòng thiên hạ. Nếu ít nói thì những người thích ít nói họ khen, còn người ưa nói nhiều lại chê. Người nói nhiều thì những người ưa nói lại khen, người ít nói thì chê. Người không nói thì những người biết tu hành khen làm thinh như Thánh, còn người không biết thì chê làm bộ nghiêm nghị. Như vậy để thấy rằng ở giữa đời này, không ai hoàn toàn được khen và hoàn toàn bị chê. Sống trong cuộc đời tương đối, chúng ta đừng đòi hỏi cái tuyệt đối. Nếu đòi hỏi tuyệt đối, thì không bao giờ được như ý.

228. Toàn bị người chê cả, hay toàn được người khen cả là điều quá khứ chưa từng có, hiện tại tìm không ra và vị lai cũng không dễ gì thấy được.

Người toàn bị chê, người toàn được khen, điều này xưa nay chưa từng có. Như người trộm cướp bị xã hội chê, nhưng khi ăn trộm nhiều tiền thì được vợ con khen, như vậy cũng có người khen, không phải hoàn toàn bị chê. Ngược lại dù người tốt chín mươi chín hay một trăm phần trăm, cũng có vài người ganh tỵ gièm pha. Như người nghèo thấy người giàu tự nhiên ghét, đó là do tâm đố kỵ. Mỗi ngày rằm, ba mươi mình đi chùa nghe kinh, trong xóm có người không thích nên chế nhạo giả đò tu, đó là không muốn người khác tốt hơn. Như vậy làm sao chúng ta sống cho vừa lòng thiên hạ! Đức Phật dạy

chúng ta phải có lập trường, phải biết cuộc đời tương đối, khi làm lành bị người dữ chê, không buồn phiền thối chí tu hành, vì biết rằng người dữ ghét người hiền là do tâm đố kỵ.

Tóm lại chúng ta đừng bị lệ thuộc sự khen chê của người bên ngoài, vì khen chê không có lẽ thật, tùy theo trình độ nhận xét của mỗi người mà có những phê bình khác nhau. Chúng ta giữ lập trường đúng đắn chân chánh vững vàng, thì khi nghe những lời khen chê tâm không dao động.

229. Cứ mỗi buổi mai thức dậy, tự biết phản tỉnh, hành động không sai trái, trí tuệ hiền minh, giới hạnh thanh tịnh, đó là người đáng được kẻ trí tán dương.

Mỗi buổi sáng thức dậy tự phản tỉnh lấy mình, ngày nay phải làm những điều tốt đẹp, đừng để những điều sai quấy chen

vô. Như vậy buổi sáng mình có ý thức được việc làm trong ngày, là phải đi đúng chiều hướng hiền thiện, nên hành động không lệch lạc sai quấy. Phát huy trí tuệ sáng suốt hiền lành, giữ giới hạnh thanh tịnh, người được như vậy mới đáng cho kẻ trí khen ngợi.

230. Phẩm chất đúng loại vàng Diêm-phù thì ai chê bai được? Đó là hạng Bà-la-môn được chư thiên tán dương.

Người có phẩm hạnh đúng đắn như vàng ròng thì không ai chê. Như những vị Bà-la-môn chân chánh được chư thiên khen ngợi. Chúng ta tu hành giữ phẩm hạnh cho đúng, thì cũng được những người hiền lành đức hạnh kính trọng.

231. Giữ thân đừng nóng giận, điều phục thân hành động, xa lìa thân làm ác, dùng thân tu hạnh lành.

232. Giữ lời đừng nóng giận, điều phục lời nói chánh chân, xa lìa lời nói thô ác, dùng lời nói tu hành.

233. Giữ ý đừng nóng giận, điều phục ý tinh thuần, xa lìa ý hung ác, dùng ý để tu chân.

Đức Phật dạy không nổi giận, không cho thân hành động quấy ác, dùng thân này làm phương tiện tiến tu để được hết khổ, cũng như người chết đuối nương gốc cây mục để vào tới bờ. Khi nóng giận đừng nói những lời thô ác, luôn nói những lời chân chánh hiền lành, đem Phật pháp để chỉ dạy cho người, đó gọi là lời nói tu hành.

Giữ ý luôn thuần thiện và trong sạch, những ý niệm ác dấy lên đều buông bỏ và

luôn khởi những niệm lành, phát triển những ý nghĩ tốt để hành động tốt. Người nào luôn giữ ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh thì được lợi ích an vui.

234. Người trí điều phục thân, cũng điều phục ngôn ngữ, điều phục luôn tâm ý, ba nghiệp thảy điều phục.

Người trí tuệ lo điều phục thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, đó là ba phần tu hành căn bản. Ba nghiệp được hoàn toàn thanh tịnh là người tu chân chánh, vì thân miệng ý là nguồn gốc của tội lỗi trầm luân, cũng là nguồn gốc của công đức giải thoát. Nếu biết ngăn chặn nguồn gốc của tội lỗi trầm luân, khai thác nguồn gốc của công đức giải thoát, như vậy là người biết tu.

XVIII. PHẨM CẤU UẾ

235. Ngươi đã giống như chiếc lá khô. Diêm-ma sứ giả ở sát bên mình. Ngươi đang đứng trước ngưỡng cửa chết, bước lữ đồ ngươi cũng thiếu hẳn tư lương.

Đức Phật nhắc những người tuổi thọ sắp hết mà phước đức không có, giống như cành khô lá héo rồi mục chết từ từ. Cũng vậy thân của chúng ta, tới sáu bảy mươi tuổi thì cái chết gần kề, nếu lúc đó chúng ta không có phước đức thì Diêm-la sứ giả ở sát bên mình, đang đứng trước ngưỡng cửa tử thần, như người sắp đi xa mà thiếu hẳn tư lương. Từ trước tới giờ không lo tu hành, bây giờ chết rồi đi đâu đây, một mình bơ vơ trên con đường tối tăm mù mịt. Tổ Quy Sơn nói *đường trước mờ mờ chẳng biết về đâu*! Nếu chúng ta ý thức được điều

này thì thức tỉnh lo tu hành, sớm chừng nào tốt chừng ấy, để có tư lương cho những ngày sắp tới, ra đi trong an ổn.

236. Ngươi hãy tự tạo cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gột sạch biết bao phiền não trần cấu, để bước lên Thánh cảnh của hàng chư thiên.

Người tu phải tích lũy công đức cho đầy đủ, cũng như người đi biển gặp giông bão lên được hòn đảo an toàn, khỏi bị lặn hụp chết chìm ngoài biển cả. Gấp rút siêng năng làm một kẻ trí thức khôn ngoan, để gột sạch bao nhiêu phiền não trần cấu trong tâm. Khi khởi tâm tham lam hay giận hờn biết đây là phiền não thì buông bỏ, đó là gột sạch những trần cấu trong lòng mình, để bước lên cảnh giới của bậc Thánh, là cõi trời Sắc Cứu Cánh, thành bậc A-na-hàm.

Tuy nhiên đừng nghe nói thân này sắp tàn lụi rồi buồn khổ vô ích, mà phải cố gắng làm sao cho được hữu ích ngay trong đời này, chứ không phải sau khi chết để được làm Thánh.

237. Đời sống ngươi nay sắp lụn tàn, ngươi đang dịch bước tới gần Diêm vương, giữa đường đã không nơi ngơi nghỉ, bước lữ đồ ngươi cũng thiếu hẳn tư lương.

Mỗi ngày qua cái chết cận kề bên mình, lúc bình thường không tu hành nên khi sắp chết thiếu công đức và lo rằng ngày mai đi đâu, không có gì đem theo qua thế giới bên kia. Nên nói giữa đường không nơi ngơi nghỉ, mà bước lư đồ cũng thiếu hẳn tư lương.

238. Ngươi hãy tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần

làm kẻ khôn ngoan, gột sạch phiền não trần cấu, chớ trở lui đường sanh lão nguy nan.

Biết cái chết đang đeo đuổi không tha một ai, nên phải nỗ lực tu hành cho đầy đủ công đức, thường dùng trí quán chiếu để dẹp sạch hết phiền não trần cấu trong tâm, không bao giờ trở lại con đường sanh lão bệnh tử nguy nan này nữa. Đức Phật khích lệ mỗi người phải cố gắng vươn lên để được giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, đó là tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn.

239. Hết sát-na này đến sát-na khác, người trí lo gột trừ dần những cấu uế nơi mình, như ông thợ vàng cần mẫn lọc trừ cặn bã khỏi chất vàng ròng.

Trong mỗi giây phút chúng ta phải lo dẹp trừ những cấu uế nơi tâm, buông bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Cũng như anh thợ vàng từng phút giây lo lọc cặn bã để vàng thô thành vàng ròng, đó là người biết tu.

240. Như sét do sắt sinh ra rồi trở lại ăn sắt, ác nghiệp do người ta gây ra rồi trở lại dắt người ta đi vào cõi ác.

Thanh sắt để ngoài mưa gió, ít tháng thấy rỉ sét ở bên ngoài, vậy sét cũng từ nơi sắt mà ra. Tất cả những nghiệp ác do thân khẩu ý chúng ta tạo ra rồi tự chịu khổ. Cũng như sắt sanh ra sét, sét trở lại ăn sắt, không có gì tới hại nó mà chính nó tự hại. Người biết tu dừng các nghiệp ác thì hết khổ, đây là một sự thật.

241. Không tụng tập là vết nhơ của kinh điển, không siêng năng là

vết nhơ của nghiệp nhà, biếng nhác là vết nhơ của thân thể và nơi ăn chốn ở, phóng túng là vết nhơ của phép hộ vệ.

Kinh sách đầy tủ mà không có người xem để ứng dụng tu hành thì cũng không có lợi ích gì, đó là vết nhơ của kinh điển. Người có nhà cửa sự nghiệp mà không siêng năng làm cho mỗi ngày mỗi thăng tiến, mà làm cho gia nghiệp suy vi, đó là vết nhơ của nghiệp nhà. Lười biếng không muốn làm gì cả, không vệ sinh thân thể, nhà cửa không sạch sẽ ngăn nắp gọn gàng, đó là vết nhơ của thân này và nơi ăn chốn ở. Đến cái hệ trọng hơn hết, buông lung phóng túng thì tội lỗi theo đó mà khởi, đó là vết nhơ của phép hộ vệ.

Nếu muốn những điều tội lỗi không phát sanh thì phải giữ cho ba nghiệp được

trong sạch. Đó là những điều cần yếu của người xuất gia cũng như Phật tử tại gia.

242. Tà hạnh là vết nhơ của người đàn bà, xan lẫn là vết nhơ của sự bố thí. Đối với cõi này hay cõi khác thì tội ác chính là vết nhơ.

Người phụ nữ mà không có trinh tiết chung thủy, đó là tà hạnh, là vết nhơ của người đàn bà. Người bỏn sẻn keo kiệt tiếc của không bố thí một đồng nào cho người nghèo khổ, đó là vết nhơ của sự bố thí. Trong đời này chúng ta do hư hèn dở xấu, nên tạo nhiều tội ác và chịu những quả báo khổ đau, rồi đời sau sanh ra gặp những hoàn cảnh đau khổ, nên nói tội ác chính là vết nhơ của đời này và đời sau. Vì thế đức Phật dạy người Phật tử chân chánh lúc nào cũng dè dặt không tạo những tội ác, vì làm ác thì thọ quả báo xấu.

243. Trong các nhơ cấu đó, vô minh cấu là hơn cả. Các ngươi hãy trừ hết vô minh để trở thành hàng Tỳ-kheo thanh tịnh.

Theo kinh A-hàm, không biết Tứ đế là vô minh, Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế, bốn điều đó là lẽ thật mà không biết nên gọi là vô minh. Hay nói cách khác, không biết chân lý, sống theo ảo tưởng cuồng loạn gọi là vô minh. Nhưng trong kinh Viên Giác, đức Phật giải thích vọng nhận thân tứ đại do duyên hợp tạm có mà cho là thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần cũng duyên hợp huyễn có mà cho là thật, đó là vô minh.

Phật, Bồ-tát và A-la-hán, thấy cuộc đời là tạm bợ giả dối nên không nhiễm, thì không bị luân hồi sanh tử, vì vậy các ngài là minh, là giải thoát.

Ở đây đức Phật nói rằng trong tất cả nhơ cấu, vô minh cấu là hơn cả, vì vô minh làm cho chúng ta trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi không bao giờ dừng, cho nên Phật dạy nhìn đúng đắn về thân tâm mới hết vô minh và trở thành hàng Tỳ-kheo thanh tịnh.

244. Sống không biết xấu hổ, sống lỗ mãng như quạ diều, sống chê bai kẻ khác, sống đại đởm khoa trương, sống ngạo mạn tà ác, sống như thế ấy chẳng khó khăn gì.

245. Sống biết hổ thẹn, sống thường cầu thanh tịnh, sống không đam mê dục lạc, sống khiêm tốn, sống trong sạch, sống dồi dào kiến thức, sống như thế mới thật khó làm.

Trong hai câu kinh trên, Phật dạy sống lỗ mãng, chê bai kẻ khác, ngạo mạn,

khoa trương v.v... mà không biết xấu hổ, đó là những điều rất dễ làm. Ngược lại biết hổ thẹn, thường cầu thanh tịnh, không đam mê dục lạc, sống khiêm tốn trong sạch, dồi dào kiến thức thì rất khó làm. Điều dễ là làm cho mình đọa lạc, điều khó thì làm cho mình tiến lên, chúng ta đừng sợ khó, phải làm những điều khó mới có giá trị.

Cũng như đi lên tu viện Chơn Không, đường dốc phải chống gậy, nhấc từng bước chân nghe nặng nề mệt nhọc. Nhưng khi xuống thì rất dễ, mấy đứa nhỏ chạy một hơi là xuống dưới dốc. Nghĩa là chúng ta muốn vươn lên thì phải gắng sức, nếu thả trôi cho lùi xuống thì rất dễ. Cho nên kẻ hay làm những điều xấu xa tội lỗi, là người thả trôi xuống tận đáy hố thẳm. Còn người Phật tử chân chánh lúc nào cũng

phải sống khép mình trong khuôn khổ để nỗ lực vươn lên.

246-247. Trong thế gian này, ai hay sát sanh, hay nói dối, hay lấy cắp, hay phạm dâm, hay rượu chè say sưa, ai có các hành vi đó tức đã đào bỏ thiện căn của mình ngay ở cõi đời này.

Người sống theo những hạnh xấu xa như sát sanh, nói dối, trộm cắp, tà dâm, uống rượu thì người đó tự đào bỏ gốc lành của mình trồng từ trước đến giờ. Ngược lại không làm những điều đó, là vun bồi gốc lành ngày càng thêm vững. Như vậy gốc lành vững vàng tăng trưởng hay bị đào bỏ là tại chúng ta.

248. Các ngươi nên biết hễ không lo chế ngăn tức là ác, vậy các ngươi chớ tham, chớ làm điều phi pháp mà phải sa vào thống khổ đời đời.

Đức Phật thấy rõ tâm niệm, hành vi của đa số chúng ta là xấu xa. Nếu không ngăn chặn thì sẽ gây tội lỗi. Cho nên hằng ngày, từng phút giây đều phải biết kềm chế, ngăn ngừa tâm niệm hành vi của mình, đó là dừng được tội ác. Ngược lại chúng ta mặc tình cho tâm nghĩ gì thì nghĩ, những ý niệm xấu sẽ khiến chúng ta gây tội ác. Nếu chịu khó nhận xét tinh tế sẽ thấy cả ngày nghĩ toàn điều thiện, hay một lát giận người này buồn người kia, phiền người nọ. Nếu để bực bội trong lòng kéo dài, thì sẽ phát ra những lời nói hành động thô ác, khi buồn không chặn được cơn buồn, thì cũng khổ tâm không yên.

Cho nên đức Phật dạy phải luôn ngăn ngừa, kềm chế tâm niệm hành vi của mình, không làm những điều tội lỗi, nên tâm trong sạch và không còn phiền não

khổ đau. Nếu được như vậy thì cuộc đời mãi mãi an vui.

249. Vì có tâm tin vui nên người ta mới bố thí, trái lại, kẻ có tâm ganh ghét người khác được thức ăn, thì ngày hoặc đêm kẻ kia không thể nào định tâm được.

250. Nhưng kẻ nào đã cắt được, nhổ được, diệt được tâm tưởng ấy, thì ngày hoặc đêm kẻ kia đều được định tâm.

Bố thí là giúp đỡ người khác có cơm ăn, áo mặc. Người phát tâm bố thí là họ có niềm tin an vui.

Ngược lại, những kẻ có tâm ganh ghét, thấy người có cơm ăn áo mặc thì đố kỵ, cho nên suốt cả ngày đêm tâm không bao giờ an ổn. Đó là một lẽ thật. Chúng ta nghiệm kỹ để chọn lựa, hoặc làm người vui vẻ bố

thí, hay làm người keo kiệt bủn sỉn và ganh ghét đố kỵ. Phật tử chúng ta nhất định làm hạng người thứ nhất. Vì vậy đức Phật nói nếu người nào cắt được, nhổ được tâm ganh ghét đố kỵ ấy thì ngày đêm tâm được an định.

251. Không lửa nào dữ bằng lửa tham dục, không cố chấp nào bền bằng tâm sân giận, không lưới nào trói buộc bằng lưới ngu si, không dòng sông nào đắm chìm bằng sông ái dục.

Lửa tham dục thiêu đốt không biết bao nhiêu người, nên nói không có lửa nào dữ bằng lửa tham dục. Khi bị chọc giận không buông được, có người nói tôi giận người đó suốt đời không quên, hay ôm giận trong lòng cho tới đời khác. Nên ở đây đức Phật nói không cố chấp nào bền bỉ bằng tâm sân giận. Ngu si trói buộc chúng

ta trong vòng sanh tử luân hồi, vì vậy không lưới nào trói buộc bằng lưới ngu si.

Có câu *ái hà thiên xích lãng*, nghĩa là dòng sông ái sóng cao đến ngàn thước, nhận chìm tất cả người thế gian, trừ các bậc Thánh nhân và người hiền triết, nên nói không dòng sông nào đắm chìm bằng sông ái dục. Ái đây không phải nói nam nữ yêu nhau, mà chính là ái ngũ dục, sự nghiệp, cuộc đời, thân mạng và con cái v.v... đó là gốc của sự chìm đắm. Thí dụ như người sắp chết nhớ tới sự nghiệp thì tiếc, nhớ tới con cháu thì thương, nhớ tới thân mình chết rồi không biết ra sao thì buồn. Đó là cái gốc để tiếp tục luân hồi mang thân khác. Cho nên ái dục trói buộc con người khó thoát khỏi, chỉ những ai dũng mãnh lắm mới đào được tận gốc rễ.

252. Thấy lỗi người thì dễ, thấy lỗi mình thì khó. Lỗi người, ta cố phanh

tìm như tìm thóc lẫn trong gạo, còn lỗi mình, ta cố che giấu như kẻ cờ gian bạc lận thu giấu quân bài.

Như người sàng gạo, tìm từng hột thóc lượm bỏ, người cố tìm lỗi kẻ khác giống như vậy. Nghĩa là khi thấy người khác, không chịu nhìn cái hay mà chỉ thấy những tật xấu của họ. Còn lỗi của mình thì cố che giấu như kẻ cờ gian bạc lận thu giấu quân bài, khéo chừng nào hay chừng ấy, hễ người ta không thấy là mừng. Như vậy do chúng ta chấp ngã quá lớn, muốn bảo vệ mình nên thích vạch lỗi người, che giấu lỗi mình. Muốn hết lỗi này thì phải có tâm công bằng, tự nhìn lỗi mình để sửa đổi. Nếu có bổn phận, khi thấy cái dở của người khác thì dạy bảo để họ sửa. Như vậy mới lợi mình mà cũng lợi người.

253. Nếu thấy lỗi người thì tâm ta dễ sanh nóng giận mà phiền não tăng

thêm, nếu bỏ đi thì phiền não cũng xa lánh.

Thấy lỗi người thì sẽ sanh tâm nóng giận phiền não. Bởi vì thấy người ta xấu nên khinh khi. Nếu tha lỗi cho người, không cố chấp; đó là người quân tử, và xa lìa được phiền não. Ngược lại, tìm lỗi người mà quên lỗi mình thì tự chuốc lấy phiền não, tự làm khổ mình, chứ không có lợi gì hết. Chúng ta thường có cái bệnh là thấy lỗi người hơn thấy lỗi mình, hễ ngồi lại thì chê người xấu mà khoe cái tốt của mình, do đó mà sanh chuyện không vui với nhau. Người tu hành nên tập những thói quen ngay thẳng, thấy mình có lỗi thì thẳng thắn phê bình, nếu thấy người sai lầm thì tha thứ, như vậy đường tu mới tiến. Ngược lại, cứ thấy lỗi người, đó là gốc của phiền não khổ đau.

254. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết. Trong ngoại đạo thì làm gì có Sa-môn. Chúng sanh thì thích điều hư vọng, mà Như Lai làm gì còn hư vọng.

Người tu theo ngoại đạo tà giáo, chỉ dùng những pháp tu làm khổ thân mà không giác ngộ, không chứng được Thánh quả, đó không phải là hạnh của Sa-môn.

Hư vọng là dối trá, thế gian sống với nhau ít thật lòng mà nhiều giả dối. Như khi xã giao muốn thu hút được lòng người thì phải khéo, bước vô nhà thấy những vật không đẹp cũng khen, hoặc tỏ ra quý mến mọi người. Nhưng khen và quý mến ngoài miệng mà trong lòng không thật, đó là xã giao giả dối. Sống mà không lấy sự chân thật đối với nhau là sống trong ảo tưởng.

Có người vừa bước vô nhà liền chê, nhà cất xấu quá, rồi chê luôn cả chủ nhà.

Dù chê đúng sự thật, nhưng mình cũng muốn đuổi họ ra liền. Giả sử có người xấu một trăm phần trăm mà nói xấu thì họ giận, nếu khen thì mừng, tuy biết mình dở mà nghe người ta khen cũng vui như thường, không khi nào nghe khen mà mắc cỡ.

Như vậy chúng ta đã tập nhiễm hư vọng giả dối quá nhiều đời, cho nên bao giờ cũng muốn người ta khen ngợi, trọng vọng, mà chính bản thân mình không xứng đáng. Ngược lại, Như Lai không bao giờ hư vọng mà sống bằng lẽ thật, nói sự thật. Đó là điều chúng ta noi theo để sống không hư vọng, như thế mới gần đức Phật hơn.

255. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết, trong ngoại đạo thì làm gì có Sa-môn. Năm uẩn thì không thường

trụ, mà Như Lai thì chẳng loạn động bao giờ.

Đức Phật là bất sanh bất diệt, còn thân và tâm của chúng ta thì sanh diệt vô thường. Biết như vậy, mỗi người phải buông bỏ những cái sanh diệt để tu hành đạt được cái bất sanh bất diệt, đó là phù hợp với Như Lai.

Ở đây nói thân năm uẩn của chúng sanh thì sanh diệt mà Như Lai không bao giờ sanh diệt. Vì vậy người tu hành muốn thoát khỏi vòng sanh tử, đạt được Phật quả thì nên sống với lẽ chân thật tương đối, sau đó mới đạt được cái thật tuyệt đối bất sanh bất diệt.

XIX. PHẨM PHÁP TRỤ

256. Xử sự lỗ mãng đâu phải hạnh của người phụng thờ chánh pháp, vậy các ngươi cần biện biệt cho rõ đâu chánh và đâu tà.

Chữ lỗ mãng có nhiều nghĩa, là xử sự một cách cẩu thả, khinh suất, độc đoán, thiếu khiêm nhường, nói chung là không cẩn thận. Người như vậy không xứng đáng phụng thờ chánh pháp. Cho nên trong sự tu hành, cần phải có trí tuệ nhận xét phân biệt chánh tà rành rẽ. Những vị tu hành, có người chân chánh, có người chưa được chân chánh. Nếu xử sự lỗ mãng, khinh suất, đó là người không nghiêm túc. Nếu người chân chánh thì điềm đạm, nghiêm trang, nói năng từ tốn hòa nhã với mọi người. Ở đâu cũng có người tốt và người không tốt, chúng ta phải có con mắt

sáng suốt phân biệt để khỏi lầm. Nếu không phân biệt rành rẽ thì dễ lầm, rồi xem thường những bậc chân tu.

257. Không khi nào lỗ mãng, đúng phép và công bình mới là người dẫn đạo. Kẻ trí nhờ sống đúng pháp nên gọi là người an trụ pháp.

Người làm thầy hướng dẫn cho mọi người tu hành, thì không bao giờ xử sự lỗ mãng, không bao giờ có cử chỉ khinh suất, cẩu thả v.v... lúc nào cũng đúng phép và công bình. Kẻ trí khéo biết gìn giữ chánh pháp nên gọi là người an trụ trong chánh pháp. Đem chánh pháp của Phật ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, hoặc đem phổ biến cho mọi người biết để tu hành, cũng gọi là hộ trì chánh pháp.

258. Chẳng phải cậy nhiều lời cho là người có trí, nhưng an tịnh không

cừu oán, không sợ hãi mới là người có trí.

Theo quan niệm của đạo Phật, người trí không phải là người khôn lanh nói lưu loát, thao thao bất tuyệt, mà trong mọi trường hợp người ấy đều vững vàng an tịnh, không cừu oán phiền muộn, không sợ hãi lo âu, tâm hồn lúc nào cũng thư thái tự tại, sống an lành trong cuộc đời, đó mới thật là người trí.

259. Chẳng phải cậy nhiều lời mà cho là người hộ trì chánh pháp, nhưng tuy học ít mà do thân thật thấy pháp, không buông lung, mới là người hộ trì chánh pháp.

Người giảng nói Phật pháp thao thao bất tuyệt, chưa chắc là người hộ trì chánh pháp, tuy người học ít nhưng tu hành chân chánh, do thật thấy chánh pháp,

thân chứng được đạo, đó là người hộ trì chánh pháp. Hơn nữa người không buông lung sáu căn chạy theo sáu trần cũng là người hộ trì chánh pháp.

Có nhiều người thấy vị giảng sư đi giảng khắp nơi, cho đó là người truyền bá Phật pháp, hộ trì chánh pháp và cho vị sư ở một chỗ tu hành thanh tịnh là không hộ trì chánh pháp. Nếu phê bình như vậy là chỉ nhìn qua sự truyền bá bằng ngôn thuyết, mà không nhìn về mặt tu hành, là cái nhìn phiến diện chỉ thấy có một bên. Người Phật tử chân chánh thì phải thấy một cách rõ ràng, đầy đủ để không lầm lẫn.

260. Trưởng lão chẳng phải vì bạc đầu. Nếu chỉ vì tuổi tác cao mà xưng trưởng lão, thì đó chỉ là xưng suông.

Trưởng lão không phải chỉ những vị bạc đầu răng long, mà chỉ cho vị nào trí tuệ sáng suốt, tu hành chứng quả A-la-

hán. Dù người đầu bạc răng long nhưng trí tuệ không sáng suốt, tu hành không ra gì mà xưng là trưởng lão, đó là xưng suông chứ không đúng nghĩa thật.

261. Đủ kiến giải chân thật, giữ trọn các pháp lành. Không sát hại sanh linh, lo tiết chế điều phục, người có trí tuệ đó, trừ hết các cấu nhơ, mới đáng danh trưởng lão.

Đủ kiến giải chân thật là nhận thấy pháp Tứ thánh đế một cách đúng đắn. Giữ trọn các pháp lành, là tu hành các pháp để chứng từ sơ quả Tu-đà-hoàn đến tứ quả A-la-hán. Không sát hại sanh linh, lo tiết chế điều phục, là biết gìn giữ giới luật, lo điều phục sáu căn mới gọi là người trí. Trừ hết các cấu nhơ, dẹp hết mọi phiền não ở trong lòng mới xứng danh trưởng lão.

262. Những người hư ngụy, tật đố và xan tham, tuy có biện tài lưu loát, tướng mạo đoan trang, cũng chẳng phải là người lương thiện.

263. Nhưng người trí nhờ trừ diệt tận gốc lòng sân hận, mới là người lương thiện.

Người có đủ ba tật xấu, dối trá, tật đố, xan tham, tuy biện tài lưu loát, ăn nói thao thao bất tuyệt, tướng mạo đoan trang đẹp đẽ cũng chưa phải là người lương thiện. Cho nên đừng thấy người có tướng tốt, nói hay mà cho đó là lương thiện. Vậy thế nào là người lương thiện? Người dẹp sạch gốc sân hận mới thật là lương thiện.

Người nào vẻ mặt phúc hậu chưa chắc là lương thiện, nếu chọc tức mà họ an nhiên bình tĩnh ôn hòa nhã nhặn, đó mới

thật là người lương thiện. Ngược lại giận dữ thì chưa phải, vì nổi giận lên họ có thể hại người, làm sao gọi là lương thiện. Nhiều người bề ngoài ra vẻ đàng hoàng đứng đắn mà trong lòng rất lôi thôi, người tướng tá lôi thôi mà tâm rất chín chắn. Vì vậy đừng nên nhìn bề ngoài mà phỏng đoán thì dễ sai lầm.

264. Người vọng ngữ và phá giới, dù cạo tóc cũng chưa phải là Sa-môn. Huống còn chất đầy tham dục, làm sao thành bậc Sa-môn.

Dù hình thức cạo đầu mặc áo nhuộm, nhưng còn nói dối, phá giới thì người đó chưa phải là tu sĩ. Huống gì trong lòng còn tham muốn đủ thứ, tham cái này, muốn cái kia, đòi cái nọ thì chưa phải là tu sĩ. Cho nên phải dứt sạch lòng tham dục, không nói dối, không phá giới mới thật là tu sĩ.

265. Người nào dứt hết các điều ác, không luận lớn hay nhỏ, nhờ dứt hết các ác mà được gọi Sa-môn.

Nhờ *dứt hết các điều ác không luận lớn hay nhỏ*, cũng phải khéo gìn giữ, *được vậy gọi là Sa-môn*. Như con kiến hay con muỗi cắn, vì từ bi nên không sát hại nó, mới thật là tu sĩ. Nếu vị nào thật tình tu thì phải ráng làm cho đúng như vậy để phù hợp với lời Phật dạy.

266. Chỉ mang bình khất thực, đâu phải là Tỳ-kheo, chỉ làm nghi thức tôn giáo, cũng chẳng phải Tỳ-kheo vậy.

267. Bỏ thiện và bỏ ác, chuyên tu hành thanh tịnh, lấy biết mà ở đời, mới thật là Tỳ-kheo.

Không phải đi khất thực hay làm những nghi thức tôn giáo mà gọi là Tỳ-

kheo, mà phải bỏ ác làm thiện, chuyên tu hạnh thanh tịnh mới gọi là Tỳ-kheo.

Có hai loại thiện: hữu lậu và vô lậu. Thiện hữu lậu là việc thiện còn trong vòng sanh tử; thiện vô lậu là việc thiện thoát ra khỏi vòng sanh tử. Việc thiện còn ở trong sanh tử chỉ có phước báo của cõi người, cõi trời. Tỳ-kheo chủ yếu thoát ly sanh tử, chuyên tâm tu hành cho được thanh tịnh, chuyên giữ giới luật, tu thiền định và phát huy trí tuệ sẵn có. Ba điều đó làm căn bản cho sự tu hành siêu xuất thế gian, người làm được như vậy mới thật là Tỳ-kheo.

268-269. Kẻ ngu muội vô trí, dù làm thinh cũng không thể gọi được là người tịch tịnh. Kẻ trí tuệ sáng suốt như bàn cân, biết cân nhắc điều thiện lẽ ác mà chọn lành bỏ dữ mới gọi là người tịch tịnh. Biết được cả nội giới

và ngoại giới, nên gọi là người tịch tịnh.

Phật dạy tu hạnh tịch tịnh, là sống trong cảnh yên lặng không ồn náo. Nghe như vậy kẻ dốt nát không biết, cứ ngồi làm thinh, thiện cũng không biết, ác cũng không phân, đó chưa phải là hạnh tịch tịnh. Người có trí tuệ biết phân biệt thiện ác, việc lành thì làm, việc dữ thì bỏ, không phải làm thinh không nói, hay chẳng làm gì cả.

Nội giới, ngoại giới là chỉ cho mười tám giới gồm có sáu căn sáu trần và sáu thức. Trong mười tám giới nhận định rành rẽ, để khỏi lầm lẫn không mê chấp thân là thật, cảnh là thật, dùng trí tuệ giản trạch rõ ràng, là người có trí tuệ tu hạnh tịch tịnh.

270. Còn sát hại chúng sanh, đâu được xưng là Ariya, không sát hại chúng sanh mới gọi là Ariya.

Chữ Ariya là chỉ cho người hiền đức cao thượng, nếu còn sát hại chúng sanh không gọi là người hiền đức, cao thượng. Không sát hại chúng sanh mới gọi là người hiền đức, cao thượng.

271-272. Chẳng phải do giới luật đầu-đà, chẳng phải do nghe nhiều học rộng, chẳng phải do chứng được tam-muội, chẳng phải do ở riêng một mình, đã vội cho là hưởng được cái vui xuất gia, phàm phu không bì kịp. Các ngươi chớ vội tin những điều ấy, khi mê lầm phiền não của các ngươi chưa trừ.

Phật nói không phải giữ giới luật của người tu khổ hạnh đầu-đà hay nghe nhiều

học rộng, tu chứng thiền định, ở riêng một mình mà vội cho là hưởng được cái vui của người xuất gia, người phàm phu không bì kịp. Muốn hưởng được cái vui của người xuất gia thì phải dứt sạch mê lầm phiền não. Cho nên, chúng ta học Phật phải nhận định cho chính xác, nhiều khi chấp vào hình thức rồi cho là cứu cánh, đó là sai lầm.

XX. PHẨM ĐẠO

273. Bát chánh đạo là đạo thù thắng hơn các đạo. Tứ đế là lý thù thắng hơn các lý. Ly dục là pháp thù thắng hơn các pháp. Cụ nhãn là bậc thù thắng hơn các bậc Thánh hiền.

Người tu hành y cứ theo Bát chánh đạo mà tu vì đó là con đường thù thắng hơn hết. Bát chánh đạo là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Tứ đế là chân lý thù thắng hơn tất cả. Vì khi đạt được lẽ thật của Tứ đế rồi, thì mới có thể giải thoát sanh tử luân hồi. Ly dục là lìa tất cả dục lạc ở thế gian, chứng được Niết-bàn đó là pháp thù thắng hơn tất cả. Cụ nhãn là đầy đủ năm mắt: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn

và Phật nhãn. Nếu người đầy đủ năm mắt là bậc thù thắng hơn các bậc Thánh hiền. Còn người phàm phu phần nhiều được con mắt này mà thiếu con mắt kia.

274. Chỉ có con đường này, chẳng còn con đường nào khác, có thể làm cho tri kiến các ngươi thanh tịnh. Các ngươi thuận làm theo thì bọn ma bị rối loạn.

275. Các ngươi thuận tu theo chánh đạo trên đây, thì khổ não sẽ dứt hết và biết rằng đạo ta nói có sức trừ diệt chông gai.

Đức Phật nói con đường duy nhất là con đường Bát chánh đạo, không còn con đường nào khác hơn có thể làm cho chúng ta được các tri kiến thanh tịnh. Vì vậy phải thuận theo Bát chánh đạo mà tu, diệt trừ tham sân si thì bọn ma bị rối loạn.

Đầu tiên chúng ta phải thấy đúng lẽ thật là Chánh kiến. Nhờ thấy biết đúng như thật, nên tâm không bị vướng mắc vào cảnh và được bình an. Kế đến là Chánh tư duy, là suy nghĩ chân chánh. Nhờ suy nghĩ chân chánh mà nói lời chân thật hợp đạo lý, lợi mình lợi người. Nhờ biết đúng lý nhân quả nên sống theo Chánh nghiệp, không bao giờ hại người hại vật và mưu sinh bằng nghề nghiệp trong sạch hợp với đạo, siêng năng làm lợi mình lợi người, hay hơn nữa là tạo nghiệp vô lậu, lấy trí tuệ làm sức mạnh tu hành để đạt đến Niết-bàn. Luôn ghi nhớ kiểm điểm lỗi lầm của mình, lo tu hành để đoạn trừ và nghĩ nhớ đến đạo quả giải thoát. Muốn được vậy thì phải sống đúng chân lý, tâm không tán loạn, chuyên nhất vào một pháp tu để đạt được kết quả viên mãn.

276. Các ngươi hãy nỗ lực lên! Như Lai chỉ dạy cho con đường giác ngộ. Sự trói buộc của ma vương sẽ tùy sức thiền định của các ngươi mà được cởi mở.

Chúng ta phải tự nỗ lực vươn lên chứ đừng ỷ lại. Như Lai chỉ bày chánh đạo, còn hành đạo là do người. Phật chỉ dạy chúng ta con đường giác ngộ chứ không giác ngộ thế cho ai.

Ngày rằm, ngày ba mươi, Phật tử đem bó hương vào chùa, đốt ba cây hương quỳ lạy lẩm nhẩm, cầu Phật độ cho con! Phật có độ mình hay không? Phật bảo mình phải nỗ lực lên, con đường Bát chánh đạo ngài đã chỉ cho rồi, ai muốn giác ngộ y theo đó mà tu. Nhưng Phật tử cầu xin ngài độ, là bắt buộc ngài làm một việc ngoài ý muốn, nên không bao giờ được đáp ứng.

Ma vương trói buộc mình đủ thứ, muốn cởi mở phải có sức thiền định, mà thiền định là sự nỗ lực của chính mình, chứ không phải hoàn toàn ỷ lại vào đức Phật. Ngài là một bậc giác ngộ, chỉ cho con đường sáng suốt, chúng ta phải tự đi không ai đi thế. Nên nói *sự trói buộc của ma vương sẽ tùy sức thiền định của các ngươi mà được cởi mở.*

277. Các hành đều vô thường; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

Tất cả sự vật đều vô thường, đó là một chân lý. Nếu chúng ta dùng trí tuệ nghiệm xét đúng như vậy thì không còn tham đắm dục lạc, sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

278. Các hành đều là khổ; khi đem trí tuệ soi xét được như thế thì sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

Ở trên nói các hành vô thường, mà vô thường thì đi tới hoại diệt, nên nói đều là khổ. Nếu thấy được như vậy thì sẽ nhàm lìa thống khổ ở thế gian, đó là đạo thanh tịnh.

279. Hết thảy pháp đều vô ngã; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

Ngày xưa ở Ấn Độ, Bà-la-môn giáo nói rằng trong mỗi chúng ta có một thần ngã chủ tể, không bao giờ biến đổi. Người bình dân thì chấp có linh hồn, như linh hồn ông A từ bé tới già tới chết, rồi đi đầu thai, dù có trải qua bao nhiêu kiếp cũng là linh hồn

ông A không thay đổi, nếu chấp như vậy thì không đúng.

Đạo Phật không chấp nhận có linh hồn mà có thần thức, thần thức này luôn chuyển biến tùy sự huân tập. Như gần bạn tốt thì huân tập những tư tưởng tốt, thức chuyển thành tốt; gần bạn xấu huân tập những điều xấu thì thức bị ô nhiễm, nên có thêm bớt, tăng giảm, không có chủ tể thường nhất, gọi là vô ngã. Bởi nó luôn đổi thay mà mình chấp linh hồn bất biến, đó là sai lầm.

Tóm lại ở đây nói vô ngã là không có chủ tể, không thường còn, nếu hiểu được như vậy thì chúng ta xa lìa sự thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

280. Khi đáng nỗ lực không nỗ lực, thiếu niên cường tráng lười biếng, ý chí tiêu trầm và nhu nhược. Kẻ biếng nhác làm gì có trí để ngộ đạo.

Đang lúc thiếu niên đầy đủ khí lực, mà không cố gắng tu hành và làm phước thiện, tới chừng già, đi không nổi, muốn tu làm sao tu, đó là lãng phí một đời. Đức Phật khuyên chúng ta ngay từ bây giờ phải nỗ lực tu hành, đừng hẹn lần hồi mà chậm trễ. Người lớn tuổi thì tu theo khả năng sức khỏe của mình, đừng đợi đến khi già yếu chân mỏi gối dùn, muốn tu cũng không được. Người trẻ có đầy đủ sức khỏe thì phải nỗ lực tiến tu, nếu cứ buông lung làm cho ý chí tiêu hao nhu nhược thì không bao giờ giác ngộ.

281. Thận trọng lời nói, kềm chế ý nghĩ, thân không làm ác, ba nghiệp thanh tịnh, là được đạo Thánh nhân.

Người nào gìn giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh là được đạo Thánh nhân. Phật dạy rất nhiều cách tu, nhưng hệ trọng hơn hết là tu ba nghiệp

thân, khẩu, ý. Thận trọng lời nói là phải lựa lời lành mà nói, không nói những lời hung dữ, không cho ý nghĩ phóng túng chạy theo dục lạc thế gian. Thân không làm ác là không sát hại sanh vật, mà lúc nào cũng cứu giúp người và vật. Ba nghiệp thanh tịnh thì sẽ được đạo Thánh nhân. Cho nên chỗ khác nói nếu ba nghiệp thanh tịnh thì đồng với chư Phật về Tây phương. Tóm lại giữ gìn ba nghiệp cho thanh tịnh, đó là việc tu hành căn bản.

282. Tu Du-già thì trí phát, bỏ Du-già thì tuệ tiêu. Biết rõ được hai lẽ ấy thế nào là đắc thất, rồi nỗ lực thực hành, sẽ tăng trưởng thêm trí tuệ.

Du-già tức là Yoga, ở đây chỉ cho thiền định. Do thiền định, trí tuệ phát sanh, nếu bỏ tu thiền định thì trí tuệ tiêu tan. Định cũng như ngọn đèn không bị gió xao nên rất sáng, như vậy muốn cho ngọn đèn

đầy đủ ánh sáng thì phải có bóng chụp ở ngoài. Bóng đèn ngăn gió dụ cho tu thiền định, bởi do thiền định thì trí tuệ mới phát khởi. Khi tâm yên tĩnh thì ý nghĩ sáng suốt, tâm rối loạn thì nghĩ tính việc gì cũng không được, định là điểm tựa phát sanh trí tuệ. Cho nên không thiền định thì trí tuệ sẽ lu mờ.

Người nào biết rõ hai lẽ đắc thất phải nỗ lực thực hành sẽ tăng trưởng thêm trí tuệ. Thế nào là đắc thất? Nếu tu thiền định thì trí tuệ tăng trưởng, bỏ thiền định thì không có trí tuệ. Biết như vậy rồi nỗ lực tu hành.

283. Hãy đốn rừng dục vọng, chớ đốn cây thọ lâm; từ rừng dục vọng sinh ra lo sợ, hãy thoát ngoài rừng dục.

Đức Phật dạy *hãy đốn rừng dục vọng* vì tất cả khổ đau đều do dục vọng mà ra.

Chúng ta ngồi lại tự kiểm điểm tâm mình, thấy nó dấy khởi trăm ngàn vạn sự, nhiều như là rừng cây. Thí dụ có người ra ứng cử nghị viên, mong mỏi sẽ được đắc cử làm ông Nghị, cho nên sắp tới ngày bầu cử thì lo sợ không biết mình đắc cử hay không? Do tham chức nghị viên nên mình và gia quyến đều lo lắng sợ sệt. Lại có người mong mỏi trúng số độc đắc để được nhiều tiền, được ăn ngon mặc đẹp v.v... nếu còn tham cầu những điều đó thì còn lo sợ khổ sở.

Cho nên đức Phật dạy người tu hành phải đốn rừng dục vọng thì tâm mới an định và phát sanh trí tuệ.

284. Những sợi dây tình ái giữa nam nữ chưa dứt, thì tâm còn bị buộc ràng như bò con còn bú sữa, chẳng rời vú mẹ.

285. Tự mình dứt hết ái dục, như lấy tay bẻ cành sen thu. Siêng tu đạo tịch tịnh, đó là Niết-bàn mà đức Thiện Thệ đã truyền dạy.

Người chưa hết lòng ái dục nam nữ thì bị lôi cuốn trong vòng luân hồi, đức Phật thí dụ như bò con khi chưa dứt sữa thì mẹ đi tới đâu nó theo tới đó, cả hai không rời nhau, mầm của ái dục là vậy.

Phật dạy phải tự mình dứt hết ái dục như người xuống hồ sen bẻ cành sen dễ dàng, được như vậy là biết siêng tu đạo tịch tịnh. Đó là con đường đưa mình tới Niết-bàn mà đức Phật đã truyền dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây, đông, hạ ta cũng ở đây. Đấy là tâm tưởng của hạng người ngu si, không tự giác những gì nguy hiểm.

Mùa mưa ta ở đây, đông, hạ ta cũng ở đây. Nếu chấp như vậy là người ngu si. Ở tu viện Chơn Không, tôi dự định sẽ làm việc này hai năm việc kia ba năm, nhưng đó là phác họa thôi. Nếu nghĩ rằng tôi ở đó từ năm này sang năm khác để làm hết những việc mà tôi đã dự tính là ngu si, vì không hiểu được lý vô thường. Ngày nay còn ở đây ngày mai chắc gì, nghĩa là khi vô thường tới thì trong mười lăm phút đã đổi thay. Nhưng nghĩ tới vô thường thì không làm gì hết, rồi buông tay chờ chết phải không? Tuy biết vô thường nhưng tùy duyên gặp việc thì cứ làm, sự sắp đặt của mình chỉ là phác họa, nếu không được cũng không sao.

Bậc giác ngộ thì thấy thân này như bọt như bóng, chợt có chợt không, chẳng có gì lâu dài. Đức Phật nhắc chúng ta biết rõ thân này vô thường, hãy lợi dụng thân

này để tiến tu và làm việc lợi ích cho người, đó là người tỉnh giác.

287. Người đắm yêu con cái và súc vật thì tâm thường mê hoặc, bị tử thần bắt đi, như xóm làng đang say ngủ, bị cơn nước lũ cuốn trôi.

Con cái và súc vật đó là sở thuộc của con người, con cái là máu mủ, súc vật là tài sản do mồ hôi nước mắt của mình tạo nên, đó là hai thứ người ta rất đắm yêu. Người đắm yêu hai điều đó thì trong tâm thường bị mê hoặc, khi tử thần bắt đi không có gì chống đỡ, chẳng khác nào xóm làng đang say ngủ bị cơn nước lũ cuốn trôi tuốt ra ngoài biển mà không hay.

Những người đông con, nuôi con khôn lớn ăn học thành tài. Lo cho nó có đôi bạn, rồi có cháu lại lo cho cháu, lo như vậy không có thì giờ tu hành. Tài sản cũng vậy, năm nay được một trăm, sang năm có hai

trăm, muốn hoài không bao giờ dừng, tới ngày ngã ra chết tử thần lôi đi, không có một tí công đức để tự cứu mình.

288. Một khi tử thần đã đến. Chẳng thân thuộc nào có thể thay thế. Dù cho cha con thân thích chẳng làm sao cứu hộ.

289. Biết rõ lý lẽ trên, người trí gắng trì giới, thấu hiểu đường Niết-bàn, mau làm cho thanh tịnh.

Khi cha sắp chết, người làm con có chết thay cho cha hay bất lực để mặc thần chết dẫn đi? Nếu có thương lắm thì khóc một hồi rồi thôi, chứ không thay thế được. Nên nói *khi tử thần đã đến, thì chẳng thân thuộc nào có thể thay thế*. Mọi người đối với cái chết của mình và người thân đều bất lực, tại sao không nghĩ tới để mà dự bị!

Lúc sống thì cứ lo đông lo tây, không chịu tu hành, khi chết đường trước mù mịt không biết về đâu, không ai che chở cứu giúp, lúc đó thật là đau khổ. Dù thân thuộc như cha con cũng không thể thay thế. Nếu người thân có thương cũng chỉ đắp cái mồ cho to, chứ không làm gì được. Vì vậy chúng ta phải tự cứu mình, đừng ỷ lại vào bất cứ người nào. Phật dạy biết rõ những điều này thì phải cố gắng giữ giới luật tu hành, để đạt tới chỗ an lạc vĩnh cửu.

XXI. PHẨM TẠP

290. Nếu bỏ vui nhỏ mà được hưởng vui lớn. Kẻ trí sẽ làm như thế.

Tài, sắc, danh, thực, thùy, người ngu cứ say mê hưởng thụ, cho đó là sung sướng hạnh phúc. Nhưng người trí cho đó là cái vui nhỏ tạm thời, sánh với cái vui vĩnh viễn lâu dài của Niết-bàn không nghĩa lý gì hết. Như người thích ăn ngon thật ra chỉ thấy ngon khi còn nhai trong miệng, nuốt qua khỏi cổ rồi thì không còn ngon. Nhưng nếu ăn ngon quá, đôi khi sanh bệnh thì phải lo cho có tiền để uống thuốc, cho nên từ cái vui mà sanh ra lo sợ. Người biết tu không quan trọng sự ăn uống, tâm an tĩnh tự tại là bỏ cái vui nhỏ để được yên vui lâu dài.

291. Gieo khổ cho người để cầu vui cho mình thì sẽ bị lòng sân hận

buộc ràng, không bao giờ thoát khỏi nỗi oán ghét.

Trong cuộc sống đời thường hễ người này được thì người khác phải mất. Như đánh bạc người được thì vui, người thua thì buồn, nếu tranh cãi với nhau thì thù oán giận hờn, đó là đã gieo khổ cho nhau. Như vậy còn thắng bại là còn gieo khổ cho kẻ khác, nên oán hận càng tăng. Vì thế Phật dạy gieo khổ cho người để cầu vui cho mình thì sẽ bị lòng sân hận buộc ràng, không bao giờ thoát khỏi nỗi oán ghét.

292. Việc đáng làm không làm. Việc không đáng làm lại làm, những người phóng túng ngạo mạn, lậu tập tăng thêm mãi.

Phật dạy vâng làm các điều lành, mà người ngu si không chịu làm. Ngược lại ngài dạy không làm điều ác, mà người ta

cứ làm. Những người phóng túng ngạo mạn thì tập nhiễm thêm cái nhân luân hồi, khó thoát ra được.

293. Thường quán sát tự thân, không làm việc không đáng, việc đáng gắng chuyên làm thì lậu tập dần tiêu tan.

Thường quán sát tự thân, như quán thân bất tịnh, hay quán hơi thở ra vô, hơi thở đi tới đâu, dài ngắn lạnh nóng mình biết rõ, hoặc quán sát thân này do bốn đại hòa hợp. Khi biết nhìn thân là tâm bớt chấp ngã. Cho nên người nào tránh việc ác siêng làm việc lành, thì những tập nhiễm hữu lậu trong tâm giảm bớt và lần lần sẽ hết.

294. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai vua dòng Sát-đế-

lợi, diệt vương quốc luôn cả quần thần, mà hướng về Bà-la-môn vô ưu.

Chúng ta có thân này là do ái dục, nhưng có thân thì có khổ, nếu muốn thoát khổ thì phải diệt trừ ái dục. Khi chấp thân này là của ta nên sanh lòng kiêu căng ngạo mạn, đó là gốc của sự chấp ngã, là nền tảng kiên cố khó dẹp trừ. Ái dục và chấp ngã là gốc của sanh tử luân hồi. Phật dạy diệt mẹ ái dục và cha kiêu căng, là người tu phải dứt trừ ái dục và chấp ngã.

Hai vua dòng Sát-đế-lợi là chỉ cho thường kiến và đoạn kiến. Ở Ấn Độ đạo Bà-la-môn chấp có thần ngã thường còn không thay đổi, cái chấp đó đức Phật gọi là thường kiến, là sai lầm. Ngược lại, người chấp đoạn kiến cho rằng chết rồi là mất hẳn, tội cũng không phước cũng chẳng có, nên mặc tình làm các điều tội ác.

Chủ thể của thân này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; khách thể là sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp. Chủ thể và khách thể đối đãi nhau sanh ra xúc chạm, thọ nhận những cảm giác ưa ghét rồi khổ đau. Người tu khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần không cho dính mắc, đó là diệt luôn cả vương quốc. Không đắm nhiễm những dục lạc thế gian là diệt luôn cả quần thần, mà hướng về quả vị lậu tận A-la-hán là không còn sanh tử luân hồi.

295. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai vua dòng Bà-la-môn, diệt luôn hổ tướng thứ năm (nghi) mà hướng về Bà-la-môn vô ưu.

Người tu hành phần nhiều bị ngũ cái làm cho trí tuệ lu mờ. Ngũ cái là tham, sân, hôn trầm, trạo cử và nghi. Ở đây nói diệt luôn hổ tướng thứ năm là cái nghi, vì

nghi hay ngăn trở sự tu hành của chúng ta.

Thí dụ người tu theo pháp môn Tịnh độ mà nghi niệm Phật chết có về Cực Lạc hay không, cõi Cực Lạc có thật không? Khởi nghi như thế rồi thối chuyển, không muốn niệm Phật cho nên sự tu hành không tới nơi tới chốn. Cũng vậy người tu thiền đang ứng dụng một pháp tu như sổ tức, mà khởi nghi không biết có kết quả hay không, rồi không muốn tu nữa. Nghi làm cho chúng ta thối chuyển trên đường tu, vì vậy phải diệt luôn mới có thể thẳng tới con đường vô ưu của Bà-la-môn là chứng A-la-hán.

296. Đệ tử Kiều-đáp-ma phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Phật-đà.

297. Đệ tử Kiều-đáp-ma phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Đạt-ma.

298. Đệ tử Kiều-đáp-ma phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Tăng-già.

Kiều-đáp-ma là chỉ cho đức Phật. *Phật-đà* là Phật, *Đạt-ma* là Pháp, *Tăng-già* là Tăng. Ngày đêm thường tưởng nhớ Phật, Pháp, Tăng mới là đệ tử Phật. Nếu mà quên Phật thì không biết đâu là chỗ nhắm để tiến tu, quên Pháp thì không biết đang thực hành pháp gì, quên Tăng thì không có người hướng dẫn tu hành. Cho nên Phật, Pháp, Tăng là chỗ chúng ta luôn quy hướng.

Phật là đấng giác ngộ toàn vẹn, chúng ta là đệ tử Phật, nhớ tới Phật thì phải ráng tu. Nhớ Pháp là nhớ những phương

pháp Phật dạy để tu hành giác ngộ. Chúng ta phải biết cuộc đời vô thường để không đắm trước, biết thân giả tạm để bớt chấp ngã, rồi ứng dụng một pháp tu để tâm an định. Nhớ Tăng là nhớ tinh thần hòa hợp, để chúng ta tập sống hòa hợp như các ngài. Như vậy Phật, Pháp, Tăng là điều chúng ta nên nhớ không quên.

299. Đệ tử Kiều-đáp-ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng sắc thân.

Là đệ tử Phật ngày đêm quán ba mươi sáu vật trong thân, để bớt đắm nhiễm. Thân này có ba mươi sáu vật như tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương v.v... xét kỹ nó nhơ nhớp không có gì thật. Thường quán sát như vậy, thì hết kiêu mạn và dứt được lòng ái dục. Cho nên đức Phật dạy *thường niệm tưởng sắc thân.*

300. Đệ tử Kiều-đáp-ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường vui điều bất sát.

Thích sát hại là tập khí của chúng ta từ vô thủy đến giờ. Thuở bé chưa biết tội phước, chưa biết thù oán giận hờn, nhưng thấy con nhái hoặc con cóc, thì lấy cục đá chọi chơi, nó giãy chết thì vui thích. Con chim đậu trên cây, lấy ná thun bắn trúng, thì vỗ tay vui mừng. Đó là tập khí giết hại đã có sẵn chứ không ai dạy.

Những người đi săn tuy bị gai góc, nhưng khi bắn được con thú đem về chè chén với bạn bè thì thích lắm, đó là vui trong sát hại. Tế nhị một chút khi ra biển chơi, thấy anh chài lưới kéo lên con cá lớn thì vui mừng, mà không nghĩ nó đang giãy giụa đau khổ.

Hằng ngày chúng ta vui theo sự giết hại, tuy đối với con người không dám làm,

nhưng đối với con vật, thì luôn vui thích khi thấy nó bị sát hại, đó là tập khí đã nhiễm sâu từ bao giờ. Đức Phật dạy là Phật tử thì không nên sát hại chúng sanh, phải luôn tỉnh giác, không luận ngày hay đêm thường vui điều bất sát. Như vậy mới là người Phật tử chân chánh.

301. Đệ tử Kiều-đáp-ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường ưa tu thiền quán.

Người tu theo đạo Phật là cốt được giác ngộ, muốn giác ngộ viên mãn thì phải nhờ sức thiền quán để tâm mình càng sáng suốt, sự tỉnh giác càng mạnh mẽ. Cho nên Phật dạy đệ tử ngày đêm thường ưa tu thiền quán.

302. Xuất gia dứt hết ái dục là khó, tại gia theo đường sinh hoạt là khó, không phải bạn mà chung ở là khổ,

qua lại trong vòng luân hồi là khổ. Vậy các ngươi đừng qua lại trong vòng sanh tử luân hồi ấy.

Người xuất gia rời xa gia đình và thân bằng quyến thuộc, nhưng đối với thân cũng sợ chết, muốn sống lâu là còn ái ngã, như vậy bỏ được niệm ái thân không phải dễ. Nên nói người xuất gia tu hành mà dứt hết lòng ái dục là khó.

Người tu tại gia mà làm nghề chài lưới thì không phải là chánh nghiệp, vì còn sát hại sanh linh. Làm nghề mua bán quan tài, bán ế thì trông có người chết để bán được quan tài. Vừa khởi niệm trông cho người chết là có ý sát thì không phải là chánh nghiệp. Vì vậy người tại gia sinh hoạt đúng theo chánh nghiệp để nuôi mạng sống thì thật là khó.

Những người không thân mà ở chung là khổ. Nhưng tế nhị hơn là hiện giờ chúng

ta đang mang thân tứ đại khó hòa hợp mà phải ở chung hoài. Kinh Đại Bát-niết-bàn đức Phật dụ thân tứ đại là bốn con rắn ở chung trong một cái hũ, cắn lộn với nhau cả ngày khó giải hòa, không điều hòa nổi mà sống chung với nó thật là khổ. Cũng vậy thân tứ đại khó hòa hợp mà chúng ta phải ở chung, nên ở đây Phật nói không phải bạn mà chung ở là khổ, mang thân này qua lại trong vòng luân hồi là khổ, vậy các ngươi đừng qua lại trong vòng thống khổ ấy. Phật răn nhắc đủ điều, chúng ta phải ráng tỉnh táo nghe theo để hết khổ được an vui.

303. Chánh tín và giới hạnh, được danh dự và Thánh tài, người nào được như thế, đâu cũng được tôn vinh.

Người có được niềm tin chân chánh và đầy đủ giới hạnh thì được danh dự và Thánh tài. Thánh tài còn gọi là Thất

thánh tài gồm có tín, giới, tàm, quý, văn, xả và tuệ. Nhờ nó mà người tu chứng được đạo quả, cho nên nói là tài sản của bậc Thánh chứ không phải của người thường. Người được như thế thì đến đâu cũng được tôn vinh, tức là sanh nơi nào cũng sung sướng vinh dự, chứ không phải tầm thường.

304. Làm lành thì danh được vang xa, tỏ rạng như Tuyết sơn, làm ác thì mù mịt, như bắn cung ban đêm.

Người làm lành danh tiếng được vang xa, tỏ rạng như ngọn Hy-mã-lạp sơn. Người làm ác cũng như đêm tối mù mịt mà bắn tên thì không biết mũi tên bay vút đi đâu. Như vậy người làm lành thì danh được vang xa, kẻ làm ác thì cả cuộc đời đen tối, thật là rõ ràng. Cho nên chúng ta phải nỗ lực mà làm lành và tránh xa điều ác.

305. Ngồi một mình, nằm một mình, đi đứng một mình, không buồn chán, một mình tự điều luyện, vui trong chốn rừng sâu.

Người tu hành mà ở chỗ ồn náo, hòa mình trong số đông người, cả ngày chạy theo bên ngoài, quên mất mình, không nhìn kỹ được những điều xấu dở trong tâm thì không bao giờ sửa đổi. Ngược lại ở chỗ vắng vẻ, để suy tư gạn lọc tâm mình, thật là điều cần yếu. Cho nên Phật dạy người chuyên tu hạnh thanh tịnh, khi ngồi một mình, nằm một mình, đi đứng một mình ở trong chốn rừng sâu, không thấy buồn chán.

Chúng ta đang ở chỗ ồn náo mà đến chỗ thanh tịnh thì thích lắm, nhưng thích chừng vài ba ngày rồi chán. Khoảng năm 1962, tôi lên Phương Bối Am, cách Bảo Lộc bảy cây số, nằm trong rừng chim kêu

vượn hú. Cái cốc của tôi trung trung, trồng bông hoa cây cảnh coi cũng đẹp, nên nhiều người ở Sài Gòn lên thăm khen như cảnh Bồng Lai. Có vài chú mới lên hăng hái nói. "Con sẽ ở với Thầy nửa tháng", nhưng ở có ba bữa chịu không nổi, vì cả ngày nhìn bông hoa cây cảnh, nhưng không có ai chuyện vãn, riết rồi cảm thấy buồn, cảm thấy thiếu thốn, nhớ Sài Gòn rồi xách gói chạy về.

Cho nên dù chỗ đẹp thế mấy, mà ở một mình ta cũng không chịu nổi, đây là sự thật. Thời gian đó tôi tu còn sơ sài, chỉ lên Phương Bối Am để dưỡng bệnh, chưa quyết định ở luôn. Vào những sáng mùa đông, trời mưa lất phất, sương giăng mù mịt không thấy gì, một mình ở trong cốc hoài cũng thấy cô đơn, nhiều khi nghe tiếng ai nói ngoài đường, cũng ngóng tai nghe có quen hay không!

Khi đó tôi mới hiểu câu chuyện Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhập Thiên Thai. Khi hai ông được lên cảnh Thiên Thai, tưởng lên đó rồi ai mà thèm xuống trần gian. Nhưng ở ít năm rồi cũng nhớ hồng trần, liền xách gói đi xuống kiếm bà con dòng họ, kiếm không được rồi trở lại, nhưng cảnh Thiên Thai đã mất. Như vậy tự mình rời cảnh Thiên Thai chứ không ai bắt buộc. Cho nên ở trong cảnh hiu quạnh mà vẫn thấy vui vẻ thì ý chí mãnh liệt lắm chứ không phải thường.

XXII. PHẨM ĐỊA NGỤC

306. Thường nói lời vọng ngữ, có làm nói không làm, người tạo hai nghiệp ấy, chết cùng đọa địa ngục.

Người làm quấy khi người ta hỏi thì không dám nhận, như vậy là nói vọng ngữ. Đây là đã tạo hai nghiệp thân làm sai, miệng nói dối, người ấy chết sẽ đọa địa ngục.

307. Dù mặc áo ca-sa, không ngăn trừ ác hạnh, người ác vì nghiệp ác, chết phải đọa địa ngục.

Người tu hành mặc áo ca-sa ra vẻ đạo đức, nếu không trừ những nghiệp ác thì khi chết sẽ đọa địa ngục, đừng cho rằng người xuất gia không đọa địa ngục. Phật dạy người xuất gia mà không trừ nghiệp ác, không tu thiện pháp thì vẫn bị đọa địa

ngục như thường, vì nghiệp ác không tha ai hết.

308. Phá giới chẳng tu hành, thà nuốt hòn sắt nóng, hừng hực lửa đốt thân, còn hơn thọ tín thí.

Người xuất gia không giữ giới luật, không cố gắng tu hành, thà nuốt hòn sắt nóng đang cháy hừng hực, còn hơn lãnh thọ của tín thí. Đức Phật nói thân chúng ta dù bị lửa thiêu đốt ra tro bụi cũng không khổ bằng đọa địa ngục. Vì đọa địa ngục thì chịu khổ rất lâu dài, còn thân này bị lửa thiêu đốt khổ lắm thì chỉ mấy chục ngày hay mấy năm là cùng.

309. Buông lung theo tà dục, phải mắc vào bốn nạn: mắc tội, ngủ không yên, bị chê, đọa địa ngục.

Người buông lung chạy theo tà dục, sẽ bị bất an, đêm nằm lo lắng ngủ không yên,

bị người ta chê là kẻ hư hèn xấu xa, và sau khi chết phải đọa địa ngục.

310. Vô phước, đọa ác thú, thường sợ hãi, ít vui, bị quốc vương kết trọng tội, đó là kết quả của tà dâm.

Trong năm giới của Phật tử, giới thứ ba là giới tà dâm, nếu phạm giới này thì sẽ không có phước, sẽ đọa ác thú, bị khủng bố, ít vui và bị quốc vương kết trọng tội, đó là kết quả của tà dâm. Vì thế Phật răn cấm người tại gia không nên phạm giới tà dâm.

311. Vụng nắm cỏ cô-sa thì bị đứt tay, Sa-môn mà theo tà hạnh thì bị đọa địa ngục.

Ở Ấn Độ có giống cỏ cô-sa lá rất bén, nếu nắm không khéo thì bị đứt tay, cỏ này giống cỏ tranh hay cỏ tre ở Việt Nam. Cũng vậy, người xuất gia nếu không giữ

đúng hạnh Sa-môn mà làm theo tà hạnh không chân chánh thì sẽ bị đọa địa ngục.

312. Những người giải đãi, giới hạnh nhiễm ô, hoài nghi việc tu phạm hạnh sẽ không thể chứng quả lớn.

Người tu mà lười biếng, không giữ giới, ưa dính mắc các việc trần tục, hoài nghi pháp mình đang tu thì không thể tiến tới chỗ cao siêu.

Kinh nói *tín vi công đức mẫu,* niềm tin là mẹ của tất cả công đức. Tin ở đây không phải gặp đâu tin đó, mà dùng trí tuệ nhận xét tà chánh rồi mới tin và thực hành theo thì mới đầy đủ công đức lớn, nếu không thì dễ bị thối lui. Vì vậy đức Phật dạy người muốn thành tựu đạo quả, thì phải dứt bỏ lười biếng, nhiễm ô và hoài nghi, đó là những chướng ngại lớn của sự tu tập.

313. Việc đáng làm nên làm, phải làm cho hết sức, xuất gia mà phóng túng rong chơi, chỉ tăng thêm dục trần.

Những người không hiểu nên thích phóng đãng rong chơi, không thích làm những việc thiện. Đức Phật khuyến khích chúng ta những việc phúc thiện phải nỗ lực làm cho kỳ được, còn những việc không đáng làm như phóng đãng rong chơi, chỉ tăng thêm lòng trần tục chứ không ích lợi gì.

314. Không tạo ác nghiệp là hơn, làm ác nhất định thọ khổ, làm các thiện nghiệp là hơn, làm lành nhất định thọ vui.

Đức Phật đưa ra hai trường hợp, tạo ác nghiệp thì kết quả khổ đau, tạo thiện nghiệp thì kết quả an vui, chúng ta tự

chọn lấy. Là người trí thì nhất định chọn con đường an vui.

315. Như thành quách được phòng hộ thế nào thì tự thân các ngươi cũng nên phòng hộ như thế, một giây lát cũng chớ buông lung, hễ giây lát buông lung là giây lát sa đọa địa ngục.

Chúng ta đi qua các cơ sở quân sự thì thấy mấy chú lính lúc nào cũng cầm súng đứng canh gác, vì muốn bảo vệ cơ sở nên họ phải giữ gìn kỹ lưỡng. Cũng vậy chúng ta phải giữ tâm không cho buông lung, nếu một giây lát buông lung thì sa đọa địa ngục.

Như khi ngồi niệm Phật, tâm không chuyên nhất vào danh hiệu Phật mà nghĩ chuyện thế gian, bỏ giác chạy theo mê, mà mê tức là cảnh địa ngục. Cũng vậy nếu người đang ngồi thiền mà mơ màng ngủ gục thì lạc vào cảnh giới tối tăm. Cho nên

chúng ta phải phòng hộ, đừng buông lung tâm ý, chạy ngược chạy xuôi như trâu hoang, hay mơ màng tối tăm trong khi đang tọa thiền. Phải nỗ lực tu để thắng hai bệnh vọng tưởng và hôn trầm thì mới an vui.

316. Không đáng hổ lại hổ, việc đáng hổ lại không, cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

Khi làm việc chánh đáng mà bị ai gièm pha thì xấu hổ không dám tiếp tục làm. Thí dụ rằm, ba mươi, Phật tử đi chùa, bị người hàng xóm nói giả bộ đạo đức chứ có tu hành gì đâu. Hoặc có người làm việc phúc thiện hay niệm Phật tụng kinh mà bị người khác chê, bề ngoài trông như Bồ-tát mà trong lòng không tốt. Nghe như thế rồi hổ thẹn không dám đi chùa, không dám tu hành gì cả, đó là hổ thẹn những điều không đáng hổ.

Đi chùa, nghe kinh học đạo là việc làm tốt, họ chê mặc họ mình cứ an nhiên không có gì hổ thẹn. Hằng ngày chúng ta cần có nhận định đúng đắn, việc gì đáng hổ thẹn thì hổ thẹn, đừng vì lời gièm pha mà bỏ những việc tốt không làm. Bởi vì người ta có thể bịa ra trăm ngàn cách để chế giễu, nhưng mình phải có lập trường, nếu thấy đúng cứ gan dạ làm, thì mới được lợi ích.

Ngược lại như lén ăn cắp của người, đó là việc xấu đáng hổ thẹn mà cứ tiếp tục làm là hết sức sai lầm, dễ rơi vào địa ngục. Cho nên ăn cắp nói dối là tội lỗi, nếu bị chê thì phải hổ thẹn chừa bỏ không làm, đó là người có chánh kiến.

317. Không đáng sợ lại sợ, việc đáng sợ lại không, cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

Chúng ta thường sợ dư luận, nhưng những điều dư luận cũng có khi đúng khi sai mà cứ sợ, nên nói không đáng sợ lại sợ. Ngược lại ý nghĩ, lời nói, hành động ác sẽ dẫn tới quả khổ là những điều đáng sợ mà không sợ để chừa bỏ, đó là điều vô lý.

Cũng như mấy chú ăn trộm, thấy công an thì sợ bị bắt, nhưng tối nào cũng đi khoét ngạch đào tường. Vậy điều đáng sợ là tội trộm cắp, tại sao không sợ mà sợ công an bắt, đó là sai lầm. Cho nên chúng ta phải thấy cho đúng để bỏ điều xấu làm điều tốt, mới được lợi ích an vui.

318. Không lỗi tưởng là lỗi, có lỗi lại tưởng không, cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

319. Lỗi biết rằng lỗi, không lỗi biết không lỗi. Giữ tâm chánh kiến ấy, đường lành thấy chẳng xa.

Cư sĩ giữ năm giới và trường chay, nhưng cha mẹ không thể ăn chay, nên phải sắm thức ăn mặn cho cha mẹ, khi đó trong lòng khởi nghi làm như vậy có tội không? Phật không cấm những điều đó vì khi có lòng thành hiếu dưỡng cha mẹ, khuyên cha mẹ ăn chay như mình thì tốt, nếu không được vì bổn phận đối với cha mẹ mà làm thì không có lỗi. Không có lỗi mà tưởng lỗi đó là sai lầm.

Tuy nhiên, có người phát tâm ăn chay một thời gian rồi thèm mặn, nên hôm nào đó muốn ăn một bữa, vậy có lỗi hay không? Ông trạng sư của mình bênh vực là không lỗi, nhưng có lỗi với chính mình vì lòng tham ăn thúc đẩy. Hôm nay đầu hàng, mai mốt cũng đầu hàng chứ không thắng được, đó là lỗi mà tưởng là không lỗi. Nếu tà kiến như vậy thì địa ngục khó tránh xa.

Vì thế câu 319 Phật dạy, có lỗi biết rằng lỗi, không lỗi biết không lỗi, nếu người có chánh kiến thì vững tiến trên con đường lành.

XXIII. PHẨM VOI

320. Như voi xuất trận hứng chịu cung, ta nhẫn chịu mọi điều phỉ báng, bởi đời lắm người phá giới.

Ở đời nhiều người hung dữ phá giới, thấy người tu hành hiền đức không biết kính trọng lại còn kiếm chuyện gièm pha chế nhạo, làm cho người thối chí nản lòng. Cho nên chúng ta phải kham nhẫn khi bị người phỉ báng, giống như con voi ra trận đánh giặc luôn hứng chịu cung tên.

Chính đức Phật cũng còn chịu nhiều điều phỉ báng, huống nữa là phàm phu chúng ta làm sao tránh khỏi những sự chế giễu của mọi người. Hãy noi gương đức Phật, bỏ ngoài tai những lời gièm pha của người khác, để vững tiến trên con đường tu học.

321. Luyện được voi để đem dự hội, luyện được voi để đem vua cưỡi là giỏi, nhưng nếu luyện được lòng ẩn nhẫn trước sự chê bai, mới là người có tài điêu luyện hơn cả mọi người.

Người tu một ngày đêm có thể tụng được sáu thời kinh, niệm mười muôn danh hiệu Phật, ngồi thiền suốt sáu tiếng đồng hồ, nhưng khi bị người chê bai nhịn không nổi là chưa luyện được tâm mình, như vậy chứng minh mình chưa tu nhiều. Ngược lại khi bị mắng chửi mà vẫn cười hà hà như Phật Di-lặc, đó là người biết tu. Cho nên ở đây nói luyện được lòng ẩn nhẫn trước sự chê bai, mới là người có tài điêu luyện hơn cả mọi người.

Người luyện tâm làm chủ được mình trước những nghịch cảnh, tự thắng trong mọi trường hợp, tâm an nhiên tự tại, đó là người thật tu.

322. Con la thuần tánh là con vật lành tốt, con tuấn mã Tín-độ là con vật lành tốt. Con voi lớn Kiều-la cũng là con vật lành tốt, nhưng kẻ đã tự điêu luyện được mình lại càng lành hơn.

Ở Ấn Độ người ta cho con la, con tuấn mã Tín-độ, con voi lớn Kiều-la là những con vật lành tốt, nhưng ở đây Phật nói không lành tốt bằng những người đã tự điêu luyện được mình. Chủ yếu đức Phật dạy chúng ta tu là điêu luyện thân tâm trong mọi trường hợp.

Thí dụ đang tụng kinh, mà nghe ở ngoài có ai nói xầm xì thì nghĩ họ nói xấu mình, nên tụng cho mau rồi ra cãi lại cho đã giận. Như vậy chưa phải tụng kinh, vì tụng kinh là tâm duyên theo lời kinh và tay đánh chuông mõ không cho lộn xộn, nếu ngoài kia có ai chửi mặc họ không

quan tâm tới, thì không phiền não và biết làm chủ mình.

Cho nên dù ở nhà hay ở chùa, người tu đều phải thúc liễm thân tâm thanh tịnh cho thuần thục để trở thành một con người hoàn thiện.

323. Chẳng phải nhờ xe hay ngựa mà đến được cảnh giới Niết-bàn, chỉ có người đã điêu luyện lấy mình, mới đến được Niết-bàn.

Niết-bàn theo quan niệm thông thường là an vui. Vậy muốn an vui thì phải chính mình điêu luyện thân tâm. Nên nói không phải do xe hay ngựa đưa mình đến cảnh giới Niết-bàn.

Có người lầm tưởng nhiều tiền của, nhà lầu xe hơi là an vui. Nhưng tôi đã chứng kiến rất nhiều gia đình có bạc triệu, bạc tỷ, nhà lầu xe hơi, mà họ cũng than

khổ như thường, vì họ quá lệ thuộc vào vật chất nên không bao giờ được an vui. Vậy muốn được an vui thì phải tự điêu luyện thân tâm cho thuần thục. Nếu chưa thuần thục thì những thứ bên ngoài không làm cho ta an vui.

Tóm lại người tu chân chánh phải biết điêu luyện thân tâm, mới thật sự an vui và đạt đến Niết-bàn. Ngược lại nếu không làm chủ được mình, thì ở cảnh nào cũng không an ổn.

324. Con voi tên Tài Hộ đến kỳ phát dục thì hung hăng khó trị, buộc trói thì bỏ ăn mà chỉ nhớ mẹ ở rừng sâu.

Con voi tên Tài Hộ, dù được vua săn sóc cho ăn ngon ở nơi đẹp, nhưng không chịu ăn uống vì nghĩ đến bổn phận làm con đối với cha mẹ, vẫn luôn nhớ mẹ nơi rừng sâu. Đức Phật kể câu chuyện này để

nhắc nhở chúng ta, là người khôn ngoan bao giờ cũng hiếu thuận với mẹ cha và nuôi dưỡng chu đáo.

325. Như heo kia ưa ngủ lại tham ăn, kẻ phàm ngu vì tham ăn ưa ngủ, nên phải bị tiếp tục vào bào thai.

Đức Phật chê người ưa ngủ tham ăn giống như heo, nên phải tiếp tục sanh mãi trong vòng luân hồi. Tại sao vậy? Bởi vì tham ăn ưa ngủ không có thì giờ tu, như tám giờ tối đã xổ mùng xuống, cho tới tám giờ sáng mới thức dậy, ngủ suốt đêm đâu có tu hành. Ban ngày thì sáng trưa chiều tối lo ăn ba bốn bữa, thì giờ đâu mà tu. Chính việc ăn ngủ chiếm hết thì giờ, khiến chúng ta không tiến tu đạo nghiệp, nên tiếp tục đi mãi trong vòng luân hồi. Vì thế chúng ta phải cân nhắc để nỗ lực tu hành.

326. Trong những thời quá khứ, tâm ta thường chạy theo dục lạc,

tham ái ưa nhàn du, nhưng nay ta đã điều phục được tâm, như người quản tượng lấy móc câu chế ngự con voi luông tuồng.

Đức Phật lấy bản thân mình làm bằng chứng để nhắc nhở chúng ta, trong thời quá khứ ngài cũng từng buông lung theo dục lạc, theo tham ái và thích thong thả dạo chơi khắp nơi như chúng ta bây giờ. Nhưng hiện tại ngài đã điều phục được tâm, như con voi luông tuồng đã bị điều phục dưới tay người quản tượng tài giỏi.

Cũng vậy nếu đời quá khứ chúng ta đã lỡ buông lung theo dục lạc, theo tham ái thích nhàn du thì bây giờ tập điều phục tâm làm chủ nó. Bao giờ điều phục dễ dàng như anh quản tượng tài giỏi điều phục con voi, thì chúng ta cũng thành công như đức Phật. Ngài là người phàm tục nhưng nỗ lực tu hành nên giác ngộ,

chúng ta cũng là người phàm tục, nếu cố gắng tu hành vẫn giác ngộ như ngài. Chứ nói rằng Phật tu vô lượng kiếp, còn mình phàm phu không theo nổi rồi buông xuôi, thì suốt kiếp chịu trầm luân đau khổ.

327. Hãy vui vẻ siêng năng, phòng hộ, tự cứu khỏi nguy nan, như voi gắng sức vượt khỏi chốn sa lầy.

Vui vẻ siêng năng là hai đức tính cần thiết của con người. Chúng ta thấy con trâu hay con bò kéo xe qua những chỗ sình lầy, khi chân và bánh xe bị lún sâu xuống bùn, thì người đánh xe đánh mạnh hai ba roi để nó gắng sức vượt qua. Nếu ở ngay đó mà nhúc nhích một hồi thì càng lún sâu rồi mắc kẹt, không tài nào qua khỏi.

Cũng vậy, chúng ta bây giờ đang ở trong trần tục nhiễm ô, muốn ra khỏi chỗ nguy nan thì phải siêng năng vui vẻ, gìn giữ tâm không cho ô nhiễm. Như hoa sen

ở trong bùn mà tinh khiết, là tự cứu mình ra khỏi chỗ nguy nan, chứ không ai cứu được.

Người tu phải siêng năng, tới giờ tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật phải phấn chấn mạnh mẽ và vui vẻ trong lòng. Nếu tới giờ tu mặc áo tràng vô mà ngáp dài ngáp ngắn, dã dượi uể oải, bữa nay mệt quá để mai tu, rồi muốn cởi áo tràng nằm một chút, giải đãi như vậy là không xong.

Cho nên đức Phật khuyến khích chúng ta hãy vui vẻ siêng năng, phòng hộ tâm để cứu mình ra khỏi nguy nan, như voi gắng sức vượt khỏi chốn sa lầy.

328. Nếu gặp bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lự hàng phục được gian nguy, hãy vui mừng mà đi cùng họ.

Trên đường tu nếu gặp những người bạn hiền lành có trí tuệ, chúng ta hãy vui mừng cùng đi chung với họ, vì người có trí tuệ và ý chí thì khi gặp những khó khăn nguy hiểm vẫn vượt qua được để cùng nhau tiến tu. Như vậy mới tiến đến mục đích cuối cùng của sự tu hành là giác ngộ giải thoát.

329. Nếu không gặp bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lự, hãy sống một mình, như vua tránh nước loạn, như voi sống ở rừng.

Đức Phật dạy trên đường tu, *nếu không gặp được bạn hiền lương có trí tuệ thì phải yên ở một mình* lo tu, đừng theo bạn xấu ác mà mất sự lợi ích, *như vua tránh nước loạn, như voi bỏ về rừng* sống an ổn một mình.

330. Thà ở một mình hơn cùng người ngu kết bạn. Ở một mình khỏi điều ác dục, như voi một mình thênh thang giữa rừng sâu.

Ở một mình giữ ý chí tu hành đừng cho lệch lạc còn *hơn cùng người ngu kết bạn*, vì kết bạn với người ngu nhiều lúc họ xúi mình làm những điều xấu, hoặc dẫn dắt mình tới những chỗ hư dở thì còn khổ hơn. Cho nên đức Phật nói *ở một mình rảnh rang khỏi điều ác dục, như voi một mình thênh thang giữa rừng sâu.*

331. Gặp bạn xa lâu ngày là vui, sung túc phải lúc là vui, mệnh chung có được thiện nghiệp là vui, lìa hết thống khổ là vui.

Người có bạn thân ở xa lâu lâu mới gặp thật là vui mừng. Người làm ăn cực nhọc mà tiền của vô đúng thời, không tổn

phước đức và không có những điều xui xẻo, đó là vui. Khi nhắm mắt tâm thuần thiện đó là niềm vui của người biết tu hành. Người bị mắng ngay giữa đám đông, mà không nổi nóng chống cự hơn thua, không buồn giận phiền não, tâm vẫn an nhiên tự tại, đó là lìa hết thống khổ được an vui.

332. Ở đời được kính dưỡng mẹ hiền là vui, kính dưỡng thân phụ là vui, kính dưỡng Sa-môn là vui, kính dưỡng Thánh nhân là vui.

Người biết kính thương cha mẹ và hết lòng nuôi dưỡng, đó là niềm vui của người con chí hiếu. Đối với những vị tu sĩ thanh tịnh, hay những bậc Thánh nhân mà biết cung kính cúng dường, đó là niềm vui của Phật tử chân chánh có chánh kiến.

333. Già vẫn giữ giới là vui, thành tựu chánh tín là vui, đầy đủ trí tuệ là vui, không làm điều ác là vui.

Người già tu hành biết giữ giới luật là vui, học hiểu đạo lý để cho niềm tin ngày càng vững mạnh là vui. Dùng trí tuệ suy xét phân biệt tà chánh, thiện ác để tu hành là vui. Không làm những điều ác, làm những điều lành mới là an vui chân thật.

Tóm lại ba pháp cú trên Phật nói những niềm vui khác nhau: Niềm vui của người thế gian, niềm vui của người con chí hiếu đối với cha mẹ, niềm vui của Phật tử đối với bậc tu hành thanh tịnh và niềm vui do mình nỗ lực tiến tu. Nếu người tu có đủ những niềm vui đó, thì tu hành tiến bộ và cuộc sống hằng ngày luôn an lạc.

XXIV. PHẨM ÁI DỤC

334. Nếu say đắm buông lung thì tham ái tăng lên hoài như giống cỏ mạn-la mọc tràn lan, từ đời này tiếp đời nọ, như vượn chuyền cây tìm trái.

Cỏ mạn-la giống như cỏ cú ở Việt Nam. Nếu trong vườn có cỏ cú mà một năm không cuốc củ lên, thì nó mọc tràn lan rất khó diệt. Cũng vậy nếu buông lung thì tham ái tăng lên hoài, vì hưởng được cái vui này lại muốn hưởng cái vui khác. Như vậy ngày càng tăng trưởng chứ không bao giờ dừng, như vượn chuyền cây tìm trái, ăn được trái này vin qua cành khác để bẻ trái khác.

Như có người dự định làm ăn được một số tiền rồi lo tu. Khi làm ăn kha khá nhưng thấy chưa đủ, lo làm kiếm thêm tiền chứ chưa chịu tu, cứ lo tính toán làm

ăn cho nhiều của cải, được cái này muốn thêm cái kia, bị lòng tham thôi thúc tăng thêm chứ không biết dừng, đó là chướng ngại lớn lao đối với người tu. Cho nên chúng ta phải hạn chế tâm không cho buông lung, mới mong tu hành đến chỗ viên mãn.

335. Ở thế gian này nếu bị ái dục buộc ràng thì những điều sầu khổ càng tăng, như loài cỏ tỳ-la gặp mưa.

Người bị ái dục buộc ràng thì sầu khổ càng tăng, như loài cỏ tỳ-la gặp mưa, lên nhanh làm không kịp. Người tu phải buông bỏ ái dục được chừng nào tốt chừng ấy. Nếu để ái dục trói buộc thì khổ não tăng thêm.

336. Ở thế gian này, nếu hàng phục được những ái dục khó hàng

phục, thì sầu khổ tự nhiên rơi rụng như nước giọt lá sen.

Ngũ dục gồm có tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Người không quan tâm đến ngũ dục thì cuộc sống an lành tự tại, như nước nhỏ lên lá sen, tuột mất không dính dáng. Tham ngủ là bệnh khó trừ, cho nên lỡ tham ngủ thì phải tự nhắc mình, cuộc đời vô thường chết tới nơi sao không lo tu, biết vậy rồi nỗ lực tu, đó là dùng quán vô thường để trị bệnh tham ngủ.

Kinh Di Giáo Phật dạy, trong nhà có con rắn độc chưa đuổi ra thì không dám ngủ yên. Cũng vậy tham sân si còn ngủ ngầm trong tâm thì người tu không nên mê ngủ, phải ráng tỉnh thức buông bỏ tham sân si cũng như đuổi rắn độc ra khỏi nhà, thì lúc đó mới nằm ngủ an ổn. Tóm lại trong năm dục, chúng ta phải biết

mình nặng cái nào gắng sức để trừ, đó là người biết tu. Nếu không như thế thì tu không đến nơi đến chốn.

337. Đây là sự lành mà ta bảo với các ngươi; các ngươi hãy dồn sức vào để nhổ sạch gốc ái dục, như người muốn trừ cỏ tỳ-la thì phải nhổ gốc nó. Các ngươi chớ lại để bị ma làm hại như loài cỏ lau gặp cơn nước lũ.

338. Đốn cây mà chưa đào lấy gốc rễ thì tược vẫn ra hoài, đoạn trừ ái dục mà chưa sạch căn gốc thì khổ não vẫn sanh trở lại mãi.

Đức Phật dạy chúng ta trừ ái dục thì phải dứt tận gốc rễ, nếu không trừ tận gốc rễ thì khổ não còn hoài. Vậy muốn trừ gốc rễ thì phải trừ bằng cách nào?

Gốc là ở chính mình, cho nên trước phải nhìn lại mình, khi ưa thích danh lợi

thì hãy quán thân này vô thường nay còn mai mất. Biết thân này vô thường, danh lợi cũng vô thường thì dứt được lòng ưa thích. Đức Phật dạy muốn diệt tận gốc rễ của ái dục là phải tu sửa tâm mình. Nếu chỉ trừ những cái ở bên ngoài thì chẳng khác nào đốn cây chỉ chặt nhánh mà không đào rễ, nó sẽ mọc trở lại. Vì vậy phương pháp tu của đạo Phật chỉ chúng ta xoay về cái gốc, là đoạn trừ tham sân si. Do si mê nên mới có ái dục, muốn hết ái dục thì phải hết si mê, đó là dứt trừ tận gốc rễ.

339. Những người có đủ ba mươi sáu dòng ái dục, họ mạnh mẽ giong ruổi theo dục cảnh. Bởi vậy người có tâm tà kiến hằng bị những tư tưởng ái dục làm trôi giạt hoài.

Ái dục có ba thứ: dục ái, hữu ái và phi hữu ái. Trong sáu căn ngoài sáu trần đều

là ái, hợp thành dục ái 12, hữu ái 12, phi hữu ái 12, cộng thành 36. Dục ái dính líu tới thường kiến, phi hữu ái tương quan với đoạn kiến. Ba mươi sáu ái dục lưu động không ngừng như dòng nước, nên gọi là dục lưu.

Người nào có ba mươi sáu thứ ái dục, hay lòng yêu thích cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới thì trôi lăn mãi trong dòng sanh tử luân hồi. Cho nên Phật nói nếu người có đủ ba mươi sáu dòng ái dục, họ mạnh mẽ giong ruổi theo dục cảnh chẳng chút ngại ngùng. Thế nên người có tâm tà kiến (đoạn kiến và thường kiến), hằng bị những tư tưởng ái dục làm trôi giạt hoài.

340. Dòng ái dục tuôn chảy khắp nơi, như giống cỏ mạn-la mọc tràn lan mặt đất. Ngươi hãy xem giống cỏ đó để dùng tuệ kiếm đoạn hết căn gốc ái dục.

Người có lòng ái dục nhiều thì nó phát ra sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý như giống cỏ mạn-la mọc tràn lan trên mặt đất. Như người thấy tiền khởi lòng tham, dùng trí tuệ quán xét tất cả của cải thế gian là vô thường, là gốc của khổ đau, nếu tham thì khổ không biết bao giờ thoát được. Quán xét như thế thì hết ưa thích, đó là dùng kiếm trí tuệ chặt đứt gốc ái dục. Cho nên người muốn hết khổ, phải phát huy trí tuệ cho sáng, nghĩa là phải mài thanh kiếm cho bén, để đoạn trừ ái dục.

341. Người đời thường vui thích theo ái dục, ưa giong ruổi lục trần, tuy họ có hướng cầu an lạc, vẫn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân.

Người thường vui theo ái dục, tâm còn giong ruổi theo sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tuy họ muốn an lạc mà vẫn còn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân.

Cho nên người nào dứt được lòng ái dục, không giong ruổi theo sáu trần, dù không cầu an lạc cũng vẫn được an lạc như thường.

342. Những người theo đuổi ái dục, vùng vẫy khác nào thỏ bị sa lưới. Càng buộc ràng với phiền não, càng chịu khổ lâu dài.

Người chạy theo ái dục thì khổ não đeo theo không bao giờ dứt, như con thỏ vướng vào lưới thì đau khổ vô cùng, vì cái chết kề một bên. Cho nên đức Phật nói rằng càng buộc ràng với phiền não, là còn nhiều tham sân si thì phải chịu khổ lâu dài, không biết bao giờ hết.

343. Những người theo đuổi ái dục, vùng vẫy khác nào thỏ bị sa lưới. Hàng Tỳ-kheo vì cầu vô dục nên phải tự gắng lìa dục.

Người xuất gia đã biết chạy theo ái dục thì khổ, chẳng khác nào con thỏ bị mắc lưới. Vì vậy hàng Tỳ-kheo phải cố gắng lìa dục, đừng cho dính mắc thì mới thật sự an lành.

344. Người đã lìa dục, vui ở chốn sơn lâm, lìa dục rồi trở lại theo dục, hãy xem hạng người đó đã được mở ra rồi lại tự trói vào.

Người lìa dục xuất gia, đã gỡ hết những mối dây ràng buộc, đang thong thả tự do ở chốn sơn lâm mà trở về nhà, Phật nói hạng người này là kẻ được mở ra rồi lại tự trói vào. Người xuất gia là đã thoát ra khỏi vòng ràng buộc của ái dục, nếu không khéo tu hành, thì tâm thối chuyển trở về thế gian để chịu khổ, như người được mở trói rồi tự trói lại, thật đáng thương!

345. Đối với người trí, sự trói buộc bằng dây gai, bằng cây, bằng sắt chưa phải bền chắc, chỉ có lòng luyến ái vợ con, tài sản mới thật là sự trói buộc chắc bền.

Trói buộc bằng dây gai tức là trói buộc bằng dây, trói buộc bằng cây thì ngày xưa mang gông bằng gỗ, trói buộc bằng sắt là còng cái còng bằng sắt. Dây, gông, sắt ba thứ trói buộc đó có thể gỡ ra nhẹ nhàng hơn, còn sự luyến ái vợ con tài sản thật là sự trói buộc chắc bền. Như vậy người có trí tuệ phải thấy rằng điều khiến chúng ta chịu trầm luân sanh tử là sự ràng buộc của gia đình.

346. Đối với người trí, điều khiến người sa đọa là sự trói buộc chắc bền. Nó hình như khoan dung hòa hoãn mà thật khó lòng thoát ra. Hãy đoạn

trừ đừng dính mắc, lìa dục mà xuất gia.

Phật nói điều khiến người sa đọa là sự trói buộc chắc bền, nó hình như khoan dung hòa hoãn mà thật khó lòng thoát ra. Dắt người vào sa đọa là sao? Thí dụ Phật tử nam quy y thọ năm giới và giữ giới không uống rượu rất chín chắn. Có người bạn thân đi xa về, đến thăm gặp mặt vui mừng, rủ uống vài chung rượu lấy thảo, thì thấy đâu có gì là khó khăn. Nhưng rủ rê như vậy là dắt mình vào chỗ sa đọa. Tuy nói uống lấy thảo, nghe rất là khoan dung hòa nhã, không phải chửi mắng rầy rà, mà thật là khó từ chối, nếu từ chối được thì mới hay.

Ở đây đức Phật dạy đoạn trừ đừng dính mắc, lìa dục mà xuất gia là muốn khuyến khích những người nhận chân được sự khó khăn khổ não lâu dài, ràng

buộc trong vòng tam giới, phải gan dạ để lìa dục mà xuất gia.

347. Những người say đắm ái dục, trôi theo ái dục là tự lao mình vào lưới trói buộc, như nhện mắc lưới. Ai dứt được sự buộc ràng, không còn dính mắc, thì sẽ lìa mọi thống khổ mà ngao du tự tại.

Có hai hạng người, một là đang bị trói buộc khổ đau, hai là thong thả ngao du tự tại. Người đang bị trói buộc khổ đau là người say đắm theo ái dục, đức Phật nói tự lao mình trong lưới buộc, như nhện giăng tơ rồi kẹt trong tơ của nó. Cũng vậy chúng ta say đắm theo ngũ dục rồi tự cột mình trong ngũ dục, bị nó lôi cuốn từ đời này đến kiếp khác.

Người dứt sự buộc ràng, không còn bị ngũ dục lôi kéo thì sẽ xa lìa mọi thống khổ,

chứng Niết-bàn giải thoát, không còn gì trói buộc, muốn đi đâu thì đi, ngao du tự tại ra vào sanh tử.

348. Bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai mà vượt qua bờ kia, tâm giải thoát tất cả, không còn bị sanh già trở lại.

Người nào đối với thân quá khứ, thân hiện tại, thân vị lai không còn luyến ái thì sẽ qua bờ kia, là bờ Niết-bàn. *Tâm đã giải thoát tất cả* đắm mê trong cõi dục thì *không còn sanh già trở lại*. Như vậy người dứt được lòng luyến ái thân trong ba đời và hiện tại không tham đắm ngũ dục thì được giải thoát chứng Niết-bàn.

349. Những kẻ bị tư tưởng xấu làm não loạn, cầu mong dục lạc thật nhiều. Người mong dục lạc tăng nhiều là tự trói mình thêm bền chắc.

Phật tử làm ăn bình thường, có nhà ở, đủ tiền nuôi con ăn học. Nhưng chưa bằng lòng, muốn giàu hơn để cất nhà lầu sắm xe hơi. Có xe hơi nhà lầu rồi lại bận rộn chạy theo cuộc sống vật chất, không có thì giờ tu hành. Cho nên đừng tưởng được nhiều của cải là tốt, vật chất nhiều chừng nào thì tự trói buộc nặng nề và khó tu chừng nấy. Phật dạy nếu người thường mong cầu dục lạc thật nhiều thì tự trói mình càng thêm chắc chắn.

350. Muốn xa lìa ác tưởng, thường nghĩ tới bất tịnh, hãy trừ hết ái dục, đừng để ác ma buộc ràng.

Câu kinh này đức Phật dạy quán bất tịnh để trừ ái dục. Quán thân mình có ba mươi hai hoặc ba mươi sáu vật như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương v.v... những thứ đó đều không sạch. Thí dụ tóc trên đầu là quý, nhưng rớt vô chén cơm

hay nồi canh thì thấy gớm không muốn ăn. Như vậy nếu sạch thì không chán chê, đã chán chê thì không phải sạch.

Muốn trừ sắc dục thì phải quán thân bất tịnh. Nếu quán thuần thục thì không còn chạy theo ái dục và ác ma không làm gì được mình.

351. Bước tới chỗ cứu cánh thì không còn sợ hãi, xa lìa ái dục thì không còn nhiễm ô, nhổ mũi tên sanh hữu thì chỉ còn một thân này là cuối cùng.

Người bước tới chỗ cứu cánh, thoát khỏi sanh già bệnh chết, nên không còn lo âu sợ hãi, đây là chỉ cho những bậc A-la-hán xa lìa ái dục và không còn nhiễm ô.

Trong mười hai nhân duyên từ vô minh, hành, thức, danh sắc v.v... cho tới hữu, sanh và lão tử. Hữu là chỉ cho cõi hay

nghiệp, sanh là tiếp tục sanh đời sau. Nếu nhổ được mũi tên nghiệp lôi mình sanh vào đời sau, thì chỉ thọ thân một đời này thôi, không còn luân hồi sanh tử nữa, gọi là giải thoát. Cho nên ở đây nói nhổ mũi tên sanh hữu thì chỉ còn thân này là cuối cùng.

352. Xa lìa ái dục không nhiễm trước, thông đạt từ vô ngại, thấu suốt nghĩa với pháp vô ngại, và thứ lớp của tự cú, đó là bậc đại trí, đại trượng phu, chỉ còn một thân này là cuối cùng.

Người xa lìa ái dục tâm không còn nhiễm trước, thì được bốn điều biện tài vô ngại. Từ vô ngại là đầy đủ lời lẽ, nói năng thông suốt; Nghĩa vô ngại là thấu suốt nghĩa lý; Pháp vô ngại là thông suốt giáo pháp của Phật và Diễn thuyết vô ngại là giảng nói thông suốt. Được bốn thứ vô ngại này gọi là bậc đại trí, đại trượng phu,

chỉ còn thân này là thân cuối cùng, không còn tiếp tục sanh ra đời sau.

353. Ta đã hàng phục tất cả. Ta đã rõ biết tất cả. Ta không nhiễm một pháp nào. Ta xa lìa hết thảy, diệt dục mà giải thoát và tự mình chứng ngộ, thì còn ai là thầy ta nữa!

Sau khi thành đạo, Phật từ Bồ-đề đạo tràng đi đến Lộc Uyển, giữa đường gặp một ngoại đạo tên Ưu-ba-ca hỏi: "Ông xuất gia theo ai? Thầy của ông là ai? Ông tin theo tôn giáo nào?" Đức Phật nói câu pháp cú trên để trả lời, nghĩa là ngài đã chứng được trí vô sư, không còn ai là thầy.

Chúng ta là đệ tử Phật, cũng có trí vô sư, đó là vị thầy chân thật nơi mình, còn vị thầy bên ngoài chỉ là phụ thôi. Người tu hành hàng phục phiền não trong tâm, rõ biết tất cả, không nhiễm một pháp nào thì

cũng tự chứng ngộ và được giải thoát như Phật.

354. Trong các cách bố thí, pháp thí là hơn cả; trong các chất vị, pháp vị là hơn cả; trong các hỷ lạc, pháp hỷ là hơn cả. Người nào trừ hết mọi ái dục là vượt trên mọi khổ đau.

Bố thí có ba: tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí chia làm hai, nội tài và ngoại tài. Đem sức lực giúp đỡ người khác là bố thí nội tài, đem tiền của bố thí cho mọi người là bố thí ngoại tài. An ủi người bớt buồn khổ, làm cho bớt sợ hãi là vô úy thí. Trong các cách bố thí trên sánh với pháp thí là đem lời Phật dạy để nhắc nhở mọi người tu hành, pháp thí là hơn cả.

Trong các chất vị ở thế gian như ngọt, bùi, cay, chua, mặn, lạt v.v... người đời ưa thích, đức Phật nói không bằng pháp vị. Khi đọc kinh mà hiểu nghĩa, cảm thấy

thích thú là đã nếm được pháp vị. Nếu chúng ta bền chí siêng năng nghiên cứu giáo lý của đức Phật, khi hưởng được pháp vị thì mới thấy Phật cho mình những điều hạnh phúc vô cùng.

Như nghe ca nhạc thì vui, được tiền của thì vui, những cái vui đó chỉ trong chốc lát, được rồi mất không bền. Nhưng khi nghe Phật pháp ứng dụng tu hành, tâm được an vui hạnh phúc, niềm vui do tu mà được mới là bền bỉ lâu dài. Nên nói trong các sự hỷ lạc, chỉ có pháp hỷ là hơn cả.

Ái dục là gốc khổ đau, muốn trừ ái dục phải quán bất tịnh. Nếu thích tài sản danh lợi thì quán thân vô thường, cảnh vô thường có gì mà tham. Đối với danh lợi dửng dưng nên tâm an ổn tự tại, đó gọi là pháp hỷ. Cho nên Phật dạy người nào trừ hết ái dục thì vượt trên mọi đau khổ.

355. Tài sản giàu có chỉ làm hại người ngu, chứ không phải để cầu sang bờ giác. Người ngu bị tài dục hại mình, như mình đã vì tài dục mà hại người khác.

Người ngu rất ưa thích sự giàu sang, được một muốn hai, được hai muốn ba bốn, muốn hoài tới già chết không thoát ra được. Cho nên nói giàu sang chỉ làm hại người ngu, chứ không phải để cầu sang bờ giác.

Người ngu bị tài dục hại mình, như mình đã vì tài dục mà hại người khác. Thí dụ tên cướp vì tham tiền mà giết người nên bị ở tù, đó là tự hại mình. Chính vì tiền của mà giết người khác đó là hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn, tham dục làm hại thế nhân. Vậy nên cúng

dường cho người lìa tham sẽ được quả báo lớn.

Cỏ làm hại ruộng vườn, tham dục làm hại người thế gian. Vì thế đức Phật khuyên cúng dường cho người lìa tham sẽ được quả báo lớn. Tại sao? Tham dục là gốc của tai họa, người còn nhiều tham dục là còn nhiều khổ đau, không tự cứu khổ huống là dìu dắt được ai. Người dứt hết tham dục thì tự cứu mình và có thể làm gương cho người khác noi theo. Cho nên đức Phật nói cúng dường cho những vị đó được quả báo lớn.

Hơn nữa, chúng ta biết kính trọng những vị tu hành thanh tịnh, noi theo gương hạnh tốt của họ, tập buông bỏ bớt lòng tham dục, sẽ được lợi ích cho mình đó là tự lợi. Nếu chúng ta cúng dường cho những vị đó, họ có phương tiện giáo hóa

người khác thì thêm phần lợi tha, nên nói được quả báo lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn, sân nhuế làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa sân sẽ được quả báo lớn.

358. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, ngu si làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa si sẽ được quả báo lớn.

359. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, dục vọng làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa dục sẽ được quả báo lớn.

Ba câu pháp cú này đức Phật nói tương tự như trên, nhưng ở trên là lìa tham, ở đây là lìa sân, lìa si và lìa dục. Lìa được bốn thứ kể trên là người hoàn toàn thanh tịnh an lành. Chúng ta nên cúng

dường cho những vị đó thì sẽ được quả báo lớn.

XXV. PHẨM TỲ KHEO

360-361. Lành thay chế phục mắt, lành thay chế phục tai, lành thay chế phục mũi, lành thay chế phục lưỡi, lành thay chế phục thân, lành thay chế phục lời nói, lành thay chế phục tâm ý. Chế phục được hết thảy, thật lành thay! Tỳ-kheo nào chế phục được hết thảy thì giải thoát hết khổ.

Đức Phật dạy chế phục được sáu căn thì hết khổ. *Chế phục mắt* là sao? Nó bệnh liền đi bác sĩ chữa phải không? Không phải! Như nhìn thấy món đồ đẹp, lòng tham dấy khởi, biết tham là gốc luân hồi sanh tử, thì thấy mà không tham. Như vậy là chế phục được mắt.

Chế phục tai là sao? Khi nghe người khen thì thích là ngã mạn, nghe người chê mà buồn thì dễ sân giận, mà ngã mạn và

sân giận là gốc của luân hồi sanh tử. Vì vậy nghe khen không mừng, chê không buồn mới giải thoát, đó là chế phục được tai.

Chế phục mũi là sao? Có người rất cẩn thận, đi ngang chỗ nào có mùi hôi thì bịt mũi, mùi thơm thì hít vào. Người biết chế phục mũi thì mùi hôi mùi thơm đều thấy bình thường, vì nó bay qua rồi mất, không mắc kẹt ở mũi hoài.

Chế phục được lưỡi là sao? Phật dạy phải quán xét việc ăn như uống thuốc để trị bệnh đói khát khô gầy, khi đang đói bụng làm cho khó chịu, chỉ cần ăn đầy bao tử không quan trọng ngon dở, là chinh phục được cái lưỡi.

Chế phục thân bằng cách nào? Như có người quen ngủ nệm, hôm nào tới chỗ không có nệm thì lăn qua trở lại nghe đau mình, ngủ không được. Bây giờ phải tập

có nệm hay không nệm cũng nằm ngủ được, như vậy là chế phục được thân.

Chế phục được lời nói cũng rất cần thiết. Có người vô ý xúc phạm đến danh dự của mình. Khi ấy muốn nói ra những lời dữ dằn cho đã giận nhưng kềm lại, đợi trong lòng mát mẻ rồi nói nhỏ nhẹ ôn hòa, đó là chế phục được lời nói.

Chế phục được tâm ý có hai trường hợp, bất thường và bình thường. Khi bị người làm trái ý không nổi nóng, hay ngũ dục làm não loạn không dấy lòng tham, như vậy là điều phục được tâm ý trong khi bất thường. Khi không buồn giận mà ứng dụng một pháp tu để tâm được yên tịnh, đó là điều phục tâm ý trong lúc bình thường. Tóm lại Phật dạy *Tỳ-kheo nào chế phục được hết thảy sáu căn thì hết khổ*, lành thay.

362. Chế phục tay chân và ngôn ngữ, chế phục cái đầu cao. Tâm thích ưa thiền định, riêng ở một mình và tự biết đầy đủ, ấy là bậc Tỳ-kheo.

Cái đầu cao là chỉ cho phần trên của thân, là phần quý trọng mà quý trọng là gốc của ngã mạn. Đức Phật dạy chế phục tay chân và ngôn ngữ, chế phục cái đầu cao, tức là luôn thúc liễm thân, khẩu và ý, phải dè dặt đừng cho tâm ý cống cao ngã mạn. Tâm ưa thích thiền định, riêng ở một mình và tự biết đầy đủ, ấy mới xứng đáng là bậc Tỳ-kheo.

363. Tỳ-kheo nào điều nhiếp được ngôn ngữ, khôn khéo và thanh tịnh, thì khi diễn bày pháp nghĩa lời lẽ rất được hòa ái rõ ràng.

Vị Tỳ-kheo nào nhiếp phục ngôn ngữ thì tâm thanh tịnh, nên khi diễn bày chánh pháp lời lẽ hòa ái, nghĩa lý rõ ràng.

364. Tỳ-kheo nào an trú trong lạc viên chánh pháp, mến pháp và tùy pháp, tư duy nhớ tưởng pháp, thì sẽ không bị thối chuyển.

Đức Phật dạy Tỳ-kheo luôn an trụ trong lạc viên tức là ngày đêm đều nhớ chánh pháp, nhớ lời Phật dạy trong kinh điển, quý trọng và thực hành theo sẽ không bao giờ thối chuyển.

365. Chớ nên khinh điều mình đã chứng, chớ hâm mộ điều người khác đã chứng. Tỳ-kheo nào chỉ lo hâm mộ điều người khác tu chứng, cuối cùng mình không chứng được Tam-ma-địa tức là chánh định.

Phật dạy *không nên khinh điều mình đã chứng*. Dù sở chứng của mình thấp hay cao cũng nên chấp nhận đó là thật. Còn sở chứng của người khác là của người, đừng một bề hâm mộ rồi quên tu, đó là hướng ngoại tìm cầu nên không an trụ trong chánh định.

366. Hàng Tỳ-kheo dù tu chứng được chút ít cũng không sanh tâm khinh thường, cứ sinh hoạt thanh tịnh và siêng năng, nên đáng được chư thiên khen ngợi.

Vị Tỳ-kheo tu hành đạt được kết quả chút ít, cũng không sanh tâm khinh thường, sống đúng giới luật và siêng năng tu hành thanh tịnh, đó là người đáng được chư thiên khen ngợi. Nếu một bề hâm mộ người, không lo tu hành, rốt cuộc không ai khen ngợi và cũng không được lợi ích.

367. Nếu đối với thân tâm mà không chấp ta hay của ta. Vì không ta và của ta nên không lo sợ, người như vậy mới gọi là Tỳ-kheo.

Người tu phải phá chấp ngã, nếu thấy thân tâm này thật là của ta thì còn chấp ngã, vì không ta và của ta nên không còn lo sợ. Người như vậy mới xứng đáng là một Tỳ-kheo.

368. Hàng Tỳ-kheo an trú trong tâm từ bi, vui thích với giáo pháp Phật-đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành.

Người tu an trú trong tâm từ bi, tức là lúc nào cũng quán từ bi, vui thích giáo pháp của Phật-đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc và giải thoát tất cả pháp vô thường.

369. Tỳ-kheo tát nước thuyền này, hễ hết nước thì thuyền nhẹ và đi mau. Đoạn hết tham dục và sân nhuế trong thân này thì mau chứng Niết-bàn.

Chiếc thuyền chứa nhiều nước, muốn thuyền nhẹ và đi mau, chịu khó lấy gàu múc nước đổ ra. Cũng vậy vị Tỳ-kheo tu hành, mỗi ngày dẹp tham sân si nơi tâm thì sẽ mau đạt đến Niết-bàn. Chiếc thuyền dụ cho thân ngũ uẩn, nước là dụ cho phiền não tham sân si. Nếu hết phiền não thì đạt đến Niết-bàn, cũng như hết nước thì thuyền nhẹ mà vượt qua khỏi sông.

370. Tỳ-kheo nào đoạn được năm điều, bỏ năm điều, siêng tu năm điều, vượt khỏi năm điều say đắm. Tỳ-kheo ấy là người đã vượt qua dòng nước lũ.

Tỳ-kheo nào bỏ được năm hạ phần kiết sử giới tức là tham, sân, thân kiến, giới cấm thủ và nghi của Dục giới. Đoạn được năm thượng phần kiết sử là tham đắm cõi Sắc giới, tham đắm thiền định cõi Vô sắc giới, trạo cử, mạn và vô minh. Chuyên tu năm điều tức là ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ. Vượt khỏi năm điều say đắm là tham, sân, si, mạn, ác kiến. Tỳ-kheo ấy là người đã vượt qua dòng nước lũ, sẽ đạt tới Niết-bàn. Dòng nước lũ là chỉ cho bốn thứ dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu, còn gọi là bộc lưu.

371. Hãy tu định, chớ buông lung, tâm chớ mê hoặc theo dục. Đừng đợi đến khi nuốt hòn sắt nóng mới ăn năn than thở.

Phật dạy phải tu thiền định chớ buông lung, đừng mê hoặc chạy theo ngũ dục thế gian. Hiện tại không lo tu hành, đợi đến

khi chết xuống địa ngục nuốt hòn sắt nóng, lúc đó mới ăn năn than thở cầu cứu thì muộn quá rồi, cũng như đợi khát nước mới đào giếng, không thể nào làm kịp.

372. Không có trí tuệ thì không có thiền định, không có thiền định thì không có trí tuệ. Người nào gồm đủ thiền định và trí tuệ thì gần đến Niết-bàn.

Người tu phải có thiền định và trí tuệ. Đầy đủ hai phần này thì sẽ đạt đến Niết-bàn.

373. Tỳ-kheo đi vào chỗ yên tĩnh, tâm thường vắng lặng, quán xét theo chánh pháp, được thọ hưởng cái vui siêu nhân.

Người tu ở chỗ núi rừng vắng vẻ thì tâm thường yên tĩnh. Quán sát lời Phật dạy sẽ thọ hưởng những cái vui siêu nhân.

Nếu Phật tử tại gia thường áp dụng, vẫn hưởng được niềm vui ấy. Như tu pháp quán vô thường, biết tất cả sự vật ở thế gian đều vô thường, nếu thấy ai nhiễm tài sắc, danh lợi thì đáng thương, đó là mình đã hơn họ một bậc, là vượt hơn người thường, gọi là siêu nhân.

374. Người nào thường chánh niệm đến sự sanh diệt của các uẩn thì sẽ được vui mừng. Nên biết người đó không chết.

Người còn ái ngã là còn yêu mình, nên khi mất thân này thì hoảng hốt tìm thân khác, do đó mãi chịu luân hồi sanh tử. Vì vậy Phật dạy người nào thường chánh niệm nghĩ đến sự sanh diệt của năm uẩn, thì sẽ được vui mừng hạnh phúc và thoát ly sanh tử.

Người tu xét thân ngũ uẩn là giả hợp, không có gì quý báu, nên không ái nhiễm

thân, khi mất không cần tìm, vượt ra ngoài vòng sanh diệt tức là không bị chết, đó là gốc giải thoát.

375. Nếu là Tỳ-kheo sáng suốt, dù ở trong đời, trước tiên vẫn lo nhiếp hộ các căn và biết đủ, lo hộ trì giới luật.

Vị Tỳ-kheo sáng suốt dù ở trong thế gian, trước hết phải biết gìn giữ sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không cho chạy theo sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Kế đó sự ăn, mặc, ở, thuốc men luôn biết đủ, đời sống vật chất giản dị không có gì quan trọng, lo gìn giữ giới luật cho thanh tịnh là tốt rồi.

376. Thái độ thì phải thành khẩn, hành vi thì phải đoan chánh. Được vậy, họ là người nhiều vui và sạch hết khổ não.

Đức Phật dạy người tu phải nhớ sống chết là việc lớn, vô thường mau chóng đến bất cứ lúc nào, phải mau giải quyết gấp việc sanh tử, đó gọi là thái độ thành khẩn. Làm việc gì mọi hành động đều phải đúng đắn chân chánh, không sanh tâm tà vạy làm lệch lạc. Được như vậy là người có nhiều niềm vui và sạch hết khổ não.

377. Cành hoa bạt-tất-ca bị úa tàn như thế nào, thì Tỳ-kheo các ông cũng làm tham sân úa tàn thế ấy.

Lúc Phật còn tại thế, các thầy Tỳ-kheo được Thế Tôn cho đề mục thiền định, liền lui vào rừng sâu và bắt đầu hành thiền. Các thầy đã từng trông thấy những hoa bạt-tất-ca buổi sáng nở tươi tắn, chiều đã úa tàn rũ cánh, tự nhủ chúng ta phải diệt trừ tham sân si nhanh chóng như những đóa hoa kia. Các thầy như được tiếp thêm sức mạnh, càng nỗ lực

chuyên chú hành thiền và được kết quả như ý. Đức Thế Tôn quán sát các thầy Tỳ-kheo ấy và dạy câu pháp cú trên.

Chúng ta không biết cành hoa bạt-tất-ca ra sao, nhưng ở Việt Nam thì có hoa phù dung sớm nở tối tàn. Phật dạy các vị Tỳ-kheo phải dẹp tham sân si úa tàn nhanh chóng như thế.

378. Tỳ-kheo nào thân tịch tịnh, ngữ tịch tịnh, tâm an trú tam-muội, xa lìa dục lạc, Tỳ-kheo ấy gọi là người tịch tịnh.

Vị Tỳ-kheo giữ gìn thân, miệng thanh tịnh, tâm luôn an trú trong chánh định, xa lìa dục lạc, đó là người tịch tịnh an lạc.

379. Các ngươi hãy tự cảnh sách, các ngươi hãy tự phản tỉnh! Tự hộ vệ và chánh niệm, mới là Tỳ-kheo an trụ trong an lạc.

Khi nghe người nói chuyện danh lợi, vừa khởi tâm tham liền nhắc, tu rồi tại sao lại tham danh lợi. Cho nên Phật dạy hãy tự cảnh tỉnh mình là nhìn lại tâm mình tỉnh hay mê, tốt hay xấu, định hay loạn. Người tu lo tụng kinh, niệm Phật, tham thiền, luôn chánh niệm tỉnh giác, tu đúng theo chánh pháp, đó là biết tự hộ vệ. Tỳ-kheo nào được như vậy mới thật là *an trụ trong an lạc.*

380. Chính các ngươi là kẻ bảo hộ cho các ngươi, chính các ngươi là nơi nương náu cho các ngươi. Các ngươi hãy gắng điều phục lấy mình như thương khách lo điều phục con ngựa lành.

Tự lo bảo hộ mình là đừng ỷ lại vào người khác. Chính mình là chỗ nương tựa lâu dài nhất, phải trông cậy vào mình, cố gắng phát huy những điều tốt và phá vỡ

những điều xấu dở. Nếu tăng ni hay Phật tử hoàn toàn nương vào một vị thầy, mai mốt thầy chết rồi thì nương tựa vào ai! Cho nên ở đây Phật dạy phải cố gắng điều phục tâm mình, như người khách buôn điều khiển con ngựa hay, lúc nào cũng xem chừng để luyện tập nó chứ không dám lơ là.

381. Tỳ-kheo đầy đủ tâm hoan hỷ, thành tín theo giáo pháp Phật-đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành.

Vị Tỳ-kheo lúc nào tâm cũng vui vẻ hỷ xả, tin và thực hành theo giáo pháp của đức Phật, thì sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc và giải thoát các hành vô thường.

382. Tỳ-kheo tuy nhỏ tuổi mà siêng tu giáo pháp Phật-đà, thì họ là

ánh sáng chiếu soi thế gian, như mặt trăng ra khỏi đám mây mù.

Những vị Tỳ-kheo tuy tuổi nhỏ mà tinh tấn tu hành đúng theo pháp Phật dạy, vị đó như ánh sáng chiếu soi thế gian, chẳng khác nào mặt trăng ra khỏi mây mù.

XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN

Phẩm này tên Bà-la-môn, nhưng đức Phật dạy phương pháp tu hành để được giải thoát chứng quả A-la-hán, chứ không dạy giáo lý của Bà-la-môn.

Thuở xưa người dân Ấn Độ thường chấp về hình thức chủng tộc, họ quan niệm rằng người sanh trong dòng Bà-la-môn là cao cả. Nhưng đức Phật cho rằng cao cả là do hạnh tu của mình, chứ không phải do dòng dõi nơi sanh hay những hình thức bên ngoài. Nếu sanh trong dòng họ cao cả mà làm những việc phi đạo lý thì cũng không phải là người cao cả.

Hơn nữa do tư cách ăn ở xử sự từ tâm niệm lành cho đến hành động tốt, đáng cho người kính phục, chứ không ỷ rằng mình có búi tóc trên đầu, hay có hình dáng kiểu cách của Bà-la-môn, rồi tự cao cho là

dòng tịnh hạnh. Vì vậy Bà-la-môn là tiếng chỉ chung người hành đạo thanh tịnh, chứ không chỉ riêng về giai cấp đạo sĩ.

383. Dũng cảm đoạn trừ dòng ái dục, các ngươi bỏ dục mới là Bà-la-môn. Nếu thấy rõ các uẩn diệt tận, các ngươi liền biết được Vô tác.

Chúng ta đang ở Dục giới, còn đắm trước chỗ ở và thân mạng nên gọi là ái dục. Nếu người dũng cảm đoạn trừ dòng ái dục thì mới thật là Bà-la-môn, hay nói cách khác là người tu chân chánh. Cho nên đức Phật dạy người biết rõ năm uẩn là vô thường sanh diệt, không nhất định không lâu dài nên nói là diệt tận. Nếu thấu suốt như vậy thì đạt được Niết-bàn, còn gọi là Vô tác.

384. Nhờ thường trú trong hai pháp, hàng Bà-la-môn đạt đến bờ kia, dù có bao nhiêu ràng buộc đều bị dứt sạch do trí tuệ của người kia.

Hai pháp là Chỉ và Quán, chỗ khác gọi là định và tuệ. Người nào tâm thường an trú trong định và tuệ đó là Bà-la-môn chân chánh và sẽ đạt đến Niết-bàn. Nếu tâm thường an định trí tuệ sáng suốt, thì dù có bao nhiêu phiền não ràng buộc đều bị dứt sạch. Như vậy chủ yếu Phật dạy muốn giải thoát phải có định và tuệ.

Vừa dấy một niệm phiền não liền chặn đứng không cho tâm chạy theo là định. Kế đó dùng trí tuệ quán chiếu biết rằng phiền não sẽ trói buộc và dẫn mình đi tới trầm luân. Do đó dứt sạch phiền não không phải chỉ có định mà phải có trí tuệ. Cho nên người tu lúc nào cũng phải đủ hai điều

kiện trên, nếu thiếu thì không dứt được phiền não.

385. Không bờ kia cũng không bờ này, cả hai bờ đều không thật, chỉ xa lìa khổ não không bị trói buộc, ta gọi là Bà-la-môn.

Bờ kia là chỉ cho sáu căn mắt tai mũi lưỡi thân ý, bờ này là chỉ sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp. Không chấp trước ta và của ta nên nói không bờ này, bờ kia. Hằng ngày, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, chúng ta hay chấp người thật, cảnh thật mà không ngờ người và cảnh đều là vô thường không thật. Chúng ta không biết như thế mà cứ chạy theo, nên bị chìm mãi trong vòng luân hồi không thoát ra được.

Vì vậy đức Phật dạy người biết được sáu căn, sáu trần đều không thật, xa lìa khổ não chẳng bị trói buộc, người như vậy

mới xứng đáng là Bà-la-môn, là người tu hành chân chánh.

386. Ai nhập vào thiền định, an trú ly trần cấu, việc cần làm đã làm xong, phiền não lậu dứt sạch, chứng cảnh giới tối cao, đó là Bà-la-môn.

Người an trụ trong thiền định, lìa tất cả những phiền não nhiễm ô, công hạnh tu hành viên mãn, chứng được quả A-la-hán. Bao nhiêu phiền não lậu hoặc đều dứt sạch, chứng được cảnh giới tối cao, đức Phật gọi là Bà-la-môn hay người tu chân chánh.

387. Mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, khí giới chiếu sáng dòng vua chúa, thiền định chiếu sáng kẻ tu hành, nhưng hào quang của đức Phật chiếu sáng cả thế gian.

Đức Phật dùng lối so sánh, mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, khí giới chiếu sáng dòng vua chúa, thiền định chiếu sáng kẻ tu hành, nhưng tất cả ánh sáng đó đều không bằng hào quang của đức Phật chiếu sáng khắp thế gian.

Chúng ta ai cũng được hào quang của đức Phật chiếu sáng, nhưng không dám nhận. Thí dụ khi nổi cơn giận, lúc đó tâm mình tối om, liền nhớ Phật dạy nhẫn nhục là trên hết, thì cơn giận liền giảm nhẹ một phần. Khi khởi lòng tham tài sắc, liền nhớ các pháp là vô thường, nay còn mai mất thì lòng tham nhẹ bớt, như thế là ánh sáng trí tuệ đã soi rọi làm tan biến vô minh. Cho nên những người tu hành xem kinh, nghe lời Phật dạy thì cũng có hào quang của Phật chiếu sáng, chứ không bỏ sót người nào.

388. Dứt bỏ các ác nghiệp gọi là Bà-la-môn, thường tu hành thanh tịnh thì gọi là Sa-môn. Người tự trừ bỏ cấu uế gọi là người xuất gia.

Người dứt bỏ các ác nghiệp thì gọi là Bà-la-môn. Người thường tu hành thanh tịnh thì gọi là Sa-môn. Khi tâm khởi tham sân, ngã mạn, ưa thích ngũ dục đó là cấu uế, nếu trừ bỏ cấu uế thì gọi là người xuất gia. Vì xuất gia là ra khỏi nhà thế tục, ra khỏi nhà phiền não, tâm hoàn toàn thanh tịnh, mới ra khỏi nhà tam giới, chứ không phải bỏ nhà thế tục mà vô chùa gọi là người xuất gia.

389. Chớ nên đánh đập Bà-la-môn, Bà-la-môn chớ nên sân hận, người đánh đập mang điều đáng hổ, người sân hận lại càng đáng hổ hơn.

Người không biết tội lỗi đánh đập bậc tu hành, đó là điều đáng hổ thẹn vì ăn hiếp người tu hiền. Ngược lại mình là người tu, bị người đánh mà nổi giận thì càng xấu hổ hơn. Cho nên người xuất gia dù bị chửi đánh cũng không nên giận, nếu giận thì thật là hổ thẹn hơn người mắng chửi mình, vì mình là người biết tu còn họ thì không biết tu.

390. Bà-la-môn, đây không phải là điều ích nhỏ, nếu biết vui mừng chế phục tâm mình. Tùy lúc đoạn trừ tâm độc hại, thì thống khổ được ngăn chặn liền.

391. Không đem thân, ngữ, ý ra làm các điều ác, chế ngăn được ba chỗ đó, ta gọi là Bà-la-môn.

Người tu chân chánh thì có những điều lợi ích rất lớn. Muốn được như vậy thì

phải biết chế phục những điều xấu dở trong tâm. Tùy thời mà đoạn trừ tất cả tâm độc hại, thì bao nhiêu sự thống khổ theo đó mà hết.

Cho nên đức Phật dạy không dùng hành động, lời nói và ý nghĩ của mình mà làm các điều ác, thì gọi người đó là Bà-la-môn.

392. Bất luận nơi đâu được nghe đấng Chánh đẳng giác thuyết pháp, hãy nên hết lòng cung kính như Bà-la-môn kính thờ thần lửa.

Thuở xưa người theo đạo Bà-la-môn chuyên thờ thần lửa, vì họ cho vị thần này là tối cao. Ở đây nói dù bất cứ nơi nào được nghe đức Phật thuyết pháp phải hết lòng cung kính, như Bà-la-môn kính thờ thần lửa. Vì tôn trọng bậc Chánh đẳng giác thuyết pháp thì dễ đi tới chỗ giác ngộ.

393. Chẳng phải vì búi tóc, chẳng phải vì chủng tộc, cũng chẳng phải tại nơi sanh mà gọi là Bà-la-môn. Nhưng ai hiểu biết chân thật, thông đạt chánh pháp, đó mới là Bà-la-môn hạnh phúc.

Không vì búi tóc trên đầu hay chủng tộc, chẳng phải tại nơi sanh mà tự cho mình là Bà-la-môn. Người thấu suốt lý Tứ đế, hiểu rõ chánh pháp, đó mới thật là Bà-la-môn thanh tịnh hạnh phúc.

394. Người ngu, búi tóc và chuyên mặc áo da nai đâu có ích chi? Trong lòng còn chứa đầy tham dục thì dung nghi bên ngoài chỉ là trang điểm suông.

Những người Bà-la-môn đi đâu thì mặc áo da nai, búi tóc, cho đó là hãnh diện lắm. Ta là dòng Bà-la-môn cao hơn thiên

hạ, như vậy không có ích gì. Đối với đức Phật trừ diệt được lòng tham dục mới có ích lợi, chứ còn trang điểm dung nghi bên ngoài, chỉ là việc suông thôi. Cũng vậy không phải cạo đầu, mặc áo nhuộm mà gọi là thầy tu, nếu trong lòng còn tham sân si thì cái đầu và chiếc áo không làm nên người tu.

Cho nên người thật tâm tu hành là phải đoạn trừ những xấu xa ô nhiễm trong lòng, nuôi dưỡng những điều tốt đẹp mới là người tu chân chánh, còn hình thức bên ngoài không đáng kể. Nếu nhìn hình thức bên ngoài cho là người tu thật coi chừng lầm, biết đâu có kẻ trá hình thì sao!

395. Ai mặc áo phấn tảo, gầy ốm lộ gân xương, ở rừng sâu tu thiền định, đó gọi là Bà-la-môn.

Khi Phật còn tại thế các Tỳ-kheo tu khổ hạnh thường mặc áo phấn tảo. Các

ngài không nhận vải mới của thí chủ cúng dường, mà đi lượm giẻ rách về giặt thật sạch, kết lại thành áo, gọi là áo phấn tảo.

Bây giờ có nhiều người bắt chước, lựa từng miếng vải thật tốt kết lại thành y nhưng không đúng. Áo phấn tảo là lượm từng miếng giẻ rách để kết lại, chứ không phải lựa từng miếng vải mới. Các vị ở trong rừng chuyên tu thiền định, do ăn uống thiếu thốn nên gầy ốm lộ gân xương, người đó đức Phật gọi là Bà-la-môn, là người tu hành chân chánh.

396. Gọi là Bà-la-môn, không phải từ bụng mẹ sanh ra. Nếu cứ chấp chặt các phiền não thì chỉ được gọi là "Bồ" suông. Người nào lìa hết chấp trước, đó gọi là Bà-la-môn.

Ở Ấn Độ người sanh trong dòng Bà-la-môn, họ cho là sang quý thanh tịnh. Nhưng ở đây đức Phật nói nếu còn chấp

chặt các phiền não thì chỉ gọi là Bồ suông, là tiếng tôn xưng nhau trong khi nói chuyện. Khi nào chúng ta lìa tất cả chấp trước thì mới gọi là Bà-la-môn. Nói một cách khác, người nào chấp dòng dõi là sang quý thanh tịnh, đó chỉ là tên suông chứ chưa có thực chất, nếu muốn có thực chất thì phải lìa tất cả những tâm niệm xấu xa chấp trước, mới gọi là Bà-la-môn hay người tu chân chánh.

397. Ai đoạn hết kiết sử, người đó thật không còn sợ hãi, không bị đắm trước, xa lìa ràng buộc, đó gọi là Bà-la-môn.

Kiết sử nghĩa là cột trói và sai sử. Gồm có tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... Nếu người nào đoạn hết kiết sử thì không còn sợ hãi chi, không bị đắm trước ràng buộc, người được như vậy mới gọi là Bà-la-môn.

398. Như ngựa bỏ đai da, bỏ cương, bỏ dây và đồ sở thuộc, người giác trí bỏ tất cả chướng ngại, đó gọi là Bà-la-môn.

Câu pháp cú này Phật dùng những đồ khớp ngựa mà thí dụ. Đai da dụ lòng sân nhuế. Cương, dụ cho ái dục. Dây dụ sáu mươi hai tà kiến. Đồ sở thuộc dụ những tập khí tiềm tàng, xưa dịch là Tùy miên, có bảy thứ: dục, tham, sân, mạn, ác kiến, nghi, vô minh. Chướng ngại dụ vô minh.

Người đoạn trừ lòng sân nhuế ái dục, bỏ sáu mươi hai tà kiến, đoạn trừ những tập khí ngủ ngầm trong tâm như dục, tham, sân, mạn, ác kiến, nghi. Trừ bỏ tất cả những chướng ngại, đó gọi là Bà-la-môn.

399. Nhẫn nhục khi bị đánh mắng, không sinh lòng sân hận. Người có

đội quân nhẫn nhục hùng cường, đó gọi là Bà-la-môn.

Chúng ta tu hành đừng gây phiền não cho người khác, nếu gây phiền não cho người thì lòng mình cũng sanh phiền não. Khi bị người mắng chửi nếu mình không nhẫn được thì giận họ, rồi họ thù ghét mình, như vậy cả hai đều đau khổ, nếu nhẫn được thì cả hai đều hết phiền não hận thù. Vì vậy ở đây nói nhẫn nhục là một đội quân hùng cường nhất trong khi tu hành. Người có đội quân nhẫn nhục hùng cường Phật gọi là Bà-la-môn.

400. Người đầy đủ đức hạnh không nóng giận, trì giới thanh tịnh không dục nhiễm, chế ngự và đạt được thân cuối cùng, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Đức Phật dạy người tu hành giải thoát phải đầy đủ đức hạnh, không nóng giận là đầy đủ nhẫn nhục, giữ giới trong sạch không ô nhiễm dục lạc thế gian, chế phục được tâm, khi bỏ thân này không còn bị sanh trở lại, hoàn toàn được giải thoát. Người như thế đức Phật gọi là Bà-la-môn hay là A-la-hán.

401. Người không đắm nhiễm ái dục như giọt nước lá sen, như hạt cải đặt đầu mũi kim, ta gọi là Bà-la-môn.

Phật nói người nào không nhiễm đắm những điều ái dục, chẳng khác nào như nước đổ lá sen hay lá môn, rơi bao nhiêu đều chảy hết không dính ướt, hoặc như hạt cải đặt ở đầu mũi kim. Người được như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

402. Nếu ngay tại thế gian này, ai tự giác ngộ và diệt trừ đau khổ, trút

bỏ gánh nặng mà giải thoát, ta gọi là Bà-la-môn.

Người chưa biết tu khi đau thì lăn lộn rên la inh ỏi, còn người biết tu thì ráng chịu không rên la. Như vậy do biết tu mà bớt một phần đau khổ, chứ không phải không đau, không chết. Người tu vẫn bị bệnh tật như thường, đó là trả cái quả dư thừa của đời quá khứ. Cho nên người giác ngộ phải dứt trừ những mầm đau khổ, là không gây đau khổ cho người và vật, chứ không phải dứt cái quả đau khổ, nếu đã lỡ tạo nhân xấu thì phải trả quả cho hết.

Vì vậy ở đây đức Phật nói, người nào tự giác ngộ và diệt trừ đau khổ, trút bỏ gánh nặng mà giải thoát. Người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

403. Người có trí tuệ sâu xa, biết rõ thế nào là đạo, phi đạo và chứng

đến cảnh giới vô thượng, đó gọi là Bà-la-môn.

Chữ đạo là chỉ những điều chân chánh, phi đạo là chỉ những điều tà quấy. Người có trí tuệ sâu xa vượt hơn người thường, biết phân biệt thế nào là chân chánh, thế nào tà quấy, chứng được cảnh giới vô thượng, đức Phật gọi người đó là Bà-la-môn.

404. Chẳng lấn lộn với tục luân, chẳng tạp xen với Tăng lữ, xuất gia lìa ái dục, đó gọi là Bà-la-môn.

Người xuất gia không nên ở lẫn lộn với người thế tục, mà phải ở trong tăng chúng, lúc nào cũng là một vị tăng tu hành chân chánh, không phạm trai phá giới cho nên gọi là chẳng tạp xen với Tăng lữ. Người xuất gia bỏ nhà đi tu xa lìa tất cả ái dục, Phật gọi là Bà-la-môn.

405. Bỏ hết đao trượng, không tự mình giết, không bảo người khác giết đối với tất cả hữu tình mạnh yếu, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Người tu hành chân chánh không sát hại từ con người cho đến con vật, như trâu, bò, heo, dê, loài nhỏ như bồ cào, châu chấu, con giun, con dế; đức Phật gọi là Bà-la-môn hay là người tu chân thật.

406. Ở giữa đám người cừu địch mà gây tình hữu nghị, ở giữa đám người hung hăng cầm gậy mà giữ khí ôn hòa, ở giữa đám người chấp đắm mà không chấp đắm. Người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Ở giữa những người thù oán luôn gây tình hữu nghị để thương mến nhau là điều rất quý. Người cầm gậy muốn hành hung mà mình không sợ cũng không giận, giữ

vẻ mặt bình tĩnh ôn hòa, được như vậy mới xứng đáng là người tu. Hơn nữa khi gặp những người đang thù hận nhau mà chúng ta hòa giải được, đó là đem an vui đến cho chúng sanh, như vậy mới thật là người tu hành chân chánh và có bản lĩnh. Ở giữa những người mê chấp mình không mê chấp, được như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

407. Từ lòng tham dục, sân nhuế, kiêu mạn, cho đến lòng hư ngụy, đều thoát bỏ như hạt cải không dính đầu mũi kim. Người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Đức Phật dạy không còn dính mắc tham, sân, kiêu mạn và dối trá, như hạt cải không dính đầu mũi kim. Người được như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

408. Chỉ nói lời chân thật hữu ích, không nói lời thô ác, không xúc phạm đến người, đó gọi là Bà-la-môn.

Luôn nói lời chân thật và có ích cho mọi người, không bao giờ nói lời thô ác xúc não người khác. Người như thế đức Phật gọi là Bà-la-môn.

409. Đối với vật gì xấu hay tốt, dài hay ngắn, thô hay tế, mà người ta không cho thì không bao giờ lấy, đó gọi là Bà-la-môn.

Đức Phật dạy bất cứ những món gì dù tốt xấu dài ngắn lớn nhỏ, nếu người không cho thì không bao giờ lấy, đó là giữ giới không trộm cắp. Như thế là người tu chân chánh, xứng đáng gọi là Bà-la-môn.

410. Đối với đời này cũng như đời khác, không móng lòng dục vọng, vô

dục nên giải thoát, đó gọi là Bà-la-môn.

Dù ở đời này hay ở đời khác, người không có lòng dục vọng thì hoàn toàn giải thoát, được như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

411. Người không còn tham dục, liễu ngộ không nghi hoặc, chứng đến bậc Vô sanh, đó gọi là Bà-la-môn.

Người không còn tham đắm ngũ dục, liễu ngộ không nghi ngờ, người được như vậy thì chứng quả vô sanh, là không còn tái sanh trên thế gian này nữa, đó gọi là Bà-la-môn.

412. Nếu ở thế gian này, không chấp trước thiện và ác, thanh tịnh không ưu lo, đó gọi là Bà-la-môn.

Ở thế gian này mà không chấp trước thiện ác tốt xấu, tâm luôn luôn trong sạch

thanh tịnh, không còn lo lắng phiền não, đó gọi là Bà-la-môn.

413. Ái dục làm cho tái sanh đã được đoạn tận, như trăng trong không bợn, đứng lặng mà sáng ngời, đó gọi là Bà-la-môn.

Đêm rằm trời trong, nhìn thấy mặt trăng sáng ngời không một tí mây che. Cũng vậy người dứt được lòng ái dục, đoạn tận sự tái sanh, tâm trong sạch sáng suốt, như trăng không gợn mây, đó gọi là Bà-la-môn.

414. Vượt khỏi con đường gồ ghề lầy lội, ra khỏi biển luân hồi ngu si mà lên đến bờ kia, an trú trong thiền định, không dục không nghi hoặc, không chấp đắm chứng Niết-bàn tịch tĩnh, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Vượt khỏi tất cả phiền não, ra khỏi biển luân hồi ngu si sanh tử mà đến bờ Niết-bàn. Tâm luôn luôn an trú trong thiền định, không tham dục không nghi ngờ pháp tu, tuy chứng Niết-bàn mà không chấp rằng mình chứng Niết-bàn. Người như thế Phật gọi là Bà-la-môn.

415. Xả bỏ dục lạc ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa-môn không nhà, không cho dục lạc phát sinh lại, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

416. Xả bỏ ái dục ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa-môn không nhà, không cho ái dục phát sinh trở lại, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Ngay tại đời này xả bỏ hết ngũ dục lạc thế gian và xả bỏ ái dục, xuất gia làm người tu hành. Người như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

417. Rời khỏi trói buộc của nhân gian, vượt khỏi trói buộc ở thiên thượng, hết thảy trói buộc đều lìa sạch, đó gọi là Bà-la-môn.

Một số người thấy thế giới mình đang ở có nhiều đau khổ vì bệnh tật, phiền não, thiếu thốn v.v... ở cõi trời thì sung sướng, muốn gì được nấy nên khởi lòng tham, lo tu riết để đời sau sanh lên đó hưởng sự sung sướng, như thế tu mà còn bị trói buộc ở cõi thiên thượng. Vì không hưởng được dục lạc thế gian thành ra muốn về cõi trời để hưởng. Tu như vậy là còn muốn bỏ khổ để cầu vui ngũ dục, chứ không phải tu để giải thoát, người đó chưa phải là cao siêu. Cho nên đức Phật dạy phải rời khỏi sự trói buộc của nhân gian, rời khỏi sự trói buộc của thiên thượng, tất cả những trói buộc đều phải tránh xa, như vậy mới gọi là Bà-la-môn.

418. Xả bỏ điều ưa ghét, thanh lương không phiền não, dũng mãnh hơn thế gian, đó gọi là Bà-la-môn.

Những điều đáng ưa và không đáng ưa đều không dính mắc, tâm luôn mát mẻ không phiền não và dũng mãnh hơn người thường, vượt khỏi vòng sanh tử, đó gọi là Bà-la-môn.

419. Nếu biết tất cả loài hữu tình tử thế nào, sinh thế nào, không chấp trước, khéo vượt qua như Phật, đó gọi là Bà-la-môn.

Người biết được các loài hữu tình, chết rồi sanh ở đâu. Biết rõ nghiệp báo của họ một cách rành rẽ. Không chấp trước, khéo vượt qua dòng luân hồi sanh tử như đức Phật, đó gọi là Bà-la-môn.

420. Dù chư thiên, càn-thát-bà hay nhân loại, không ai biết được nơi

chốn của vị A-la-hán đã dứt sạch phiền não, vị ấy ta gọi là Bà-la-môn.

Dù chư thiên, càn-thát-bà hay bất cứ người nào cũng không biết chỗ nơi của các vị A-la-hán. Vì các ngài đã dứt sạch phiền não, chứng vô sanh nên người không thấy không biết được. Người như thế Phật gọi là Bà-la-môn.

421. Quá khứ, vị lai hay hiện tại, người kia chẳng có một vật chi, người không chấp thủ một vật chi ấy, đó gọi là Bà-la-môn.

Người già không còn hoạt động nổi thì thường sống với quá khứ, ngồi đây mà không biết ngồi đây, cứ nhớ lại thời trẻ trung, mình ngang dọc tài ba hùng dũng thế nào, rồi kể lại cho con cháu nghe, hiện tại lờ đi. Người trẻ thì hướng tới tương lai, ít bữa giở lịch coi hết năm chưa, trông

sang năm lên lớp hay thi cử đỗ đạt, bởi vậy tâm không bao giờ yên vì không biết sống trong hiện tại. Cũng vậy người tu khi ngồi yên sẽ thấy tâm mình dao động, bởi nghĩ về quá khứ, nhớ hồi sớm mai ai nói câu gì xúc phạm tới mình mà buông không được, hoặc nhớ chuyện năm trên năm dưới, hay dự định ít tháng nữa cất nhà, đi du lịch v.v... rồi tâm loạn không yên, vì không biết sống trong hiện tại.

Phật dạy nếu không dính mắc ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai thì tâm rỗng rang tự tại, không chấp đắm một vật chi, đó gọi là Bà-la-môn hay người tu giải thoát.

422. Hạng người dũng mãnh, tôn quý như trâu chúa, hạng người thắng lợi vô dục như đại tiên, hạng người tắm xong sạch sẽ và giác tỉnh, hạng người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Thuở xưa dân Ấn Độ ví người dũng mãnh tôn quý là trâu chúa. Miền quê Việt Nam gọi là con trâu cổ, là chỉ mấy con trâu mạnh mẽ nhất. Người không có lòng mê đắm ngũ dục lạc, chiết phục được ma quân phiền não của mình, đó là bậc đại tiên. Dân chúng Ấn Độ tin rằng nước sông Hằng có thể rửa sạch tội lỗi, nên nói người tắm xong sạch sẽ và giác tỉnh, để chỉ cho hạng người trong tâm không còn cấu nhiễm, mà có trí tỉnh giác, Phật gọi là Bà-la-môn.

423. Vị Mâu-ni (thanh tịnh) hay biết đời trước, thấy cả cõi thiên và các cõi khổ (ác thú), đã trừ diệt sự tái sinh, thiện nghiệp hoàn toàn, thành bậc vô thượng trí; người viên mãn thành tựu mọi điều như thế, ta gọi là Bà-la-môn.

Mâu-ni là tiếng Phạn, Hán dịch là tịch tịnh. Vị Mâu-ni biết ở cõi trời sung sướng thế nào, cõi địa ngục súc sanh đau khổ ra sao, biết rõ ràng và dứt được sự tái sanh trong sáu cõi, đầy đủ tất cả nghiệp lành, thành bậc Vô thượng trí. Người giác ngộ viên mãn như thế, ta gọi là Bà-la-môn hay cũng gọi là Phật. Bà-la-môn hay Phật đều chỉ cho người giác ngộ giải thoát hoàn toàn./.